

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận của Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo
và Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ



SỐ
8

Kính Mừng PHẬT ĐẢN 2540

TỔ HỢP VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

A PROFESSIONAL LEGAL CORPORATION OF

TAMIR OHEB

WOODLAND HILLS	RESEDA	VAN NUYS-PANORAMA CITY	LAS VEGAS
21550 Oxnard St. 3 Rd. Flood TEL: (818) 993 - 3763 GLORIA CURRAN	18625 Sherman Way Suite # 106 TEL: (818) 774 - 9353 MICHAEL KHAI	14536 Roscoe Blvd. Suite # 94 Tel: (818) 785 - 5297 800 - 244 - 5540 VINAM LE	3753 Howard Hughes Parkway Suite # 200 Las Vegas, Nevada 89109 Toll Free: (800) 303 - 0010

CHUYÊN LO VÊ TAI NẠN XE CỘ VÀ HÌNH LUẬT

Tổng giám đốc điều hành : MICHAEL KHAI



MỌI THẮC MẮC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT PHÁP XIN GỌI

Toll Free : 1-800-303-0010

THAM KHẢO MIỄN PHÍ TRỰC TIẾP VỚI LUẬT SƯ TẠI VĂN PHÒNG

THOMAS NGUYEN 800 - 945 - 0809 GLORIA CURRAN (213) 356 - 9183	MICHAEL KHAI (818) 420 - 2747 (818) 295 - 2577 (818) 583 - 2538	VINAM LE (818) 204 - 0086 1-800-244-5540
--------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------

**UY TÍN - KINH NGHIỆM - KÍN ĐÁO - NHANH CHÓNG
VÀ LÂU NĂM NHẤT TRONG CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM**



ERA FIRST STAR REALTY TEL: (714) 402-6181 (Tiếng Việt)
 America's # ERA Team TEL: (714) 935-4227 (24 Hrs.)
 240 Agents Serving all of TEL: (310) 427-0541 (Long Beach)
ORANGE COUNTY
 8700 WARNER AVE., FOUNTAIN VALLEY, CA 93708



FRANK TUAN NGUYEN
 Broker Associate
 (714) 935-4227

CƠ HỘI TỐT NHÀ RẺ, LÃI XUẤT THẤP



LÂN LÊ
 Broker Associate
 (714) 286-5836



GORDON JUNG
 (714) 664-8168



RICHARD TUYÊN NGUYEN
 (714) 567-8919



LÂN HOÀNG
 (714) 575-9057



BRIAN DŨNG TRẦN
 (714) 444-6898



DOROTHY NGUYEN
 (310) 424-5328



TÂN BÙ
 (714) 648-2350

Congratulation
ERA First Star America's #1
★ ★ ★ ERA Team for 1995



JOHN TRUNG LƯƠNG
 (714) 565-6847

ĐẶC BIỆT: NHÀ TỊCH THU, NHÀ MỚI, CƠ SỞ THƯƠNG MẠI

- * CHỈ CẦN 3% DOWN QUÝ VỊ CÓ THỂ LÀM CHỦ CĂN NHÀ.
- * QUÝ VỊ KHÔNG TRẢ TIỀN NHÀ ĐƯỢC ĐỂ TRÁNH CREDIT XẤU. LIÊN LẠC VỚI CHÚNG TÔI
- * KHÔNG CẦN TIỀN DOWN HAY BỊ PHÁ SẢN VẤN MUA NHÀ ĐƯỢC

- * CÓ SẴN SÁCH NHÀ BẰNG TỊCH THU HÀNG NGÀY NƠI QUÝ VỊ ĐANG CƯ NGU
- * CÓ CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT MUA NHÀ LẦN ĐẦU TIÊN. H.O. ODP
- * THAM KHẢO MIỄN PHÍ VÀ GIÚP QUÝ VỊ BÁN NHÀ NHANH CHÓNG, DỄ DÀNG

IRVINE, LAKE FOREST, MISSION VIEJO:

- * 3PN, 2.5PT, nhà 2 tầng, đẹp, rộng 8 tuổi, có family room, patio, phòng ăn riêng \$201,900
- * 3PN, 1.75PT, có family room, rộng, phòng ăn riêng, nhà 15 tuổi \$179,000

ANAHEIM, YORBA LINDA, ANAHEIM HILLS:

- * 3PN, 2.5PT, nhà 2 tầng, đẹp, mới, 1 tuổi, trần cao, rộng, có family room \$199,000
- * 3PN, 2.5PT, nhà mới 4 tuổi, đẹp, bếp rộng, lò sưởi, khu yên tĩnh, sạch \$194,900

WESTMINSTER, GARDEN GROVE, SANTA ANA:

- * Nhà 3PN + 1,75 PT, có family room, bếp mới, khu lịch sự, sân rộng. Giá 152,000
- * Nhà 4PN + 2.5PT, có 2 phòng khách, phòng ăn lớn, sơn thảm, bếp mới, tường gạch. Giá \$168,900.
- * Nhà 5PN + 2.5PT. Có fami rm, nhà lớn, đất rộng, 2 tầng, đẹp, mái mới, bếp rộng, gần Sq Mile, trên 2400Sqft. khu lịch sự. Giá \$249,000

FOUNTAIN VALLEY, HUNTINGTON BEACH:

- * Nhà 2 tầng, 4PN, 2.25PT, mái ngói đỏ, có family room, phòng ăn riêng, 2 master bedrooms, bếp mới, nhà đẹp. Giá \$239,000
- * Nhà 2 tầng, 4PN, 2PT, có family room, khu lịch sự, yên tĩnh, phòng ăn lớn. Giá \$221,000
- * Nhà 4 or 5PN + 2.75PT, nhà 2 tầng, đẹp (mái ngói, thảm, sơn, cửa mới), 3 xe garage. Có patio, hệ thống alarm, phòng tắm mới, sân đẹp. \$264,900

SANTA ANA, TUSTIN, COSTA MESA:

- * 5PN, 2.5PT, khu lịch sự, tường gạch, garage mới. Giá \$139,000
- * 4PN, 3PT, nhà 2 tầng, khu lịch sự, đẹp, family room, rộng hơn 2100Sqft \$199,000

LONG BEACH, LAKEWOOD, BELLFLOWER:

- * 3PN, 1.75PT, nhà có family room, rộng, khu lịch sự, yên tĩnh. Nhà mới giá \$179,000
- * 5PN, 4PT, nhà lớn gần 1800Sqft, bếp rộng, phòng ăn riêng \$182,000

CONDO, TOWNHOUSE:

- * 2PN, 1.75PT, 2 tầng, phòng ăn riêng, đẹp. Khu lịch sự, thảm mới. \$82,000
- * 3PN, 2PT, mái ngói đỏ, phòng ăn, khách rộng. Khu lịch sự \$92,000

INCOME PROPERTY:

- * Duplex: 2 căn, mỗi căn 2PN, 1PT, 2 garage, parking rộng, một tầng \$164,900
- * Duplex: 2 căn, một căn 3PN, 2PT, một căn 2PN, 1PT; thảm mới \$197,500

LÃI XUẤT THẤP

KHÔNG TIỀN LOAN FEE

利率低

MICHAEL THAI (TSAI)

零費用貸款

(714) 964-9650 Bus: (714) 262-3771 Pager: (24Hrs.)

精通：國、粵、英、越語言 熱誠為您服務

* Cần tuyển Agent: Comission cao. Liên lạc Frank Tuấn Nguyễn (714) 935-4227

PHỤC VỤ THÂN CHỦ Ở CÁC VÙNG MIỀN NAM CALIFORNIA, LOS ANGELES, ALHAMBRA, MONTEREY PARK, ROSEMEAD, POMONA, GLENDALE, HAWTHORNE, GARDENA, LONG BEACH, RESEDA, VAN NUYS, SIMI VALLEY, VENTURA COUNTY, ORANGE COUNTY, RIVERSIDE, SAN BERNADINO, PALM SPRING VÀ CÁC VÙNG PHỤ CẬN

TỔ HỢP VĂN PHÒNG LUẬT SƯ **RICHARD LENARD & JOHN CANSDALE**

CHUYÊN LO TAI NẠN XA CỘ

Tổng Giám Đốc điều hành : JIMMY HẢI



Luật Sư John Cansdale E.S.Q. - Luật Sư Richard Lenard E.S.Q. - Nữ Luật Sư Marjorie Johnson E.S.Q.
Of Counsel Luật Sư K. Sean Singh E.S.Q. - Luật Sư Jerry Morgan E.S.Q.

ĐẶC BIỆT: Với sự tín nhiệm của thân chủ ủy thác trong nhiều năm qua

**LỆ PHÍ LUẬT SƯ CHỈ CÓ
11.99 %**

**THÂN CHỦ MANG VỀ : 55%
Trên tổng số tiền bồi thường thay vì 1/3**

Được ký kết bảo đảm trên giấy ủy quyền, và Luật Sư hành diện cùng ký chung trên tất cả chi phiếu với thân chủ

Văn phòng lớn nhiều chi nhánh khắp nơi và uy tín đã hiện diện trong cộng đồng VN hơn 10 năm với tổ hợp Luật Sư giàu kinh nghiệm. Sẵn sàng ra tòa tranh cãi để bảo vệ quyền lợi của thân chủ.

* Chính Luật Sư lo hồ sơ từ A đến Z * Tham khảo trực tiếp và gặp thẳng Luật Sư bất cứ lúc nào * Nhân viên đến tận nơi lo thủ tục cho quý vị.
* Đòi bồi thường tối đa và nhanh chóng, không nhận thù lao nếu không được bồi thường.

Sau khi xảy ra tai nạn dù có bảo hiểm hay không, có báo cảnh sát hay không. Xin quý vị gọi ngay cho Jimmy Hải để được lo mọi mặt và giải quyết toàn diện vấn đề.

DIỆN THOẠI MIỄN PHÍ CHO CÁC VÙNG : 1.800-894-3474

**DIỆN THOẠI : (714) 550-1099 HOẶC (818) 881-9724 / (310) 320-7344 / (909) 622-3397
KHẨN CẤP BEEPER 24/24: (714) 569-4664 / (818) 410-0660 / (310) 588-9051 / (213) 707-0660 sẽ gọi lại trong vòng vài phút**

NGOÀI RA LUẬT SƯ CÒN ĐẢM TRÁCH MỌI LÃNH VỰC PHÁP LÝ & TRANH TỤNG CỦA QUÝ VỊ

* Tai nạn trong sở làm.
* Trượt té trong hàng quán, siêu thị.
* Bộ hành bị thương tích.
* Chó cắn.

* Khai phá sản * Ly dị, ly thân.
* Lập di chúc thừa kế.
* Thành lập công ty.
* Uống rượu lái xe.

* Bất cẩn y tế của Bác Sĩ
* Luật di trú.
* Luật địa ốc.
* Trộm cắp, ma túy, hành hung.

**ORANGE COUNTY OFFICE
624 City Driver, 4 floor
Orange, CA 92668**

**RIVERSIDE OFFICE
3620 - 13 th. Riverside CA**

**LOS ANGELES
SAN FERNANDO OFFICE
18541 Sherman Way Suite # 202
Reseda, CA 91335
(Trên lầu Café Lục Huyền Gấm)**

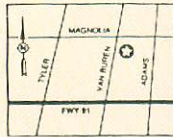
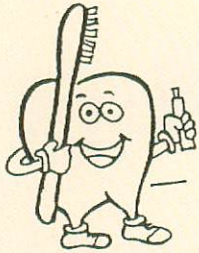
**SAN BERNADINO OFFICE
395 D St. San Bernadino, CA**

**PALM STRING OFFICE
777 Tahquite Canyon # 220
Palm String CA**

TRUNG TÂM NHA KHOA PACIFIC DENTAL GROUP, INC.

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.



- * Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA.
- * Hội Viên Của A.D.A., C.D.A., O.C.D.S.



ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.
RIVERSIDE, CA 92503
(909) 785-5858

HÃY GỌI:

1-800 RĂNG TỐT
1-800-726-4868

ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
(714) 775-5858 - (góc Edinger)

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- * Lấy gân máu.
- * Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- * Làm răng giả các loại: Dính liền hay tháo ráp.

Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY
10 am -- 6 pm

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

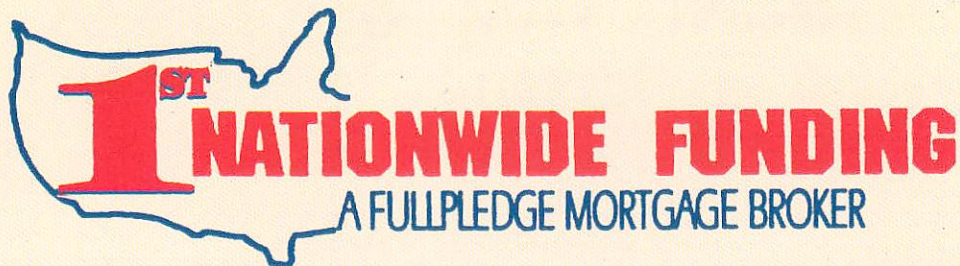
CHỈNH RĂNG

- * Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.
Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA
MASTER CARD - CASH

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.
- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.
- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.
- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

ĐẶC BIỆT: Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RỌI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.



CÔNG TY TÀI TRỢ ĐỊA ỐC CHUYÊN NGHIỆP

19762 Sherman way., Canoga Park, CA 91306
(góc đường Corbin & Sherman Way)

Tel. (818) 347-9798 * Fax. (818) 347-3924

Công Ty Địa Ốc và Tài Trợ

*uy tín và nhiều kinh nghiệm nhất trong vùng San Fernando Valley
và phụ cận. Tận tình giúp quý vị mua bán bất động sản, vay tiền
và mượn tiền từ các ngân hàng hay các nhà đầu tư địa ốc.*

.....

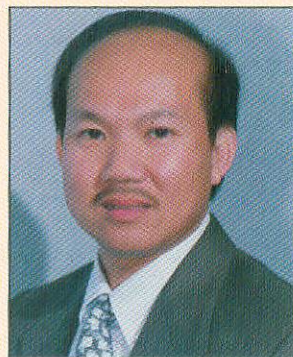
QUÝ VỊ CẦN VAY TIỀN

Mua Nhà * Refinance

.....

Xin Gọi

1ST NATIONWIDE FUNDING



RICHARD MƯỜI TRƯƠNG
BROKER / OWNER



MONA MƯỜI TRƯƠNG
REAL ESTATE BROKER
SR. LOAN OFFICER

ĐẶC BIỆT

- LỆ PHÍ NHẸ, TIỀN LỜI THẤP
- TIỀN PHÍ TỔN KHI HỒ SƠ HOÀN TẤT SẼ ĐÚNG NHƯ LÚC BAN ĐẦU QUÝ VỊ ĐÃ ĐỒNG Ý.
- NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH THÍCH HỢP CHO MỌI HOÀN CẢNH.
- 30 NĂM CỐ ĐỊNH: 7.25%
- 15 NĂM CỐ ĐỊNH: 6.75%

UY TÍN * TẬN TÂM * NHANH CHÓNG * KINH NGHIỆM

Tap Chí
PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận
của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
và GHPGVNTNHN-HK



Chủ nhiệm:

H.T. Thích Đức Niệm

Chủ bút: **Quảng Thành**

Phụ tá chủ bút: **Tâm Huy**

Tổng thư ký: **Tâm Quang**

Thủ quỹ: **Thanh Chánh**



Đăng quảng cáo xin liên lạc:

Sư Cô Diệu Tánh

☎ : (818) 893-5317



Ngân chi phiếu xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317



Thư từ và bài đăng báo xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

P.O. BOX 7659

Van Nuys, CA 91409-7659 • USA

☎ : (818) 893-5317

• Bài vở đăng tải trên PGHN không nhất thiết phản ánh quan điểm của tòa soạn.

• Bài gửi đăng PGHN xin đánh máy, computer (hoặc gửi floppy disk càng tốt) hay viết tay rõ ràng để đọc để tránh nhầm lẫn về nội dung cũng như hình thức bài gốc.

• Ngoài bút hiệu, xin ghi tên thật và địa chỉ, điện thoại để tòa soạn có thể liên lạc khi cần.

SỐ 8, ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2540, THÁNG 05/1996

Mục Lục

Thông điệp Phật Đản 2540, <i>Hội Đồng Đại Diện</i>	2
Kính mừng Phật Đản, <i>Thiền Đức</i>	4
Người sống cho đại nghĩa, <i>Đức Niệm</i>	10
Sứ mệnh của người Phật tử..., <i>Thích Đức Nhuận</i>	11
Sở dĩ Phật ra đời, Để vì nói Phật tuệ, <i>Thích Chân Tịnh</i>	19
Người Phật tử tại gia, <i>Huỳnh Kim Quang</i>	22
Làm sao ta nữ, thơ <i>Viên Lý</i>	31
Dân Việt chưa tự do... PG còn đấu tranh, <i>Lý Đại Nguyên</i>	32
Không nhà, thơ <i>Thúy Trúc</i>	35
Cùng một cỗ xe, <i>Bình Anson</i>	36
Về Chân Tánh, thơ <i>Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phá</i>	41
Ý nghĩa và vai trò Trí thức trong Phật Giáo, <i>Trần Chung Ngọc</i>	42
Xúc tuyệt, thơ <i>Mịch La Phong</i>	58
Gió thông đưa kệ tan niềm tục, <i>Thái Văn Kiểm</i>	59
Phật giáo trên tem thư, <i>Phạm Thăng</i>	65
Thơ KT và <i>Lý Vạn Thắng</i>	74
Quốc nạn, đọc thơ Lý Vạn Thắng và KT, <i>Nguyễn Tường</i>	76
Thường Chiếu, Quà cho tôi, thơ <i>Tâm Văn</i>	79
Quan niệm Sử học & Triết học của Duy Thức, <i>HT Thích Hoan</i>	80
Quốc hận, thơ <i>Vũ Hối</i>	85
Cuộc du hành sang Lạp Tát Tây Tạng, <i>HT Thích Trí Chơn</i> dịch	86
Trong tôi, thơ <i>Không Quang</i>	88
Cái chết có thật đáng sợ không? <i>Thích Tâm Quang</i> dịch	89
Giật mình, Hãy trôi qua, Đêm ở lại Kim Sơn, thơ <i>Vĩnh Hào</i>	92
Vương Pháp Chánh Lý Luận, <i>Vân Nguyên</i> dịch	93
Mừng ngôi chùa thành tựu, <i>Thế Chân</i>	97
Nấy nữ, Vong, thơ <i>Phù Du</i>	98
Thà như là mây, truyện ngắn <i>Diệu Nga</i>	99
Luân hồi lục đạo, <i>Thiện Bửu</i>	108
Tin tức sinh hoạt của <i>Giáo Hội trong và ngoài nước</i>	113
Hình ảnh sinh hoạt	126
Tri ân	131
Thư mục kinh sách PHVQT	132
Quảng cáo	137

Hình bìa: Sen, ảnh chụp của TT Huyền Việt

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT HẢI-NGOẠI TẠI HOA-KỲ

THÔNGIỆP PHẬT-ĐẢN 2540

CỦA HỘI-ĐỒNG ĐẠI-DIỆN GHPGVNTNHN-HK - VĂN PHÒNG II VIỆN-HÓA-ĐẠO

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MAU-NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,

Kính thưa Quý vị quan khách,

Kính thưa toàn thể đồng bào Phật-tử,

Thưa Quý vị,

Từ vị trí và kinh nghiệm của một con người, Thái-tử Tất-Đạt-Đa đã lên đường tìm đạo và đã giác ngộ thành Phật. Đức Phật, do đó, là một con người và là một con người đã giác ngộ ! Đây là hình ảnh tiêu biểu khẳng định rằng mọi người đều có Phật tánh và mọi người đều có khả năng giác ngộ như đức Phật đã dạy. Sự khẳng định này đã nói lên vị trí và giá trị ưu việt của con người trong đạo Phật và bao hàm tính bình đẳng và tự do từ bản chất của con người trong xã hội. Đây là một cống hiến lớn của đức Phật cho nhân loại từ hơn 25 thế kỷ trước đây khi mà đại bộ phận con người còn bị đối xử như nô lệ do hậu quả của những định kiến sai lầm về giai cấp và sự khống chế hoang tưởng của thần quyền. Chính sự khẳng định này đã là một tiền đề quan trọng cho những lý tưởng tự do, dân chủ, bình đẳng của nhân loại trong quá khứ và là kỳ vọng để giải quyết những khủng hoảng của con người và những bế tắc của xã hội hiện nay.

Đối phó với những khủng hoảng và bế tắc của con người và xã hội, các nhà nước hiện nay có khuynh hướng dùng áp lực xã hội để giáo dục và quản lý con người dựa trên nền tảng kinh tế vật chất và bạo lực chính quyền. Phương thức này, một mặt làm suy kiệt khả năng tự giác, mất niềm tin nơi chính mình và biến con người thành công cụ của vật chất, mặt khác, khi khả năng tự giác không còn thì bạo lực chỉ kêu gọi bạo lực và gây thêm hận thù. Hiện nay các cuộc thống kê cho thấy trên khắp thế giới đang gia tăng số lượng người mất niềm tin nơi chính mình, nơi tín ngưỡng của mình, cảm thấy bơ vơ và chạy theo những đam mê vật chất. Trong khi đó, các xã hội đang bị chi phối và tác hại bởi hận thù, tội ác và bất công. Hiện trạng đó cho thấy sự thất bại của phương thức giáo dục và quản lý con người của các chế độ xã hội ngày nay.

Đạo Phật chủ trương con người phải được chuyển hóa thì xã hội mới được ổn định. Và sự chuyển hóa con người không thể dựa trên vật chất và bạo lực. "Mọi người đều có Phật tánh, mọi người đều có khả năng giác ngộ". Trên lãnh vực xã hội, lời dạy trên đây của đức Phật được hiểu rằng mọi người đều bình đẳng và tự do vì cùng có Phật tánh như nhau ; mọi người đều có khả năng nhận thức chân lý, phân biệt thiện ác vì cùng có khả năng giác ngộ như nhau. Nói cách khác, vốn từ trong bản chất, con người đã có sẵn những

lý tưởng cao đẹp mà nhân loại hằng mơ ước thực hiện như tự do, bình đẳng, nhân ái và lòng yêu chuộng chơn thiện mỹ. Vấn đề là làm thế nào để Phật tánh và khả năng giác ngộ đó xuất hiện. Đó là nội dung và phương pháp tu tập trong các truyền thống Phật giáo. Với tinh thần từ bi, nhân bản, với nỗ lực tu tập hằng ngày mà căn bản là luôn luôn giữ ý tưởng, lời nói và hành động trong chánh niệm, người Phật tử tốt cũng là người công dân tốt của xã hội.

Trải qua hơn 25 thế kỷ, đạo Phật đã phát triển theo với thời gian, không những vì đáp ứng được những lý tưởng cao đẹp của nhân loại, thích hợp với những khám phá mới của khoa học mà còn vì khả năng có thể giải quyết được những khủng hoảng của con người và những bế tắc của xã hội, đặc biệt là tại các xã hội Âu Mỹ.

Kính thưa Quý vị,

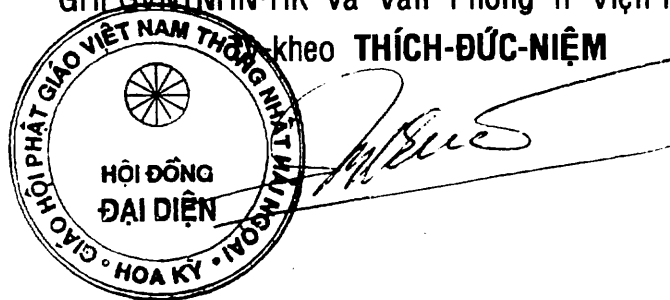
Đức Phật dạy “Phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật”. Để cúng dường ngày Khánh-Đản đức Từ-Phụ Thích-Ca Mâu-Ni, chúng ta phát nguyện rèn luyện thân tâm, học theo lời Phật, làm theo hạnh Phật, phát triển lòng từ bi rộng lớn để cảm hóa và giúp đỡ mọi người xung quanh từ gia đình đến xã hội để tất cả được an lạc, hạnh phúc. Người Phật tử tốt không phải là người xa lánh cuộc đời mà chính là người vui sống và tích cực làm việc giúp đời trong chánh niệm để phục vụ chánh nghĩa đạo pháp và dân tộc.

Mà hiện tại, trước mắt chúng ta nhị vị Hòa-Thượng Thích-Huyền-Quang và Thích-Quảng-Độ cũng như các Thượng-Tọa Tuệ-Sĩ, Trí-Siêu, Trí-Tự v.v... và các cư sĩ Phật tử cùng với các nhà trí thức đang còn bị giam giữ tù đày chỉ vì phục vụ cho lý tưởng tự do, dân chủ, bình đẳng xã hội và duy trì Đạo pháp, như thế thì chúng ta còn có bốn phận vận động kêu gào. Công cuộc vận động của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Quốc-Nội và Hải-Ngoại cũng nhằm mục đích chuyển hóa nhà cầm quyền cộng sản Việt-Nam sớm thoát khỏi thế lực vô minh, thức tỉnh hướng về truyền thống cha ông tiên tổ, để cho dân tộc Việt-Nam được sinh tồn tiến bộ trong ánh sáng cộng đồng nhân loại, và Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất được phục hoạt bình thường.

Cầu nguyện cho tất cả chúng ta và tất cả mọi người luôn được an lành trong mùa Phật-Đản 2540.

Thay mặt Hội Đồng Đại Diện

GHPGVNTNHN-HK và Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo



Kinh mừng Phật Đản

Thiền Đức

Đức Phật ra đời đem đến cho nhân loại nguồn sáng tươi mát như trận mưa xuân trong bãi sa mạc. Không những nhạc trời chúc tụng, muôn hoa bưng nở tỏa hương cúng dường, mà còn là nguồn cảm hứng cho nhân loại sáng tác nên vô vàn thi văn ca nhạc tuyệt tác. Ở đây lược nêu vài đặc tánh của đức Thế-Tôn để thành kính dâng lên cúng dường Phật-Đản 2540.

1. NHÂN CÁCH ĐỨC PHẬT

Đức Phật vốn là một Thái-tử như bao nhiêu Thái-tử, là một con người như bao nhiêu con người. Ngài là con người bằng da bằng thịt, có cha mẹ, có gia thất, có quốc thành, quyền thuộc, không phải thần linh huyền tượng. Ngài được đời tôn kính ngưỡng mộ, không phải vì giòng tộc vua chúa, giàu sang, mà vì Ngài có đầy đủ tất cả đức tánh siêu phàm thoát tục của một thánh nhân, bậc Đạo-Sư xuất thế. Trí huệ Ngài chẳng những đầy đủ mà còn siêu việt tất cả khả năng trí huệ của các nhà bác học, khoa học, tâm lý học, tinh thần học, nhân chủng học, vật lý học, đạo đức học và cả các bậc hiền triết v.v... Đạo hạnh Ngài bao trùm và

siêu việt đạo hạnh các thánh nhân kim cổ. Tất cả thế học và xuất thế học, Ngài đều thông suốt và siêu xuất. Điểm đặc biệt nơi nhân cách của đức Phật là thấu rõ cả căn tánh của học trò và tâm tánh chúng sanh. Ngài đã đem chính bản thân thể nghiệm chứng đắc để khai mở đường sáng an lành, hướng dẫn mọi sanh linh trên quang lộ đó, hầu cho mọi loài có ngày mai sáng sửa an lạc như Ngài. Tâm nguyện đó đã thể hiện qua lời nói của Ngài : "Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành. Mọi người đều sẽ thành Phật".

2. ĐỨC PHẬT THẤU HIỂU CHÚNG SANH

Mỗi cá nhân đều hy vọng người khác hiểu biết mình. Nhất là những người sống cô độc, bất hạnh, bất mãn với hiện thực cuộc đời, thiếu thốn tình người ấm cúng, không được người khác nghĩ nhớ đến. Nhưng làm thế nào để thật sự hiểu biết người khác ? Đức Phật bằng vào quan sát kinh nghiệm, bằng vào định tâm trí huệ chứng đắc mà quán chiếu suốt thấu tất cả nguồn sâu thẳm tâm lý suốt từ vô lượng kiếp quá khứ và tương lai của chúng

sanh.

Thường thì người ta bằng vào cảm quan của mình qua sự tiếp xúc để hiểu người khác. Như giáo sư Gilbert Highet nói trong quyển sách *The Art Of Teaching* của ông : “Muốn hiểu biết học sinh là phải nói chuyện với họ, phải cùng hòa vui chơi, chịu lắng nghe chúng trò chuyện. Hồi tưởng lại giai đoạn thời đại đã qua của mình ở vào lứa tuổi của chúng. Càng chân tâm nhiệt tình quan sát như vậy, càng hiểu học trò nhiều hơn”. Ông còn thêm : “Phải biết sự nỗ lực gian khổ của chúng, mục đích không ngoài mong người khác biết sự trưởng thành và thành công của mình. Nhất là nhớ tên, mô phỏng theo tư thái của chúng”.

Nhưng đức Phật hiểu biết người không phải Ngài dùng cảm quan qua chuyện trò hoặc bằng sự chung đụng lân la để từ đó rút ra kinh nghiệm. Bởi vì cảm quan, chuyện trò, kinh nghiệm chỉ là bề ngoài có tánh cách phiến diện cục bộ. Ngài bằng vào sức định tâm trí huệ quán chiếu, nên hiểu biết bằng thấu triệt tha nhân một cách trọn vẹn. Kinh Phật-Địa nói : “Đức Phật có đầy đủ Diệu-quang-sát-trí” thấu suốt chân tướng công năng, tính chất của người và sự vật. Đức Phật có năng lực đặc thù của ký ức và thấu suốt trạng thái tâm linh chính mình và tất cả chúng sanh. Đối với môn đồ, Ngài không những nhớ rõ từng tên một của đồ

chúng, mà Ngài còn nhớ kỹ tuổi tác, quê quán, tướng mạo, tình trạng sức khỏe, khả năng, trí huệ phát triển, hoàn cảnh tâm lý, tình hình xã giao, trình độ kiến thức, khả năng ký ức, năng lực phán đoán, tinh thần hiệu năng học tập, cá tánh, bấn tánh, thiên phú, tánh ưa thích, nguồn gốc gia tộc, hoàn cảnh gia đình, tình trạng cha mẹ v.v... Theo đó từng căn tánh trình độ, Ngài chọn giáo khoa đề tài để giảng dạy truyền trao. Trong kinh Phật, chúng ta thường thấy đức Phật đúng thời hợp lý, thích ứng căn cơ, Ngài kêu tên đệ tử và khen ngợi những ưu điểm và đặc tánh tốt của họ. Ngài luôn luôn quan sát tánh hướng ngôn hạnh của đệ tử và đồng thời khéo biết lợi dụng cơ hội thuận tiện để dẫn giải sửa sai họ. Chính Ngài biết đúng thời, đúng chỗ, đúng trình độ, đúng cá tánh, nên lời dạy của Ngài bất cứ ai cũng tiếp nhận một cách thoải mái và thấm sâu vào tâm thức. Lời dạy của đức Phật đối với chúng sanh như trận mưa thấm vào lòng đất, làm tươi nhuận muôn vật cỏ cây hoa lá.

Kinh Đại-Thừa Lý-Thú-Lục Ba-La-Mật quyển tám ghi rằng : Bất luận đi đứng, ngồi nằm, động tĩnh, nói năng hay lặng thinh, nhứt cử nhứt động, đức Phật đều thể hiện tinh thần chuyên tâm nhất trí, thanh tịnh an nhiên. Ngài lúc nào cũng sống trong trạng thái thiền định và từ trí huệ của thiền định, Ngài phát

ra những lời giải đáp cho đệ tử, tùy theo căn tánh, Ngài dẫn giải đạo lý để cho khéo hợp thâm nhập tận sâu vào tâm thức của mỗi hạng người. Vì vậy, kinh Vô-Lượng-Nghĩa và kinh Pháp-Hoa phẩm Một, đều ghi rõ năng lực đức Phật thấu suốt tâm tánh của từng người, suốt rõ dòng tư tưởng của họ từ quá khứ đến hiện tại. Điều này rõ ràng như kinh Ma-Ha Bát-Nhã quyển hai, đức Phật nói, không luận tâm đệ tử của Phật có hay không có tạp niệm, động lực mãnh liệt học tập, cảm thọ đặc thù, có hay không có điều oán hận nhằm phiền, nghi hoặc, yêu đương, trách nhiệm gánh vác, giải thoát hay không giải thoát, chuyên tâm hay tán tâm, định tâm hay loạn tâm, có hay không có hoài bão đảm trách việc lớn nhỏ, đức Phật đều thấu biết.

Đức Phật không những hiểu rõ trạng huống tâm tưởng của đệ tử, mà Ngài còn thấu suốt tâm lý của mỗi loài động vật trong vũ trụ. Luận Đại-Trí-Độ quyển thứ hai mươi ba, mô tả trí năng thông đạt của đức Phật bằng danh từ “Tha-tâm-trí”, còn kinh Bát-Nhã gọi là “Tha-tâm-thông”.

Liên quan với việc đức Phật thấu hiểu đồ đệ của Ngài, rõ biết căn cơ chúng sanh, chúng ta có thể nêu một vài sự kiện để rõ thêm vấn đề : Đức Phật từng lấy bốn loại ngựa tốt để thí dụ cho đệ tử mình. Thứ

nhứt, hạng đệ tử có căn trí thiên tư tốt nhất là dụ cho giống ngựa tốt nhất, hạng này chỉ cần dùng ám hiệu một chút là hiểu rõ được đạo lý. Thứ hai, hạng đệ tử căn trí thiên tư kém một chút thì cần sự chỉ dạy một chút mới thấu rõ đạo lý. Hạng ba, những đệ tử căn trí kém thua hơn thì cần giáo đạo và thuyết minh nhiều hơn mới ngộ đạo. Hạng tư, những đệ tử trình độ tâm thức yếu kém phải cần nhiều lần cặn kẽ tha thiết giảng giải chỉ bày mới có thể hiểu lời giáo huấn.

Đức Phật không những rõ biết được căn tánh của mọi loại chúng sanh, pháp môn nào thích hợp thời đâu, mà Ngài còn biết vận dụng phương tiện, dùng hết khả năng, bằng phương thức uyển chuyển để chúng sanh hoan hỷ phấn khởi tiếp thọ, hành trì, được giải thoát mọi thứ phiền não khổ lụy. Ngài còn định hướng được thời gian chúng sanh đó khai mở tâm trí. Chẳng hạn, đức Phật biết những chúng sanh nào chỉ cần lời nói ôn hòa hóa độ ; những đệ tử nào cần những lời thống thiết giáo huấn ; những môn đồ nào chỉ cần nêu ra vài điều giáo pháp có thể thấm nhuần hiệu quả, Ngài tùy theo đó mà ứng cơ nêu ra vài điều giới pháp. Nghĩa là, Ngài dùng đủ cách thức phương tiện, giáo nghĩa, giới pháp tùy căn tánh thời cơ mà giảng giải hóa độ để cho khắp đủ tầng lớp chúng sanh giác

ngộ. Đó là dung nghi trí huệ siêu việt của bậc Đạo-Sư Thích-Ca không thể nghĩ lường được.

3. TRI THỨC TINH THÔNG LÝ TÁNH

Đức Phật chẳng những là một nhà giáo thấu suốt căn tánh tâm niệm của học trò, rõ thấu điều nghi, hiếu kỳ sở thích của mọi cõi lòng trắc ẩn sâu kín của chúng sanh, mà Ngài còn tinh thông học liệu, khéo chọn giáo khoa để giải đáp thỏa mãn những nghi ngờ, phân tích minh triết những vấn đề, tương quan sanh tồn giữa người và người, người và vạn vật, vũ trụ và nhân sinh. Ngài đã minh chứng dẫn giải cặn kẽ căn nguyên của sự thăng trầm cuộc sống, phân tích cội nguồn tâm linh sống động, từ thời quá khứ đến thời hiện tại và suốt cả thời vị lai. Những lời dẫn giải phân tích của Ngài hợp căn tánh, thích thời cơ, có giá trị chân lý muôn đời, thấm mát lòng người và có năng lực tỉnh thức tâm linh chúng sanh muôn đời.

Đức Phật đích thực hiểu biết tất cả chân lý, nên Ngài được tôn xưng là Chánh-biến-tri. Ngài thấu triệt tất cả sự tình của động vật và phi động vật ; giải thoát tất cả khốn cảnh của thân tiên và phàm phu, nên luận Đại-Trí-Độ và Du-Kỳ-Kinh-Sớ tôn xưng Ngài là bậc Thế-gian-giải, Vô-thượng-sĩ, Thiên-nhân-sư. Kinh Hoa-Nghiêm xưng tán trí tuệ Phật : “Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,

thập phương thế giới diệc vô tỷ, thế gian sở hữu ngã tận kiến, nhưt thiết vô hữu như Phật giả”. Nghĩa là : Trên Trời dưới Trời chẳng ai bằng Phật. Mười phương các cõi chẳng ai sánh bằng. Tất cả thế gian, Ngài suốt thấy. Tất cả chẳng ai bằng như Phật. Trí huệ của Phật ngời sáng tuyệt vời. Thần lực tự tại của Phật được nói trong kinh Pháp-Hoa phẩm Dược-Vương : “Đức Phật thấu suốt tất cả chân lý. Tùy ý hiểu rõ cội nguồn của mọi hiện tượng sự vật, tự tại không trở ngại. Đức Phật đã quét sạch tất cả chướng ngại của tâm trí. Nên suy tư của Ngài là chân lý. Lời nói của Ngài là chân lý. Hành động của Ngài là chân lý. Năng lực tâm linh và hành nghi thân thể của Ngài là thể hiện trọn vẹn chân lý. Tất cả mọi động tĩnh của đức Phật đều thể hiện từ bi lợi tha. (He who has insight into the Dhamma sees the Buddha).

4. ĐỨC PHẬT LÀ BẬC CHÍ CÔNG VÔ TƯ TỰ THỂ DÂN CHỦ

Điều tối kỵ của bậc Đạo-Sư là có cái tâm thiên vị. Giáo chủ mà có tâm thiên vị, thiếu đức tánh chí công vô tư thì mang đến cho nhân loại bất an và sẽ tạo ra vô vàn sự bất mãn. Đức Phật tuyệt đối bình đẳng đối với mọi loài. Kinh Hoa-Nghiêm ghi rằng : “Đức Phật chí công vô tư như ánh sáng mặt trời chiếu lên vạn vật”. Kinh Pháp-Hoa

thì nói rằng : “Đức Phật vì lợi ích chúng sanh mà xuất hiện ở đời. Ngài như nước mưa, muôn loài cỏ cây đều được nhuần thấm”. Tâm từ bi của Phật không phân biệt đẳng cấp, chủng loại. Ngài giải tỏa mọi thắc mắc uẩn khúc trong cõi lòng sâu kín của chúng sanh. Nếu chẳng may chúng sanh nào, đồ đệ nào vì vô minh mà ngoan cố xúc phạm đến Ngài, thì Ngài vẫn lân mẫn thân thiện tận tụy an ủi giảng giải, không một chút trách móc đối hờn. Kinh Bồ-Tát-Giới nói : “Nếu có một đệ tử nào không tin, phản đối lời dạy, đức Phật không những không buồn giận, không phiền trách, mà Ngài còn đối với chúng sanh ấy ưu ái quan hoài, ân cần cặn kẽ nhiều lần chỉ bày giảng dạy như bao lần trước đó, như bao nhiêu người khác”. Vì vậy, trong những lúc vấn đáp giữa Ngài và đệ tử, ta thấy lúc nào cũng biểu lộ thái độ bình dị, thân thiết cởi mở, bình đẳng giữa thầy trò, như tình huynh đệ. Ngài không muốn đồ đệ phải tuyệt đối tin Ngài, phục tùng Ngài bằng uy quyền bắt buộc, bằng tình cảm, bằng thuyết phục, bằng áp lực. Ngài mong mọi người như thật với lòng mình bằng trí huệ nhận định để tin lý đạo như thật của Ngài. Vì vậy kinh luận thường xưng tán đức Phật có lời nói như thật, hành động như thật, tâm niệm như thật. Do vậy, người hiểu biết, hàng học thức trong đời đều nói đạo Phật

là đạo như thật.

Đức Phật dùng tâm từ bi để giáo hóa chúng sanh, dùng tâm hỷ xả để lân mẫn chúng sanh. Ngài dùng tâm hùng lực để khích lệ tinh thần chúng sanh, dùng đại trí tuệ để soi sáng tâm thức chúng sanh. Ngài dùng đại thần lực làm cho chúng sanh thấy rõ các cõi thế giới chánh báo y báo hiển hiện để cho chúng sanh tự soi sáng căn tánh của mình có đầy đủ khả năng thành Phật. Ngài dùng đại hào quang để cho chúng sanh thật tế nhận chân phước huệ trang nghiêm của người hành đạo như thật sẽ được phước đức trí huệ thành Phật.

Suốt trọn đời đức Phật cho sự nghiệp trí huệ đạo đức, cho sự nghiệp hồng pháp lợi sanh, cho sự an lành thăng hoa kiếp sống nhân sinh. Bằng cung cách, ân cần lân mẫn, bằng dung nghi bình dị từ hòa, Ngài khiêm tốn thiết tha, mang tâm nguyện từ bi hỷ xả trang trải cho đời. Nhưng Ngài tuyệt nhiên không bao giờ tự tôn xưng mình, hay muốn người khác tôn xưng mình. Lúc nào cũng trong thái độ tịch tịnh khiêm tốn nói với môn đệ : “Ta chỉ là vị đạo sư. Ta chỉ như vị lương y. Nghe lời ta hay không, chịu uống pháp dược hay không là tùy quyền các người. Mọi người đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Giới luật là thấy của các người. Giới luật còn thì đạo pháp còn. Con đường giải thoát

rộng mở. Tuệ giác ngời sáng nơi lòng người, khi con người còn biết sống với giới luật, với trí huệ, với lòng từ bi hỷ xả”.

Suốt đời đức Phật chỉ để lại bấy nhiêu lời. Nhưng chính Ngài lại nói ta không nói lời nào trong suốt 49 năm hoằng pháp giáo hóa. Chính cái đặc tính bình dị hỷ xả trầm tĩnh cởi mở đó nó thể hiện suốt cả đời Ngài. Nên đời đức Phật thật ngời sáng, thật lộng lẫy, thật nguy nga, thật trang nghiêm thanh thoát, đến nỗi bất cứ ai mỗi khi thành tâm tưởng nhớ đến Ngài, niệm danh hiệu Ngài cũng đều cảm thấy cõi lòng mình mát dịu, thanh tịnh an lành. Ta có thể nói đời Ngài là bài kinh vô tự, là đóa hoa sen, là ánh trăng rằm, là không khí an lành thanh tịnh, là nguồn suối mát, không còn lời nào để diễn đạt hết cái cao quý thanh tịnh mát lành của đời đức Phật. Bất cứ ai cũng đến được với Ngài, mà tuyệt đối không phân giai cấp, không phân quý tiện, không phân trí ngu sang hèn. Đức Phật không bao giờ muốn chúng sanh tin tưởng Ngài là thần linh thượng đế, cũng không muốn ai tôn thờ Ngài bằng niềm tin si cuồng mà không hiểu Ngài. Ngài muốn người tin Ngài bằng cách thanh tịnh thân tâm đem lợi lạc cho đời, chứ không muốn vì tin Ngài mà gây đau khổ cho người khác. Tin Ngài mà gây đau buồn cho người khác là hủy báng phản bội

Ngài. Thế nên, đạo Phật không tạo thế lực, không dựa thế lực và dĩ nhiên không có thế lực.

Cuộc đời của bậc Đạo-Sư Thích-Ca Mâu-Ni cao thượng như thế. Bậc giáo chủ mà mình nguyện tôn thờ và tu học theo, đích thực sáng ngời thanh thoát muôn đời như thế đó, còn nhân cách tâm tánh của ta đã tiến bộ đến đâu rồi ? Mỗi lần Phật-Đản đến, ta cảm thấy xác thể ta lớn thêm, tuổi đời ta chổng chất nhiều hơn. Ta cảm thấy lòng ta sống dậy niềm hy vọng vô biên. Ta mong được nhiều an lạc hơn. Nhưng nếu chỉ có ước mong suông như thế thì ta cũng chỉ đón mừng Phật-Đản phạm tình hình thức, chứ chưa phải đích thực chân chánh kỷ niệm Phật-Đản nội tại tâm.

Dâng trọn niềm tin và lòng thanh tịnh kính mừng Phật-Đản với lòng nguyện thực hành Tứ-hoằng-thệ-nguyện.



GIỚI THIỆU NHỮNG SÁCH HAY



Muốn thấy rõ mình, hiểu biết người, sống đời tỉnh thức an lạc, không thể thiếu những quyển sách giá trị dưới đây, do Phật-Học-Viện Quốc-Tế xuất bản:

- Vết Nhạn Lưng Trời
tác giả Huỳnh-Trung-Chánh.
- Cửa Thiên Dinh Bụi
tác giả Huỳnh-Trung-Chánh
- Như Thế Mà Trôi
tác giả Huỳnh-Trung-Chánh
- Cửa Thiên Vẫn Mở
tác giả Diên Nga
- Phật Pháp Khái Luận
tác giả Ấn Thuận Đạo Sư
- Người Muôn Thuở
tác giả Thích-Đức-Niệm
- Pháp Ngữ Lục
tác giả Thích-Đức-Niệm
- Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng
dịch giả Thích-Đức-Niệm
- Đại Bi Sám Pháp - Xuất Tượng
(Hình màu tuyệt đẹp)
tác giả Thích-Thiền-Tâm

Người sống cho đại nghĩa



(Kính tặng H.T. Huyền-Quang,
H.T. Quảng-Độ)

Ai có biết trong ngục tù cay đắng
Ốm chằng thuốc không chiếu mền
khăn quấn

Da bọc xương vì đói khát vô ngần
Và ngày đêm bị hành hạ biết bao lần
Tâm vẫn sáng như trăng rằm tháng
tám

Vì đạo pháp, vì dân tộc mà quả cảm
Để loài người thấu rõ nhà nước ta
Hỡi những người đệ tử Phật Thích
Ca

Vì đại nghĩa hăy hy sinh tự ngã
Hỡi những người đệ tử Phật Thích
Ca

Vì đại nghĩa hăy hy sinh tự ngã.
Đức Niệm

SỨ MỆNH NGƯỜI PHẬT TỬ ĐỐI VỚI DÂN TỘC VÀ ĐẠO PHÁP

Thích Đức Nhuận

Thuyết trình trong buổi Hội thảo do Đoàn Sinh Viên Phật Tử Saigon tổ chức tại Tổng Vụ Thanh Niên - 1968.

Với đề tài *Sứ Mệnh Của Người Phật Tử Đối Với Dân Tộc Và Đạo Pháp* mà tôi trình bày hôm nay, thật ra không phải là một đề tài mới mẻ xa lạ, đề tài này đã có nhiều người nói, và chính các bạn nếu thiết tha với vận mệnh tổ quốc và đạo pháp, thì ít nữa, đã hơn một lần, chúng ta suy nghĩ tới và chính chúng ta đã góp sức và chịu những hy sinh để thể hiện ý nghĩa cao cả đó.

Nhưng, xuyên qua những sinh hoạt và những cuộc vận động cam go của chúng ta, của Phật giáo trong những ngày trước đây, ít nhiều đã đòi hỏi tâm thức chúng ta phải làm một cuộc duyệt xét toàn bộ bản chất chung của đạo Phật của dân tộc, của chính chúng ta và của giáo hội để phát hiện lấy một thể cách và tiêu chuẩn tương đối đúng hơn, thích hợp với nhu cầu thực tại của dân tộc và chiều hướng đi tới của lịch sử, để chúng ta đóng góp trong tinh thần vô ngã, vô úy của truyền thống Phật giáo đối với Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung.

Trước những đòi hỏi cấp bách của tình thế đất nước, do tinh thần phụng sự dân tộc và đạo pháp quá nhiệt thành của toàn thể Phật tử Việt Nam, giáo hội chúng ta đã phải đứng ra làm một cuộc vận động lịch sử dân tộc hết sức

quyết liệt, có nhiều kháng lực nguy hiểm.

Trong khi đó những nhà lãnh đạo giáo hội cũng hiểu rằng, với sự chưa kịp chuẩn bị thật chu toàn tiềm lực Phật tử, giáo hội sẽ gặp nhiều thất bại hơn là thành công. Tuy nhiên, đây cũng là một kinh nghiệm thật quý giá cho những người quyết tâm phụng sự dân tộc và thể hiện đạo pháp, và đây cũng là một gạn lọc lịch sử để chúng ta phát hiện được khả năng phục vụ của chúng ta và những người cùng lý tưởng với chúng ta, đồng thời tìm đúng thể cách mà giáo hội phải cung ứng đối với nhu cầu dân tộc.

Bởi đó những người của hôm nay và ngày mai đang và sẽ phải nắm một vai trò hết sức trọng đại của dân tộc và đạo pháp hãy nên tỉnh trí quyết nhẫn vượt thoát những mặc cảm tự tôn đối với những thành công, hoặc mặc cảm tự ty đối với những thất bại nhất thời của chúng ta, của giáo hội, để chuẩn bị thật đầy đủ hành trang cần thiết, đi lên xây dựng cuộc sống và lịch sử dân tộc, bằng tinh thần của người Phật tử đã thấm nhuần đạo pháp từ bi, trí tuệ, dũng cảm.

Đạo pháp chỉ có giá trị thực, khi những người Phật tử nhận chân được đạo để thể hiện đạo tính ra bằng cuộc sống của mình.

Chừng nào chúng ta thể chứng được đạo pháp ngay trong ta để thể hiện ra cuộc sống của ta và cuộc sống chung của chúng ta, thì

đương nhiên chúng ta đã làm cho đạo sống động tiến hóa không ngừng rồi vậy.

Cũng chính do tinh thần đó, tinh thần căn bản của đạo Phật đó, mà tiền nhân chúng ta đã phục vụ dân tộc một cách hiệu nghiệm, đồng thời làm cho đạo Phật sống động trường cửu giữa lòng dân tộc ta, dù cho giữa những thời được gọi là thịnh hoặc suy của Phật giáo.

Hai chữ thịnh và suy chỉ được coi là hình thái của giáo hội mà thôi. Đích thực, tinh thần Phật giáo không bao giờ suy giảm ở trong tâm tư và dòng sống của dân tộc Việt Nam, kể từ ngày Việt Nam đón nhận đạo Phật.

Câu nói có thể là vu khoát, nhưng cũng rất thật, dù cho những người không phải là Phật tử, không nhận là người theo đạo Phật, mà sống đúng với truyền thống dân tộc Việt Nam thì ít nhiều trong họ cũng tàng chứa phần nào giáo pháp của đạo Phật rồi. Truyền thống dân tộc này là tinh thần bao dung, vô ngã, không chấp trước, không thiên kiến, không chật hẹp; luôn luôn mở rộng để đón nhận, gạn lọc những chất liệu tốt đẹp bất cứ từ đâu đến để chuyển hóa dân tộc. Đó cũng là đặc tính đích thực của đạo Phật. Cũng bắt nguồn từ khởi điểm ấy, mà chúng ta có thể nói là truyền thống của dân tộc và đạo pháp chỉ là một thể duy nhất, phối hợp hòa điệu duy nhất cũng vậy.

Nói như thế, lại cũng không có nghĩa là chúng ta, những người nhận mình là con Phật đã có được tinh thần truyền thống tốt đẹp cả đâu.

Chúng ta đã học đạo, chúng ta đã hiểu thế nào là phá chấp, điều căn bản của sự giải thoát, nhưng thực tế khó lắm, thân nghiệp chúng ta vốn nặng nề, tôi và các bạn chắc hẳn cũng còn nhiều điều chấp giữ hoặc hữu ý, hoặc vô ý, nếu không thì cũng do tha nhân phân loại chúng ta. Chúng ta đang sống trong cõi sống phân loại, hiển nhiên chúng ta không thể thoát được thông lệ muốn phân loại, hoặc

bị phân loại. Chúng ta phải chấp nhận sự thực bi đát đó.

Chúng ta vẫn là những Phật tử, giáo hội chúng ta vẫn là một giáo hội khác với các giáo hội của tôn giáo khác. Và trước lối nhìn của những người không phải là đạo Phật, Phật giáo vẫn là một thực thể khác với thực thể dân tộc này. Chúng ta không chối cãi điều đó.

Nhưng điều quan trọng đối với người Phật tử chân chính là sự cố gắng thể hiện đức vô ngã bao dung ra ngay trong cảnh giới và cuộc sống của mình. Với ý hướng và nỗ lực đó, không sớm thì muộn, chúng ta cũng vượt thoát được những chấp trước tự thân để tự giải thoát và phục vụ dân tộc một cách hiệu nghiệm như tiền nhân ta đã từng làm đối với dân tộc. Như ta đã thấy, con người có thể không hiểu gì về Phật giáo mà vẫn sống theo tinh thần đạo Phật một cách chân thành. Đó là đại nguyện của chư Phật, và đó cũng là đại nguyện của những người đi theo con đường Phật.

Khi chúng ta đã tỉnh trí quyết tâm như trên, chúng ta có thể vui vẻ sống giữa cuộc sống phân loại khổ đau này, với những gì chúng ta đang có trong ta, đang bị tha nhân quy định chúng ta, sống trong sự phát triển của giáo hội chúng ta, sống trong nỗ lực đi tới của dân tộc giữa trào lưu thế giới mở rộng, để thể hiện đặc tính của đạo pháp. Vì một điều dễ hiểu là mỗi người chúng ta, tập thể chúng ta, các tập thể khác, dân tộc của chúng ta, các dân tộc khác đều sống trong tinh thần bao dung và nỗ lực vận động lịch sử tiến đến tốt đẹp, thì chung cuộc tất cả sẽ gặp nhau trong sứ mệnh với một hòa điệu nhiệm mầu của lẽ sống. Chúng ta chỉ có thể tìm nổi một nền hòa bình, một cuộc sống tiến bộ đích thực trong chiều hướng đó.

Vậy, nói đến việc chuẩn bị đầy đủ hành trang để lên đường phục vụ của mỗi người, của giáo hội đối với dân tộc và nhân loại, trong một môi trường sinh hoạt cộng đồng,

theo tinh thần Phật giáo, hiển nhiên chúng ta không làm công việc xây dựng tư thế cho cá nhân chúng ta hay một cá nhân nào đó, hoặc cho riêng tôn giáo chúng ta, mà chúng ta phải xem cá nhân chúng ta như một thực thể phải có, bỏ đi cũng không được, và tập thể chúng ta như một môi trường kết hợp những người cùng chung một ý hướng, để tạo cơ duyên mạnh mẽ cho công trình phục vụ xứ sở và đồng bào. Khi bản thân đã trên đà tiến hóa tốt đẹp theo tiêu chuẩn của đạo pháp, giáo hội là một tập thể kết hợp bởi những người thấm nhuần đạo lý đó, thì thật sự đã tạo nổi một sức đi lên vĩ đại cho dân tộc rồi vậy.

Ở đây, hôm nay, tôi không muốn làm công việc mời các bạn duyệt xét lại chính bản thân mình và những giáo lý căn bản của đạo Phật, để xem đạo Phật có thích hợp với tâm tư con người thời đại hay không, vì rằng, tôi và các bạn đã là tăng, tín đồ Phật giáo, đang sống trong một tập thể mang nhiều ý nghĩa tri thức của giáo hội, tối thiểu chúng ta đã nhiều lần tự tìm chính chúng ta và tìm hiểu đạo của chúng ta theo. Bởi vậy, trên một căn bản nào đó, chúng ta đã thấy được rằng, trên con đường giác ngộ giải thoát mà chúng ta chung bước và chúng ta thấy rằng chúng ta có thể vững tâm đi trên con đường đó.

Điều cần nói ở đây là, chúng ta phải ứng dụng phương cách nào để chuyển hiện đạo Phật của chúng ta vào cuộc sống hiện đại của dân tộc, một cuộc sống vô cùng phức tạp, không những đối riêng với những người dẫn thân phục vụ mà còn đối chung cả với dân tộc quá nhiều bất hạnh khổ đau này. Phải nhìn một sự thật, dù hết sức phũ phàng, là dân chúng hiện nay đã đau khổ, đã bị lường gạt quá nhiều rồi, bởi đó những công trình dù mang một nội dung và ý nghĩa tốt đẹp tới mấy, cũng không thể một lúc mà có thể thuyết phục nổi dân chúng Việt Nam đầy chán chường và hoài nghi này được.

Phải kể rằng: phong trào vận động của Phật giáo Việt Nam là một dấu hiệu của sự bùng lên mãnh liệt của dân tộc mấy trăm năm bị dồn nén. Có thể nói được đây là một thành công vĩ đại nhất của dân tộc và của Phật giáo, thành công không phải là ở chỗ lật đổ một chế độ, mà thành công ở chỗ những ngọn lửa vô úy, vô ngã của Phật giáo và dân tộc đã có sức mạnh mầu nhiệm làm rung động đến tận cùng tâm thức toàn thể nhân loại. Nhân loại dù đang sinh sống trong một thời đại mà giá trị vật chất hầu như tràn lấn giá trị tinh thần, thì cũng bàng hoàng sức tĩnh trước sức mạnh vô biên của tinh thần Phật giáo và Việt Nam. Kể từ đó giá trị tinh thần đích thực của nhân loại được biểu lộ một cách vẻ vang.

Như trên tôi đã trình bày, vì chúng ta chưa kịp chuẩn bị chu đáo cho một cuộc chuyển hóa toàn diện vận mệnh dân tộc và nhân loại, nên chúng ta đã bị các thế lực vô minh hoặc vì không hiểu gì về bản chất cố hữu của đạo Phật, nhất là đạo Phật Việt Nam, đã coi chúng ta như một lực lượng có thể làm phương hại đến quyền lợi của họ. Bởi vậy những âm mưu hết đợt này đến đợt khác được giăng ra để quyết liệt “triệt hạ” Phật giáo Việt Nam, cộng với những yếu tố khách quan đó, chúng ta lại cũng còn nhiều sơ hở do nơi phong trào bị bức bách phát khởi đột ngột, hàng ngũ giáo hội chưa được đả lọc và tổ chức chu đáo cần thiết, nên dễ dẫn tới tình trạng phân hóa, phát sinh vì những quan niệm đối nghịch về sự ứng thân vào thời đại của giáo hội.

Thật tình chúng ta đã thành công về cả mặt thực tế, nhưng thành công với cả một sự bỡ ngỡ, bỡ ngỡ đến độ mang nặng tính cách thử mãn, đôi khi tạo ra những ngộ nhận với dân chúng, để cho người dân không cùng tôn giáo có thể ngỡ rằng một sớm một chiều đạo Phật sẽ tiến lên chiếm ngôi vị quốc giáo.

Sự thật thì đạo Phật Việt Nam không hề có những mưu đồ về quyền lực, dù chỉ là quyền

lực tôn giáo. Đạo Phật Việt Nam trong thời thịnh cũng như lúc suy về mặt nổi vẫn là một đạo Phật nhịn nhục phục vụ cho nhân thế, giúp nhân thế chuyển hóa nghiệp lực để cùng sống một cuộc sống giải thoát. Sự tồn tại của Phật giáo trong trường kỳ lịch sử Việt Nam đã là một chứng minh hùng hồn cho tinh thần phụng sự vô úy, vô chấp của người Phật tử chân chính. Thịnh thời đối với Phật giáo cũng không phải là một điều kiêu hãnh, suy vi đối với Phật giáo cũng không phải là một lo âu. Điều đáng lo của Phật giáo trước sau vẫn chỉ là: lo không làm sáng được Phật tính trong chính mỗi người và cuộc sống chung quanh mà thôi. Không có một thế lực nào, dù mạnh tới đâu, cũng có thể tiêu diệt nổi đạo Phật. Chỉ trừ khi chính tư tưởng của đạo Phật bị tư tưởng của chúng sinh vượt bỏ. Mà điều này các bạn có thể tin chắc rằng: Tư tưởng đạo Phật không bao giờ bị vượt bỏ. Tư tưởng đạo Phật có tính cách toàn diện, đa ứng.

Phật giáo đã ứng dụng được ở những thời mà tư tưởng con người còn mang nặng đầu óc đa thần. Phật giáo cũng đã thích ứng với thời đại độc thần. Và dù hiện nay tư tưởng duy thần không còn đất đứng trong nhân thế nữa thì Phật giáo vẫn tồn tại một cách vẻ vang.

Vì, **đạo Phật là đạo của Con Người Giác Ngộ**. Còn con người là còn đạo Phật. Con người còn khổ đau, phương pháp giải thoát của đạo Phật lại cần viện cầu tới. Cho đến khi nào chúng sinh hoàn toàn giác ngộ và giải thoát, thì chừng đó đạo Phật hết sứ mệnh đối với nhân thế. Trước sau gì thì đạo Phật vẫn chỉ là chiếc bè đưa chúng sinh qua sông đau khổ. Đại nguyện của chư Phật là sớm thấy được chúng sinh quẳng chiếc bè ở bờ giải thoát. Ngày ấy đối với thế giới chúng ta là ngày nào? Khó mà biết được. Bởi đây đạo Phật vẫn còn công dụng là một chiếc bè, từng kiếp từng kiếp, từng thời từng thời, đưa người vượt qua bể khổ, bến mê.

Nói riêng về dân tộc Việt Nam thì đạo Phật đã thế nhập vào dòng sống của dân tộc này không thể tách rời ra được nữa. Phật giáo đã đến với dân tộc Việt Nam trong tư thế của một người bạn để cùng dân tộc Việt Nam chung chịu mọi bất hạnh của một nước nhiều lần bị lệ thuộc, và chung vinh quang mỗi khi dân tộc quật cường. Người bạn chí thiết lâu đời đó đã không còn là hai như thuở ban đầu nữa, mà trở nên một thể duy nhất. Dù có muốn tách biệt cũng không còn biết đầu mối ở đâu mà tách biệt, đừng nói tới những khách bàng quan muốn dùng thủ thuật nhất thời để tách Phật giáo ra khỏi dân tộc này. Việt Nam còn, Phật giáo còn. Phật giáo còn, dân tộc còn. Nói như vậy không có nghĩa: Phật giáo là loại tầm gửi của cây cổ thụ Việt Nam. Vì rằng, chính Phật giáo là chất liệu cho cây Việt Nam trường thọ xanh tươi. Quả vậy, một dân tộc không thể bị biến mất bằng những cuộc thống trị chính trị, quân sự, kinh tế, một dân tộc chỉ có thể đồng hóa và biến mất đặc tính, khi bị văn hóa của các nước lớn khống chế, mà không có vũ khí văn hóa để vừa chống trả vừa thấm thái để vun đắp cho lâu dài văn hóa cho dân tộc mình.

Phật giáo đối với dân tộc Việt Nam được coi như một thứ vũ khí tinh thần hiệu nghiệm nhất để vừa đối kháng với nền văn hóa vĩ đại Trung Hoa, vừa thấm thái những tinh hoa của nền văn hóa đó, rồi dung hòa cả hai nền văn hóa Ấn Độ - Trung Hoa với tinh thần phải chăng của dân tộc, làm thành một nền văn hóa Việt Nam sống động trong tâm tư mỗi người và trong cuộc sống dân tộc.

* **VỀ MẶT CÁCH MẠNG**, đích thực dưới những thời bị Bắc thuộc xa xưa, đạo Phật đã là chất men của cách mạng: đạo Phật đã khích lệ mạnh mẽ tinh thần tự chủ của con người và, do đó, đưa đến sự đòi hỏi một nền văn hóa đã có cá tính khác biệt với nền văn hóa của đế quốc, thì công việc đấu tranh giành tự chủ chỉ là công việc của thời gian mà thôi. Đạo

Phật đã tạo ra những nơi qui tụ cho các chiến sĩ của dân tộc. Đạo Phật đã tạo ra những tập thể tín đồ phụng sự cho đại nghĩa dân tộc. Dân tộc Việt Nam không một e ngại nào đối với đạo Phật, vì, đạo Phật xuất phát từ một nước không bao giờ có thể trở thành đế quốc đối với Việt Nam. Đạo Phật lại cũng không phải là một thức đế quốc tư tưởng, vì đạo Phật không hề có giáo quyền quốc tế trung ương. Đạo Phật chỉ là đạo của Con Người Giác Ngộ và hết mình phục vụ cho xứ sở mà đạo Phật đang có mặt. Chính vì vậy mà trước kia, trong lịch sử, đạo Phật đã cùng với dân tộc Việt Nam phấn đấu cho một nền tự chủ vẻ vang của dân tộc. Và, trong hiện tại, đạo Phật đã hơn một lần thể chứng điều đó một cách cụ thể.

Bản chất của đạo Phật là bản chất của một đạo cách mạng toàn triệt. Cách mạng trên ý nghĩa đúng và toàn thiện. Vì rằng cuộc cách mạng đó đã bắt đầu trong sứ mệnh thường xuyên chuyển biệt nghiệp của cá nhân và bằng mọi nỗ lực chuyển cộng nghiệp của tập thể. Đạo Phật là đạo của cách mạng, một cuộc cách mạng rất ráo, liên tục, trường kỳ. Những người theo đạo Phật đúng đắn, đương nhiên đã tự đặt mình trong một cuộc cách mạng lớn lao rồi vậy. Chữ cách mạng chúng ta dùng ở đây là một danh từ thật chính xác, không mang một mưu đồ xảo trá nào. Vì, nếu đã hiểu đạo Phật một cách thật đến nơi đến chốn, thì chúng ta sẽ phát hiện được tính chất cách mạng chân chính của đạo Phật. Cách mạng bản thân để tiến lên cách mạng xã hội. Một cuộc cách mạng xã hội dù được trang bị với bất cứ lý thuyết và danh từ tốt đẹp nào, cũng sẽ bị thoái hóa; nếu bản thân những người làm cách mạng và những người tham dự cách mạng không triệt để cách mạng chính mình.

Về bản thân cách mạng, đạo Phật đã nói lên thật đầy đủ và trọn vẹn, tất cả kinh điển

đạo Phật và sự tu dưỡng theo đạo Phật là một công trình nhằm hướng con người tới một cuộc tự cách mạng để giải thoát ra khỏi những mê lầm chấp giữ. Một con người khi phá bỏ được sự chấp hữu cá nhân, không còn tự kiêu, thiên kiến, không còn tham chấp vật dục, lòng rộng mênh mông, trí sáng trong lành, và lại quyết tâm phụng sự nhân thế thì thử hỏi còn gì tốt đẹp cho bằng.

Một cuộc cách mạng do những người như vậy thể hiện mới thực là một cuộc cách mạng chân chính, không mang một âm mưu đen tối nào hết.

* Về Mặt Chính Trị, khi chúng ta đã đặt mình trong một cuộc sống tập thể tôn giáo, tập thể xã hội hay quốc gia, đương nhiên chúng ta đã phải tham dự vào đời sống chính trị rồi. Đạo Phật không xa lánh cuộc đời. Vì đạo Phật, ngoài phần tự giải thoát bản thân, còn phải giải thoát cho nhân thế, cho chúng sinh nữa. Thế nên đạo Phật không phải là một tôn giáo yếm thế. Đạo Phật luôn luôn nhập cuộc để tham dự những chuyển đổi xã hội. Đạo Phật không làm chính trị với những âm mưu thủ đoạn, theo quan niệm thế tục của những người chỉ biết lợi dụng con đường chính trị để mưu tìm địa vị quyền lợi.

Đạo Phật làm chính trị như một cuộc vận động giải thoát xã hội khỏi cảnh tối tăm bức chế. Đạo Phật không đòi địa vị trong chính quyền, cũng không chủ trương đem tôn giáo mình lên hàng quốc giáo, để đàn áp các tôn giáo khác, các tư tưởng, ý hệ không đồng quan điểm. Nếu bất đắc dĩ như dưới thời nhà Lý, đạo Phật được vua, quan và dân chúng tôn lên địa vị quốc giáo thì như đã thấy, văn miếu thờ các vị thánh Nho và điện thờ tiên Lão cũng được dựng lên tại kinh đô và khắp các làng xã. Đạo Phật không có chủ trương hẹp hòi chia rẽ tôn giáo và nhất là không mang tính cách tiêu diệt tôn giáo. Đạo Phật là đạo từ bi, trí tuệ, bao dung, luôn luôn chủ trương tự do

tín ngưỡng, tự do phát triển các ngành: nghệ thuật, học thuật và kỹ thuật.

Chính vì chưa hiểu được bản chất của đạo Phật, nhất là đạo Phật Việt Nam, nên những người theo đạo Phật một cách hời hợt, và những người đứng ngoài Phật giáo, thường có những ngộ nhận về hành vi được coi như chính trị đầy bí hiểm thời đại, cho là Phật giáo muốn khuynh loát chính quyền, muốn mưu đoạt chính quyền, muốn có lợi lộc khi nắm được những ưu thế chính trị. Điều đó hoàn toàn không đúng. Đạo Phật, trước sau chỉ có một đại nguyện, là làm tốt đẹp thêm cho nhân thế mà thôi. Sự chống đối của đạo Phật, nếu có, là sự chống đối minh bạch đối với những âm mưu chính trị đen tối, muốn làm sa đọa dân tộc này nói riêng, và thế giới nói chung. Đạo Phật không chấp nhận bất cứ sự bất công nào đối với con người. Đạo Phật lại càng không chấp nhận một chế độ độc tài hoặc phi nhân làm mất quyền tự chủ của con người và dân tộc. Những âm mưu nô lệ hóa con người và dân tộc đều chẳng những không được Phật giáo hỗ trợ mà, ngược lại, còn bị Phật giáo quyết liệt đối kháng, cho tới khi nào các chế độ như vậy phải tự chuyển đổi đường lối chính sách, lấy con người làm cứu cánh cho chính trị vì không thể áp dụng một đường lối chính trị không phù hợp với bản tính con người. Con người là cứu cánh của chính trị - nói theo nghĩa hẹp - Đó là tiêu chuẩn chính trị của Phật giáo. Ngược lại đường lối ấy, dù người Phật tử cầm chính quyền hay bất cứ nhân vật nào, cũng bị Phật giáo chối bỏ. Làm đúng tiêu chuẩn của người Phật giáo thì Phật giáo tích cực xả thân để hỗ trợ, dù người cầm quyền thuộc bất cứ tôn giáo nào cũng vậy. Nói là tiêu chuẩn của người Phật giáo cho dễ hiểu mà thôi, vì thật ra ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ thời đại nào, con người cũng khát vọng tiêu chuẩn chính trị như đã nói. Vậy, đừng lo về tư kiến của Phật giáo, vì Phật giáo không có tư

kiến.

Hãy lo đáp ứng nguyện vọng chân chính của con người và dân tộc, thì đương nhiên được sự hậu thuẫn của Phật giáo. Đạo Phật là một đạo mang đặc tính văn hóa và cách mạng, đạo Phật có sinh hoạt chính trị là sinh hoạt trên căn bản đó. Sinh hoạt văn hóa của đạo Phật không chỉ thu gọn trong lĩnh vực truyền bá giáo lý bằng phương tiện sách báo và giảng giải. Phật giáo là một nguồn văn hóa sinh động, trực tiếp đi vào cuộc sống con người, để con người tự thân chuyển hóa và khai triển những đặc phẩm văn hóa từng chứa trong chính mình, rồi biểu hiện ngay trong cuộc sống qua những công trình sáng tác nhân văn, qua những hành vi chính trị chân chính, qua những cuộc chuyển đổi xã hội tốt đẹp, qua nếp sống, lối sống và cách sống mỗi ngày thêm tươi sáng.

Với tiêu chuẩn trên, Phật giáo cũng không phủ nhận những tiến bộ của kỹ thuật khoa học phục vụ đời sống con người, nhưng Phật giáo không thể làm ngơ trước các thế lực vật chất sử dụng các phương tiện vật chất để khống chế con người, biến con người thành thứ nô lệ vật chất. Nỗi băn khoăn nhất của thức giả thời đại là đang phải chứng kiến đà phát triển vĩ đại của kỹ thuật, trong khi đó, các lĩnh vực tư tưởng không theo kịp với sự phát triển đó, khiến cho con người mất hướng, phải cắm đầu chạy theo những phương tiện vật chất, biến mình thành những công cụ cho các thế lực vật chất. Thế giới đang đánh giá nhau bằng những hỏa lực cuốn hút hủy hoại môi trường sống của con người, nhất là sinh hoạt chính trị. Mạng sống con người được sử dụng như phương tiện trao đổi lấy một số quyền lợi vật chất. Nếu phải nói tới mục tiêu tối hậu của Phật giáo đối với thời đại thì mục tiêu đó là làm sao cho con người thoát khỏi cảnh lệ thuộc vật chất để tiến lên, hưởng những tiến bộ kỹ thuật vào việc phục vụ con người. Mà

đích thực con người mới là cứu cánh của kinh tế. Chứ không phải “*Kinh tế quyết định tất cả*” như chủ nghĩa Duy Vật hằng chủ trương. Chỉ như vậy, thế giới mới có hòa bình, xã hội mới hết bất công, sinh hoạt chính trị mới không lầy lội trong vòng tội lỗi, kỹ thuật khoa học mới không quay lại tiêu diệt nhân loại; các nước lớn mới không coi các nước nhỏ là món hàng trao đổi quyền lợi; các nước nhỏ mới không coi các nước lớn là đế quốc; cuộc sống tiến bộ đích thực mới đến với thế giới loài người.

Tới đây, hẳn nhiên, các bạn đã thấy sứ mạng vô cùng trọng đại của Phật giáo và các tổ chức, các tôn giáo mang tính chất văn hóa đến mức độ nào rồi. Đến đây, hẳn nhiên các bạn cũng đã thấy sứ mệnh của chính mình, và những công việc chúng ta phải làm trong hiện tại cũng như trong tương lai. Sứ mệnh càng trọng đại càng nhiều kháng lực lớn lao. Phải tìm cho ra những kháng lực đó để chế cản và đi lên, đó là phần còn lại trong buổi thảo luận hôm nay của chúng ta. Tất nhiên chúng ta không thể tìm tới hết thấy mọi vương mắc được. Bởi đó chúng ta chỉ bàn tới những nét đại cương, và chuẩn bị sẵn sàng đón nhận kháng lực bất cứ từ đâu tới trên bước đường phục vụ của chúng ta. Có như vậy gặp thất bại mới không làm ta ngạc nhiên và nản lòng; làm được việc gì có hiệu quả mới không tự kiêu, tự mãn. Vì kiêu mạn và thoái chí đều là những tai hại như nhau.

Kháng lực khó vượt qua nhất phải kể là kháng lực phát sinh từ chính bản thân. Sự tham lam, lười biếng, mặc cảm, đố kỵ, thiếu sáng suốt... là những kháng lực lớn nhất trong hành trình phục vụ của chúng ta. Bởi vậy, chúng ta phải tạo được cho mình một tâm bình đẳng, một trí minh mẫn, một đức nhẫn nhục, tức là quyết tâm thể hiện đạo pháp từ bi, trí tuệ và hùng lực để đi lên, không một mặc cảm, không một manh tâm thủ lợi, không một

đố kỵ phân ly, có nghĩa là chúng ta phải tự giải thoát chúng ta khỏi cái “ta” hẹp hòi vị kỷ, ngu tối và lười biếng. Khi chúng ta đã thoát được những kháng lực tự thân thì chúng ta mới không biến chúng ta thành những kháng lực của đại cuộc. Những người đồng hành của chúng ta không bao giờ sợ chúng ta có những âm mưu lợi dụng đen tối. Đồng hành thực sự trở thành đồng tâm nhất trí và quyết tiến tới thì lo gì không hoàn thành sứ mệnh đối với dân tộc và nhân thế.

Với những kháng lực, thực ra nhiều lắm, không một việc gì ta làm mà không có kháng lực. Kháng lực do những người thương ta mà không hiểu ta. Kháng lực do những người thù ta vì sợ ta làm thiệt hại tới quyền lợi của họ... Kháng lực về những thiên kiến, bảo thủ của các tập thể cùng sống trong xã hội. Kháng lực của thiên kiến về điều kiện không gian, thời gian mà ta muốn phục vụ... Phương pháp đối trị với những kháng lực đó, nhất thiết đạo Phật không dùng tới biện pháp tiêu diệt đối tượng sanh ra kháng lực, mà là giác ngộ những thế lực đó để họ không còn là kháng lực nữa. Đối với thiên nhiên là một kháng lực vĩ đại với kiếp sống của mỗi con người, thì chúng ta phải làm sao cho công trình chúng ta theo đuổi có những người tiếp tục trường kỳ.

* Về Vấn Đề Giác Ngộ, đối với tha nhân và các tập thể khác, người Phật tử không thể dùng phương pháp cao áp mà, từ xưa, người Phật tử chân chính đã lấy chính bản thân và cuộc sống mình để thuyết phục giác ngộ người. Hãy sống một cuộc sống giác ngộ, chúng ta sẽ dễ dàng cảm hóa được tha nhân tự giác. Chính chư Phật cũng chỉ là gương giác ngộ cho chúng ta. Còn sự giác ngộ phải phát xuất từ tâm thức chúng ta. Nói cho người ta nghe, nhưng đừng cho đó đã thuyết phục được người. Chúng ta chỉ thuyết phục được người bằng chính cuộc sống của chúng ta. Lời nói và chữ nghĩa phải phát xuất từ chính cuộc

sống đó, chúng ta mới mong tạo nổi niềm tin yêu nhận biết của người khác.

Các bạn, tôi muốn nói với các bạn là, bất cứ công việc gì bạn làm để góp sức xây dựng và làm tốt đẹp cho cuộc sống, bạn đều có thể nên làm, cần làm, miễn rằng chính bạn phải trở nên tốt lành, và những hành vi bạn làm trong lĩnh vực và nghề nghiệp của bạn đem lại lợi ích cho tha nhân, cho cuộc sống. Hãy thể hiện đạo pháp ra trong cuộc sống riêng cũng như chung của bạn.

Dân tộc Việt Nam đang đòi hỏi bạn phải sống một cuộc sống giác ngộ và quyết tâm thay đổi vận mệnh của xứ sở đã quá đau thương này.

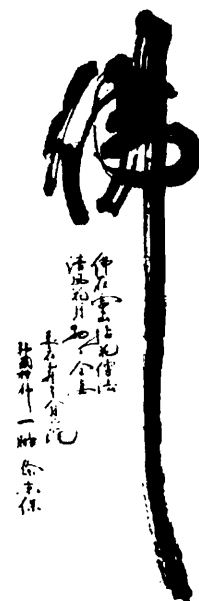
Đạo Phật Việt Nam không phải nằm trong các nơi cổ tự, trong các tu viện, thư viện, mà kho tàng Phật giáo Việt Nam đang tàng chứa trong tâm thức người dân Việt Nam, nhất là nơi người nông dân chất phác muôn đời với ruộng đồng cần mẫn. Bạn hãy đến đó để làm bừng lên cuộc sống của đạo pháp, và đấy cũng là tinh thần truyền thống của dân tộc ta.

Tinh thần tự chủ của dân tộc cũng là tinh thần tự chủ của Phật giáo, cần phải được viện cầu tới để đưa dân tộc ta ra khỏi cảnh tủ nhục hiện nay. Tinh thần dung hòa đối với các nước bạn cũng là tinh thần truyền thống của dân tộc và của đạo Phật đại đồng, các bạn hãy lấy đó làm thế cách sinh hoạt giữa thế giới mở rộng hiện nay. Tinh thần bao dung đối với các tôn giáo khác của dân tộc cũng chính là của đạo Phật, các bạn hãy lấy đó làm phương châm xử thế đối với các tập thể khác để vận động một cuộc đại đoàn kết dân tộc. Tinh thần tha thứ cho kẻ thù địch khi thất thế của dân tộc và của đạo từ bi, các bạn hãy lấy đó làm tiêu chuẩn đãi ngộ, với các thế lực vô minh, muốn nhận chìm dân tộc của các bạn mãi mãi xuống vùng tối tăm. Đừng quan tâm tới việc xây chùa và cơ sở Phật giáo cũng như gây thanh thế cho Phật giáo. Điều đó không cần.

Những thứ đó có thể phá hủy đi được. Miễn là các bạn và toàn thể dân tộc cũng như nhân loại sống trong tinh thần của đạo pháp. Dù cho đạo pháp đó có mang tên gì cũng được. Đừng quan tâm tới từ ngữ. Chỉ nên xét tới nội dung của đạo pháp đó có phải là phương pháp giải thoát cho tự thể và cho cuộc sống chung một cách hiệu nghiệm hay không mà thôi.

Nói như vậy, không có nghĩa là tôi đã khích lệ cho sự vọng động của tâm tư. Nói như vậy, là tôi muốn nói tới tiếng nói đích thực của đạo Phật. Còn đối với chúng ta đang sinh sống trong nghiệp lực chưa thực sự thoát đạt, chúng ta cần phải tiến lên từng bước rất vững chắc, từ sự tu chứng bản thân theo đạo pháp tới việc phục vụ dân tộc và nhân loại. Và như tôi đã trình bày ở trên, môi trường của người Phật tử hiện nay là giáo hội, chúng ta phải làm cho môi trường đó trở nên có tổ chức tốt đẹp và bền chắc để làm thành đại lực cho sự đi lên của dân tộc và thế giới, trong chiều hướng thoát cảnh khổ đau tranh chấp, bất công và nô lệ vật chất.

Một cuộc sống giải thoát biểu hiện nơi chúng ta.



Sở dĩ Phật ra đời, Để vì nói Phật tuệ

Thích Chân Tịnh

Chư Phật sở dĩ thị hiện ra đời chỉ vì một mục đích là muốn cứu vớt chúng sinh ra khỏi sông mê bể khổ. Thế gian có 8 vạn 4 ngàn thứ phiền não ràng buộc thì Phật có 8 vạn 4 ngàn pháp môn đối trị.

Tất cả pháp môn dù thuận dù nghịch, dù mật dù hiển, rút lại đều giúp chúng sinh đạt đến Trí Tuệ Rốt Ráo Niết Bàn.

Muốn đạt đến Trí Tuệ Rốt Ráo Niết Bàn thì phải nhận ra là mình vốn sẵn có trí tuệ đó, tu tập để sống với trí tuệ đó từng phần cho đến khi hoàn toàn lúc nào cũng chỉ có trí tuệ đó vắng lặng chiếu soi, chiếu soi mà vẫn vắng lặng. Nói theo từ ngữ nhà Phật là tịch mà chiếu, chiếu mà tịch.

Tất cả loài hữu tình nói chung, và loài người như chúng ta, nói riêng, đều có sẵn Trí Tuệ Rốt Ráo Niết Bàn; nhưng hầu hết đều không biết hoặc lãng quên rồi suốt đời chạy theo hoàn cảnh bên ngoài nên không những bị lửa phiền não thiêu đốt mà còn tạo nên nhiều nghiệp ác phải bị vướng vào bánh xe luân hồi để đền trả quả báo không lúc nào thoát ra được.

Vậy Trí Tuệ Rốt Ráo Niết Bàn ấy là gì?

Chính là cái chiếu soi mà chúng ta dùng để nghe để nhìn vậy. Hàng ngày, chúng ta đều dùng cái chiếu soi ấy rọi vào óc rồi xuyên qua 6 cái cửa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý để tiếp xúc với cuộc đời.

Bên ngoài có thiên hình vạn trạng nhưng có thể rút lại trong 6 chữ là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Chữ “pháp” ở đây có nghĩa là sự và vật tức là đối tượng của cái

ý. Sáu món này còn gọi là trần hay là cảnh bên ngoài và cái chiếu soi bên trong của chúng ta được gọi là tâm. Tâm của chúng ta luôn luôn chạy theo, nắm bắt trần cảnh. Khốn một nỗi là trần cảnh luôn luôn thay đổi, từng giờ từng phút từng giây từng sát na, không một lúc nào ở yên một trạng thái, nói theo từ ngữ trong chùa gọi là niệm niệm sinh diệt. Thế mà đáng thương thay cho chúng ta!

Chúng ta luôn luôn nghĩ rằng sự vật ở đời là thường còn không hề biến đổi, ông A hôm qua với ông A hôm nay là một, bà B năm ngoái với bà B ngày mai vẫn như nhau! Rồi chúng ta chạy theo người thân, người thù, người yêu, người ghét; chúng ta chạy theo tiếng khen, tiếng chê; chúng ta cố nắm bắt và cố bắt cho thực nhiều tiền của, vật chất. Khi chưa được chúng ta khổ vì mong cầu; khi được rồi chúng ta lại khổ vì sợ mất; và rốt cuộc khi mất chúng ta lại khổ vì thương tiếc!

Suốt đời không lúc nào chúng ta được vui. Còn cái chiếu soi bên trong của chúng ta khi chúng ta mới sinh ra đời nó vẫn thế, bây giờ vẫn thế và ngày mai hay một trăm năm nữa nó vẫn thế. Nó không có hình thù, tướng mạo, nó không tự nhận nó là ai, là ta, hay là người, nó không vui cũng không buồn, nó không nhớ cũng không sạch. Nó ở trong tôi hay ở trong quý vị, ở trong các bậc thánh nhân hay ở trong Phật không có gì khác nhau. Cho nên nó còn được gọi là chân tâm hay Phật tính hay ông chủ hay trí tuệ Bát Nhã, v.v.

Vì chúng ta mãi chạy theo cái sinh diệt, sống với cái sinh diệt nên chúng ta cũng bị

sinh diệt. Còn những bậc thánh nhân hay Phật là những đấng luôn luôn sống với cái chiếu soi, không bao giờ để cái chiếu soi chạy theo trần cảnh nên lúc nào trí tuệ cũng soi chiếu mười phương và luôn luôn tự tại.

Mục đích Phật thị hiện ra đời là để chỉ cho chúng ta nhận ra và sống với cái chiếu soi ấy, cái Phật tính ấy. Nếu sống được một phần thì chúng ta bớt khổ được vui một phần, nếu sống hoàn toàn với Phật tính thì chúng ta hoàn toàn thoát khổ được vui và đó là cảnh giới Niết Bàn.

Thế nào gọi là sống với Phật tính được một phần?

Đó là khi tiếp xúc với cuộc đời, nói một cách khác là khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với sáu trần cảnh, chúng ta vẫn giữ cho tâm của chúng ta đứng lặng được lúc ấy, tâm của chúng ta không chạy theo cảnh, nói theo danh từ trong chùa là “tâm không đến với cảnh”. Thí dụ như khi có ai chửi mắng ta. Tai chúng ta nghe, biết là nghe, nhưng tâm đứng lặng biết là nghe tiếng ấy, và tiếng chỉ là tiếng bình đẳng như tất cả tiếng khác, tâm không chạy theo tiếng bị nghe để phân biệt đó là tiếng chửi hay tiếng khen. Nếu khởi tâm phân biệt tức là tâm đã bị động. Rồi từ chỗ phân biệt đến chỗ khởi thêm tâm phản ứng là một tầng động thứ hai. Từ chỗ có tâm phản ứng đến phát sinh cảm thọ vui buồn và rồi phát sinh hành động là những tràng phiêu lưu vào cuộc đời ảo hóa và bị luật nhân quả chi phối.

Tương tự như vậy khi chúng ta thấy, ngửi, nếm, đụng chạm, suy nghĩ, tưởng nhớ sự vật, v.v. nếu chúng ta để tâm chạy theo nắm bắt những cái bị nhìn, bị ngửi, bị nếm, bị đụng chạm, được tưởng nhớ đến là chúng ta phiêu lưu vào mê hồn trận không biết đường lối ra!

Khi đến chùa, quý vị đã từng nghe câu “phiền não tức bồ đề” hoặc trong bản văn sám hối trước khi tụng kinh Pháp Hoa có đoạn

như sau: “*Vì thế, trong trí bồ đề mà thấy không thanh tịnh; trong cảnh giải thoát mà sinh ràng buộc; nay mới tỏ ngộ nay mới chừa bỏ ăn năn, v.v.*”

Thực thế, nếu lúc nào cũng sống với cái chiếu soi, với Phật tính, với ông chủ, với cái gốc, thì lúc nào cũng là bồ đề, cũng là giải thoát, cũng là thanh tịnh. Trái lại, nếu để tâm chạy theo cảnh, dính mắc với cảnh, thì lúc nào cũng là phiền não, cũng là ràng buộc, cũng là không thanh tịnh.

Phiền não hay bồ đề, giải thoát hay ràng buộc cách nhau không đầy gang tấc, chưa đến khoảng một khảy móng tay vì chỉ do tốc độ của tâm, tùy thuộc vị trí của tâm. Tâm ở gốc hay ở ngọn, ở chỗ chiếu soi hay chạy theo trần cảnh. Giản dị có thể thôi!

Tuy tâm vắng lặng chiếu soi có vẻ như bất động nhưng người tu không phải là không làm gì hết, không có nghĩa là để mặc cuộc đời trôi chảy! Người đã sống với cái tâm chiếu soi nên nhìn sự vật đúng như thực nó là vậy nên rất sáng suốt, tiếng nhà chùa gọi là chính kiến.

Vì nhìn thấy sự vật đúng như thực nên thấy người đời mê lầm khổ cực mà sinh tâm thương xót. Vì thương xót (là có tâm Bi) nên muốn đem niềm vui đến cho tất cả người vật mà mình có nhân duyên gặp gỡ tức là có tâm Từ.

Có tâm Từ, có tâm Bi nên hành giả làm được những việc khó làm, nhẫn được những việc khó nhẫn, hướng chi là làm những việc thương ngày trong bốn phận như làm cha mẹ, vợ chồng, con cháu, anh chị em, bè bạn, chủ nhân, người làm công, công dân, v.v.

Tóm lại, người tu theo đạo Phật là người sống với Phật tính, sống với cái chiếu soi, không để tâm chạy theo cảnh, nhưng vẫn thấy nghe hay biết tất cả cái gì của cuộc đời mà mình tiếp xúc một cách rất như thực.

Nhưng không phản ứng theo thói thường, theo chấp ta, chấp người, vì quyền lợi của ta trước hết. Trái lại, người Phật tử hành động theo sự hướng dẫn của Trí Tuệ, của tâm Bi, tâm Từ đem lại lợi ích cho tất cả mọi người mọi vật không phân biệt thân thù, yêu ghét.

Sau đây chúng ta hãy coi lại vài đoạn phim trong những năm đức Phật còn tại thế và trên đường hoằng truyền chính pháp, những cảnh thuận cũng như cảnh nghịch đã đến với ngài, chúng ta sẽ thấy hình ảnh và thái độ của bậc thánh nhân, bậc đã hoàn toàn sống với cái chiếu soi, đã đầy đủ tâm Từ và tâm Bi như thế nào.

Như trường hợp một người Bà La Môn dùng 500 lời ác mắng Phật giữa đám đông, mặt Phật không đổi sắc cũng không có tâm khác. Cũng người Bà La Môn ấy lúc tâm phục, lại dùng 500 thứ lời tốt khen Phật mà Phật cũng không có sắc vui mừng! Tâm cũng không thích! Với sự khen chê, tâm và sắc mặt không thay đổi!

Lại như khi người con gái Bà La Môn tên Chiên Giá giả có thai vu báng cho Phật, Phật không có sắc thẹn; khi sự thật được phơi bày, Phật không có sắc vui.

Khi chuyển pháp luân, âm thanh ca ngợi vang dậy mười phương, tâm Phật cũng không cao. Khi ngoại đạo giết người tên là Tôn Đà Lợi bỏ vào sau Tịnh Xá, tiếng xấu lan tràn, tâm Phật cũng không thấp.

Nước A La Tỳ gió lạnh, lại nhiều gai góc, Phật nằm ngồi trên đó cũng không lấy làm khổ. Khi ở trên trời, trong vườn hoan hỷ, nhân mùa hạ an cư, ngồi trên đá “kiếm bà” nhu nhuyễn mát mẻ như duyên thiên uyển cũng không lấy làm vui sướng. Nhận đồ ăn trời do Đại Thiên vương dâng cúng không lấy làm ngon; ở nước Tỳ Lan Nhã ăn lúa ngựa chẳng lấy làm buồn. Các đại quốc vương cúng dàng đồ quý chẳng cho là được; vào xóm Tát La, đem bát không ra chẳng cho là mất. Đề Bà

Đạt Đa ở núi Kỳ Xà Quạt đầy đá hại, Phật cũng không sợ! Lúc ấy, La hầu La lấy tâm cung kính ca ngợi, Phật cũng không yêu. A Xà Thế xưa voi say hại, Phật cũng không sợ. Chiết phục voi rồi, người thành Vương Xá càng thêm cung kính, mang hương hoa, anh lạc ra cúng dàng, Phật cũng không vui. . .

Các thái độ được mô tả trên đây không phải là sự lấy nghị lực đè nén xúc động về tâm cũng như về thân mà là trạng thái thiền định rất sâu của bậc đại thánh chúa, lúc nào cũng trụ nơi không chỗ trụ, lúc nào trí tuệ cũng hằng chiếu soi khắp 10 phương, không một mảy may khởi niệm phân biệt mà tâm đại từ bi vẫn không bỏ sót một chúng sinh nào.

Đó là trạng thái trí tuệ rất ráo Niết Bàn, trạng thái đấng Thiên Nhân sư đã đạt được và muốn cho tất cả chúng sinh như chúng ta cũng đều sẽ đạt được. Đó là bản hoài của Phật, đã được minh định trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện:

*“Sở dĩ Phật ra đời
Để vì nói Phật tuệ ...”*

Thích Chân Tịnh



NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA

Huỳnh Kim Quang

Vì tâm đại từ bi thương xót chúng sanh lặn chìm trong vô minh phiền não thọ nhận vô lượng thống khổ cho nên, sau khi thành đạo dưới cội cây Bồ Đề đức Phật đã không an hưởng sự tịch diệt của Niết Bàn mà du hóa khắp nơi để khai thị con đường giải thoát và giác ngộ cho quần sanh suốt năm mươi năm ròng rã. Đạo giải thoát và giác ngộ ấy, do vậy, là liều thuốc mầu nhiệm chữa lành mọi căn bệnh vô minh phiền não cho tất cả chúng sanh không phân biệt đẳng cấp hay chủng loại.

Chính vì thế, ngay từ những ngày đầu của hàng ngũ đệ tử của đức Phật, chúng ta thấy có sự hiện hữu của hàng Phật tử tại gia thường được mệnh danh là chúng Ưu Bà Tắc (Upasaka) và Ưu Bà Di (Upasika) (các nhà Phật học Trung hoa dịch là Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ) hay cũng gọi là Thiện nam và Tín nữ. Trong hàng ngũ Tứ chúng (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di) hoặc Thất chúng (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Sa Di, Sa Di Ni, Thức Xoa Ma Na, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di), chúng ta đều thấy có sự hiện diện thường trực của hàng Phật tử tại gia. Vì thế, sự hiện hữu của hàng ngũ Phật tử tại gia gắn liền với sự có mặt và phát triển sâu rộng của Đạo Phật trên thế giới trải dài hơn hai mươi lăm thế kỷ qua.

DANH NGHĨA VÀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Upasaka và Upasika là tiếng Pali, có nghĩa là người đàn ông hay đàn bà ngồi kề cận, ở

đây là kề cận Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Các nhà Phật học Trung hoa dịch âm chữ Upasaka và Upasika là Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di và dịch nghĩa là Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ có nghĩa là người đàn ông hay người đàn bà phụng sự gần gũi đối với Tam Bảo. Vì Cận Sự Nam hay Cận Sự Nữ là những người thực nghiệm sự giải thoát và giác ngộ ngay trong đời sống tại gia và không bon chen vào trường danh lợi thế tục cho nên cũng được mệnh danh là Cư Sĩ. Và vì họ là những người thâm tín Tam Bảo, bỏ ác làm lành, hướng tâm đến mục tiêu chí thiện cho nên cũng được gọi là Thiện Nam và Tín Nữ.

Trong những ngày khởi nguyên của hàng ngũ Phật tử tại gia, họ đóng vai trò là những thí chủ dâng cúng tứ sự (y phục, ngọa cụ, y dược và ẩm thực) lên đức Phật và các vị Xuất gia rồi nhân đó thọ nhận giáo pháp được ban bố bởi đức Phật hay các vị Xuất gia. Người Phật tử tại gia cũng có thể đến các tự viện của hàng ngũ Xuất gia để nghe giáo lý rồi theo đó mà hành trì. Người Phật tử tại gia cũng có thể cúng dường Trai Tăng tại tư gia hay tại các tự viện để cầu phước và nhân đó được nghe thuyết giảng giáo lý. Hình ảnh sáng chói của một Trưởng giả Cấp Cô Độc hay một Thái tử Kỳ Đà mà trong các Kinh thường nhắc đến là biểu tượng cao quý cho tinh thần hộ trì Tam Bảo của hàng ngũ Phật tử tại gia thời đức Phật còn tại thế.

Đạo Phật ngày càng được phổ cập trong nhân gian vì con người ngày càng nhận ra giá trị ưu việt của giáo lý giác ngộ và giải thoát

đối với cuộc đời đầy đầy vô minh và phiền não. Đạo Phật với tâm nguyện từ bi không thể không đáp ứng nguyện vọng cấp thiết của nhân quần xã hội. Chính đây là nguồn mạch cho sự hưng phát của Đại thừa mà từ đó một triều lộ huy hoàng mới đã lộ dạng. Phổ cập hóa hay đại chúng hóa Đạo Phật là sứ mệnh không phải chỉ của hàng ngũ Xuất gia mà còn là bốn phận thiêng liêng của hàng ngũ Phật tử tại gia. Khi Đạo Phật đi sâu vào các sinh hoạt đa dạng của xã hội, vai trò phụng sự và hộ trì Tam Bảo của người Phật tử tại gia càng quan yếu. Hàng ngũ Xuất gia không thể đồng sự hay dấn thân quá sâu vào những sinh hoạt phức tạp của thế sự để mang ánh sáng chân lý đến cho mọi thành phần xã hội. Ngược lại, người Phật tử tại gia có thể thực hiện được các sứ mệnh như vậy. Vai trò và sứ mệnh hành hoạt của hàng Phật tử tại gia, do đó, đã có phần chuyển hướng theo bối cảnh lịch sử. Đó là điều tất yếu của tiến trình lịch sử phát triển của Đạo Phật. Hình ảnh sáng chói của một A Dục Vương (Asoka), một Ca Nị Sắc Ca (Kanishka) là đặc trưng cho vai trò và sứ mệnh hộ Đạo của hàng Phật tử tại gia trong bước ngoặt mới của tiến trình lịch sử phát triển Đạo Phật.

Thêm vào đó, các bộ kinh Đại thừa như Duy Ma Cát, Thắng Man, Ưu Bà Tắc Giới, v.v.. đã được phát kiến và phổ cập sâu rộng đến các quốc gia theo hệ thống Bắc truyền. Đó là những bộ kinh liễu giải tường tận hạnh nguyện, quy giới, pháp môn tu chứng, và các phương thức phụng sự Phật Pháp, phụng sự Tam Bảo, phụng sự chúng sanh của một người Phật tử tại gia. Từ đây, hàng Phật tử tại gia thật sự có được trong tay các phương tiện cốt thiết để vững tiến trên đường tu tập và hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng của mình.

Nhờ vậy, song song với việc Đạo Phật phổ cập trong nhân gian là việc lớn mạnh của khối lượng Phật tử tại gia tại khắp các quốc độ mà Đạo Phật có mặt. Không phải chỉ là mặt số

lượng hình thức, hàng Phật tử tại gia thật sự có phẩm lượng về mặt nội dung kiến giải Phật Pháp, đức hạnh tu trì, khả năng hành hoạt trong sứ mệnh hộ trì Tam Bảo và phụng vụ quần sanh. Tất nhiên, phẩm lượng ấy là thành quả của bao kiên trì và huấn dục mà hàng Xuất gia đã dày công tác tạo.

CHUYỂN HÓA ĐỜI SỐNG THẾ TỤC

Không phải ai cũng có đủ duyên lành để xuất gia và theo đuổi mục tiêu giác ngộ và giải thoát toàn vẹn. Vậy đối với đại đa số quần chúng tại gia thì sao? Họ có thể nào thành đạt sự giải thoát và giác ngộ trong cuộc sống thế tục? Nếu mục tiêu giải thoát và giác ngộ chỉ có thể đạt được trong đời sống xuất gia thì Đạo Phật quả là một ốc đảo giữa sa mạc nhân gian khổ lụy chập chùng! Hiển nhiên, Đạo Phật không phải thế vì, đức Phật đã dạy rằng: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có khả năng thành tựu sự giác ngộ và giải thoát cứu cánh."

Đời sống của người Phật tử tại gia so với đời sống của hàng Xuất gia thì có nhiều hệ lụy hơn nào là công việc làm ăn sinh kế, nào là trách vụ đối với gia đình vợ chồng con cái, trách vụ đối với bà con quyến thuộc và xã hội, quốc gia, nào là thường xuyên kề cận với những chương duyên phiền não tham sân si, nào là bị ràng buộc trong mê cung của lợi danh ái nhiễm, v.v... Nhưng không phải vì thế người Phật tử tại gia hoàn toàn không thể thực hiện mục tiêu giác ngộ và giải thoát. Chính trong bối cảnh trầm luân và khổ lụy ấy, người Phật tử tại gia mới cần cầu và nỗ lực thực nghiệm hơn bao giờ hết các phương thức giải thoát khổ đau của Đạo Phật.

Truyền đạt giáo lý giải thoát và giác ngộ cho nhân quần xã hội, đức Phật và chư vị Xuất gia không ngoài tâm nguyện trao truyền cho người Phật tử tại gia những pháp môn hành trì

để giải thoát phiền não và giác ngộ vô minh ngay trong đời sống thường nghiệm của mỗi người. Từ đó, người Phật tử tại gia có thể tìm thấy được nguồn mạch bất tận của đời sống an lạc và giải thoát ngay giữa cuộc đời uest trước và đảo điên. Đây chính là giá trị đặc thù của Đạo Phật mà người Phật tử cần phải phát huy vừa để mang lại phúc lợi cho mình và người, vừa để hiển thị sự mầu nhiệm của Đạo giải thoát.

Cuộc đời lộ hiện ra đó với muôn vàn khổ đau và đen tối. Dù cho con người có cố gắng che đậy bộ mặt thật khổ đau và đen tối này bằng những mỹ ngữ hay những biểu tượng hào nhoáng của thức tâm vọng động thì sự thật vẫn là sự thật rằng vô thường, sanh tử, thống hận, tham si vẫn bám sát theo bước chân luân hồi của chúng sanh từ cõi này sang cõi khác. Chỉ có mỗi một phương cách để giải thoát tình trạng bi thống ấy chính là nhổ sạch cội rễ tác tạo ra chúng. Cội rễ ấy chính là vô minh và các phiền não cấu nhiễm trong tâm thức. Muốn nhổ sạch vô minh và phiền não thì phải giác ngộ nguồn tâm và gạn lọc cấu trần trong thân khẩu ý. Đây chính là con đường chuyển hóa của Đạo Phật vậy.

ĐỊNH HƯỚNG ĐI VÀ XÂY DỰNG NỀN MÓNG

Khi bước chân vào chùa hay đến với Đạo Phật, con người ất hẳn mang sẵn một tâm niệm minh nhiên rằng họ đang đi tìm một lối ngộ, một hướng giải thoát khỏi tình trạng khổ đau và bế tắc hiện tại. Họ có thể đã trải qua một bi vận nào đó chẳng hạn, người thân nhất vừa qua đời, thất bại trên đường danh lợi khoa bảng, tuyệt vọng vì đổ vỡ tình yêu, v.v... Cũng có thể, họ vừa giác tỉnh đối với thân phận mỏng manh của kiếp người, đối với giá trị miên trường của đời sống siêu thoát lên trên những hệ lụy thế tục lẩn quẩn, v.v... Nói tóm

lại, tất cả đều có cùng một ý nguyện: đi tìm một lối ngộ, một hướng giải thoát!

Tại sao những khổ đau cứ bám theo chúng sanh như hình với bóng? Những khổ đau ấy bắt nguồn từ nguyên nhân nào? Và làm thế nào để giải thoát khỏi chúng?

Nguyên nhân của tất cả những khổ đau nằm ngay trong tâm thức vô minh của chúng sanh. Tâm chúng sanh còn vô minh thì còn vọng động. Tâm còn vọng động thì còn tạo ra phiền não và nghiệp trói buộc. Tâm chưa hết vô minh thì dù ở bất cứ cảnh giới nào, bất cứ chủng loại nào cũng vẫn còn gây ra phiền não và nghiệp trói buộc. Giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não đến rốt ráo thì ở đâu và lúc nào cũng được tự tại giải thoát và an lạc. Đạt đến mục đích tối thượng ấy chính là thành Phật. Cho nên, Phật là địa vị tối thắng trong nhân gian mà người Phật tử cần phải tôn quý và lập nguyện thành đạt.

Nhưng chúng sanh vì thiếu duyên lành nên sanh ra đời không gặp Phật. Rất may là giáo nghĩa thâm diệu của Ngài vẫn còn lưu bố ở thế gian. Giáo nghĩa ấy là những lời dạy vàng ngọc của đức Phật, của chư vị Thánh Tăng khai thị và chỉ lối cho con người các phương thức tu tập để giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não. Giáo nghĩa ấy không phải là hệ thống lý thuyết hý luận bàn cãi đến những vấn đề siêu hình hay chỉ có tính cách thuần lý. Giáo nghĩa ấy đòi hỏi người học tập một sự thực nghiệm nghiêm túc và tinh tấn không giải đãi. Giáo nghĩa ấy chú trọng đến sự giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não một cách triệt để và tận gốc. Đây chính là kim chỉ nam mà người Phật tử tại gia không thể không trân trọng và bảo trì.

Một người chưa từng biết học cách xem bản đồ và định phương hướng thì dù có nhìn vào bản đồ trước mắt cũng không thể định ra đúng hướng mà mình phải đi. Tương tự như vậy, người Phật tử tại gia nếu không có đạo

sư khai thị và chỉ dạy cho nghĩa lý trong các kinh thì cũng không thể thực nghiệm Đạo một cách đúng chánh pháp. Con đường thực nghiệm Đạo cốt ở chỗ thực chứng nội tâm không phải trọng ở điều biết nhiều học rộng. Cho nên, đừng nghĩ rằng mình đọc nhiều kinh, hiểu được nhiều pháp số, thông suốt được nhiều thuật ngữ của Đạo Phật là có thể giải thoát được khổ đau. Chính vì thế, người Phật tử tại gia cần những bậc đạo sư dìu dắt trên con đường tu tập để thành tựu mục tiêu giải thoát phiền não và giác ngộ vô minh.

Như thế, người Phật tử tại gia trước hết là quy kính Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Quy kính Phật, Pháp, Tăng cũng có nghĩa là xác định mục tiêu tối thượng thành tựu tuệ giác siêu việt, cũng có nghĩa là nắm chắc phương thức hành trì để tận diệt vô minh phiền não, và cũng có nghĩa là cần cầu bậc đạo sư trợ lực trên đường thực nghiệm tâm linh. Người Phật tử tại gia không thể thiếu một trong ba chỗ nương tựa ấy. Xác định được mục tiêu tối thượng mà không có phương thức hành trì hay không có đạo sư chỉ lối thì không thể đạt đến đích cứu cánh. Có phương thức hành trì mà không xác định được mục tiêu tối hậu hay không có đạo sư dẫn lối thì không biết mình phải đi về đâu, hoặc gặp chướng ngại thì không biết đâu mà giải quyết. Xác định được hướng đi và có phương thức hành trì nhưng không có đạo sư khai thị và chỉ vẽ thì không tránh khỏi rơi vào mê lộ của vọng tâm.

Việc quy kính Tam Bảo còn mang lại cho người Phật tử tại gia một ích dụng khác, đó là việc xây dựng một chánh tín kiên định. Thế nào là chánh tín? Là niềm tin ấy có khả năng đưa người Phật tử tại gia tiến thẳng trên đường diệt trừ khổ đau và phá đổ vô minh. Là niềm tin ấy khai thị cho người Phật tử tại gia giá trị đặc hữu của con người trong việc quyết định vận mệnh của chính họ. Từ đây, an lạc hay khổ đau là do chính người Phật tử tại gia tự

làm chủ lấy, không ai và không có bất cứ thế lực ngoại tại nào có thể làm việc đó thay thế cho họ.

Đây là điểm vô cùng hệ trọng trên con đường tu tập thiện pháp. Đối với người xem việc tu trì như trò tiêu khiển cho vui thì có lẽ việc quy kính Phật, Pháp, Tăng chẳng có gì quan trọng. Nhưng, đối với người xem việc giải thoát giác ngộ như cứu lửa đang cháy đầu thì việc quy kính Phật, Pháp, Tăng là một điều vô cùng ý nghĩa và trọng yếu.

Có người nghĩ rằng chỉ cần quy kính Phật Pháp là đủ cần gì phải quy kính các vị Xuất gia? Có người còn đi xa hơn cho rằng Phật tại tâm đâu cần phải quy lụy vào ai nữa, chỉ cần ở nhà đọc kinh sách là đủ để tự mình tu tập cho đến khi thành tựu Bồ Đề!

Nói thì dễ, làm mới là khó! Việc nhận biết bằng kiến thức thông thường rằng Phật tại tâm, rằng tự tánh vốn thanh tịnh, rằng pháp tánh vốn thường minh, rằng phiền não tức Bồ Đề, rằng sắc tức là không, v.v... điều ấy không khó, vì đa số Phật tử xưa nay đều ít nhiều có nghe biết đến. Vấn đề là ở chỗ: chúng ta đã thật sự tẩy sạch vô minh và trừ diệt hết phiền não trần cấu chưa? Hãy tự vấn lấy mình một cách thành khẩn và trang trọng như thế. Nếu tự mình thấy rằng quả thật mình đã tẩy sạch vô minh và trừ diệt hết phiền não thì không còn gì để nói. Nhưng, nếu tự thấy rằng mình chưa thật sự tẩy sạch vô minh và trừ diệt hết phiền não thì không nên tự lừa dối mình bằng những hý luận vô ích mà phải cấp tốc nương tựa vào Tam Bảo để sớm giải thoát khổ đau.

Người Phật tử tại gia nên biết rằng một vị tu sĩ khi thọ nhận Tỷ Kheo hay Tỷ Kheo Ni giới tức là bước vào cuộc sống của một Thánh giả A La Hán thật sự. Chỉ nói đến giới thể và giới tướng của ba ngàn oai nghi và tám mươi ngàn tế hạnh của một vị Tỷ Kheo hay Tỷ Kheo Ni không thôi là đủ để cho chư thiên, long, tám bộ chúng và loài người kính ngưỡng rồi.

Tất nhiên, đây không phải là điều nên mang ra để phô trương vì các vị Xuất gia không phải cần đến sự quy kính của người khác mà thọ trì quy giới hay sống đời phạm hạnh. Nói lên điều này, người viết đứng ở vị thế của một Phật tử tại gia xin nhắc cho những người cùng là Phật tử tại gia đừng quên những giới hạn mà chúng ta đang chịu mang trong cuộc sống thế tục của mình. Trong kinh đức Phật thường dạy rằng ở thời đại mạt pháp chư Phật và Bồ Tát thường thị hiện ra đời qua hình ảnh của các bậc Bốn sư, Đạo sư. Cho nên, quy kính và nương tựa Bốn sư, Đạo sư tức là quy kính và nương tựa chư Phật và Bồ Tát vậy.

Trong phần thực nghiệm phương thức tẩy sạch vô minh và trừ diệt phiền não, người Phật tử tại gia, trước hết và căn bản nhất, là phải xây dựng cho mình cái nền tảng vững chắc để từ đó bước lên các địa vị Hiền Thánh cao hơn. Nền tảng vững chắc ấy chính là hoàn thành cuộc sống Nhân thừa bằng cách tuân thủ theo Ngũ Giới. Là một con người, người Phật tử tại gia hãy sống như một con người với tròn đầy ý nghĩa "người" trước đã. Như thế nào là sống với ý nghĩa "người" thật sự? Nghĩa là sống với thể xác và tâm thức thuần lương: không làm hại mình và hại người, không khiếm nhục, không tàn bạo, không ác độc, không phá hoại hạnh phúc của tha nhân, mang tâm niệm từ bi khoan dung và độ lượng, nuôi dưỡng tâm trí sáng suốt minh mẫn và hồn nhiên, giữ lấy thân thể khỏe mạnh lương trinh. Muốn sống được như vậy, người Phật tử tại gia được khuyến thỉnh thọ trì năm quy tắc điều phục thân tâm như sau:

1. Không sát hại sinh vật.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà hạnh.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.

Là một phạm phu, tất cả chúng ta đều mặc nhiên cảm nghiệm rằng trong đời sống hằng

ngày, chúng ta đã không thể giám sát hết những hoạt dụng của thân, khẩu và ý của mình. Trong mỗi người chúng ta, thế lực của vô minh thật cường bạo đến nỗi chúng ta thường xuyên bị thao túng bởi nó mà chẳng hề tỉnh ngộ ra lẽ thật hư. Nào đam mê ngũ dục tài, sắc, danh, thực, thù từ vô lượng vô số kiếp, nào đảo điên khởi động thức tâm nhận giả làm chân không biết khởi thủy là đâu. Chính vì vậy, nếu để cho thân khẩu ý tự do thao tác thì chúng ta không tránh khỏi tiếp tục bị cuốn hút vào quỹ đạo trầm luân thống khổ triền miên. Đó chính là lý do tại sao người Phật tử tại gia phải chí thành thọ nhận Ngũ Giới để kiểm thúc ba nghiệp thân khẩu ý và hoàn thành cuộc sống Nhân thừa.

NHỮNG NẮC THANG TRÊN ĐƯỜNG TU TẬP

Tam Quy và Ngũ Giới là nấc thang thứ nhất để cho người Phật tử tại gia bước lên lộ trình thăng hóa đời sống khổ đau và tăm tối của mình. Khi người Phật tử tại gia xây dựng vững chắc nền tảng căn bản ấy rồi, họ có thể tiếp tục bước lên những nấc thang kế tiếp để hoàn thành mục tiêu tối hậu. Các nấc thang kế tiếp là:

1. **Thiên thừa:** Ở đây lấy việc tu tập và hành trì Mười Điều Thiện (Thập Thiện) làm phương thức căn bản để điều phục tam nghiệp thân-khẩu-ý một cách chu toàn hơn so với Ngũ giới. Kết quả của việc hành trì Mười điều thiện này là hoàn thiện cuộc sống làm người và sanh lên các cõi trời phước báo. Mười điều thiện là:

- a- Không sát sanh
- b- Không trộm cướp
- c- Không tà hạnh
- d- Không nói dối
- đ- Không nói lời xảo trá
- e- Không nói lưỡi hai chiều

- g- Không nói lời hung ác
- h- Không tham lam
- i- Không sân hận
- k- Không si mê

2. Thanh Văn thừa: Đây là nấc thang cho người Phật tử tại gia bước lên địa vị Hiền và Thánh. Ở đây người Phật tử tại gia quán chiếu và hành trì Bốn Sự Thật Mầu Nhiệm (Tứ Diệu Đế). Kết quả của việc tu tập Bốn Sự Thật Mầu Nhiệm này là người Phật tử tại gia có thể trừ diệt khổ đau, liễu ngộ nguyên nhân của khổ đau, thực chứng các quả vị giải thoát như Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán, và tu tập các phương thức mầu nhiệm để thành đạt các quả vị giải thoát ấy. Bốn Sự Thật Mầu Nhiệm là:

a- Sự thật về khổ: Gồm có ba điều khổ hay rộng hơn có tám điều khổ (sinh, già, bệnh, chết, thương yêu mà xa cách, mong muốn mà không được, oán ghét mà gặp gỡ, và năm uẩn không điều hòa).

b- Sự thật về nguyên nhân của khổ: Gồm có mười nguyên nhân (tham, sân, si, kiêu mạn, nghi hoặc, chấp thân thể là thật ngã, chấp đoạn diệt hay thường còn, chấp chặt vào quan điểm của mình, chấp chặt vào giới điều, và quan điểm tà vạy như không tin nhân quả, luân hồi v.v.).

c- Sự thật về Niết Bàn hay các trạng thái giải thoát phiền não: Gồm có bốn Thánh vị (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán).

d- Sự thật về các con đường đưa đến Thánh vị: Gồm có ba mươi bảy con đường (Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, và Bát chánh đạo).

3. Duyên Giác thừa: Hay còn gọi là Độc Giác thừa vì người tu theo thừa này do tự mình quán sát hành quả của lý Mười Hai Nhân Duyên (Thập Nhị Nhân Duyên) mà thành tựu đạo quả. Người tu tập theo phép quán Mười

hai nhân duyên này sẽ thành đạt quả vị Độc Giác Phật. Mười hai nhân duyên là:

- a- Vô minh (không giác ngộ thực tướng các pháp)
- b- Hành (năng lực của ý chí)
- c- Thức (ý thức phân biệt)
- d- Danh-sắc (thể xác và tâm thức)
- đ- Lục nhập (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý)
- e- Xúc (sự xúc chạm giữa căn và trần)
- g- Thọ (cảm thọ khổ và lạc)
- h- Ái (thương yêu hay mặt trái là hận thù)
- i- Thủ (chấp giữ khi đã thương yêu, xả bỏ khi ghét)
- k- Hữu (sự hiện hữu, năng lực tái sanh)
- l- Sanh (sanh ra đời)
- m- Lão-tử (già và chết)

4. Đại thừa: Các nấc thang tu tập nói trên chú trọng vào việc giải thoát cho cá nhân mình mà không đặt nặng phần giải thoát cho nhân quần xã hội và chúng sanh, mặc dầu ích lợi của một người thành tựu việc giải thoát cho cá nhân luôn luôn có sự tương quan hữu ích đối với xã hội. Đại thừa lấy việc giải thoát cho tha nhân làm phương thức tu tập để giải thoát cho mình. Đại thừa bao gồm Bồ Tát và Phật thừa, vì khi phát tâm Bồ Đề, hành giả đã là một Bồ Tát sơ phát tâm và đến khi thành tựu hạnh quả thì hành giả là một vị Phật toàn giác. Đại thừa lấy Lục Độ làm kim chỉ nam cho việc hành trì và thực nghiệm giải thoát và giác ngộ. Lục Độ là:

- a- Bố thí
- b- Trì giới
- c- Nhẫn nhục
- d- Tinh tấn
- đ- Thiền định
- e- Trí tuệ

Ở đây người viết chỉ giới thiệu một cách thật sơ lược về các nấc thang tu tập mà một người Phật tử tại gia có thể thực hiện để thăng hoa đời mình vượt lên khổ não. Nhưng, chừng ấy sơ lược không đủ để làm chỉ nam cho việc

hành trì, vậy mong người đọc tri nhận cho điều này. Nếu quý vị muốn thực nghiệm giáo pháp của chư Phật thì có thể tìm hiểu tường tận hơn nơi kinh điển hoặc nơi các vị thiện hữu trí thức tại gia và xuất gia.

BỐN PHẬN THIÊN LIÊNG

Trên bình diện tương đối, các pháp hiện hữu trong chiều kích tương quan tương hệ mật thiết từ một hạt bụi đến sơn hà đại địa, không một pháp nào có thể tồn tại mà không tương sinh tương tức với những pháp khác. Con người cũng vậy. Làm người ai mà không có những liên hệ gắn bó giữa bản thân, gia đình và xã hội. Người Phật tử cũng không ngoại lệ và còn có thêm mối tương liên với Đạo Pháp nữa. Trong mối liên hệ ấy, người Phật tử tất nhiên phải thể hiện bốn phận của mình sao cho toàn vẹn.

1. ĐỐI VỚI BẢN THÂN:

Người Phật tử trước hết phải chuyển hóa chính bản thân mình trong mục tiêu giải thoát phiền não và giác ngộ vô minh. Có chuyển hóa được bản thân mình thành một người hữu ích, người Phật tử mới nói đến việc làm tròn bốn phận đối với gia đình, xã hội và đạo pháp. Khi bản thân mình chưa được chuyển hóa thì mình chính là căn nguyên của mọi phiền não, khổ đau và bất ổn, như vậy làm sao người Phật tử có thể chuyển hóa cho gia đình và xã hội?

Gia đình và xã hội đều lấy cá nhân của mỗi người làm thành tố cơ bản, vì gia đình và xã hội chỉ là một tập hợp của nhiều cá nhân. Muốn chuyển hóa gia đình và xã hội thì phải chuyển hóa cá nhân trước. Chính vì thế, người Phật tử phải nỗ lực tu sửa bản thân, nghiêm chỉnh chấp hành các quy giới mà mình đã thọ, y chỉ theo lời Phật dạy và theo sự hướng dẫn của vị Bổn sư tu tập các pháp

môn, diệt trừ tham sân si, phá bỏ bản ngã vị kỷ. Song song với việc chuyển hóa tâm thức xây dựng đạo đức bản thân, người Phật tử cần phải nỗ lực không ngừng trong việc lành mạnh hóa cơ thể để có đầy đủ thể lực tiếp tục con đường chuyển hóa mình và tha nhân. Phát huy trí tuệ và thể nghiệm tâm từ bi cũng là bốn phận thiên liêng của người Phật tử đối với bản thân. Phát huy trí tuệ để liễu giải các pháp, thể nghiệm từ bi để thể nhập thực tại.

Chuyển hóa cá nhân theo tinh thần của đạo Phật cũng chính là phương cách trọng yếu nhất để hộ trì Phật Pháp. Mỗi người Phật tử tại gia sống như chánh pháp nghĩa là thể hiện hiệu năng giải thoát và giác ngộ của đạo Phật trong đời sống thường nhật của mình tức là góp phần xứng đáng vào việc duy trì và phát huy tinh hoa và chất liệu sinh động của đạo Phật giữa cuộc đời. Dù mang danh nghĩa là một Phật tử nhưng trong đời sống thực tế không thật sự sống theo tinh thần của đạo Phật, không có lòng chuyển hóa cuộc đời mình từ khổ đau tăm tối lên an lạc tỉnh giác thì đó chỉ là thứ danh nghĩa suông không ích lợi gì cho bản thân và cho đạo. Người như thế làm sao nói đến việc xây dựng gia đình, xã hội và hộ trì Phật Pháp?

2. ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH:

Lần đầu tiên khi con người biết nhìn ra thế giới bên ngoài và thật sự nhận thấy có sự hiện hữu của người khác ngoài bản thân mình, kẻ tha nhân ấy chính là những thành viên của gia đình, là ông bà cha mẹ anh em và vợ chồng con cái. Tha nhân ở đây không phải là kẻ xa lạ mà chính là một người khác, một hiện hữu khác ngoài bản ngã của mình. Trong ý nghĩa đó, khi một người biết quan tâm và lo lắng đến gia đình tức là người đó đã thật sự bước ra ngoài cái vỏ ốc vị ngã của nó. Thể hiện tinh thần vị tha của đạo Phật, trước hết và cơ

bản, có thể bắt đầu từ đây. Hơn thế nữa, công lao sanh thành dưỡng dục lớn lao của ông bà cha mẹ, tình nghĩa sâu đậm của vợ chồng, và mối liên hệ huyết thống đối với con cái là động lực để cho mỗi thành viên trong gia đình phải có bổn phận đối với nhau.

Chính vì vậy, người Phật tử tại gia có bổn phận thiêng liêng phải xây dựng và chuyển hóa gia đình. Xây dựng gia đình có nghĩa là làm tròn trọng trách của ông bà đối với con cháu, của cha mẹ đối với con cái, của chồng đối với vợ hay của vợ đối với chồng, và của con cháu đối với ông bà cha mẹ. Khi mỗi người trong gia đình làm tròn bổn phận của mình tức là cách xây dựng gia đình hữu hiệu nhất. Cha mẹ thì cấp dưỡng đầy đủ cho con cái từ vật chất đến tinh thần, từ cách sống đạo đức luân lý đến cách tiếp xử với tha nhân. Vợ chồng thì đối xử nhau tương kính tương thuận và thành thật chung thủy. Con cái thì đối với cha mẹ một lòng kính trọng vâng lời, giúp đỡ cha mẹ và chăm chỉ học hành.

Chuyển hóa gia đình có nghĩa là mỗi thành viên trong gia đình đều có bổn phận mang tinh thần của đạo Phật vào đời sống gia đình để từ đó cảm hóa những người thân của mình. Phương cách cảm hóa kiến hiệu nhất là chính mình làm gương cho gia đình trong việc thực nghiệm tinh thần giải thoát và giác ngộ của đạo Phật. Đem tinh thần của đạo Phật vào cuộc sống thực tế bằng cách hiếu thảo với người trên, hòa thuận và thương yêu kẻ dưới, sống không tà hạnh để giữ hạnh phúc vợ chồng, sống không nói dối để dạy con thành thật, sống không rượu chè cờ bạc để làm gương kỷ cương cho gia đình, giáo dục con cái và vợ chồng bằng tinh thần tự giác giác tha, từ bi khoan dung và độ lượng để khai mở tâm thức cho các thành viên khác trong gia đình. Hướng dẫn gia đình đến gần với đạo Phật bằng cách đưa gia đình đi chùa thường xuyên, khuyến khích việc đọc tụng kinh điển của đạo

Phật hay nghe giảng kinh thuyết pháp. Cố võ việc thực hành các điều lành và trừ bỏ các điều ác.

3. ĐỐI VỚI XÃ HỘI:

Một cá nhân hay một gia đình không thể tồn tại nếu không có mối tương quan tương duyên với xã hội. Con người thọ nhận rất nhiều ân huệ từ xã hội mà họ sinh trưởng từ vật chất đến tinh thần, từ kinh tế đến giáo dục. Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, nhà chúng ta ở, kiến thức chúng ta có được, đạo đức và luân lý chúng ta thừa hưởng, tất cả đều là sản phẩm của xã hội mà trong đó chúng ta sinh tồn. Như thế, làm người ai cũng phải có bổn phận đóng góp vào việc xây dựng xã hội theo khả năng và hoàn cảnh của mình.

Đối với người Phật tử tại gia, ngoài ân huệ của xã hội đối với họ còn là vấn đề hạnh nguyện vị tha xuất phát từ tâm niệm từ bi đối với đồng loại, đối với chúng sanh. Ngày nào mà xã hội còn phiền não, khổ đau và bất ổn thì ngày đó người Phật tử tại gia còn phải thi thiết hạnh nguyện cứu khổ ban vui cho mọi người. Mục tiêu xây dựng xã hội của người Phật tử tại gia là để chuyển hóa xã hội từ vô minh và phiền não đến giác ngộ và giải thoát. Để hoàn thành việc xây dựng xã hội, người Phật tử tại gia thực hiện bốn phương thức nhiếp hóa mà đạo Phật gọi là Tứ Nhiếp Pháp sau đây:

a- **Bố thí:** Ban phát điều gì cho người khác với tâm niệm từ bi bình đẳng gọi là bố thí. Người Phật tử tại gia có thể thực hiện việc bố thí qua ba cách: Thứ nhất, đem tài sản của cải mà mình có ban phát cho người khác, hoặc cũng có thể đem thân xác của mình mà bố thí cho người khác. Thứ hai, đem giáo pháp thậm thâm vi diệu của chư Phật mà ban bố cho người khác để họ có thể theo đó mà tu tập. Thứ ba, làm chỗ che chở cho người khác khiến

họ không còn sợ sệt.

b- Ái ngữ: Người Phật tử tại gia có thể dùng lời lẽ dịu dàng, bình dị và khoan dung để cảm hóa nhân quần xã hội. Người sử dụng ái ngữ đúng theo tinh thần của đạo Phật là người không khởi niệm hận thù sân si đối với người khác, hay nói cách khác, là người luôn luôn mang tâm niệm từ bi bình đẳng trong mọi hoàn cảnh. Người như thế lúc nào cũng nghĩ đến việc cứu giúp kẻ khác thoát khỏi khổ đau và phiền não.

c- Lợi hành: Để cảm hóa tha nhân và xây dựng xã hội, người Phật tử tại gia cũng cần phải lăn xả vào các công tác từ thiện làm lợi ích cho mọi người. Làm bất cứ điều gì, người Phật tử tại gia cũng nghĩ đến lợi ích giải thoát khổ đau và giác ngộ vô minh cho con người và xã hội. Trong phương cách này, người Phật tử tại gia đôi khi phải thể hiện đức hùng lực để khuất phục các thế lực vô minh mạnh động và kiến tạo sự an lạc thái bình cho xã hội.

d- Đồng sự: Vì để cảm hóa con người và xã hội, người Phật tử tại gia có lúc cũng phải dấn thân vào mọi hình thái sinh hoạt đa dạng của xã hội như nhập cuộc vào các tầng lớp xã hội như làm người thương gia, viên sĩ quan, vị tướng, nhà giáo, vị tu sĩ, người nông dân, v.v... Có dấn thân vào các hình thái sinh hoạt đa dạng của xã hội như thế, người Phật tử mới có thể thực hiện thuận tiện hạnh nguyện tự giác giác tha của mình.

4. ĐỐI VỚI ĐẠO PHÁP:

Nhờ ân đức của đạo Phật, của Tam Bảo mà người Phật tử tại gia mới thấy được hướng đi đích thực, mới xác định được chánh tín, mới tìm được phương thức chuyển hóa đời sống cá nhân, gia đình và xã hội của mình một cách thực tiễn và ích dụng. Trong ý nghĩa này, Đạo Pháp quả thật là quý giá vô ngần, là mẫu nhiệm vô lượng đối với người Phật tử tại gia.

Đạo Pháp quý giá và mẫu nhiệm này cần phải được bảo trì và xiển dương để làm lợi ích cho mình và nhân quần xã hội.

Vì vậy, hộ trì Tam Bảo và xiển dương Phật Pháp là bốn phận thiêng liêng của người Phật tử tại gia. Nhưng, người Phật tử tại gia hộ trì Đạo Pháp như thế nào?

Trước hết và căn bản nhất là mỗi người Phật tử tại gia phải nỗ lực hành trì Phật pháp và chuyển hóa đời sống cá nhân mình. Đem Phật pháp nhiệm mẫu phổ biến khắp nơi bằng kinh sách, bằng thuyết hóa, bằng đời sống gương mẫu của mình. Thường xuyên đi chùa tụng kinh, nghe Pháp, và làm việc từ thiện hay góp phần vào những sinh hoạt của các tổ chức Phật giáo. Trước các thế lực vô minh tàn độc có mưu đồ tiêu diệt Phật Pháp, người Phật tử tại gia nhất định sát cánh với hàng ngũ Xuất gia để bảo vệ Chánh pháp dù có phải hy sinh tánh mạng này cũng không thay đổi quyết tâm. Xem Phật pháp là mạng mạch của đời sống, người Phật tử tại gia cho đến trọn đời không bao giờ rời bỏ.

KẾT LUẬN

Trong kinh có dạy rằng: "Thật tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp." Nghĩa là "trên lãnh địa lý tánh tuyệt đối thì không có một máy may vi trần nào để thọ nhận, nhưng trên bình diện muôn ngàn công hạnh tu chứng thì không thể xả bỏ một pháp nào cả."

Thật là chí lý, trên bình diện lý tánh thì dù cho một niệm khởi lên cũng đã ngăn đôi bờ tử sanh và bất diệt, nhưng thật sự chúng ta đã đạt được đến chỗ ly tứ cú tuyệt bách phi ấy chưa? Nếu chưa thì chúng ta vẫn còn bị cuốn hút trong quỹ đạo của sanh tử luân hồi và khổ đau triền phược. Vậy điều nên làm và phải làm là tu tập tất cả các thiện pháp, trừ bỏ các ác pháp và thanh tịnh thức tâm để sớm thể

nhập vào lý tánh siêu việt.

Phật pháp là giáo pháp khế cơ, cho nên mỗi pháp môn là một liều thuốc chuẩn xác cho một loại bệnh nào đó, một loại căn cơ nào đó. Mỗi chúng sanh có một căn cơ khác nhau, cho nên không thể đem căn cơ của người này so sánh với căn cơ của người kia để đo lường chỗ cao thấp.

Điều nên làm là hãy tiếp tục và tinh tấn mà đi lên, nếu không đi thì không bao giờ đạt đến đích tối hậu.

Vô thường không hẹn trước với ai, chỉ sợ lúc có cơ hội mà không biết nắm lấy thì ổng phí cho một đời người!

Cơ hội ấy chính là chúng ta đang là một Phật tử. Xin hãy làm những gì mà một người Phật tử tại gia có thể làm cho mình, cho gia đình, cho xã hội và cho Đạo Pháp để chúng ta không phải là kẻ đánh mất cơ hội quý giá hôm nay.



Thơ VIÊN LÝ

Làm Sao Ta Nữ. . .

Mưa vẫn rơi đều trên giọt lá
Lòng ta ướt đẫm nỗi niềm riêng
Xuân đã chập chờn ngoài song cửa
Ta ngại làm sao đêm cuối đông.
Ta ngại làm sao đêm cuối đông
Tuổi hạc giờ thêm lại chất chồng
Đời ta xích lại gần mộ huyết
Người bảo làm sao ta cứ vui!
Người hỏi vì sao ta chẳng vui?
Vì sao ta mãi cứ u sầu
Vì sao ta cứ hoài cô độc:
Đông đã qua mà xuân chưa sang!
Ta vẫn u hoài cô độc mãi
Nỗi niềm năm tháng chưa phai
Làm sao vui được khi ta vẫn
Nợ nhân quyền còn quấy trên vai
Ta cứ đi hoài và đi mãi
Con đường khai phóng của tương lai
Ta cứ đi hoài nhưng chẳng đến
Bến bờ đích thực của tự do
Làm sao dừng lại khi ta vẫn
Gánh nặng nhân quyền chưa trả xong
Làm sao cười được khi đời vẫn
Muôn vàn thống khổ lẫn bất công
Làm sao ta nữ quay lưng được
Dân tộc Việt nam vẫn mỗi mòn
Làm sao ta nữ quay lưng nhỉ
Pháp nạn lan tràn chưa giải tan
Ta sẽ cười vang khi tàn cuộc
Ván cờ dân chủ đã an bang
Ta sẽ một mình lên đỉnh Thử
Bỏ lại đằng sau bao ước mơ
Bụi trần rũ sạch và quy ẩn
Đời buồn vui, mộng thực
thấy đều KHÔNG.

DÂN VIỆT CHƯA TỰ DO, DÂN TỘC CHƯA THOÁT NẠN PHẬT GIÁO CÒN ĐẤU TRANH

Lý Đại Nguyên

Đạo Phật và những người theo Phật vốn từ bi hiếu hòa, nhưng lại tự đặt mình trong thế thường trực đấu tranh với chính bản thân mình. Tự thắng: tham sân si để làm sáng trí tuệ mình, làm đẹp tâm tính mình, làm chính hành vi mình nhằm góp phần xây dựng một quê hương tự do, một thế giới hòa bình phát triển.

Thực hiện phần nào đại nguyện của người thầy giác ngộ, đức Thích Ca: *“Ta là Phật đã thành, tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành”*, *“Ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục”*... người theo Phật chân chính từ ngàn xưa tới nay đều đi theo hướng đó. Hướng tự hoàn thiện mình để phụng sự đời.

Người theo Phật hiểu đúng lời Phật dạy: Đạo Phật chỉ là phương tiện giúp con người theo đó mà tự thắng, tự giải thoát chứ đạo Phật tự bản thân lý thuyết không phải là cứu cánh buộc con người phải hy sinh phục vụ và chấp giữ cứng ngắt như một chân lý tuyệt đối. **Cứu cánh của Người đúng là Người.**

Con người tự do, tự chủ và sáng tạo đó là hướng con người phải tự thể hiện trong cõi nhân sinh và đây mới đích thật là xu hướng, là trào lưu thời đại, là mẫu mực mà mọi chế độ phải tự đổi mới cho ứng hợp với nhu cầu tinh thần của con người thời đại.

Hầu như tất cả các nước tiên tiến trên thế giới đều đã mặc nhiên đi theo hướng tự do,

dân chủ và tôn trọng nhân quyền để hoàn chỉnh chế độ và vận động với các chính quyền ở các nước còn lạc hậu phải tôn trọng nhân quyền. Gạt bỏ những hậu ý có thể có thì đây là điều đáng mừng cho loài người đang tiến gần tới đời sống **NHÂN CHỦ NHÂN VĂN HÒA BÌNH PHÁT TRIỂN.**

Chỉ buồn cho đất nước Việt Nam mình vẫn còn bị cai trị bởi nhóm người tà đạo, dùng con người làm vật hy sinh cho chủ nghĩa không tưởng, lợi dụng danh nghĩa Dân Tộc để xây dựng một chế độ chuyên chính trấn áp con người, hạ thấp mọi giá trị của con người, của dân tộc xuống hàng **Nô Lệ**. Trước đây là nô lệ của Liên Xô, giờ đây lại là Trung Cộng hay một thế lực nào khác, cũng vẫn là **Nô Lệ**.

Dân Tộc Việt Nam với tinh thần quật cường tự chủ, dân chúng Việt Nam quyết giành tự do Dân Chủ cho mình và cùng xây dựng quê hương, làm sao chịu đựng mãi với ách **Nô Lệ** mà **Cộng Đảng Việt Nam** đang củng cố trên lưng mình. **Đấu tranh! Đấu tranh!** Đó là tâm niệm của mỗi người Việt hiện ở trong cũng như ngoài nước.

Phật Giáo mặc nhiên bị đặt vào trung tâm cuộc đấu tranh đó, vì người dân Việt ngàn đời đã tin rằng, với bản chất tế độ chúng sanh, Phật Giáo chẳng bao giờ tranh đấu nhằm vào lợi lộc cho mình, Phật Giáo vì đại đa số dân lành mà tranh đấu chống đàn áp bất công rồi

cúi cùng vẫn là Dân, chẳng có nhà sư nào làm Vua, làm Tổng Thống hay Thủ Tướng v.v... cả, và đạo Phật chẳng tự coi là Quốc Giáo.

Gần hai ngàn năm đạo Phật đã có mặt tại Việt Nam, làm người bạn đồng hành với dân Việt trong dòng lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đạo Phật là một người khách biết tôn trọng tinh thần tự do, tự chủ và sáng tạo của dân tộc chủ Việt Nam. Chính đạo Phật là một trong những nhân tố mạnh mẽ dân tộc Việt đề kháng với trào lưu Hán hóa ở thời Bắc Thuộc ngàn năm.

Những nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam đều đồng ý rằng: nhờ ảnh hưởng đạo Phật đến trước, mà ảnh hưởng của hai đạo Khổng, Lão của văn minh Trung Hoa không độc chiếm nổi lãnh vực tư tưởng của Việt Nam. Và nhờ tinh thần vô chấp của đạo Phật và đức tính bao dung của dân tộc đã làm nền cho công cuộc *dung hóa* trộn vụn giữa các luồng tư tưởng chính của Đông Phương để Việt Nam mở ra thời đại văn minh tự chủ Lý Trần rực rỡ.

Những Thiền sư Phật Giáo đã thực sự sắm vai trò chỉ đạo cho việc xây dựng và phát triển của thời đại nhà Lý. Các vị Vua nhà Trần đều sớm từ giã ngai vàng để thành Thiền sư. Nhưng hai nhà Lý Trần đều hết sức tôn trọng những lời dạy chánh đáng của hai đạo Khổng, Lão để xây dựng con người, phát triển quê hương.

Mặc nhiên hay ý thức, đại đa số dân Việt đã chọn đúng Phật Giáo làm đầu tàu, làm trung tâm đấu tranh chống lại bạo quyền vào thời kỳ 1963, và những người theo đạo Phật cũng ý thức được trách nhiệm của mình để tự hy sinh hoàn thành tâm nguyện của người Dân. Tuyệt thực, tự thiêu là phương tiện dùng thân xác làm khí giới cho cuộc đấu tranh bất bạo động nhằm thuyết phục đối phương và đạt sự đồng tình của thế giới.

Thế giới đồng thuận, toàn dân đồng tình

đưa tới sự thắng lợi của phong trào 63 và cũng từ đó Phật Giáo được sinh hoạt bình đẳng với các tôn giáo khác trong Luật pháp. Với khí thế thắng lợi quá lớn, với bản chất hiếu hòa hợp với lòng dân không thích chiến tranh, Phật Giáo đã bị biến thành mục tiêu phải bị triệt hạ của những thế lực chủ chiến.

Bằng những đòn phân hóa, bằng những màn chụp mũ là Cộng Sản, bị Cộng Sản thao túng... Phật Giáo đã bị sinh hoạt trong một hoàn cảnh hết sức khắc nghiệt tại miền Nam Việt Nam.

Mặc dù trong những bức Thông Điệp của đức Tăng Thống GHPGVNTN thường xuyên khẳng định rằng: Phật Giáo chỉ có một mục đích phụng sự con người, phục vụ dân tộc chống lại các tà thuyết bắt con người phải hy sinh cho chủ nghĩa, chống lại các thế lực đen tối bắt dân tộc phải hy sinh cho cuộc chém giết vì quyền lợi của họ. Nhưng Phật Giáo vẫn bị những âm mưu thâm độc đẩy về phía kẻ thù chính của dân tộc là Cộng Sản.

Miền Nam Việt Nam sớm dĩ bị mất về tay Cộng Sản một phần cũng vì chính sách ngu muội đẩy dân về phía Cộng Sản để Cộng Sản có nhiều cơ hội phát cờ dân tộc.

Thật ra chính nghĩa dân tộc bao giờ cũng thuộc về phía Tự Do. Vì chỉ có tự do con người mới trưởng thành mọi mặt, dân tộc mới phát triển rực rỡ. Chính vì Cộng Sản đội lốt dân tộc để tiến đánh miền Nam đến khi thành công rồi, lộ nguyên hình là bầy Độc Tài Chuyên Chính hoàn toàn làm nô lệ cho chủ thuyết Mác Lê và quan thầy Sô Viết nên toàn dân Việt lại phải đối kháng, thậm chí những người cùng hội cùng thuyền trong thời chiến cũng lại biến thành những nhân tố đối đầu.

Đại đa số người dân Việt Nam kịp khi tỉnh thức thì chế độ bạo tàn độc ác thừa điều kiện để củng cố và mỗi ngày mỗi khóa chặt thêm. Phật Giáo cũng chung số phận. Cộng Sản đã tước đoạt đi tính cách pháp nhân của

GHPGVNTN, bắt cầm tù và cô lập các vị lãnh đạo Giáo Hội, họ lập ra một Giáo Hội đặt dưới sự quản trị của Mặt Trận Tổ Quốc, công cụ chính trị của Cộng Đảng, có tên là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Rồi Giáo hội này cũng bị đặt dưới ba tầng áp bức: một là của Mặt Trận, hai của Chính Phủ và chót hết là Đảng. Còn GHPGVNTN thì bị coi là kẻ thù.

Không riêng gì GHPGVNTN bị coi là kẻ thù, mà các tôn giáo khác hoặc là bị trực trị trong Mặt Trận Tổ Quốc, hoặc là trở thành kẻ thù, kể cả các thành phần dân chúng khác không theo Đảng cũng chung số phận. Lần lần đi tới tình trạng chỉ còn lại những Đảng viên và các viên chức Nhà Nước là chưa công khai bị Đảng nhìn là kẻ thù.

Đến thời kinh tế mở cửa thì Đảng lại luôn luôn vi phạm luật pháp làm cho Chính Phủ không biết phải làm sao cho đúng. Muốn gọi vốn đầu tư quốc tế thì bị tư bản nước ngoài chê là lạc hậu và không biết tôn trọng luật lệ. Gọi vốn dân chúng thì dân chúng đâu có tin ở Nhà Nước, một Nhà Nước độc tài lãnh đạo bởi một Đảng có sở trường nói dối và chiếm đoạt tài sản của mọi người. Chính phủ không thực hiện được định mức phát triển do Đảng đề ra. Đảng cho là đường lối mở cửa thất bại, phải trở lại kinh tế do Đảng lãnh đạo. Thế là Chính phủ và Đảng đổ tội cho nhau đưa tới tình trạng chia rẽ trong nội bộ Đảng vì chính quyền lại cũng là Đảng.

Nội bộ càng lủng củng, Cộng Đảng càng tăng cường đàn áp dân chúng mà Phật Giáo đang bị đặt là mối đe dọa mũi nhọn. Vì Phật Giáo luôn luôn trung thành với đường lối bất bạo động, mà đường lối này được cả loài người văn minh ủng hộ, điển hình là giải thưởng Nobel Hòa Bình đã trao cho Đức Đạt Lai Lạt Ma, Người kiên trì theo đuổi cuộc giải phóng dân tộc Tây Tạng bằng phương pháp tranh đấu bất bạo động.

Hơn thế nữa, quyền lãnh đạo Phật Giáo lại

trực tiếp bị đàn áp vì đã đứng lên đấu tranh đòi tự do tôn giáo. Một lần nữa Phật Giáo lại bị đẩy lên hàng đầu trong cuộc đấu tranh của toàn dân đòi tự do dân chủ. Giữa vô sản chuyên chính và tư hữu tự do, người Việt cả trong lẫn ngoài nước đều lựa chọn tư hữu tự do. Để thực hiện được sự lựa chọn đó thì trước tiên là phải có tự do báo chí và truyền thông, kế đó là tự do tôn giáo tức là hoàn thành hai bước của tiến trình Dân Chủ là xây dựng xã hội công dân. Có các đoàn thể xã hội là có nền tảng của chế độ dân chủ vững bền. Nếu chưa có tự do báo chí, tự do tôn giáo thì tất cả các nước mệnh danh Dân Chủ đều là thứ giả hiệu.

Nhu cầu thiết yếu cho sự đi lên của dân tộc hiện nay là một cuộc đấu tranh tự phát theo hướng bất bạo động của toàn dân, trong đó hẳn nhiên Phật Giáo góp công sức rất nhiều. Chính vì nhận thấy nguy cơ càng ngày càng đến gần nên Cộng Sản Việt Nam đã dùng lối lấy tôn giáo này dọa tôn giáo kia: rằng nếu Cộng Sản sụp đổ, tôn giáo này lên thì tôn giáo kia sẽ bị diệt, đồng thời cho những tay sai tung tiền mua chuộc những cây viết vô lương tâm ở hải ngoại, chụp mũ tất cả các nhà lãnh đạo Phật Giáo từ trước tới nay đều là những lá bài của Cộng Sản sử dụng và những người trí thức đang chống Đảng dù đã đang ở tù hay ở ngoài đều là công cụ của Cộng Sản, làm cho dân chúng trong và ngoài nước hoang mang không dám tin tưởng vào bất cứ ai đứng lên chống Cộng nữa. Điều này chỉ làm vấy bẩn lên trên những trang báo, vấy bẩn lên tâm hồn những kẻ viết thiếu lương tâm mà *cần tiền*, không dám dùng tên thật hoặc bút hiệu đã thành danh để mà nhận trách nhiệm. Sự thật vai trò báo chí và truyền thông ở hải ngoại rất ư là cần thiết trong công cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam. Dù nó không mạnh đến độ quật nhào chế độ Cộng Sản xuống, nhưng nhất thời nó cũng thay tạm

cho báo chí bên nhà vốn không có trong tay người ngoài Đảng, nó cũng có đủ sức làm thế giới chú ý tới cuộc đấu tranh kiên cường của người dân Việt Nam, một cuộc đấu tranh giữa ý chí tự do của toàn dân với chính quyền độc tài có đầy đủ vũ khí và phương tiện đàn áp trong tay.

Người viết xin nhắc lại ở đây lời nhắn nhủ của các nhà lãnh đạo Phật Giáo còn chưa bị Cộng Sản cầm tù rằng: **“Dân Việt chưa tự do, dân tộc chưa thoát nạn, Phật Giáo còn đấu tranh”**. (Phật Giáo ở đây không phải chỉ là Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thời đó). ■

18-4-1996

Động lòng
Ngồi gẩn em
Mỉm cười và được người cười tra
Cả vũ trụ bừng sáng
Tặng phẩm đầu tiên tôi ban cho em
Và
Nụ cười của em là hành trang sự sống
Chúng tôi thật sự có mặt bên nhau
Muốn nói đôi câu
Không là để khơi dậy niềm đau
Bớt u sầu
Vơi đơn độc
Trong bọc tôi không có lấy một đồng
Nhưng tôi trao em tất cả tấm lòng,
niềm tin và hy vọng

Cám ơn em
Tôi được nâng đỡ bởi nụ cười khô
Tưởng rằng đã tắt hẳn
trên môi người hành khất
bên góc chợ nghèo nàn.

Mạnh đông, 1994

Thơ THÚY TRÚC

Không nhà

Bên góc chợ
Kẻ hành khất ngồi trong xó
Có lẽ chàng tránh gió đông nam
Tay run run
đưa cái lon lên khỏi hàm
đầu hơi cúi
mắt không nhìn thẳng một ai.

Hai người đàn bà từ đâu đến
bỏ tiền vào lon
lơ đãng quay đi
tiếp tục câu chuyện dở dang
rồi cất tiếng cười dòn.

Một em bé
kéo tay mẹ
đứng nhìn người hành khất trên trời
Tối nay ông sẽ về đâu?
Ai biết
Một chiếc mũ bạc màu,
Một cái mền rách cuốn lại
Một tấm cát tông để hai chữ "Không nhà"
Gia tài của gã.

Tới đây
Đầu lạ sau quen
Nhưng nào dám hỏi
Cha em đâu
Mẹ em đâu
Anh chị em đâu
Mười mấy tuổi đầu
Sao tan thành hoa mộng?

←

CÙNG MỘT CỔ XE

Bình Anson

Phật giáo ngày nay có nhiều tông phái với các truyền thống khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta thường phân biệt hai tông phái chính: Phật Giáo Đại Thừa (Mahayana), và Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravada). Phật Giáo Mahayana thịnh hành ở các nước Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Triều Tiên, và Nhật Bản. Trong khi đó, Phật Giáo Theravada được lưu truyền rộng rãi ở Tích Lan (Sri Lanka), Miến Điện, Thái Lan, Cam Bốt, và Lào.

Riêng Việt Nam có lẽ là một quốc gia Á Châu đầu tiên mà cả hai tông phái lớn này đều được chính thức thừa nhận và đã cộng tác hoạt động trong nhiều thập niên qua. Trong những năm gần đây lại có những dự án dịch thuật các kinh điển của cả hai truyền thống, từ các văn bản gốc tiếng Hán và tiếng Pali, sang tiếng Việt hiện đại. Trong bài viết ngắn dưới đây, tôi xin mạn phép trình bày sơ lược về nguồn gốc của Mahayana và Theravada, lồng trong bối cảnh lịch sử phát triển của đạo Phật tại Ấn Độ trong khoảng 1000 năm đầu tiên sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn. Tiến trình đó được chia làm ba thời kỳ: thời kỳ nguyên thủy (100 năm), thời kỳ A Hàm (400 năm), và thời kỳ chuyển hóa (500 năm).

1. Thời Kỳ Nguyên Thủy

Trong 45 năm truyền dạy đạo pháp, Đức Phật đã để lại rất nhiều bài giảng, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, cho nhiều người thuộc mọi tầng lớp trong xã hội. Các bài giảng này

thường được các vị tu sĩ đệ tử ghi nhớ, sắp xếp lại, truyền khẩu cho nhau, và dùng để giảng lại cho người khác. Khi được phân phối đi hoàng dương đạo pháp ở các vùng khác nhau, các bài giảng này thường được chuyển dịch ra tiếng địa phương và điều này được Đức Phật chấp nhận và khuyến khích [1, t. 42].

Có một lần, hai vị đại đức Yamelu và Tekula xin phép Đức Phật để ghi chép và chuyển dịch những bài giảng của Ngài sang tiếng Vedic, vốn là văn tự của giới quý tộc dùng để phúng tụng kinh Vệ Đà, để bảo đảm tính nhất quán và chính xác của các bài kinh, nhưng Phật không đồng ý. Ngài cho rằng các bài giảng của Ngài phải được phổ biến đến mọi người qua ngôn ngữ địa phương để họ có thể nghe, hiểu và thực hành được [1, t. 43]. Cũng vì vậy mà dù rằng Đức Phật dùng tiếng Magadhi (Ma Kiệt Đà) để giảng pháp, nhưng các bài giảng đã được truyền khẩu bằng nhiều thứ tiếng khác nhau.

Sau khi Đức Phật nhập diệt, ngài Ma Ha Ca Diếp triệu tập một hội đồng gồm khoảng 500 tu sĩ tại vùng đồi núi ngoại thành Vương Xá (Rajagaha) để kết tập kinh điển, sau này được gọi là Đại Hội Kết Tập Lần Thứ Nhất. “Kết tập” có nghĩa là thu *góp*, *tập hợp* lại, ôn lại, dùng để cho tán thát. Tiếng Phạn là “sangiti”, có nghĩa là cùng nhau tụng lại (chanting together). Trong Đại Hội này, ngài Ma Ha Ca Diếp là chủ quản, ngài A Nan Đa đọc lại các bài kinh giảng và ngài Ưu Ba Ly đọc lại các điều luật. Sau lần kết tập đầu tiên này, bộ Luật Tạng và bộ Kinh Tạng được đúc

kết [2, t. 69]. Lúc ấy, Kinh Tạng được chia ra thành 4 bộ chính: *Trường Bộ*, *Trung Bộ*, *Tương Ứng Bộ*, và *Tăng Chi Bộ*.

2. Thời Kỳ A Hàm:

Sau đó, nhiều phái đoàn truyền giáo được gửi đi các nơi để hoằng dương đạo pháp, từ miền Trung Ấn đến mạn Nam và mạn Tây xứ Ấn Độ. Trong thời kỳ này có nhiều biến động, thay đổi bố cục chính trị giữa các vương quốc trong vùng, và vì thế có nhiều thay đổi trong sinh hoạt xã hội, tạo ảnh hưởng đến các sinh hoạt tăng đoàn, nhất là tại những nơi mà Phật giáo còn mới, chưa vững mạnh. Nhiều tu sĩ trẻ trong những vùng này bắt đầu cảm thấy có nhu cầu cần sửa đổi giới luật và lễ lối sinh hoạt để phù hợp với đời sống địa phương.

Một trăm năm sau ngày Đức Phật nhập diệt thì có một Đại Hội Kết Tập Lần Thứ II tại thành Vaisali với 700 tu sĩ, mục đích chính là để giải quyết các tranh chấp về 10 điều luật căn bản, trong đó có luật cấm các tu sĩ thu nhận vàng bạc do dân chúng cúng dường [2, t. 80]. Nhưng thêm vào đó, Đại Hội cũng duyệt lại các kinh điển, và kết tập một số bài kinh giảng không được đúc kết lúc trước. Đó là những cơ sở để thành hình bộ kinh thứ 5, Tiểu Bộ, về sau này [3, t. 50-56].

Vì Đại Hội quyết định giữ nguyên 10 điều giới luật căn bản mà không sửa đổi, một số tu sĩ trẻ không hài lòng và bắt đầu có khuynh hướng ly khai. Đây là mầm mống đưa đến sự phân chia đầu tiên trong tăng đoàn: bộ phái Trường Lão Thuyết Bộ (*Sthaviravada*) gồm các tu sĩ có khuynh hướng bảo thủ, và Đại Chúng Bộ (*Mahasanghika*) gồm các tu sĩ có khuynh hướng cải cách [2, t. 81].

Một trăm năm sau đó, một Đại Hội Kết Tập Lần Thứ III được triệu tập dưới thời vua A Dục (*Asoka*), 268-232 T.C.N. (Trước Công Nguyên). Dưới sự chỉ đạo của ngài Mục Kiền

Liên Tu Đế (*Moggaliputta Tissa*), Đại Hội này gồm khoảng 1000 tu sĩ đúc kết Luận Tạng và Kinh Tạng (giờ đây gồm 5 Bộ Kinh: *Trường Bộ*, *Trung Bộ*, *Tiểu Bộ*, *Tương Ứng*, và *Tăng Chi*) [2, t. 109]. Thêm vào đó, tổ chức tăng đoàn theo truyền thống Trường Lão Thuyết được chấn chỉnh lại theo đúng các giới luật.

Trong thời kỳ này, Đại Chúng Bộ bắt đầu phân chia ra thành nhiều tông phái. Nhiều nhà sử học ghi nhận có tất cả bốn lần phân chia, tổng cộng là 7 tông phái trong vòng 200 năm. Bên cạnh đó, Trường Lão Thuyết Bộ cũng bị phân chia bảy lần, tạo ra mười một tông phái [2, t. 111]. Vì vậy mà ngày nay có nhiều sách viết về “mười tám tông phái”, cộng thêm với hai bộ phái đầu tiên [4, t. 123]. Tuy nhiên, cũng có sách đã liệt kê đến 34 tông phái [2, t. 115].

Vua A Dục là một vị vua rất sùng bái đạo Phật, và đã đóng góp rất nhiều trong công cuộc phát huy đạo pháp. Ngài đã gửi nhiều phái đoàn đi truyền giáo nhiều nơi. Trong đó có Đại đức Mahinda, một trong những người con của ngài, cùng với 4 vị tu sĩ được gửi sang đảo Tích Lan để truyền bá đạo Phật. Một mặt khác, đạo Phật cũng được phát triển rộng rãi ở mạn Tây Bắc, và trung tâm Phật giáo ở Kashmir trở thành một trong những trung tâm chính thời đó. Trong thời kỳ này, các tư tưởng Đại thừa bắt đầu thành hình, và thâm nhập vào một vài tông phái của Đại Chúng Bộ, chẳng hạn như tông Thuyết Xuất Thế Bộ (*Lokottaravadin*).

3. Thời Kỳ Chuyển Hóa: Theravada.

Khi Đại đức Mahinda và phái đoàn truyền giáo sang Tích Lan, ngài được vua Tích Lan giúp xây cất một ngôi chùa lớn, gọi là Đại Tự Viện (*Mahavihara*), và từ đó thành lập tông phái Đại Tự Viện ở xứ này. Một trăm năm sau

thì một ngôi chùa khác, tự viện Abhayagiri, được xây cất và các tu sĩ ở chùa này bắt đầu tạo ảnh hưởng lớn mạnh ở Tích Lan. Thêm vào đó, cũng có nhiều nhóm tu sĩ với khuynh hướng đại thừa từ Ấn Độ sang hoạt động tại xứ này, nhưng không có ảnh hưởng sâu rộng. Sự tranh giành ảnh hưởng giữa hai tông phái nguyên thủy Đại Tự Viện và Abhayagiri kéo dài qua nhiều thế kỷ, và chỉ chấm dứt vào khoảng thế kỷ thứ 12, khi nhóm Đại Tự Viện được vua Parakkamabahu chính thức thừa nhận, kết tạo thành tông phái Theravada như chúng ta thấy được ngày nay.

Vào những thập niên cuối cùng trước công nguyên (29-17 T.C.N.), khoảng 500 tu sĩ phái Mahavira tập hợp lại và bắt đầu cho viết các bộ Kinh, Luật và đúc kết các bài tham luận (Luận) trên một loại giấy bằng lá bổi. Lần đầu tiên, sau gần 500 năm truyền khẩu, ba bộ Tạng được ghi chép hoàn toàn trên giấy, và từ đó bộ Tam Tạng kinh điển hệ Pali được tạo ra và lưu truyền cho đến ngày nay. Đó là Đại Hội Kết Tập Lần Thứ IV. Sở dĩ văn tự Pali được dùng vì đó là ngôn ngữ chính thống miền Tây Ấn và là ngôn ngữ sử dụng bởi ngài Mahinda. Nhờ tình trạng xã hội tương đối ổn định và đảo Tích Lan tương đối biệt lập nên các bộ Tam Tạng này đã được gìn giữ nguyên vẹn, dù rằng trong khi sao chép chuyển truyền từ đời này sang đời khác, có thể có một vài sửa đổi, sơ sót. Nhưng đó chỉ là các đoạn nhỏ, không quan trọng [3, t. 59-60]. Từ đó, Đại Tạng Kinh được truyền bá sang các nước lân cận như Miến Điện, Thái Lan, Lào, và Cam Bốt. Ngoài ra, một số các bài luận thuyết của các danh sư trong thời kỳ này, như bộ *Thanh Tịnh Đạo* (Visuddhimagga) của ngài Buddhaghosa (Phật Âm) trước tác trong thế kỷ 4 C.N., cũng được quý trọng, gìn giữ và lưu truyền cho đến ngày nay.

Danh từ *Theravada* là tiếng Pali, đồng nghĩa với chữ *Sthaviravada* của tiếng San-

skrit, có nghĩa là giáo thuyết của các vị trưởng lão (Doctrine of the Elders). Sách Tàu thường dịch là Trưởng Lão Bộ, có khi dịch là Thượng Tọa Bộ, nhưng dịch sát nghĩa là Trưởng Lão Thuyết Bộ, là một trong hai bộ phái chính từ thời kỳ nguyên thủy. Tuy nhiên, danh từ Theravada ngày nay thường được dùng để chỉ truyền thống Phật giáo Nam tông, bắt nguồn từ Tích Lan, chịu nhiều ảnh hưởng của nhóm Đại Tự Viện (Mahavihara), do Đại đức Mahinda và các tu sĩ thuộc tông phái Phân Biệt Thuyết Bộ (Vibhajavada), một nhánh của Trưởng Lão Thuyết Bộ, truyền bá vào Tích Lan khoảng 200 năm trước Công nguyên. So với các tông phái khác vẫn còn hoạt động ngày nay, truyền thống Theravada có thể được xem như là một truyền thống tương đối lâu đời nhất, tương đối gần với thời kỳ nguyên thủy nhất.

4. Thời Kỳ Chuyển Hóa: Mahayana

Khoảng 200 năm sau ngày Phật nhập Niết Bàn, phái Đại Chúng Bộ bành trướng tại nhiều vùng của xứ Ấn Độ và bắt đầu phân hóa thành nhiều tông phái, trong đó có tông phái Lokottaravada (Thuyết Xuất Thế). Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu, các tông phái đều sử dụng kinh điển A hàm bằng ngôn ngữ Sanskrit, mặc dù đã có một vài sửa đổi để hàm chứa tư tưởng đại thừa. Cho đến nay, các sử liệu đều chỉ rằng kinh điển đại thừa bắt đầu xuất hiện trong những năm cuối cùng trước Công nguyên, lúc đầu là một vài bài kinh ngắn, về sau được bổ sung thêm, và kết tập lại thành những bộ kinh lớn.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa biết đích xác là danh xưng Mahayana - Đại Thừa bắt đầu được sử dụng vào lúc nào, bắt nguồn từ tông phái nào trong thời kỳ A Hàm. Có lẽ đó là kết tụ của những tiến hóa tư tưởng trong mấy trăm năm sau khi có sự phân hóa tăng đoàn lần đầu

tiên. Có học giả cho rằng Mahayana bắt nguồn từ Đại Chúng Bộ vì cùng có những ý niệm phóng khoáng trong giới luật. Tuy nhiên các ý tưởng của tông phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivadin), một tông chính của Trưởng Lão Bộ, cũng được thu dụng và hàm chứa trong kinh điển Mahayana. Có học giả cho rằng Mahayana phát nguồn từ các tu sĩ có tư tưởng cải cách từ nhiều tông phái khác nhau, như tông Nhất Thuyết Bộ (Ekavyavaharika), Thuyết Xuất Thế Bộ (Lokotaravadin), Kế Dẫn Bộ (Kaukutika), v.v... [2, t. 261].

Kinh điển Đại thừa bắt đầu xuất hiện nhiều hơn, có hệ thống hơn, từ thế kỷ 1 C.N. trở về sau. Tiếc rằng các bộ kinh đầu tiên, như *Kinh Duy Ma Cát*, *Liễu Ba La Mật*, *Bồ Tát Tạng*, *Tam Pháp Kinh*, v.v... nay không còn nguyên bản Sanskrit, mà chỉ còn dịch bản chữ Hán và Tây Tạng, nên không thể đối chiếu, truy tầm nguồn gốc [2, t. 276]. Tuy nhiên các bộ kinh đại thừa quan trọng khác như *Đại Bát Nhã*, *Pháp Hoa*, *Hoa Nghiêm*, *A Di Đà* vẫn còn các bản gốc tiếng Sanskrit [2, t. 275-295].

Sự xuất hiện các bộ kinh đại thừa và sau đó là các quyển luận thuyết của các ngài Mã Minh, Long Thọ, Long Trí, Đề Bà, Vô Trước, Thế Thân trong bốn thế kỷ đầu Công nguyên đánh dấu sự thành hình và bành trướng nhanh chóng của Phật giáo Mahayana trong toàn xứ Ấn Độ. Ảnh hưởng này đã dần dần lan rộng sang Trung Hoa, và từ đó có những phong trào truyền bá, chuyển dịch kinh điển ở Trung Hoa qua nhiều thế kỷ, từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 7 C.N., qua ba ngõ giao thông chính: đầu tiên là qua miền Trung Á, sau đó là qua ngõ Nepal - Tây Tạng, và cuối cùng là bằng đường biển.

5. Cùng Một Cổ Xe

Tóm lại, trong 100 năm sau khi Đức Phật tịch diệt, giữa Đại Hội Kết Tập Lần I và II,

Đạo Phật được xem như là ở trong thời kỳ nguyên thủy, với một tăng đoàn tương đối còn ít, có nhiều liên hệ chặt chẽ, giới luật thuần nhất, dưới sự lãnh đạo của các cao tăng vốn đã xuất gia và thọ giới khi Đức Phật còn tại thế.

Sang thời kỳ A Hàm, kéo dài khoảng 400 năm từ sau Đại Hội II cho đến đầu Công nguyên, các mầm mống phân hoá đã bắt đầu xuất hiện, với sự phân chia thành hai Bộ, và sau đó tiếp tục phân hóa thành 18 tông. Qua Đại Hội III được tổ chức dưới triều vua A Dục, việc kết tập Kinh Tạng và Luật Tạng xem như đã hoàn tất. Mặc dù trong thời kỳ này các kinh A Hàm và giới luật nguyên thủy vẫn được các tông phái tôn trọng - với những cách diễn dịch khác nhau - các ý tưởng canh tân, đại chúng hóa đạo pháp bắt đầu thành hình, nhất là trong thế kỷ cuối cùng trước Công nguyên.

Thời kỳ tiếp theo là thời kỳ chuyển hóa, kéo dài khoảng 500 năm cho đến đầu thế kỷ 6. Trong thời kỳ này, Phật giáo bắt đầu có hai hướng phát triển khác nhau, và kéo dài ảnh hưởng đến ngày nay. Từ Ấn Độ, đạo Phật được truyền về hướng Nam, sang đảo Tích Lan, và tạo lập một căn bản vững chắc ở đó. Đại Hội Kết Tập lần IV tại Tích Lan đánh dấu việc ghi chép toàn bộ Tam Tạng Kinh - Luật - Luận trên giấy, và được lưu truyền cho đến ngày nay qua truyền thống Theravada.

Cũng trong thời kỳ này, các tư tưởng canh tân của Đại thừa đã bắt đầu tạo ảnh hưởng lớn mạnh, qua các bộ kinh điển mới và qua các bộ luận thuyết của các danh tăng vào giữa và cuối thời kỳ này. Các tông phái Đại thừa bắt đầu xuất hiện và tăng trưởng nhanh chóng. Đạo Phật truyền sang mạn Tây Bắc, tạo lập trung tâm Phật giáo ở Kashmir, và từ đó truyền vào Trung Hoa.

Khi đạo Phật bắt đầu bành trướng ở Trung Hoa, tăng đoàn ở đó đã thu nhận và chuyển dịch rất nhiều kinh điển, từ nhiều nguồn gốc

và tông phái khác nhau, và qua nhiều thời kỳ lịch sử. Các bộ Tam Tạng nguyên thủy được dịch ra chữ Hán từ hai, ba tông phái khác nhau, chẳng hạn như từ tông Thuyết Xuất Thế Bộ và Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ. Các bộ kinh chính của Đại thừa cũng thế, có nhiều thay đổi theo thời gian, và được bổ sung, sửa chữa nhiều lần. Có khi các bộ kinh này chỉ được truyền khẩu bằng tiếng Phạn vào Trung Hoa, rồi sau đó mới được dịch, nhuận sắc và ghi chép [5, t. 365-368]. Có khi các danh tăng Trung Hoa du hành sang Ấn Độ học tập rồi mang về các bộ kinh điển để phiên dịch và phổ biến trong nước. Cả hai truyền thống chính - Theravada và Mahayana - đều có mặt tại xứ này trong thời gian đó.

Để sắp xếp và thống nhất nguồn gốc của các loại kinh điển, các tăng sĩ thời đó đã đưa ra nhiều giả thuyết khác nhau. Trong đó, thuyết của ngài Trí Giả, tông Thiên Thai, là phổ thông nhất và vẫn còn thấy lưu dụng cho đến ngày nay trong một số sách Phật giáo. Ngài cho rằng Đức Phật đã giảng kinh pháp trong 5 thời kỳ: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, và Pháp Hoa — *Đại Niết Bàn* [5, t. 442], và vì thế có nhiều loại kinh điển từ nhiều tông phái khác nhau. Tuy nhiên, đây chỉ là một lối giải thích để tổng hợp và hệ thống hóa toàn bộ kinh điển mà thôi. Giả thuyết này không có chứng liệu lịch sử, và không được các nhà nghiên cứu sử học Phật giáo ngày nay công nhận [5, t. 305-310; 6, t. 151-152].

Tại Tích Lan cũng thế, trong những thế kỷ đầu tiên, cả hai truyền thống Mahayana và Theravada đều có mặt tại xứ này, mặc dù truyền thống Theravada có ảnh hưởng mạnh hơn, như ngài Huyền Trang ghi nhận trong quyển Tây Vực Ký của ngài. Ngài cũng ghi nhận là có các nhóm tu sĩ phái Đại Tự Viện, tuy là Theravada nhưng có tinh thần đại thừa rất cao [2, t. 275]. Còn tại Ấn Độ, các ngài

Huyền Trang và Pháp Hiển đều ghi nhận sự hoạt động hài hòa của nhiều tông phái khác nhau trong nhiều thế kỷ.

Ở Việt Nam, cả hai tông phái Mahayana và Theravada đều được công nhận và cùng chung nhau hoạt động trong công tác hoằng dương đạo pháp. Hiến chương Phật giáo Việt Nam soạn ra năm 1963 đã chính thức xác nhận điều đó [4, t. 394]. Tuy nhiên, để tránh hiểu lầm, chúng ta không nên dùng chữ “tiểu thừa” để gọi tông phái Theravada. Điều này thường gặp trong một số sách báo và bài viết về đạo Phật. Thật ra, “Tiểu thừa” là dịch từ chữ “Hinayana” —cỗ xe nhỏ— một chữ dùng rất nhiều trong kinh điển Đại thừa, có hàm ý chê bai, khinh miệt.

Khi đọc kinh điển, chúng ta cần phải hiểu rõ hoàn cảnh lịch sử xã hội khi các kinh này được tạo ra. Các kinh Đại thừa xuất hiện vào cuối thời kỳ A Hàm, nghĩa là khoảng 400-500 năm sau khi Đức Phật tịch diệt. Đây là các tư tưởng cải cách để đại chúng hóa đạo Phật, đối kháng lại đường lối thủ cựu, giáo điều, chấp kiến và vị kỷ của một số cao tăng trong giới lãnh đạo tăng đoàn của nhiều tông phái thời bấy giờ, chứ không phải để ám chỉ riêng biệt một tông phái nào cả [2, t. 257].

Khuynh hướng ngày nay là dùng chữ Mahayana và Theravada nguyên ngữ để chỉ hai tông phái chính này. Khi dịch sang Việt ngữ, thường thì chúng ta dùng danh từ Phật Giáo Đại Thừa và Phật Giáo Nguyên Thủy, nhưng cũng có sách dùng danh từ Phật Giáo Bắc Truyền (Bắc Tông) và Phật Giáo Nam Truyền (Nam Tông) để chỉ hướng truyền đạo của Phật Pháp trong thời kỳ chuyển hóa [7, t. 202].

Dù là tông phái nào đi nữa, đó cũng chỉ là giáo pháp phương tiện giúp ta tu tâm tịnh ý để được an lạc và giải thoát. Cần phải hiểu rõ nguồn gốc và hoàn cảnh lịch sử trong tiến trình phát triển các bộ kinh điển và tông phái, để có được một sự thông cảm, hòa đồng và

tương kính. Trong Kinh Pháp Hoa, Phật có nói: “Chư Phật chỉ dùng một cỗ xe duy nhất đưa đến giải thoát (Nhất thừa Phật đạo), không có hai mà cũng chẳng có ba”, và trong Tiểu Bộ Kinh của Kinh Tạng Nguyên Thủy, Ngài cũng dạy rằng: “Như tất cả các đại dương đều có cùng một vị mặn, các giáo pháp của Ta cũng chỉ có một vị duy nhất, đó là vị giải thoát.”

Perth, Western Australia
Tháng 04, 1996 (PL 2533)

Tham Khảo:

- [1]. Nhất Hạnh (1990), *Con Đường Chuyển Hóa*. NXB Lá Bối, San Jose.
- [2]. Hirakawa Akira (1993), *A History of Indian Buddhism*. Motilal Banarsidass, Delhi.
- [3]. Samanera Bodhesakho (1984), *Beginnings: The Pali Suttas*. Buddhist Publication Society, Kandy.
- [4]. Đức Nhuận (1983), *Phật Học Tinh Hoa*. Phật Học Viện Quốc Tế, California.
- [5]. Kenneth Chen (1964), *Buddhism in China*. Princeton University Press, Princeton.
- [6]. Noble R. Reat (1994), *Buddhism - A History*. Asian Humanities Press, Berkeley.
- [7]. Thích Minh Châu và Minh Chi (1991), *Từ Điển Phật Học Việt Nam*. NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.

Hào quang sáng trong tâm con "TỰ TÁNH"
"TÁNH" không Ngộ nhân Mê mà nói Ngộ
"TÂM" không Tu nhân bị nhiễm mà Tu.
Và giờ đây con đã thoát ngục tù,
Của "Chấp Ngã" và "Pháp" thường trí buộc.
Nếu một mai về Ta Bà nhập cuộc,
Là Nguyên vào chứ không phải Nghiệp
 sinh.
Con cứu độ để trang nghiêm quốc độ,
Để làm tròn hạnh nguyện độ quần sanh.
Không mong cầu, không đắc và chẳng sợ,
Con về đây trong TÁNH PHẬT trọn lành.

Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phá

Về Chân Tánh

Trên con đường trở về Bản Thể,
Hôm nay đây con thấy được chính mình.
Con về đây trong tiếng nói vô thính,
Và vào trong tánh Chân Như vô niệm.
Con biết rõ dòng chuyển lưu vô tận,
Đang mang theo cả vũ trụ và con.
Con cũng biết xác thân này giả tạm,
Do duyên sinh như bóng chớp vô thường.
Vũ trụ này đan kết bởi tình thương,
Và sự sống mãi muôn đời bất diệt.
Con nguyện sống với tình thương mãnh liệt,
Dem Từ Bi đến khắp cả muôn loài.
Con nguyện về với tánh giác không hai,
Mọi đối đãi đều nằm trong giả tướng.
Được Vô Niệm thì tức nhiên Vô Tướng,
Vô Tướng rồi thì đâu có Tướng sanh.
Là trở về với Chân Như Thể Tánh,
Về đến chỗ tâm không còn so sánh
Bình đẳng nhìn tất cả pháp thế gian,
Mà quan sát thấy nhiệm mầu diệu hữu,
Thấy Thể Tánh gồm Trí-Bi vĩnh cửu.
Tâm an bình sáng như tấm gương trong.
Hôm nay đây con dâng cả tấm lòng,
Lên Tam Bảo khắp mười phương tam thế.
Xin Sám Hối tất cả điều lầm lỗi,
Từ ngàn xưa cho đến tận ngày nay.
Của chính con và của cả muôn loài.
Biến cõi trược này trở thành Tịnh Độ.
Con xin nguyện đời đời làm Phật sự,
Trải Từ Bi cứu độ cả muôn loài.
Đuốc Trí Tuệ con soi đường dẫn lối,
Nguyên từ đây không còn thất thối,
Quyết làm tròn hạnh nguyện độ quần sanh.
Và giờ đây xin ban trái tâm lành,
Đến tất cả sáu đường và ba cõi,
Đường luân hồi con đã đi mòn mỏi,
Nay trở về quê cũ chốn tịnh thanh,
Con tìm con mà thấy Phật trọn lành



Ý NGHĨA VÀ VAI TRÒ TRÍ THỨC TRONG PHẬT GIÁO

Trần Chung Ngọc

Gần đây tôi được một người bạn ở miền cực Nam Cali gửi cho hai bài viết bởi hai đại trí thức: một Gia-Tô và một Phật Giáo. Bài thứ nhất của nhà trí thức Gia-Tô Nguyễn Văn Trung (NVT), một giáo sư tên tuổi quen thuộc ở miền Nam, trước 75 cũng như sau 75, viết về đề tài “*Gia-Tô Giáo, Phật Giáo qua Một Số Sách Báo của Cộng Đồng Người Việt ở Miền Nam Hoa Kỳ*”, bài này chưa được phổ biến. Bài thứ hai của nhà trí thức Phật Giáo Như Hạnh (NH) viết về “*Vai trò và Sự Biến Dạng của Tỳ Sa Môn Thiên Vương trong Tôn Giáo Việt Nam thời Trung Cổ*”, đã được đăng trong cuốn *Triết Học, Lê Hữu Liêm* xuất bản. Tuy được yêu cầu là tạm thời đừng nên phổ biến bài của ông NVT nhưng tôi đành phải phụ lòng ông bạn một chút: không phổ biến toàn bài nhưng không thể không luận về một vài điểm trong bài, bởi vì đó là những điểm nhức nhối trong lòng dân tộc cần phải làm sáng tỏ. Đối với tôi, cá nhân các tác giả không phải là điều tôi muốn bàn luận, mà tôi chỉ muốn luận trên nội dung vài điểm nêu trong hai bài trên, những điểm liên hệ tới lịch sử Gia Tô Giáo ở Việt Nam, ý nghĩa và vai trò trí thức trong Phật Giáo, và vài ngộ nhận về Thiên Tông Việt Nam.

Tuy hai bài trên hoàn toàn độc lập, không liên hệ gì tới nhau, nhưng hai tác giả thì đã từng gặp nhau và trao đổi ý kiến cùng nhau, khi ông NVT từ Việt Nam sang Mỹ một tháng vào mùa hè 1994 và một tháng vào mùa hè

1995 để tìm hiểu quan hệ Gia Tô - Phật Giáo - Cộng Sản trong cộng đồng người Việt, theo như ông kể trong bài. Và nhà trí thức Gia Tô này đã để ra một đoạn dài trong bài để nhắc đến nhà trí thức Phật Giáo. Có một điểm chung trong cả hai bài: cả hai tác giả đều đề cao vai trò của người trí thức, nhìn mọi sự việc theo định nghĩa về trí thức của họ, và đặt nặng vấn đề khảo cứu dựa vào tư liệu. Và tất nhiên, dưới nhãn quan này, tăng ni Việt Nam trở thành những người ngu dốt, vì không phải là các bậc trí thức theo tiêu chuẩn trên.

Đặc biệt là trong bài viết của mình, ông NVT tán tụng ông NH là “*một niềm hãnh diện thực sự của Phật Giáo Việt Nam,*” có lẽ chỉ vì NH có cái bằng Ph. D. về tôn giáo tử giáo của một đại học Hoa Kỳ nổi tiếng, và vì NH đã nói với ông là “*chỉ cảm thấy gần gũi, được hiểu biết khi ngồi với mấy ông tu sĩ Ki-Tô Giáo hơn là mấy ông Thầy đồng đạo*”, nếu câu này thực sự là của NH nói. Rồi ông NVT kể NH chê cuốn *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* của Nguyễn Lang (Nhất Hạnh) ra sao, chê các tác giả miền Bắc là “*chẳng có một chút kiến thức nào về Phật Giáo*”, và NH tự hỏi “*tại sao người ta có thể tráo tráo đến mức hạ bút viết về một vấn đề mà mình chưa bao giờ nghiên cứu*” v.v..., nếu những lời chê bai ngạo mạn này đúng là của NH, và viết: “*Tôi nhắc và trích dẫn anh (NH) khá nhiều để đề cao một thái độ trí thức, tuy nhiên phải nhận rằng nếu anh khiêm tốn hơn (nghĩa là chê anh có vẻ*

huênh hoang. TCN), nhìn nhận vai trò của những người đi trước, lúc mà chưa thể có những người như anh (nghĩa là, anh là một bậc Vô Thượng Thiên Tài, bằng cấp cao ngất trời, từ trước tới nay chưa có ai bằng anh cả. TCN), thì công bằng hơn.”

Đọc những lời viết trên, cái nghiệp “dính vào những chuyện không đáng dính” của tôi lại thúc đẩy tôi viết vài lời luận về Ý Nghĩa và Vai Trò Trí Thức Trong Phật Giáo. Bài viết này dựa trên hiểu biết cá nhân, mà hiểu biết cá nhân thì bao giờ cũng hạn hẹp, thiếu sót, cho nên, xin quý vị độc giả lượng thứ cho những điều sai sót.

Trước hết, chúng ta hãy đọc đoạn sau đây của ông NVT:

“Trong bản tường trình của hội tài trợ Á Châu hồi 1965, có nói đến “con số 20,000 tăng ni ở Việt Nam thì chưa đầy 20 người có học ở nước ngoài, kể cả 12 người đang du học, trong đó có 4 ở Hoa Kỳ và không hơn 30 người được cấp bằng cử nhân ở Việt Nam”. Như vậy số trí thức trong giới tăng ni kể là quá ít.”

Chắc hẳn ông NVT quan niệm rằng phải có bằng cử nhân trở lên mới được gọi là trí thức? Và như vậy, ông NVT và ông NH nhất định phải là các bậc “đại trí thức” vì có bằng cấp cao hơn cử nhân? Tôi là một phật tử thấp kém, hẳn nhiên không phải là một bậc trí thức, nhưng tôi biết Phật Giáo có một quan niệm khác về trí thức. Theo tôi hiểu thì trí thức trong Phật Giáo không phải là những người có bằng cử nhân, lại càng không phải những người có bằng cấp cao hơn như Master hay Ph. D. mà là những người có chánh kiến,, chánh tư duy, và làm theo lời nói, nói theo việc làm, tất cả đều chân thật, không hư dối, hiểu Đạo, sống với Đạo, và luôn luôn hành động để mang phúc lợi đến cho toàn thể chúng sanh. Phật Giáo quan niệm rằng bằng cấp ở ngoài đời càng cao thì cái “Ngã” càng lớn, và đây chính là một trở ngại cho những

người muốn đi theo vết chân Phật. Cho nên Phật Giáo, khi đặt trọng tâm vào vấn đề tu tập, không coi trọng bằng cấp ở ngoài đời, kể cả các bằng cấp về Phật Học. Bởi vì, có bằng cấp cao không phải là một bảo đảm để có thể giác ngộ mau chóng hơn những người không có bằng cấp.

Còn đối với các phật tử như tôi thì sao? Vấn đề có thể tóm lược như sau: nếu tôi muốn học Đạo thì tôi đến học với mấy tăng ni đạo cao đức trọng; nếu tôi muốn có bằng cấp, thí dụ bằng cấp về Phật Giáo, thì tôi xin vào học phân khoa Phật Học trong các trường đại học, trong đó có các giáo sư rất giỏi về Phật Học, biết những phương pháp khảo cứu hiện đại nhất, biết dùng và phân tích các tư liệu chính xác nhất, nhưng chưa bao giờ thực hành Phật Pháp. Tỳ kheo Sangharashita đã xếp những người này thuộc loại “Khẩu Thiền”, nghĩa là chỉ nói suông, viết sách hay những bài khảo cứu về Thiền mà không bao giờ biết Thiền là gì (Mouth Ch’an: This is the Ch’an of people who merely talk about Zen, or write books and articles about it, and never do any practice. “The Essence of Zen” by The Ven. Maha Sthavira Sangharashita.), và nếu tôi muốn đọc sách Phật Giáo thì tôi có thể đọc thẳng kinh điển Phật Giáo, hay đọc những tác phẩm của các bậc tu hành đạo cao đức trọng trong đó có những kinh nghiệm tu chứng, chứ tôi không đọc sách của các học giả luận giải về tu chứng. Nhưng có điều chắc là cái mà tôi học được từ các vị tăng ni đạo cao đức trọng sẽ giúp tôi có một đời sống lành thiện và an lạc trên cõi đời này; còn cái bằng cấp mà tôi lấy được ở đại học, với những phương pháp khảo cứu tiến bộ nhất, với đầy đủ tư liệu nhất, thì nhiều lắm là giúp tôi kiếm được một công ăn việc làm để tôi có một đời sống vật chất thoải mái, nghĩa là giúp tôi kiếm ăn bằng “hý luận”, nếu bằng cấp của tôi là về Phật Giáo. Trong Phật Giáo, “hý luận” chỉ để mà chơi,

thực sự nó vô dụng, nó như bàn về thực đơn mà không ăn, hay đếm tiền của thiên hạ trong ngân hàng. Khi tôi tìm tới các vị tăng ni để học Đạo thì điều tôi quan tâm là tác phong đạo đức của họ ra sao, đời sống Đạo của họ như thế nào, họ diễn giải Phật Pháp ra sao, tôi có thể học được những gì từ họ v.v... chứ tôi không quan tâm đến chuyện họ có biết rõ Đức Phật sinh ngày nào giờ nào hay không, Kinh này viết bao giờ, ai viết; nhân vật Bồ Đề Đạt Ma có hay không có thật, hay là Việt Nam có hay không có dòng Thiền của Tỳ Ni Đa Lưu Chi hay Thiền của Vô Ngôn Thông v.v... Những hiểu biết này, chỉ có một giá trị tương đối trong môi trường thuần trí thức, và có thể tạo cho tôi một chỗ đứng trong giới học giả, nhưng không dùng gì được trong vấn đề tu tập Phật Pháp. Phật Giáo không phản đối những nghiên cứu hay luận giải thuần trí thức này nhưng Phật Giáo chú trọng đến vấn đề tu tập, thực hành Phật Pháp hơn là đến những khảo luận trí thức. Cho nên, tôi không quan tâm đến việc kiểm xem họ có bao nhiêu bằng cấp treo trên tường. Trong Phật Giáo, vấn đề là hiểu Đạo và hành Đạo, chứ không phải là có bằng cấp với một mơ kiến thức ở ngoài đời. Những câu chuyện quen thuộc sau đây sẽ cho chúng ta rõ về quan điểm của Phật Giáo đối với những kiến thức mà chúng ta thường cho là của người trí thức.

1. Một vị sư già tu đã lâu, khảo cứu kinh điển rất tường tận, nhưng vẫn không cảm thấy đạt được kết quả gì. Người bèn tìm đến một Cao Tăng để xin học Đạo, hy vọng có thể ngộ Đạo trước khi từ già cõi đời. Vị Cao Tăng ra ngoài cổng Chùa đón và bảo vị sư già “*hãy để lại mọi hành trang ngoài cổng Chùa*”. Vị sư già là bậc chân tu, suốt đời chỉ có vài bộ quần áo và cái bình bát, làm gì có hành trang gì khác. Nhưng người hiểu ý vị Cao Tăng và theo vị Cao Tăng trên tu học: chẳng bao lâu sau, đắc đạo.

2. Một học giả thông bác kim cổ đến học đạo với một vị cao tăng. Trong lúc đàm đạo, vị học giả này tỏ ra biết rất nhiều và biết đủ mọi chi tiết. Vị Cao Tăng rót trà mời vị học giả, và dù chén trà đã đầy người vẫn tiếp tục rót, tràn cả ra ngoài. Vị học giả bèn kêu: “Chén trà đã đầy rồi, sao còn rót vào được nữa.” Vị Cao Tăng trả lời: “Cũng như chén trà đã đầy, đầu óc ông đã đầy những kiến thức, đâu còn chỗ để mà học cái gì khác nữa.”

3. Và gần đây, ở Vạn Phật Trấn, Talmage, California, cố Hòa Thượng Tuyên Hóa còn đi xa hơn và tàn nhẫn hơn nữa. Trước một đám đệ tử phần lớn là Mỹ có bằng cấp cao Người nói: “*Có cái gì đáng gọi là vĩ đại ở cái bằng Ph. D.? Ph. D..., mèo cũng có thể là Ph. D., chó cũng có thể là Ph. D. Vì sao? Vì nó chẳng có giá trị gì. Nếu anh/chị có Ph. D. thì là anh/chị có Ph. D. Chẳng cần phải tự cao tự đại, khoe khoang. Hãy để cho người ta coi anh/chị là Ph. D...*”

Tuy đã hiểu Ngài muốn nói gì, nhưng cách đây vài năm, khi Tam Tạng Pháp Sư Tuyên Hóa tới Madison thuyết Pháp, để kiểm chứng sự hiểu của tôi, tôi có đứng lên hỏi Ngài về lời phát biểu trên. Ngài trả lời (qua thông ngôn vì Ngài không nói tiếng anh mà tôi thì không biết tiếng Tàu): “*không có ý phủ nhận giá trị tương đối của cấp bằng Ph. D. mà chỉ muốn nhắc nhở cho các đệ tử hạnh khiêm cung, và rằng đi vào cửa Phật mà còn đội cấp bằng lên đầu thì cấp bằng đó trở thành vô giá trị. “Cái Ngã” do những thành kiến tự cao tự đại liên kết với những bằng cấp được gọi là cao đó còn có thể là một trở ngại lớn trong vấn đề học Phật.*”

Cho nên, đặt vấn đề bằng cấp để thẩm định vấn đề trí thức trong Phật Giáo, và coi NH như là khuôn vàng thước ngọc trí thức, niềm hãnh diện thực sự của Phật Giáo Việt Nam, không ai hơn, không ai bằng, thì ông NVT đã đứng ngoài cổng Chùa để phê bình những kiến trúc

ở trong Chùa. Ngoài ra trong bài viết, ông NVT còn đưa ra nhiều luận cứ đặc thù Gia Tô để bênh vực và biện minh cho những lỗi lầm của Gia Tô Giáo VN. Chúng ta hãy lược qua vài điểm trong bài của ông NVT:

a) Ông khuyên "... người Gia Tô cũng nên có một thái độ mà chính đức Giáo Hoàng Phao Lô đệ nhị khuyến cáo: sám hối, nhận lãnh trách nhiệm về phần mình những lỗi lầm đã gây ra trong lịch sử..." và khuyến cáo "Hội đồng Giám Mục VN nên lên tiếng xin lỗi Phật Giáo VN, và các tôn giáo khác như Gia Tô Giáo và Tin Lành Châu Âu đã làm trong khuôn khổ "đại kết"."

Từ trước tới nay, Giáo hội Gia Tô Việt Nam đã nổi tiếng là nhất cử nhất động đều tùy thuộc Vatican. Khi Giáo Hoàng cấm thờ cúng tổ tiên thì giáo hội dẹp bỏ hay xếp bàn thờ tổ tiên vào xó. Sau mấy trăm năm, khi Giáo Hoàng cho phép thờ cúng tổ tiên lại, thì Giáo hội, tuy không khuyến khích vì gần đây vẫn còn có vị Linh mục gọi đó là "làm chay cúng ruồi", nhưng cũng không ngăn cấm việc thờ cúng tổ tiên nữa. Khi Giáo Hoàng bắt phải làm lễ bằng tiếng La Tinh thì Giáo hội vẫn thản nhiên làm lễ bằng tiếng La Tinh. Sau vài trăm năm, khi Giáo Hoàng cho phép làm lễ bằng tiếng địa phương thì các lễ mới được chuyển một phần sang tiếng Việt. Cuối năm 1945, Việt Nam giành lại được độc lập từ tay người Pháp, lòng yêu nước của người Gia Tô VN bùng lóe lên với những cuộc biểu tình của hàng chục ngàn giáo dân mang biểu ngữ và hô khẩu hiệu "Giáo Hoàng Muôn Năm", "Giáo Hội Việt Nam của Người Việt Nam", "Việt Nam Độc Lập Muôn Năm" ("Dieu et César" của Linh mục Trần Tam Tĩnh: "Vive le Pape", L'Église Vietnamienne aux Vietnamiens", "Vive le Vietnam Indépendant"). Nhưng rồi Cha Tĩnh viết: "VẬY, với các giám mục và linh mục dẫn đầu, dân Gia Tô muốn phá bỏ hình ảnh của một Giáo hội đã cộng

tác với quân xâm lăng, một Giáo hội phục vụ nước Pháp, một Giáo hội đã sống ngoài lề sự tranh đấu cho chủ quyền và tự do của dân tộc. Một trang sử đã lật qua nhưng khôn thay chẳng được bao lâu" (Ainsi, avec les évêques et les prêtres en tête, les catholiques voulaient détruire l'image d'une église collaboratrice avec les agresseurs, d'une église au service de la France, d'une église qui avait vécu en marge d'un peuple en lutte pour sa souveraineté et sa liberté. Une page est tournée. Mais, malheureusement pas pour longtemps). Tại sao? Vì theo một sắc lệnh của Giáo Hoàng Pie XII ban hành ngày 1 tháng 7 năm 1949, tuyên bố "dứt phép thông công" bất cứ người nào cộng tác với Cộng sản, tuyên truyền cho CS, đọc sách báo CS v.v... nên Giáo hội Gia Tô lại hợp tác với quân đội Pháp, được Pháp trang bị vũ khí để lập những chiến khu "tự trị" như Bùi Chu, Phát Diệm... lại đứng ngoài lề công cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập mới thu hồi của dân tộc Việt Nam. Và, bây giờ, việc xưng tội với dân tộc, nếu xét thấy cần thiết, đáng lẽ phải làm từ lâu rồi, nhưng Giáo Hoàng chưa nhúc nhích thì Giáo hội Gia Tô VN cũng "án binh bất động". Khi Giáo Hoàng khởi xướng việc sám hối các tội ác trong quá khứ và xin lỗi các nạn nhân của Gia Tô Giáo trong gần 2000 năm nay thì Giáo hội Gia Tô VN cũng rục rịch làm theo. Vậy là Giáo hội chỉ làm theo lệnh của Giáo Hoàng chứ đâu có phải là thành tâm và đứng trên cương vị dân tộc, vì nếu thành tâm và đặt dân tộc trên hết thì chuyện này đã phải làm từ lâu rồi đâu cần chờ lệnh của Giáo Hoàng?

Xét cho cùng, chuyện sám hối hay lãnh trách nhiệm về những lỗi lầm của giáo hội Gia Tô trong quá khứ là chuyện nội bộ của giáo hội. Nhưng tôi, và tôi tin rằng đa số người dân Việt Nam, không bao giờ quy trách cho thế hệ những người Gia Tô hiện nay về những

việc làm của những thế hệ Gia Tô trong quá khứ. Chuyện tội của Cha Ông mà con cháu phải gánh chịu là chuyện của một số người có đầu óc của thời bán khai, man rợ, không phải là chuyện của thời văn minh hiện đại. Vả chăng, về phương diện lý luận, nếu Giáo hội hiện tại tự cho cái tư cách đại diện các giáo hội trong quá khứ để sám hối và xin lỗi các quốc gia đã bị Giáo hội xâm lăng, tàn sát, và phá hủy các nền văn hóa và tôn giáo của những quốc gia này, thì ai là những người có đủ tư cách để đại diện cho bao nhiêu người chết, người bị tra tấn, thiếu sống, người bị cưỡng bách cải đạo v.v... trong những cuộc Thánh Chiến, trong 400 năm xử dị giáo với những tòa hình án, trong những chính sách thực dân diệt chủng diệt nền văn hóa địa phương v.v... để mà nhận lời sám hối hay tha tội cho Giáo hội? Cho nên, cách sám hối thực tế nhất là đền bù, mang của cải của Giáo hội ra để xây dựng lại đền, Chùa, các nơi thờ phượng của tôn giáo khác trên thế giới đã bị Gia Tô Giáo phá hủy, trả lại đất đai, tài sản mà ngày xưa Giáo hội đã chiếm hữu hoặc bằng võ lực, hoặc dựa trên quyền thế thực dân ở các địa phương, hoặc do các tín đồ tay sai địa phương cống hiến cho Giáo hội, chứ vài lời xin lỗi đầu môi chót lưỡi rồi vẫn chứng nào tật ấy thì thật quả vô ích. Hãy chứng tỏ bằng hành động thay vì lời nói. Cho nên, Giám mục Emile de Smedt đã đặt câu hỏi: *"Tại sao lại nói đến đối thoại với những người Ki Tô khác, với người Do Thái, với tất cả những người phi-Ki-Tô khi thực ra về lý thuyết cũng như thực hành, Giáo hội Gia Tô La Mã không tôn trọng sự tự do của các tôn giáo phi Gia Tô?"* (Why speak about dialogue with other Christians, with Jews, with all non-Christians, if, in theory and in fact, the Roman Catholic Church does not respect the freedom of non-Catholic religions?). Và ngay gần đây, trong một chuyến công du sang châu Mỹ La Tinh,

John Paul II đã lên tiếng chỉ trích nặng nề Giáo hội Tin Lành và gọi họ là *"những con chó sói đói mồi, gây bất hòa và chia rẽ trong những cộng đồng Gia Tô của chúng ta"* (John Paul denounces them (the Protestants) as "ravenous wolves... causing discord and division in our communities," *Newsweek*, February 12, 1996) chỉ vì mỗi ngày có tới 8000 người bỏ đạo Gia Tô La Mã để theo Tin Lành... John Paul II có nghĩ tới những giáo sĩ Gia Tô tới Việt Nam trong những thế kỷ trước, gây chia rẽ và bất hòa trong xã hội Việt Nam, góp phần đưa nước Việt Nam vào vòng nô lệ Pháp v.v... hay không, và Ngài khuyên dân Việt Nam chúng tôi phải gọi những giáo sĩ thừa sai đó bằng những danh từ nào? Vậy có ai mà tin được những lời nói dài bồi về sám hối cũng như xin lỗi của Giáo Hoàng hay Giáo hội Gia Tô La Mã là thành thực trong khi về tư tưởng cũng như về hành động, tất cả đều trái ngược với lời nói?

Về hội đồng Giám Mục Việt Nam, vấn đề không phải là ở chỗ nhìn nhận những sai lầm trong quá khứ hay xin lỗi Phật Giáo và các tôn giáo khác, mà là đưa ra một đường lối bảo đảm không tái phạm những sai lầm quá khứ nữa. Sự hòa hợp tôn giáo ở Việt Nam chỉ có thể xảy ra khi những người phi Gia Tô được bảo đảm bằng những hành động cụ thể của Giáo hội Gia Tô Việt Nam về tính cách độc lập của Giáo hội trên thế giới và với điều kiện quyết là đặt tổ quốc lên trên hết. Nếu Giáo hội Gia Tô Việt Nam ra thông cáo chính thức tuyên bố đặt quyền lợi quốc gia trên hết, nêu cao khẩu hiệu *"Giáo hội Gia Tô Việt Nam của người Việt Nam,"* khẳng định sự độc lập của Giáo hội, bình đẳng đối với mọi Giáo hội Gia Tô trên thế giới, kể cả đối với Tòa Thánh Vatican, và chính thức tuyên cáo rộng rãi trong khắp các giáo xứ bỏ những đòi hỏi phi lý như bắt phải học đạo trong vấn đề hôn phối, bắt đưa con sinh ra phải rửa tội và theo đạo

Gia Tô v.v... chấm dứt xuyên tạc lịch sử, chấm dứt những âm mưu xuyên tạc và phá ngầm Phật Giáo cũng như các tôn giáo khác ở Việt Nam v.v... thì lo gì mà không có sự hòa hợp tôn giáo ở Việt Nam. Người Việt Nam bản chất vốn hiền hòa và dễ tha thứ, trừ trường hợp phải đối phó với sự xâm lăng của ngoại bang và với những người theo gót ngoại bang, phản bội dân tộc. Lịch sử đã chứng minh như vậy.

b) Sau đó ông NVT viết: *“Điểm mấu chốt của sám hối tôn giáo là nhìn nhận tội ác đã phạm ngay trên bình diện ý định, mục đích. Thay vì nói: mục đích biện minh phương tiện, và hiểu mục đích tốt về phương diện đạo đức biện minh những phương tiện xấu, phải nói chính mục đích ở đây xấu trong trường hợp ý định thực hiện một điều tốt (sự cứu rỗi, giải phóng) bao hàm cách sử dụng những phương tiện chính trị (quyền bính, áp lực chính trị) nghĩa là dùng bạo lực... Giáo hội Ki Tô trong lịch sử, cũng như chế độ Stalinist gần đây và hiện nay đều rơi vào điều mà một nhà triết học Pháp (H. Duméry) gọi là “chước cám dỗ làm điều thiện”. Thường người ta chỉ bị cám dỗ làm điều xấu, nhưng ở đây chước cám dỗ muốn làm điều thiện (tentation de faire le bien) đã đưa đến phạm tội ác. Phạm điều ác trong trường hợp bị cám dỗ làm điều thiện bằng cưỡng ép bạo lực.”*

Tôi thấy câu trên có vẻ mập mờ, ý nghĩa không rõ ràng, nhất là câu *“phải nói chính mục đích ở đây xấu trong trường hợp ý định thực hiện một điều tốt (cứu rỗi, giải phóng) bao hàm cách sử dụng các phương tiện chính trị (quyền bính, áp lực chính trị) nghĩa là dùng bạo lực...”* Mục đích ở đây xấu là mục đích nào? Trong ý định thực hiện một điều tốt? Những phương tiện chính trị, dùng bạo lực là phương tiện hay mục đích? Nhưng theo tôi hiểu thì có lẽ ông NVT muốn nói là ý định thực hiện một điều tốt (cứu rỗi, giải phóng)

nhưng dùng các phương tiện xấu (chính trị, bạo lực) và viện dẫn triết thuyết của H. Duméry cho rằng đó chỉ là *“chước cám dỗ muốn làm điều thiện đã đưa đến phạm tội ác.”* Có nhiều điều không xuôi trong cái triết thuyết này:

Nếu người ta muốn làm điều thiện với một tâm thiện thì người ta không thể phạm tội ác. Phật Giáo ra đời trước Gia Tô Giáo cả hơn 500 năm, và trong suốt hơn 2500 năm truyền đạo trên khắp thế giới, không hề làm đổ một giọt máu vì lý do truyền đạo. Phật Giáo mang cái thiện và tâm thiện đến cho chúng sanh, và lịch sử cho thấy các tăng ni Phật Giáo cũng bị cái *“chước cám dỗ muốn làm điều thiện”* nhưng lại không bao giờ phạm tội ác. Cho nên, cái triết thuyết của H. Duméry có lẽ bắt nguồn từ những kinh nghiệm tôn giáo ở Tây phương, và đó là một triết thuyết dùng để biện minh cho những tội ác của tôn giáo Tây phương, khoan xét đến thực chất ý nghĩa của những từ như *“cứu rỗi”* hay *“giải phóng”*. Cứu rỗi là một quan niệm đặc thù của Ki Tô Giáo, đặt căn bản trên một niềm tin vào những thuyết như *“Sáng Tạo”*, sự *“Sa Ngã của Người”*, *“Tội Tổ Tông”*, và *“Đấng Cứu Thế”*. Đây là một niềm tin tôn giáo, một niềm tin không có căn bản vững chắc dưới ánh sáng của khoa học và trước sự văn minh tiến bộ của loài người, như nhiều học giả và ngay cả nhiều nhà Thần Học đã công nhận, không phải là một khuôn mẫu đạo đức, và nhất là chưa được kiểm chứng bằng bất cứ sự kiện nào. Như vậy, cứu rỗi không phải là một điều thiện hay điều tốt vì nó không có tính phổ quát, và cũng không phải là một tiêu chuẩn đạo đức mà toàn thể thế giới công nhận. Còn *“giải phóng”* thì giải phóng khỏi cái gì? Khỏi những khó khăn vật chất để rơi vào vòng nô lệ cả phần hồn lẫn phần xác của một ý thức hệ mà lịch sử đã chứng minh là đã gây ra không biết bao nhiêu tội ác? Hay là giải

phóng khỏi sự áp bức của chính quyền quân chủ? Một câu hỏi được đặt ra: nước VN là một nước nông nghiệp, kỹ thuật thô sơ, đa số là nông dân hay dân chài lưới nghèo khổ, bị áp bức, vậy mà trong mấy trăm năm truyền đạo, kể cả gần 100 năm Pháp thuộc và 9 năm dưới chính thể Ngô Đình Diệm, ở miền Nam, trong những thời gian này Gia Tô Giáo được tự do, toàn quyền, và các nhà lãnh đạo Gia Tô, ngoại quốc cũng như quốc nội, dùng đủ mọi cách để gia-tô hóa Việt Nam, từ cách dùng các bã vật chất cho tới cưỡng bức cải đạo, mà tuyệt đại đa số dân Việt Nam vẫn từ chối không muốn được cứu rỗi hay giải phóng? Nhìn vào những con số thống kê thì tỉ số trên dân số của các tín đồ Gia Tô bao giờ cũng chỉ quanh quẩn ở mức từ 5 tới 7 phần trăm. Như vậy có phải là những điều mà Gia Tô Giáo cho là tốt như cứu rỗi, giải phóng chỉ là hữu danh vô thực, không thể mang ra mà lừa dối ngay cả đại đa số người dân Việt Nam chất phác?

c) Sau đó, ông NVT đưa ra một đề nghị với người “ngoài Gia Tô”, đưa ra vài thí dụ để biện minh cho những lỗi lầm của Gia Tô Giáo VN trong quá khứ. Ông viết:

“Trước hết, đề nghị người ngoài Gia Tô (danh từ phi-Gia-Tô có lẽ đúng hơn) cũng phải sám hối trong việc nhìn nhận trách nhiệm (giới lãnh đạo chính trị, nho sĩ) đã để cho thực dân lợi dụng được Gia Tô Giáo. Gần đây, trong trường hợp VN “giải phóng” Cam-bốt, không ai nghĩ đến kết án người dân Cam Bốt chạy theo người VN, mà chỉ kết án Polpot đã đẩy người dân phải chạy theo người VN, mặc dù họ chẳng ưa hay thù ghét người VN. Ngoài ra cần phân biệt đánh giá một tôn giáo, ý thức hệ du nhập VN với sự kiện có những người VN chấp nhận theo những tôn giáo, ý thức hệ đó. Anh có thể thích hay không thích để tóc dài, mặc quần bò. Nhưng khi có những người VN để tóc dài hay mặc quần bò thì đó

là sự kiện VN và anh phải chấp nhận, tôn trọng sự lựa chọn kể trên, trừ trường hợp dùng quyền lực buộc anh phải theo... vậy nếu có những người VN theo đạo Gia Tô và bị cấm đoán, xử tử chỉ vì theo một đạo không phù hợp với đạo của nhà Vua (như nhiều vụ án đã chứng minh) thì có thể coi là những vi phạm nhân quyền không?”

Tôi có cảm tưởng là đọc một cái gì quen thuộc. Nguyên trong nước Mỹ, có hơn 400 ông Cha Gia Tô, toàn là các bậc trí thức cả vì ít ra trình độ của các linh mục cũng tương đương với cử nhân, dù phần lớn trong chương trình huấn luyện là về Thần học để bảo vệ các tín lý cao quý của Gia Tô, bị đưa ra Tòa về tội cưỡng bách tình dục trẻ con và nữ tín đồ. Giáo hội đã phải bỏ ra hơn 400 triệu đô la để dàn xếp ngoài Tòa một số lớn các vụ này. (Xin đọc *A Gospel of Shame: Children, Sex Abuse and the Catholic Church* của Elinor Burkett & Frank Bruni; *Lead Us Not Into Temptation: Catholic Priests and the Sexual Abuse of Children* của Jason Berry; *Sex, Priests, and Power: An Anatomy of a Crisis* của A. W. Richard Sipe). Nhưng ở một số các cộng đồng nhỏ thì Giáo hội lại thuê luật sư để quấy nhiễu (harass) và tố ngược (sue back) các bậc cha mẹ không biết chăm sóc con cái, để cho các ông Cha lợi dụng. Nếu không có báo chí và TV phanh phui và chỉ trích thì chắc sách lược này đã thành công vì ở các cộng đồng nhỏ, giáo dân nào mà dám tố các ông Cha là có thể bị coi như phản đạo, mọi người khinh rẻ. Và bây giờ tôi lại thấy một đại trí thức Gia Tô VN đưa ra luận cứ là những người VN phi Gia Tô phải sám hối và nhìn nhận trách nhiệm đã để cho thực dân lợi dụng những người VN theo Gia Tô Giáo. Ông vào nhà tôi, gây chia rẽ và bất hòa trong đám con cái tôi, khuyến dụ một số theo ông để cướp nhà tôi, và bây giờ ông muốn tôi phải sám hối và lãnh trách nhiệm vì đã không đủ sức chăm

nom con cái để cho ông lợi dụng một số? Tôi thấy đây là một kiểu lý luận kỳ lạ nếu không muốn nói là có tính cách mạt ly khả năng suy luận của con người, nhất là của những người được gọi là trí thức.

Ông NVT lại đưa ra trường hợp Việt Nam can thiệp vào Cam Bốt gần đây và những người Cam Bốt chạy theo VN để so sánh, ngụ ý các vua triều Nguyễn cũng ác, cũng dùng chính sách diệt chủng đối với chính dân của mình như Pol Pot ở bên Cam Bốt, cho nên những người Gia Tô chạy theo thực dân Pháp là chuyện phải thôi, có gì đáng trách đâu. Rồi ông lại mang chuyện để tóc dài và mặc quần bò ra làm thí dụ để nói lên quyền tự do theo đạo Gia Tô của người Việt và trách các Vua triều Nguyễn là cấm đạo và tàn sát giáo dân chỉ vì họ theo một đạo không phù hợp với đạo của nhà Vua. Là bậc trí thức như ông, ông không thể không biết đến lịch sử Việt Nam. Việt Nam có bao giờ có truyền thống cấm đạo hay tàn sát người theo đạo chỉ vì họ theo đạo? Tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên kéo dài suốt từ đời Lý Trần tới thời cận đại, và chính Linh mục Lương Kim Định cũng phải thú nhận là Thiên Chúa Giáo du nhập Việt Nam đã làm cho khối người Việt Nam đang sống hòa thuận với nhau trở thành chia rẽ làm hai khối Lương-Giáo đây e dè nghi kỵ. Dưới thời các triều Nguyễn, Nho sĩ cầm quyền và Phật Giáo cũng bị những khó khăn hạn chế như mọi tôn giáo khác, nhưng tại sao lại chỉ có mình Gia Tô Giáo bị cấm đạo và giáo dân bị tàn sát? Các nhà khảo sử không ai phủ nhận việc cấm đạo và chính sách khắc nghiệt của các triều Nguyễn đối với Gia Tô Giáo, nhưng tất cả đều phải có nguyên nhân. Những nguyên nhân này không bao giờ được các nhà viết sử thực dân hay Gia Tô nhắc tới. Những nguyên nhân này là gì, hiện nay tài liệu có khá đầy đủ, tôi tin rằng ông có thể kiếm ra một cách dễ dàng. Nếu ông vì quá bận chưa

có thì giờ đọc về lịch sử Việt Nam và các tài liệu hiện hữu về vấn đề cấm đạo thì tôi xin trích dẫn vài tài liệu sau đây để cho vấn đề được sáng tỏ:

1. Ông Lý Chánh Trung, một nhà trí thức Gia Tô, trong cuốn *Tôn Giáo và Dân Tộc* nhận định rằng:

“Tuy nhiên lịch sử đã cho thấy rằng từ khi Giáo hội (La Mã) đã trở thành quốc giáo thì cây gươm tinh thần của Thánh Phao-Lô đã luôn luôn bị cấm dỗ để biến thành cây gươm thép thực sự. Kể từ đạo ấy, mỗi khi hoàn cảnh cho phép, Giáo hội đã không ngần ngại để dùng thế lực tiêu diệt các tôn giáo khác, đập phá các đền thờ “Tà Thần”, đốt sách vở ngoại đạo, và đốt luôn bọn người bị xem là “lạc đạo” nếu không chịu sửa sai.

... Ngày nay mọi người đều đồng ý rằng việc cấm đạo dưới các Vua triều Nguyễn là một hành động bất nhân và sai lầm. Nhưng nếu chúng ta tự đặt mình vào địa vị các vị Vua ấy, và cái khung cảnh tâm lý thời đó, thì có lẽ chúng ta khó có thể làm khác hơn” (Ông Lý Chánh Trung đã không xét đến những khung cảnh xã hội, chính trị đã tạo ra cái khung cảnh tâm lý đó. TCN).

2. Trong cuốn *Đạo Thiên Chúa và Chủ Nghĩa Thực Dân tại Việt Nam*, Cao Huy Thuần viết như sau:

“Những người viết sử “thực dân” và những người viết sử của Phái Bộ Truyền Giáo đã cho xuất bản rất nhiều sách về điểm mà họ gọi là “sự đàn áp tôn giáo” ở Việt Nam. Một tác giả Thiên Chúa Giáo VN cũng đã có viết một tập giáo khoa—được giải thưởng Hàn Lâm Viện Pháp—để dùng cho các học sinh Trung học Pháp, trong đó y giải thích cho các độc giả trẻ rằng các Vua VN, vào thế kỷ thứ 19, đã “đàn áp” các tín đồ đạo cao quý của Tây phương như thế nào. Chúng tôi hi vọng rằng các tài liệu công bố trong thiên khảo cứu này cũng đủ khá hùng hồn để chấm dứt các ngụ

tạo đó. Thật vậy, cái gọi là “dàn áp tôn giáo” đó sự thực chỉ là những biện pháp tự vệ mà mọi nước bị ngoại xâm và nội loạn đe dọa đều bị buộc phải dùng đến nếu không muốn nhận chịu nguy cơ sụp đổ. Nếu đạo Thiên Chúa VN bị bài xích, thì việc đó, chính yếu là do các người đại diện cho đạo; những người này, bằng những hoạt động tai hại và ý muốn thống trị của họ, rút cục đã làm cho người VN thấy Chúa Christ là tay sai của xâm lăng thuộc địa và văn hóa.”

3. Trong cuốn *L'Empire Vietnamien Face à la France et à la Chine*, bản dịch ra tiếng Việt của Nguyễn Đình Đầu, Yoshiharu Tsuboi viết như sau:

“Linh mục Louvet gọi lại việc phái bộ Montigny đã tới Đà Nẵng năm 1847 để điều võ dương oai rồi thảm bại rút lui để lại bao khó khăn cho thừa sai và tín hữu. Theo Louvet, phái bộ Montigny đã gây chuyển hướng trong tính cách của sự bách hại như sau: “... từ phạm vi tôn giáo chuyển sang phạm vi chính trị, người Công giáo không chỉ nguyên nhân là một kẻ theo tà đạo, tự mình tách rời ra khỏi đời sống công dân và gia đình do chối từ việc thờ cúng tổ tiên, mà còn là bạn bè của người ngoại quốc, là kẻ phản bội và phản nghịch từng kêu gọi quân xâm lăng đến chiếm lĩnh nước mình.” Sự thật Louvet chỉ nhắc lại một lập luận mà giám mục Pellerin đã quảng diễn từ trước...

Một lập luận như vậy đánh dấu thật rõ ràng sự thay đổi trong não trạng các thành viên hội Thừa Sai của Paris, vì lập luận ấy đã cho biết sự thật lịch sử: tại Việt Nam, nơi mà tinh thần hòa đồng tôn giáo đã thấm sâu vào xã hội, không có lý do gì, nhất là khi vẫn có trật tự xã hội, lại đi bách hại đạo Công giáo với tính cách là một đạo giáo. Đã từ lâu, điều làm cho người ta e ngại là sự hiện diện và hoạt động của các thừa sai bị coi như là những tác viên của Tây phương có nhiệm vụ phá hoại nền đạo

đức và chính trị của nước Việt Nam. Chúng tôi đã xem xét kỹ hoạt động của các thừa sai, bởi vì chúng tôi tin là hội thừa sai Paris và các giáo sĩ của hội này đã là những kẻ “dẫn đường” chính cho chính quyền Pháp tại Việt Nam”.

4. Trong cuốn *Việt Nam Pháp Thuộc Sử*, Giáo sư Phan Khoang viết:

“Những người đề xướng cuộc chinh phục nước Nam là mấy sĩ quan hải quân của hạm đội Pháp ở biển Trung quốc... nhưng hoạt động hăng hái hơn cả để làm cho chính phủ Pháp quyết định là các giáo sĩ, nhất là giáo sĩ Huc, Giám mục Retord, Giáo sĩ Libois và Giám mục Pellerin...

Vì các giáo sĩ ngoại quốc truyền giáo phản đối kịch liệt ý kiến châm chước việc thờ cúng tổ tiên nên năm 1742, Giáo Hoàng Benoit XIV ra sắc lệnh kết án sự thờ cúng tổ tiên, và vì thế, từ đó người ta thấy những sự cấm đoán, những hình phạt các vua, chúa nước ta thi hành với giáo sĩ, giáo đồ càng xảy ra nhiều, nghiêm ngặt, nặng nề hơn.”

5. Trong cuốn *Việt Nam Chiến Sử*, tác giả Phạm Văn Sơn viết:

“Dưới mắt Vua Minh Mạng các tu sĩ Tây phương ngoài việc truyền giáo còn là những gián điệp lợi hại nhất của đế quốc và các tàu buôn cùng sứ thần của họ cũng có những công tác bí mật, vậy “kính nhi viễn chi” là hơn.”

6. Trong cuốn *Les Missions Etrangères et la Pénétration Francaise au Viet-Nam*, Nicole-Dominique Lê viết như sau:

“Theo quan điểm của những nhà lãnh đạo VN thì các thừa sai đã phạm tội thúc đẩy giáo dân bất tuân luật lệ quốc gia. Từ bỏ những thờ phượng tôn giáo, những giá trị xã hội đã khiến cho họ sống ở ngoài lề của xã hội truyền thống. Nhưng nghiêm trọng hơn là, người ta trách cứ các giáo sĩ và giáo dân đã tạo nên sự phân chia quốc gia thành 2 khối tôn giáo đối nghịch nhau.”

(Les missionnaires, selon l'optique des dirigeants Vietnamiens, étaient coupables de pousser les Chrétiens à rejeter les lois de leur pays. Rejet des cultes religieux, des valeurs sociales qui les faisaient vivre en marge de la société traditionnelle. Mais chose plus grave, on reprochait aux prêtres et aux chrétiens la scission du pays en deux clans religieux opposés).

“Được thành lập một cách cuống tít, những người Thiên Chúa Giáo VN đã có một ý thức giai cấp; họ tự cảm thấy tách biệt khỏi đại khối dân tộc, khác biệt và cao quý hơn, vì họ đã nhận được ánh sáng của Thượng Đế. Họ khinh miệt những người phi-TCG, những người đã theo những nghi lễ mọi rợ và mê tít. Nhưng những người phi-TCG cũng khinh miệt không kém những kẻ theo đạo, thường là xuất thân từ giai cấp hạ tiện, những người chẳng mất mát gì khi theo một tôn giáo khác, một tôn giáo từ chối gia tài của xứ sở. Nhất là giai cấp văn thân càng ghét họ hơn, vì, không những họ từ bỏ những truyền thống tổ tiên, mà tệ hơn nữa, kêu gọi ngoại nhân đến với họ, xin ngoại nhân che chở và cho họ việc làm, hầu hạ và phục tùng ngoại nhân như là các ông chủ duy nhất. Về phía Gia Tô Giáo, họ không làm gì để xóa bỏ hay ít ra là làm giảm bớt cái tiếng xấu của họ, trái lại, khi chắc rằng người Pháp sẽ ngự trị ở ngoài Bắc, và tin rằng thời cơ của họ đã tới, họ đã phạm nhiều sự lạm dụng không thể tha thứ được.”

(Formés fanatiquement, les chrétiens Vietnamiens ont acquis une conscience de classes; ils se sentaient à part du reste de la nation, différents et supérieurs, car ils avaient reçu la lumière du Dieu. Ils méprisaient les non-chrétiens, qui pratiquaient des rites barbares et superstitieux. Mais les non-catholiques ne méprisaient pas moins les convertis qui, le plus souvent de basse extraction, n'avaient rien à perdre en suivant une autre

religion qui niait à elle seule l'héritage du pays. La classe lettrée surtout les détestait car, non seulement ils reniaient leurs traditions ancestrales, mais pire encore, ils appelaient à eux les étrangers, leur demandant protection et emploi, les servants et leur demandant comme à des maîtres incontestés. Du côté catholique, rien ne fut entrepris pour effacer ou tout au moins atténuer la mauvaise réputation qui leur était faite. Bien au contraire, lorsqu'ils furent certains que la France allait désormais s'installer au Nord, ils commirent d'impardonnable abus, croyant leur heure est arrivée).

7. Trong cuốn *Annam-Tonkin 1885-1896*, Charles Fourniaux viết:

“Căn bản của lực lượng này (với mục đích đồng hóa toàn phần dân chúng để tạo một “Đông Dương của Pháp”, bằng cách phá hoại văn minh cổ truyền và những văn thân gìn giữ nền văn minh này) nằm trong 600,000 giáo dân Thiên Chúa Giáo mà các thừa sai là những ông chủ tuyệt đối. Họ sống trong các làng mạc hoặc phần làng mạc riêng biệt, vì các thừa sai nhất định bảo vệ họ để khỏi bị ảnh hưởng xấu của người “Lương” và người Âu châu. Nhưng nhất là vì niềm tin và tác phong của họ đã làm cho đồng bào của họ coi họ như là những kẻ bội giáo và phản bội quốc gia. Họ không còn trung thành với sự thờ cúng tổ tiên, không tôn trọng những lễ lạc cổ truyền và phong tục tập quán. Thật vậy, có phải là từ những năm 70 họ đã chẳng là những “nội ứng của Pháp”, làm tình báo cho kẻ thù và giúp đỡ kẻ thù, và cung cấp đa số trợ quân cùng những kẻ phản bội quốc gia khát máu như tên Trần Bá Lộc?”

(La base de cette force (visant à l'assimilation complète de la population pour construire une “France Indochine”, en détruisant la civilisation traditionnelle et ses gardiens que sont les Lettrés) réside dans les 600,000

chrétiens sur lesquels règnent en maîtres absolus les missionnaires. Ils vivent en villages ou quartiers de villages séparés, car les missionnaires tiennent à les protéger des influences néfastes des “païens” et des européens. Mais surtout leur foi et leur comportement les fait apparaître à leurs compatriotes comme des renégats et des traîtres. Ils sont infidèles aux pratiques du culte des ancêtres, ne respectent ni les fêtes traditionnelles ni les coutumes. Enfin n’ont-ils pas été depuis le début des années 70 les “Français de l’intérieur”, renseignent et aident l’ennemi, fournissant le gros des recrues de forces supplétives et des traîtres sanglants comme Trần Bá Lộc?) (Trần Bá Lộc là tên tay sai Gia Tô đặc lực nhất của Pháp trong sự đàn áp các cuộc khởi nghĩa ở miền Nam, nổi tiếng là tàn bạo và tham lam. Leo từ lính cơ của Pháp lên tới tri phủ (1886) hẳn đã “chặt nhiều đầu” kháng chiến quân, chính hẳn viết như thế, và còn bắt bớ những người có liên hệ với kháng chiến để tống tiền dưới hình thức “bồi thường”, được Pháp khen thưởng Bắc Đẩu Bội Tinh hạng 3: theo tài liệu A30 (75), hộp 19, Thư Khố Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại).

8. Trong cuốn *La Place du Catholicisme dans les Relations Entre la France et le Vietnam, de 1851 à 1870*, nhà trí thức Gia Tô Étienne Võ Đức Hạnh viết:

“Dưới triều Vua Tự Đức, một số lớn người Thiên Chúa Giáo VN làm tình báo cho Pháp... Dưới triều Tự Đức, do sự xúi dục của các giáo sĩ, người TCG và phi-TCG, âm thầm hoặc công khai, chống đối lại vị Vua tại vị hơn là nhà Nguyễn vì nhiều lý do... Chỉ có một điều khác biệt: người TCG có cùng chung mục tiêu với nước Pháp, còn người phi-TCG thì không.”

(Sous Tu Duc, un grand nombre de catholiques Vietnamiens sont d’intelligence avec les Français... Au jours de Tu Duc,

Chrétiens et non-chrétiens, à l’instigation des missionnaires, résistent ici sourdement, là ouvertement au roi régnant mieux à la dynastie des Nguyen pour plusieurs motifs... Une seule différence: les chrétiens font cause commune avec la France, les non-chrétiens les combattent).

9. Trong cuốn *The Vietnam Response to French Intervention, 1862-1874*, Mark W. McLeod viết:

“Sau đó, những đạo dụ khắc nghiệt hơn được ban hành mỗi khi Vua Tự Đức phải đối diện với bằng chứng là các giáo sĩ Gia Tô và các giáo dân dính líu vào những cuộc nội loạn hay đứng về phía một quyền lực ngoại quốc.”

(Subsequent, more severe edicts were issued whenever Tu Duc was confronted with evidence that the Catholic missionaries or the indigeneous Catholics were involved in internal rebellions or were in league with a foreign power).

“Nguyên tắc của Vua Minh Mạng để đối phó với những người Gia Tô VN như sau: trước hãy giáo dục sau mới dùng đến hình phạt. Như vậy, các viên chức trước hết phải khuyên hóa những người Gia Tô để cho họ tỉnh ngộ và hối cải những tội ác của họ...”

(Minh Menh’s principle for dealing with the Vietnamese Catholics was the following: “first we must educate; only afterward do we punish”. Accordingly, officials were first to “advise and instruct” the Catholics so that they would “awaken” and repent their crimes.”

10. Trong cuốn *Vietnam’s Will to Live*, Helen B. Lamb viết châm biếm như sau:

“Những công tác của những giáo sĩ như là Cha Retord gồm có thu thập tin tức về vùng bờ biển, sông ngòi, và sự phòng vệ Huế. Ngoài việc là một nguồn tin tức chủ yếu cho hải quân Pháp, những giáo sĩ còn làm những sách động viên, nhân danh 450,000 giáo dân mà họ tuyên

nap vào giữa thế kỷ thứ 19, sẵn sàng đưa một quốc gia 10 triệu người vào vòng chết chóc và tàn phá toàn diện—lẽ dĩ nhiên là để cứu quốc gia này.”

(The labors of such missionaries as Father Retord had included intelligence on coastal areas, rivers, and the defense of Hue. Besides being a vital source of information for the French navy, the missionaries played the role of outside agitators who, in the name of 450,000 Vietnamese converts they claimed by the mid-19th century, were willing to plunge a country of 10 million people into wholesale death and destruction—in order, of course, to save it.)

11. Trong cuốn *Catholicisme et Sociétés Asiatiques*, Alain Forrest và Yoshiharu Tsuboi trích dẫn tài liệu sau đây trong cuốn *Vie de Mgr. Puginier*:

“Giám Mục Puginier viết rằng: “Không có các thừa sai và giáo dân TCG thì người Pháp cũng giống như những con cua đã bị bẻ gãy hết càng. Thí dụ như vậy, tuy tầm thường mọt mọt nhưng không kém phần chính xác và mạnh mẽ. Thật vậy, không có các thừa sai và giáo dân TCG, người Pháp sẽ bị bao vây bởi toàn là kẻ thù; họ sẽ không thể tin cậy vào một ai; họ sẽ chỉ nhận được những tin tức tình báo sai lầm, cung cấp với ác ý để phá hoại tình thế của họ; họ sẽ bị đẩy vào tình trạng không thể hoạt động được gì và sẽ phải hứng chịu những thảm họa thực sự một cách nhanh chóng. Địa vị của họ ở đây sẽ không giữ nổi được nữa, và họ sẽ bị buộc phải rời khỏi xứ, nơi đây quyền lợi và ngay cả sự hiện diện của họ sẽ bị nguy hại.”

(Sans les missionnaires et les chrétiens, écrit Mgr. Puginier, les Français seraient, comme les crabes auxquels on aurait cassé toutes les pattes. La comparaison, pour être triviale, ne manque pas de justesse et de force. En effet, sans les missionnaires et les

chrétiens, les Français se verraient entourés d'ennemis; ils ne pourraient se fier à personne; ils ne recevraient que de faux renseignements, méchamment donnés pour compromettre leur situation; ils se trouveraient donc réduits à l'impossibilité d'agir et seraient rapidement exposés à des vrais désastres. Leur position ici ne serait plus tenable, et ils ne verraient forcés de quitter un pays où leurs intérêts et leur existence même serait compromis.)

12. Trong cuốn *Dieu et César*, Linh mục Trần Tam Tĩnh viết như sau:

“Cho tới khi chết ngày 25 tháng 4/1892, giám mục Puginier đã hoạt động không ngừng nghỉ ngày nào để củng cố địa vị của nước Pháp tại xứ ông đã nhận là quốc gia mới. Người ta còn giữ được mấy chục bản ghi chú và những tin tức tình báo có mang chữ ký của ông trong những Văn Khố của Bộ Thuộc Địa. Một phần nhờ vào các tin tức tình báo của giám mục mà quân Pháp có thể dẹp tan quân đội kháng chiến của Việt Nam. Trung tâm kháng chiến khốc liệt nhất là ở Ba Đình, Thanh Hóa, dưới sự chỉ huy của Đinh Công Tráng. Đó là một làng được tăng cường bởi một vòng đai lũy tre, những ụ kháng chiến, những hầm trú ẩn, và một hệ thống hầm giao thông được xếp đặt một cách tinh vi. Để “bình định” làng này, quân đội Pháp đã kéo tới 2,250 binh sĩ với 25 khẩu đại bác, 4 tàu chiến dưới sự chỉ huy của đại tá Metzinger. Cuộc tấn công của Pháp ngày 18 tháng 12/1886 bị đẩy lui. Quân Pháp bao vây để tìm kiếm một chiến thuật mới. Sung sướng thay cho họ, một sĩ quan trẻ, đại úy Joffre (sau này trở thành thống chế nổi tiếng của Pháp trong đệ nhất Thế Chiến), đã nghĩ đến việc cầu sự trợ giúp của Cha Trần Lục, cha xứ Phát Diệm và là Phó Tướng đặc trách bình định các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh. Trần Lục, được giám mục Puginier ban phước lành, và mang

5000 giáo dân TCG đến giúp quân Pháp. Và Ba Đình bị thất thủ."

(Jusqu'à sa mort le 25 Avril 1892, Mgr. Puginier ne restait pas une journée sans travailler à affermir la position de la France dans son pays d'adoption. On conserve des dizaines de Notes et renseignements portant sa signature dans les Archives du Ministère des Colonies. Et en partie grâce à ses renseignements, les Français purent écraser la résistance armée des Vietnamiens. La résistance la plus farouche était menée à Ba Đình, Thanh Hóa, sous la direction de Đình Công Tráng. C'était en apparence un village fortifié avec une ceinture de bambous, des remparts, des tranchées et boyaux de communication savamment disposés. Le moral des combattants était très haut. Pour le "pacifier", les Français envoyèrent une force de 2500 soldats, 25 canons, 4 canonnières sous le commandement du colonel Metzinger. L'attaque du 18 Décembre 1886 fut repoussée. Les français durent l'assiéger et cherchant une nouvelle tactique. Heureusement pour eux, un jeune officer, le capitaine Joffre (qui deviendra le fameux maréchal de France pendant la première guerre mondiale), pensa à demander l'aide du père Trần Lục, curé de Phát Diệm et vice-roi pour la pacification des provinces de Thanh Hoa, Nghe An et Ha Tinh. Celui ci avec la bénédiction de Mgr. Puginier vint à la rescousse des Français avec 5000 chrétiens. Et Ba Đình fut pris.)

Trên đây chỉ là vài tài liệu trong kho tàng tài liệu rất phong phú hiện hữu. Từ những trích dẫn tài liệu trên chúng ta có thể thấy rõ nguyên nhân của việc cấm đạo trong thế kỷ thứ 19 tại Việt Nam. Những nguyên nhân đó có thể tóm tắt trong mấy điểm chính:

i) Các giáo sĩ thừa sai Gia Tô Giáo khi tới Việt Nam truyền đạo đã không giữ đúng vai trò truyền giáo thuần túy của mình. Họ có

những thái độ ngạo mạn, khinh rẻ chính quyền địa phương vì tự cho là văn minh tiến bộ trong khi bản chất của họ thật là hẹp hòi và chậm tiến, và cuồng tín vì cho rằng đạo của mình là đạo chân thật duy nhất, do đó đã dùng những phương pháp truyền đạo mạt ly, xâm phạm tới toàn bộ tín ngưỡng, đạo đức, và cấu trúc truyền thống của xã hội Việt Nam. Họ đã trắng trợn can thiệp vào chính trị nội bộ của Việt Nam và trong nhiều trường hợp đã xúi giục và gây nên sự chia rẽ, bất hòa, xáo trộn trong xã hội Việt Nam.

ii) Các giáo sĩ thừa sai Gia Tô đã giữ những vai trò then chốt trong việc vận động chính quyền Pháp xâm lược Việt Nam, tích cực đóng góp cho việc xâm lược Việt Nam, và sau đó có những âm mưu phá hủy nền văn hóa cổ truyền Việt Nam.

iii) Một số không nhỏ giáo dân VN đã hợp tác, tiếp tay với thực dân Pháp, đem nước ta vào vòng nô lệ Pháp để được hưởng những quyền lợi đặc biệt tôn giáo của một thiểu số cam phận làm thân trâu ngựa, phục tùng tuyệt đối các giáo sĩ ngoại quốc, bất kể đến sự đau thương của cả một dân tộc bị nô lệ ngoại bang.

Và, những tài liệu trên cũng chứng tỏ là không thể có chuyện cấm đạo hay tàn sát những người theo đạo CHỈ VÌ họ theo một tôn giáo không phù hợp với tôn giáo của nhà Vua. Tôi hi vọng ông NVT đọc lại lịch sử, nghiên cứu thêm những tài liệu ngày nay đã được mở cho công chúng, do đó có thể đưa ra một nhận định khách quan về vấn đề này.

Ngoài ra, thật là mâu thuẫn, ở trên thì ông muốn Giáo hội sám hối và xin lỗi Phật Giáo và các tôn giáo khác ở Việt Nam, gián tiếp công nhận Gia Tô Giáo đã mang lại nhiều bất hạnh cho Việt Nam, ở đây ông lại dùng những luận cứ xuyên tạc lịch sử để biện minh cho những tội ác của Gia Tô Giáo ở Việt Nam, tôi không hiểu là ông có thực tâm đề nghị Giáo

hội sám hối và xưng tội với dân tộc, hay lại chỉ là những lời đầu môi chót lưỡi để chờ cơ hội?

Còn nhiều điểm trong bài của ông NVT cần phải thảo luận nhưng tôi nghĩ sự phân tích mấy điểm ở trên cũng đủ để cho chúng ta có một ý niệm về giá trị của toàn bài.

*

Bây giờ tôi xin sang bài của nhà trí thức Phật Giáo Như Hạnh. NH nghiên cứu về sự biến dạng của Ty Sa Môn Thiên Vương bên Ấn Độ thành Phù Đổng Thiên Vương ở Việt Nam. Đây là một bài khảo cứu thuộc lãnh vực chuyên môn của NH, mà tôi thì không phải là một học giả nghiên cứu về đề tài này, nên tôi không đủ tư cách và khả năng để luận bàn về nội dung bài viết của NH... Tuy nhiên, trong phần kết luận và trong phần chú thích, NH đã đưa ra vài nhận định về Thiên Tông Việt Nam mà tôi cho là chưa tiêu hóa được cái học khoa cử, cho nên tôi xin được góp vài ý kiến về những nhận định này.

Trong phần kết luận, NH viết như sau: *“Đáng tiếc là kể từ giữa đời Lý trở đi giới lãnh đạo Phật Giáo VN bị lôi cuốn bởi phong trào ‘Tổ Sư Thiên’ của Trung Hoa. Tôi cho đây là một mê hoặc văn chương hơn là một phát triển tôn giáo,”* và trong phần chú thích, NH viết:

36. Phong trào làm ‘thơ Thiên’ này bắt đầu từ giữa đời Lý. Trong truyền thống Phật Giáo Việt Nam kể từ sau đó nhà sư nào cũng có thể làm ‘thơ Thiên’ mặc dù trên thực tế họ thực tập những pháp tu gần Tịnh Độ hơn. Những danh tác của Thiên Tông Trung Hoa như Bích Nham Lục chẳng hạn, chỉ hàm chứa nhiều chữ nghĩa bay bổng thỏa mãn cái thú yêu thích thơ văn của người Trung Hoa và Việt Nam. Hơn nữa chuyện Lục Tổ Huệ Năng không biết đọc mà ‘ngộ’ cũng củng cố cái tinh thần phản-trí-thức (anti-intellectual) tai hại bao phủ giới tăng sĩ Phật Giáo. Hiện giờ

ở hải ngoại cũng như trong nước đã có những phong trào phục hưng ‘Tổ Sư Thiên’, có người thậm chí còn truyền cả ‘tâm ấn’, không biết là lấy ở đâu ra.

37. Điều mỉa mai là các vua nhà Trần tuy là ưa chuộng đạo Phật, song chính họ lại gạt bỏ đạo Phật ra khỏi khuôn khổ chính trị. Đa số những ‘Thiền Sư’ đời Trần, ngoại trừ Trần Thái Tông, cũng chỉ để lại một số văn thơ ít ỏi và một vài trước tác phỏng theo ‘ngữ lục’ của Thiền Trung Hoa, song nội dung rất là luộm thuộm.

Tôi hi vọng có một ‘Thiền Sư’ nào đó có thể bình luận về những nhận định trên của NH, nhưng tôi tin rằng, nếu là một Thiền Sư thì họ sẽ không phí thì giờ để làm cái công việc lãng xẹt này. Nhưng tôi thì vì lòng trần chưa dứt, mà thì giờ thì lại có dư, cho nên tôi cũng liều mạng đánh trống qua cửa nhà sấm để bày tỏ vài ý kiến với bậc vô thượng thiên tài đại trí thức Như Hạnh.

Trước hết, phong trào ‘Tổ Sư Thiên’ của Trung Hoa kể từ giữa đời nhà Lý, nếu sự thực là có phong trào này, có phải là một mê hoặc văn chương không? và thế nào là phát triển tôn giáo? có lẽ chúng ta cũng nên luận một chút về những vấn đề này. Tôn chỉ của Thiên Tông là *“Giáo ngoại biệt truyền, Bất lập văn tự, Trực chỉ nhân Tâm, Kiến tánh thành Phật”*, vậy có cái gì là mê hoặc văn chương ở đây? Có lẽ đối với những học giả, những người chỉ có thể nhìn Thiền qua các tư liệu thành văn, thì đó chỉ là những mê hoặc văn chương, nhưng đối với những người hành Thiền thì Thiền đâu có phải nằm trong thơ văn Thiền, nhạc Thiền? Các Thiền sư, có ai dùng văn chương để truyền đạo? Hay là họ chỉ truyền đạo qua những kinh nghiệm tu chứng? Hòa thượng Quảng Tri, anh của Hoàng Hậu Chương Phụng, từ bỏ chức cao, lộc trọng, về tu nơi núi cao rừng thẳm; Trần Thái Tông, tác giả *“Thiền Tông Chỉ Nam”*,

“*Khóa Hư Lục*” v.v... bỏ ngai vàng như bỏ đôi dép rách; Vạn Hạnh Thiền Sư tham gia chánh sự nhưng không tham gia chánh quyền; Tuệ Trung Thượng Sĩ thời bình thì tu ở Chùa, thời chiến thì khoác chiến bào chống xâm lăng, đuổi xong ngoại xâm rồi lại trở về Chùa sống thung dung tự tại; Trần Nhân Tông cũng bỏ ngôi xuất gia ở núi Yên Tử làm Trúc Lâm Đầu Đà v.v... phải chăng họ hành Thiền chỉ vì mê hoặc văn chương? Bất kể có bị mê hoặc văn chương hay không, nhưng “Thiền hạ Lý Trần bán vì tăng” thì không là phát triển tôn giáo thì là cái gì? Phát triển tôn giáo là dạy cho dân thực hành Tâm Kinh Bát Nhã hay là dạy họ viết những bài khảo luận về Tâm Kinh Bát Nhã xem xuất xứ từ đâu? từ Tàu hay từ Ấn Độ sang? ai dịch và dịch bao giờ, ảnh hưởng Tàu nhiều hay ảnh hưởng Ấn Độ nhiều v.v...? Cho nên, cái nhìn của học giả quả có khác với cái nhìn của những người học thật, nghĩa là những người thật sự tu tập theo Phật Pháp.

NH có vẻ châm biếm những nhà sư là ai cũng có thể làm thơ Thiền mặc dù trên thực tế họ thực hành Pháp tu gần Tịnh Độ hơn. Vậy là những người tu theo Tịnh Độ không có tư cách làm thơ Thiền? Tịnh Độ khác Thiền ở chỗ nào? Phật Giáo Việt Nam là sự pha trộn của nhiều tông phái như cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân viết trong cuốn *Buddhism & Zen in Vietnam*:

“*Những phật tử Việt Nam không kỳ thị tông phái. Theo họ thì những kinh Phật và phương pháp tu tập của mọi tông phái trong Phật Giáo đều là lời Phật dạy hay do các Tổ phát triển cho nên rất đáng để học và thực hành. Nếu ta hiểu cái tâm cảnh đó thì chúng ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy hầu hết các tăng ni phật tử ở Việt Nam có truyền thống tu theo Tiểu Thừa, đọc các Thần Chú, học Thủ Ấn, thực hành Thiền Quán, và niệm Phật mà không hề có sự xung đột giữa các phương pháp tu tập này.*”

(Vietnamese Buddhists have no sect discrimination. According to them, the sutras and disciplines of all sects in Buddhism were taught by the Buddha or developed by the patriarchs and are therefore worthy of study and practice. If we understand this attitude we will not be surprised to find that most Buddhist monks and laymen in Vietnam traditionally obey the disciplines of Hinayana, recite mantra, learn mudra, practice meditation, and chant the Buddha's name without any conflict between the practices.)

Ngoài ra Vĩnh Minh Thiền Sư nói:

“*Có Thiền có Tịnh Độ, dường như cọp mọc sừng. Đời này làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ.*” và Thiền Như Lão Nhân dạy:

“*Thiền cùng Tịnh Độ vẫn không hai, nếu liễu thì liễu cả, mê cũng đồng mê, bởi ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, đừng nên lầm nhận.*”

Có gì xác đáng hơn, bởi chân tâm bao hàm sa môn pháp, hàm vô biên quốc độ, nơi Thiền gọi là Bản Lai Diện Mục, nơi Tịnh gọi là Tự Tánh Di Đà (“*Tịnh Độ Thập Nghi Luận,*” Thích Thiên Tâm).

Nhưng nhà đại trí thức NH thì lại phân biệt Thiền và Tịnh Độ, muốn những nhà sư tu theo Tịnh Độ thì chỉ được niệm Phật, không được làm “thơ Thiền”, vì tu gần Tịnh Độ hơn mà làm thơ Thiền thì chắc thơ này chẳng Thiền chút nào, chỉ là những mê hoặc văn chương.

Tôi rất ngạc nhiên khi đọc NH viết: “*Những danh tác của Thiền Tông Trung Hoa như Bích Nham Lục chẳng hạn, chỉ hàm chứa nhiều chữ nghĩa bay bổng thỏa mãn cái thú yêu thích thơ văn của người Trung Hoa và Việt Nam.*”

Bích Nham Lục là một tập hợp gồm 100 công án và lời lẽ trong các công án thì không có cái gì có thể gọi là chữ nghĩa bay bổng cả. Các công án là để tham khán tiến tới ngộ Đạo, không phải là những tác phẩm văn

chương để mà nghiên ngẫm, ngẫm nga. Nó như miếng sắt nung đỏ, nuốt chẳng vào mà khạc chẳng ra, đưa hành giả tới bật các lý luận trí thức. Từ xưa tới nay không có ai dùng luận giải trí thức mà phá được công án.

Tôi ngạc nhiên hơn nữa vì trong bài *Nhận Định Lại Cái Gọi Là Truyền Thống Thiền Việt Nam*, đăng trong *Giao Điểm* số 4, 15/7/91, ông NH viết như sau về *Bích Nham Lục*:

“Các thu tập “công án” chính yếu là các phương tiện giáo dục gồm các tuyển chọn các cơ duyên vấn đáp cốt yếu nhất giữa Thiền Sư và môn đồ. Các công án thường có kèm theo lời bình của một hay nhiều Thiền sư đi sau. Mục tiêu của loại công án này là để cung ứng cho hành giả một số chủ đề để suy tư ngẫm hầu giúp họ đạt được giác ngộ. Tác phẩm lừng danh nhất của thể loại này là bộ *Bích Nham Lục*.”

Có sự mâu thuẫn ở đây không? Hay là mới đây, qua những khảo cứu thuần trí thức, ông NH đã khám phá ra rằng *Bích Nham Lục* chỉ hàm chứa nhiều chữ nghĩa bay bổng?

Ông NH cũng lên án chuyện Lục Tổ Huệ Năng “không biết đọc mà “ngộ” là để củng cố cái tinh thần “phản trí thức” (anti-intellectual) tai hại bao phủ giới tăng sĩ Phật Giáo”. Đọc *Cao Tăng Truyện* và thân thể các Tổ tôi chẳng thấy có ai có bằng cấp nào cả, nhất là Ph. D. Lục Tổ Huệ Năng không biết chữ nhưng hiểu rằng tâm động chữ không phải là phước động. Trong *Kinh Lăng Nghiêm* đức Phật cũng quở A Nan là “ông chỉ giỏi văn chương chữ nghĩa mà không chịu tu tập, chẳng được cái tích sự gì”, vậy chắc ông NH cũng trách đức Phật là phản-trí-thức (anti-intellectual)? Theo ông thì những người có Ph. D. giác ngộ trước, sau đến Master, rồi đến Cử nhân, Tú Tài, Trung học, Tiểu học và vô học? Từ ngày nước ta rơi vào vòng nô lệ của Pháp mới sinh ra cái chuyện bằng cấp để đo mức trí thức trong Phật Giáo mà quên rằng trong Phật

Giáo “hành Thiền” khác với “khẩu Thiền”. Chuyện Lục Tổ Huệ Năng chỉ nói lên một khía cạnh “ngộ” trong Phật Giáo là con người thì bình đẳng, Phật Pháp không có phân biệt Nam, Bắc, kẻ sang, người hèn, mà tất cả tùy thuộc căn trí cá nhân và hiểu đạo, chứ không phải là một phong trào phản-trí-thức. Vì thực tế là, thời xưa ở nước ta, các Thiền sư luôn luôn là những người chữ nghĩa nhiều nhất trong dân gian, cho nên các Vua Chúa thường nhờ họ cố vấn về quốc sự. Cho nên, bảo rằng chuyện Lục Tổ Huệ Năng làm tai hại cho giới tăng sĩ Phật Giáo là nhìn vấn đề một cách phiến diện.

Sau cùng ông NH cho việc các Vua nhà Trần tuy yêu chuộng đạo Phật nhưng lại gạt bỏ đạo Phật ra khỏi khuôn khổ chính trị là điều mỉa mai, và chê bai các Thiền sư đời Trần cũng chỉ để lại một số thơ văn ít ỏi nội dung rất là luộm thuộm.

Tôi lại thấy có sự mâu thuẫn ở đây. Ở trên ông châm biếm là nhà sư nào cũng có thể làm thơ Thiền tuy tu theo Tịnh Độ, có ý nói rằng thơ Thiền bị lạm phát, và rằng Thiền chỉ là một mê hoặc văn chương, nhưng ở đây thì ông lại chê là thơ văn ít ỏi và nội dung luộm thuộm. Tôi nghĩ rằng các Thiền sư không coi trọng vấn đề quần áo nên có thể ăn mặc luộm thuộm chứ thơ văn của các vị đó thì chẳng “luộm thuộm” tí nào. Hơn nữa đọc bộ *Thơ Văn Lý Trần* của ban Khoa Học Xã Hội VN xuất bản từ 1977 tới 1989, cuốn *Thiền Học Trần Thái Tông* của Nguyễn Đăng Thục, *Văn Học Việt Nam Thời Lý* của Lê Văn Siêu v.v... tôi chẳng thấy thơ văn thời đó ít ỏi tí nào, và nhiều bài đọc cũng thấy ý tưởng siêu thoát, văn phong gọn ghẽ, lời thơ chải chuốt chứ chẳng “luộm thuộm” chút nào. Có thể vì đầu óc tôi không “luộm thuộm” nên không thấy những thơ văn này “luộm thuộm”.

Viết bài này tôi chỉ có mục đích duy nhất là hi vọng có thể làm sáng tỏ vài vấn đề nêu

trong hai bài của NVT và NH. Theo một nghĩa nào đó Phật Giáo cũng chẳng phải là một tôn giáo và con đường duy nhất để hiểu Phật Giáo là đi vào những kinh nghiệm bản thân. Đưa ra những nhận định về trí thức trong Phật Giáo và phê bình những sự việc trong Phật Giáo qua cái kiến thức thuần trí thức ở ngoài đời thì cũng như đứng ngoài cổng Chùa mà phê bình những kiến trúc ở trong Chùa. Chẳng khác gì John Paul II, viết lằng viết nhằng về Phật Giáo đến nỗi chính con chiên của ông ta, Linh mục Gia Tô Thomas Hand, cũng phải than rằng ông mong ước “*Giáo Hoàng có thể nói về Phật Giáo dựa vào những kinh nghiệm bản thân. Ta không thể nói về bất cứ cái gì sâu sắc như Phật Giáo mà không tự mình đi vào đó.*” (Thomas Hand, a Catholic priest, said he wished the pope “were able to speak about Buddhism from experience. You can’t speak about anything as obviously profound as Buddhism without getting into it”.)

Để kết luận, tôi xin trích dẫn quan niệm về vai trò trí thức trong Phật Giáo của Phạm Trọng Chánh và Lê Hữu Liêm, viết trong *Bông Sen* số 19, tháng 8 năm 1994:

“*Đã có nhiều định nghĩa về người trí thức. Nhưng trong tinh thần Bồ Tát Đạo của Phật Giáo Đại Thừa, ở đây ta có thể đưa ra một quan niệm khác về người trí thức: người trí thức là người có trí tuệ và từ bi, có tinh thần và hành động phụng sự bình đẳng tha nhân, hay nói cách khác đó là người biết nghĩ và làm cho kẻ khác một cách vô vị lợi. “Con nguyện yêu thương và phụng sự muôn loài”. Đó là nhật lệnh hành động của người trí thức theo quan điểm Phật Giáo. “Tôn kính, yêu thương và phụng sự bình đẳng chúng sanh, tức là tôn kính, yêu thương và phụng sự chư Phật. Làm cho chúng sanh hoan hỉ tức là làm cho chư Phật hoan hỉ” (Kinh Hoa Nghiêm). Đó là lý tưởng và tinh thần của người trí thức Phật Giáo. Trong quan niệm này, tất cả mọi Phật*

tử hiểu biết và áp dụng được Phật Pháp vào cuộc đời, vào xã hội, đều được coi là những người trí thức thời đại của Phật Giáo và của đất nước Việt Nam.”

Chúng ta để ý rằng, hai tác giả trên cũng là những người có bằng cấp cao, không thua kém bất cứ ai, nếu chỉ kể về bằng cấp. Nhưng họ không hề đặt nặng vấn đề bằng cấp như là một tiêu chuẩn trí thức vì họ đã hiểu được cái dụng trong Phật Giáo. Sau cùng tôi xin chấm dứt bài viết này bằng một câu của NH, được trích dẫn trong bài của NVT mà tôi đã nêu ở phần đầu:

“... *tự hỏi tại sao người ta có thể tráo tráo đến mức hạ bút viết về một vấn đề mà mình chưa từng bao giờ nghiên cứu... (hoặc chứng nghiệm. TCN)*”

Trần Chung Ngọc

Thơ MỊCH LA PHONG

Xúc Tuyết

Lom khom xúc tuyết bên đường
Bâng khuâng lại hỏi vô thường là đâu?
Tuyết còn rơi đến bao lâu
Rơi bao nhiêu tuyết trắng đầu thiền sư
Tôi tung tuyết mỉm miệng cười
Rằng: Tôi xúc tuyết kiếm người
tôi thương
Tôi tung hoa tuyết mười phương
Phát tâm đại tín cúng dường Như Lai
Lòng tôi và tuyết không hai
Cảm nghe ân sủng thấm dài đường qua!

Boston, 02/96

GIÓ THÔNG ĐƯA KỆ TAN NIỀM TỤC

Hương Giang Thái Văn Kiểm

Lời tòa soạn: Tiến sĩ Thái Văn Kiểm, hội viên Hàn lâm viện Pháp quốc Hải Ngoại, đã được tòa Đô chính Ba-lê (Paris) trao Huy chương Danh dự của thủ đô, trong một buổi lễ được tổ chức vào ngày 22-4-1992. Ông là một học giả chuyên về biên khảo văn hóa. Riêng đối với giới Phật tử Việt Nam, ông còn có bút hiệu là Bao La Cư Sĩ qua nhiều bài viết sâu sắc về Thiền học và Phật học. Kỳ này, một lần nữa, Tòa soạn trân trọng giới thiệu ông đến độc giả Phật Giáo Hải Ngoại.

I. Lời dẫn nhập:

Hồn Bướm Mơ Tiên là tên cuốn tiểu thuyết đầu tay của Khái Hưng, một truyện tình tương đối giản dị và trong sạch, không có những tình tiết éo le, gay cấn đến mức độ bi đát như những truyện tình huyết lệ đã xảy ra trên đời.

Hồn Bướm Mơ Tiên là một truyện tình đượm mùi trầm hương và thiền vị, không thể kéo dài nơi chốn thiền môn, vì lẽ vấp phải sự thề nguyện năm xưa với người quá cố, rồi cuộc phải giải quyết bằng sự chia ly mà vẫn giữ được tình yêu trong sạch, nhờ sự cảm thông sâu sắc về mặt tinh thần và tôn giáo.

Cốt truyện *Hồn Bướm Mơ Tiên* như sau:

Ngọc vốn là sinh viên trường Cao Đẳng Canh Nông Hà Nội, đi nghỉ hè hai tuần tại chùa Long Giác, mà vị trụ trì là chú của Ngọc. Nơi đây Ngọc làm quen thân với một thanh niên tu hành tên Lan mới quy y. Nhưng Ngọc để ý thấy hình dáng và bộ điệu của Lan có vẻ thiếu nữ. Khuôn mặt trái xoan, hai má ửng hồng, đôi mắt phượng mơ màng như liễu rũ trên mặt nước hồ thu, khiến ta nhớ tới đoạn văn sau đây của Kinh Thánh ngày xưa: “Comme la lumière, sur le chandelier, telle est la beauté du visage dans l’âge épanoui” (*L’Ecclésiastique*, XXVI, 17). Đâm nghi,

Ngọc bèn hỏi vặn Lan một cách khéo léo, khiến Lan phải thú nhận mình là thiếu nữ, giả dạng trai, để tiện bề tu hành tại chùa này. Mối tình giữa hai người nảy nở trong sự tinh khiết; vì đã lỡ thề nguyện với mẹ sẽ không lấy chồng trọn đời, mà Lan đành chấm dứt mối tình đang chớm nở với Ngọc, để sống trọn trong tình thương đạo lý nhiệm mầu và vĩnh cửu.

Truyện của Lan, có phần tương tự truyện *Quan Âm Thị Kính*, vốn là đàn bà con gái mà giả dạng đàn ông đi tu, rồi bị vu oan cáo vạ v.v... Chuyện này ai ai cũng biết, chẳng cần phải kể lại. Truyện *Hồn Bướm Mơ Tiên* cũng khiến ta nhớ đến truyện Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa ra bướm, bay nhón nhơ hoan lạc giữa vườn hoa. Lúc tỉnh dậy, Trang Tử tự hỏi: “Ta thật sự là cái gì? Một con bướm mơ thấy mình là Trang Tử, hay là Trang Tử tưởng tượng rằng mình đã là con bướm? Trong trường hợp của ta, phải chăng có hai sự vật khác nhau? Phải chăng đã có sự biến hóa của một vật này ra một vật khác?”

Hình ảnh xinh đẹp này đã được vua Lê Thánh Tông (1442-1497) nhắc lại trong một bài thơ, mà Ngài đã cảm tác trong trường hợp có thể gọi là “giai ngộ giữa mùa xuân”, được văn học sử ghi lại như sau:

II. Bồi liễn tiên nương:

Căn cứ trên văn phẩm “*Công Du Tiếp Ký*” của Vũ Phương Đề (thế kỷ 18) và quyển *Lê Thánh Tông* của Chu Thiên (do Hàn Thuyên xuất bản, Hà Nội 1943), thì vua Lê Thánh Tông đã chọn một ngày hoàng đạo đầu xuân để ngao du sơn thủy.

Thoạt tiên, Ngài đi thăm nhà Thái Học (Văn Miếu), trên đường về qua chùa Ngọc Hồ ở thôn Thanh Ngô gần đấy, Ngài thấy một vị Ni cô trẻ đẹp, liền rẽ vào văn cảnh. Ni cô biết ý nhà vua vào tìm hoa hơn là lễ Phật, liền ra một bài thơ tức cảnh, với cái đề có vẻ khuyên răn:

“Vào chùa mển cảnh mển thầy
Tuy vui đạo Phật chưa khuây lòng người.”

Ngài liền làm bài thơ bát cú, sai ông Thân Nhân Trung viết đưa lại cho Ni cô. Thơ rằng:

“Ngẫm sự trần duyên khéo nực cười
Sắc, không tuy vội, hãy lòng người.
Chày kinh mấy tiếng tan niềm tục,
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời!
Bể Sở nghìn trùng mong tát cạn
Nguồn ơn mấy trượng hãy khơi vơi.
Nào nào cực lạc là đâu tá?
Cực lạc là đây, chín rõ mười.”

Ni cô xem xong, chê hai câu tam tứ và chữa lại là:

“Gió thông đưa kệ tan niềm tục
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.”

Ngài phục Ni cô có thi tài, liền vờ lên xe cùng về cung. Đi đến cửa Đại Hưng (cửa Nam bây giờ) Ni cô biến đâu mất. Lúc ấy Ngài mới biết mình gặp Tiên, liền sai làm một cái lầu ở trong vườn ngự uyển, gọi là Vọng Tiên Lầu để hằng nhớ đến cuộc giai ngộ ấy.

III. Lời tựa của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam:

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, chủ biên

“*Phong Hóa*”, “*Ngày Nay*” và “*Đời Nay*”, đã viết lời tựa tiểu thuyết “*Hồn Bướm Mơ Tiên*” như sau:

Quyển Hồn Bướm Mơ Tiên là quyển truyện thứ nhất của Tự Lực Văn Đoàn và lại là quyển truyện thứ nhất của Khái Hưng. Lời viết truyện này có hai đặc sắc khác những lời viết truyện xưa nay.

Tác giả không tả cảnh rườm rà, chỉ một vài nét chấm phá thanh đạm như những bức thủy họa của Tàu; cảnh trong truyện nhiễm vẻ nào là tùy theo tâm hồn của người trong truyện; cảnh đối với người có liên lạc nhịp nhàng và linh động.

Tác giả không bàn luận lời thôi: ông khéo đem một vài nhận xét tinh vi một vài việc xảy ra thích đáng để phô diễn tâm lý những nhân vật trong truyện.

Vì hai lẽ đó nên truyện Hồn Bướm Mơ Tiên có vẻ hoạt động, xem ham mê từ đầu tới cuối: độc giả tưởng như được cùng với người trong truyện cùng sống quãng đời diễn trong truyện.

Hồn Bướm Mơ Tiên là một truyện tình dưới bóng Từ Bi, một truyện tình cao thượng và trong sạch của đôi thanh niên yêu nhau, “yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng” như lời tác giả nói. Tác giả đặt câu truyện vào trong một cảnh chùa ở miền Trung du Bắc Việt và khéo phô diễn những vẻ đẹp thiên nhiên của



miền ấy, khiến ta đem lòng yêu những cảnh đồi núi, nó khác hẳn cái cảnh “bùn lầy nước đọng” miền hạ du phẳng lì và buồn tẻ.

Lại thêm được lối văn giản dị, nhanh nhẹn, tuy vui vẻ mà làm cho người ta cảm động vô ngần. Cái cảm ấy là một cái cảm nhẹ nhàng, phẳng phất vui buồn, tựa như những ngày thu nắng nhạt “điểm mưa thưa.” (Nhất Linh, Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 1933).

IV. Văn chương trong Hồn Bướm Mơ Tiên:

Khái Hưng là cây bút điêu luyện của thời tiền chiến; lối văn tả tình, tả cảnh cùng với những nhận xét tinh tường của ông về cuộc sống hàng ngày và tâm lý của các nhân vật là những mẫu văn chương đáng được ta ghi nhớ:

“Tuy lúc đó đã vào quãng năm giờ chiều, mà lửa thánng năm hãycòn gay gắt. Mặt trời xuyên ánh sáng xuống cái lạch nước phía bên đường, rồi phản chiếu lên, khiến người lữ hành phải đội nghiêng cái mũ dạ về bên trái để che cho khỏi chói mắt.

Hai bên đường, lúa chiêm vàng ối. Từng bọnc vừa đàn ông, đàn bà, con gái, cúi khom lưng cầm liềm nhỏ cắt lúa trông dáng vội vàng chăm chỉ lắm, như sợ trời sắp tối không đủ thời giờ gặt xong thửa ruộng. Một bọnc nữa phân đông lợc lượng, người thì lấy sức rít giây lạt bó các lợm lúa lại thành từng bó, người thì cầm đònxóc xuống đất, đứng chéo chân, nhìn vợ vẫn” (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 9-10).

“Về phía đông nam mấy trái đồi phản chiếu ánh chiều tà nhuộm một sắc da cam. Nền trời xanh nhạt, lơ thơ mấy áng mây hồng. In trên cánh đồng lúa chín, màu vàng thẫm, con cò trắng thong thả bay về phía tây, đôi cánh lơ dờ cất lên đập xuống loang loáng ánh mặt trời” (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 37-38).

Và Hồn Bướm đã kết thúc như sau:

“Bấy giờ trời dịu dịu, vạn vật như theo tiếng chuông chiều thong thả rơi vào quãng êm đềm tịch mịch.

Lan đứng chấp tay tụng niệm mắt lơ dờ nhìn xuống con đường đất quanh co lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều hiu hiu...

Lá rụng.

Lá rụng thì về cõi, người rụng thì về lòng đất, để chuẩn bị một cuộc tái sinh thiên hình vạn trạng giữa vũ trụ bao la, ba nghìn thế giới...”

V. Triết lý trong Hồn Bướm Mơ Tiên

Hồn Bướm Mơ Tiên với những nhân vật đơn giản trong truyện, đã diễn ra trong một khung cảnh trang nghiêm, đượm màu sắc tôn giáo, với kinh kệ, hương trầm, hồi chuông cảnh giác và phẳng phất mùi hoa Ngọc Lan (tên khoa học là *Michelia champaca odoratissimus*, họ Magnoliacees, vốn là quốc hoa của Chiêm Thành-Champa) thanh khiết của chùa đền Việt Nam.

Linh mục Gras của tu viện Xuân Bích (Thị Nghè), giảng sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn năm xưa, đã từng nghiên cứu thấu đáo truyện Hồn Bướm Mơ Tiên, và đã kết luận thiên khảo cứu của ông như sau:

“Tình yêu nhân vị khác hẳn ái tình điên cuồng của những kẻ chiều theo bản năng, thoái nhượng quyền tự do mà quy thuận chế độ tất nhiên của vũ trụ tự nội. Tình yêu đó để ràng buộc những tâm hồn của hai người tự do không phải làm nô lệ tình mê” (“Nhân vị trong Hồn Bướm Mơ Tiên”, Đại Học số 4, 5 Sept 1958, trang 119).

Để chứng minh điều đó, chúng ta sẽ trích ra đây những câu trả lời của Lan cho Ngọc, để khuyên nhủ Ngọc nên trở về Hà Nội tiếp tục sự học hành, và nên sớm quên Lan, để cho

trọn vẹn tình yêu tinh khiết và lý tưởng theo kiểu Platon:

"... Nhỏ nhen, nếu đem ví với lòng bác ái. Vì lòng bác ái mà Phật Tổ xa vợ, xa con, xa cha, xa mẹ lang thang khắp bốn phương trời để tìm phương giải thoát cho chúng sinh. Vậy xin ông cũng vì bác ái mà xóa bỏ trong lòng những tên chú Lan, cô Thi, như thế ông sẽ cứu được một nhân mạng, cứu vớt được một linh hồn. Trên đời chỉ có lòng bác ái là đáng kể" (Hồn Bướm Mơ Tiên, Nhà xuất bản Đời Nay, Hà Nội, 1933, trang 80).

"Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào cũng chẳng giấu nổi ông. Nhưng còn câu truyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thể thổ lộ cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khổ hạnh này mà thôi!" (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 77).

Và đây là những câu khuyến dụ của Ngọc, nhằm xiêu lòng và lôi cuốn Lan:

"Lên ở chùa mới biết yêu, mới biết yêu là có thú vị... song chẳng lẽ ta cứ yêu suông, yêu bóng mãi? Thế thì cũng uổng, thà chả yêu cho xong!" (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 60).

"...tôi yêu một cách chân thành, tôi yêu trong linh hồn, trong lý tưởng. Cô tha thứ cho, tôi không thể yêu mãi chú Lan, phải cho phép tôi yêu cái linh hồn thực của chú Lan mới được. Cái linh hồn ấy là chú Thi" (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 63).

"Mấy hôm nay tôi ngồi đọc quyển Phật giáo, tôi thấy yêu đạo Phật. Tôi yêu đạo Phật thì tôi lại càng yêu cô..." (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 63).

Những lời khuyến dụ của Ngọc khiến ta liên tưởng đến những câu thơ sau đây trích trong truyện Trinh Thử (con chuột trinh tiết) của Hồ Quyền Quý, một thi phẩm đời Trần, có tác dụng châm biếm Hồ Quý Ly đã làm điều bất chính là tiếm vị ngôi báu nhà Trần:

"Chữ rằng: Xuân bất tái lai
Một ngày là mấy sớm mai hời nàng

Tới lui đôi lẽ cho tường
Tính về xử biến hơn bề kiên trinh
Kết làm phu phụ chi tình
Chẳng lo thuyền bách lênh đênh giữa giòng
Lòng xuân tương đối cũng buồn
Chẳng nghe câu ví phương ngôn thường lệ
Chơi xuân kéo hết xuân đi
Cái già xổng xộc nó thì theo sau."

Mặc dù hùng biện đến mấy, Ngọc cũng không thể thuyết phục và làm xiêu lòng được Lan. Và đây là lập trường dứt khoát của Lan, nhất định không chịu theo ý muốn của Ngọc, để hoàn toàn dấn thân vào con đường tu hành trọn kiếp:

"Gia đình? Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình của tôi là... hai linh hồn đôi ta, ẩn núp dưới bóng Từ Bi Phật Tổ" (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 97).

Từ đây, Lan sẽ cố quên hình ảnh của Ngọc; trong nội tâm đã diễn ra một cuộc đằng co dai dẳng giữa tình yêu và tôn giáo; để đi tới sự toàn thắng của tôn giáo, như được diễn tả trong mấy câu thơ đượm Lão Giáo và Phật Giáo sau đây:

"Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa
Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên
Thoát trần một cõi thiên nhiên
Cái thân ngoại vật là tiên trên đời."
(Cung Oán Ngâm Khúc—Ôn Như Hầu)

VI. Thân thế và văn nghiệp của Khái Hưng (1896-1947):

Chúng tôi nghĩ rằng khi nói tới một văn phẩm có giá trị như *Hồn Bướm Mơ Tiên*, chúng ta nên biết qua về thân thế và sự nghiệp của tác giả.

1) Thân thế:

Khái Hưng là bút hiệu của Trần Khánh Giư (Khái Hưng là những chữ ghép téo lại của

những chữ Khánh Giư. Tây phương gọi là anagramme). Ông sinh năm 1896 ở làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương. Thân phụ ông là ông Trần Mỹ, một nhà cự nho, làm tuần phủ Phú Thọ. Còn nhạc phụ là ông Lê Văn Định, tổng đốc Bắc Ninh. Văn sĩ có 3 anh em trai, trong đó có một người em là Trần Tiêu, tác giả các tập truyện *Con Trâu*, *Chồng Con* và *Truyện Quê*.

Khái Hưng theo học ban trung học ở trường Albert Sarraut, nổi tiếng tinh nghịch và giỏi Pháp văn, nhưng chỉ đỗ Tú tài Pháp phần thứ nhất ban cổ điển, còn phần hai thì bốn năm vẫn trượt luôn. Ngoài căn bản Pháp văn, ông còn hiểu biết cả Nho học nữa. Ông từ già trường Albert Sarraut ra rồi, thì bước vào nghề dạy tư ở trường Thăng Long. Theo dư luận học trò học ông, thì ông là một giáo sư thông minh, ngôn luận có duyên, thường pha điểm ít nhiều vẻ hoài nghi dí dỏm giữa lời nói. Trong sự giao thiệp, bạn bè rất luyến mến. Ông tính tình phóng khoáng, vui vẻ, khéo pha trò làm nong thắm câu chuyện.

Năm 1930, Trần Khánh Giư bước vào đời văn với những bài xã thuyết, hoặc chuyện vui đăng trên tờ báo của Chu Mậu. Năm 1931, Trần Khánh Giư gặp Nguyễn Tường Tam, tìm thấy ở vị giáo sư cử nhân khoa học dạy cùng trường ấy một người bạn tri kỷ. Ngày 22 tháng 9 năm 1932, Nguyễn Tường Tam (bút hiệu là Nhất Linh) đứng ra làm giám đốc tờ Phong Hóa của Phạm Hữu Ninh vào đời đã được 13 số, với sự cộng tác đặc lực của Trần Khánh Giư (bút hiệu Khái Hưng hoặc Nhị Linh), Nguyễn Thứ Lễ (bút hiệu Thế Lữ), Nguyễn Tường Long (bút hiệu trước là Tứ Ly, sau cải gọi là Hoàng Đạo), Hồ Trọng Hiếu (bút hiệu Tú Mỡ), Nguyễn Tường Lân (bút hiệu Thạch Lam).

Cũng từ năm 1932 trở đi, bắt đầu trên tờ Phong Hóa, Khái Hưng theo lời khuyên của Nhất Linh lại chuyển viết về tiểu thuyết và

giữ mục này rất đều đặn. Trên tờ *Ngày Nay* sau đó, ông còn giữ mục "câu chuyện hàng tuần." Các tác phẩm của ông đều do nhà xuất bản Đời Nay ấn hành, từ tác phẩm đầu tay là *Hồn Bướm Mơ Tiên* ra đời ngày 27 tháng 7 năm 1933 đến tập *Cái Ve* ra ngày 7 tháng 6 năm 1944, cả thảy 21 quyển văn có giá trị, đã làm cho ông nổi tiếng là một tiểu thuyết gia lỗi lạc của tiền bán thế kỷ 20. Những văn phẩm này chứng tỏ cả một kỹ năng hành văn hấp dẫn kiêm bị, nói lên một bộ óc thông minh, một tâm hồn phong phú, một nguồn mỹ cảm dạt dào.

Ngoài những hoạt động báo chí văn nghệ ra, Khái Hưng còn là một chiến sĩ yêu nước hăng hái hoạt động chính trị nữa, cũng như đa số các nhà văn khác của nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Theo Phạm Trường Sơn cho biết thì trong giai đoạn tranh đấu chính trị ác liệt những năm 1940-1945, Khái Hưng là một chiến hữu thân tín của Nhất Linh trong đảng Đại Việt Dân Chính. Ông đã cùng với Hoàng Đạo trốn sang Trung Hoa năm 1940, qua năm sau lại trở về thì bị thực dân bắt cùng với một số đồng chí, và đều bị đưa đi an trí ở Vụ Bản, Châu Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Về thời kỳ này, ông vẫn tiếp tục sáng tác những tác phẩm mà sau đó không thể xuất bản được. Năm 1943, Khái Hưng và các bạn lại được đưa về quản thúc ở Hà Nội. Sau cuộc đảo chánh Nhật ngày 9-3-1945, ông giữ việc biên tập tờ *Ngày Nay* kỷ nguyên mới (1945). Rồi khi Nhất Linh ở Trung Hoa về nước, lại cộng tác đặc lực làm tờ báo *Việt Nam*, cơ quan ngôn luận của Quốc Dân Đảng, tích cực chống đối đảng Cộng sản. Khi chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, ông tản cư về quê ngoại ở Nam Định, thì bị Việt Cộng bắt giam ở Lạc Quan (Trực Ninh) được mấy tháng thì chẳng may bị Việt Cộng sát hại bằng súng lục giữa một đêm tối gần bến đò Cựa Gà thuộc phủ Xuân Trường (1947).

2. Văn nghiệp:

Khái Hưng là một kiện tướng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, đã sáng tác rất đều đặn, xuất bản nhiều tác phẩm, và đã chiếm cảm tình độc giả rất nhiều, vượt bỏ tài năng tất cả tiểu thuyết gia nhóm này cũng như các văn gia khác ngoài nhóm. Ông là nhà văn đa tài, viết đủ các loại văn. Không kể những chuyện ngắn chỉ đăng mà chưa in, ta có thể xếp loại và kể dẫn như sau:

a/ Truyện dài:

* Tiểu thuyết lý tưởng, có tính cách luận đề: *Hồn Bướm Mơ Tiên* (27-7-1933), *Nửa Chừng Xuân* (13-2-1943), *Trống Mái* (1936).

* Tiểu thuyết phong tục: *Gia đình* (15-4-1938), *Thoát ly* (31-12-1938), *Thừa tự* (4-1-1940).

* Tiểu thuyết tâm lý: *Hạnh* (1940), *Những ngày vui* (25-1-1941), *Đẹp* (1940).

b/ Truyện ngắn:

Dọc đường gió bụi (1936), *Tiếng suối reo* (1937), *Đợi chờ* (1939), *Đội mũ lệch* (6-11-1941).

c/ Kịch:

Tục lụy (15-3-1937), *Đồng bệnh* (11-5-1942).

d/ Truyện nhi đồng:

Ông Đồ Bể, *Quyển Sách Ước*, *Cây tre trăm đốt* (trong “loại sách hồng” Đời Nay).

e/ Tác phẩm viết chung với Nhất Linh:

Anh phải sống (1934), *Gánh hàng hoa* (1934), *Đời mưa gió* (1934).

VII. Chung luận:

Nhìn chung về sự nghiệp văn chương của Khái Hưng, nhà văn học Phạm Trường Sơn đã có lời phê bình như sau:

“Ông là một tiểu thuyết gia có biệt tài, luôn luôn cầu tiến trong nghệ thuật, lúc ban đầu nặng nề về tiểu thuyết lý tưởng, dần dần chú trọng loại tiểu thuyết tâm lý. Tuy nhiên bất kỳ

ở thể loại nào, ông cũng vẫn tỏ ra là một nhà văn rất am tường tính tình của tuổi trẻ. Các văn phẩm của ông phản ảnh đầy đủ những băn khoăn hoài vọng trong tâm hồn nam nữ thanh niên ta. Về phương diện văn, sự tiến hóa vẫn thấy rõ không kém, từ những tác phẩm đầu tay cho đến những tập văn sau cùng, nếu văn ông trước kia giọng điệu bay bướm, thường dài lời bao nhiêu, thì đến giai đoạn cuối văn lại giản dị, nhanh nhẹn trong suốt, già dặn bấy nhiêu. Bảo rằng Khái Hưng là một ngài bút tài hoa mê luyện nghệ thuật, một trí tuệ thông minh, một linh hồn dào dạt luôn luôn nặng lòng với những chuyện vui buồn của đời người và người đời, thì cũng không phải là quá đáng vậy”.

Đứng vào thời đại mà nhìn một cách tổng quát, chúng ta có thể nói rằng: Với văn phẩm đầu tay *Hồn Bướm Mơ Tiên*, Khái Hưng nói riêng và nhà xuất bản Đời Nay nói chung, đã mở đầu một kỷ nguyên mới lạ và phong phú cho nền văn chương Việt Nam cận đại.

Nay nhân dịp Xuân về nơi hải ngoại, trong lúc mọi người đều hướng tâm tư về quốc nội đang mong cho một mùa xuân dân tộc tràn đầy tình thương và hy vọng, chúng tôi xin kết thúc bài tiểu luận này bằng một bài thơ Đường Luật gọi là:

Cảm Đề Hồn Bướm Mơ Tiên

Hoa Lan từ thuở khép tường mơ,
Lầu Ngọc vừng trăng lống đợi chờ
Mấy độ Ngân Giang vờn sóng nhạc
Bao giờ Ô Thước bắc cầu thơ?

Mặt vừa giáp mặt đà duyên nợ
Người dẫu xa người vẫn tóc tơ
Đã trót thề nguyện nương cửa Phật
Nâu sông kinh kệ lánh thời cơ.

Thái Văn Kiểm

PHẬT GIÁO

TRÊN TEM THƯ

..... của Phạm Thăng (Canada)

Các nước vùng Đông Nam Á đa số chịu ảnh hưởng Phật Giáo rất lớn vì nằm cạnh nước Ấn Độ, quê hương Đức Phật.

Cách đây 34 năm, năm 1956 là năm kỷ niệm 2500 năm Đức Phật ra đời có một ý nghĩa đặc biệt vì nó đúng giữa thời gian 5000 mà Đức Thế Tôn cho là thời gian cần thiết để giáo lý Ngài được thịnh hành và bành trướng.

Dịp này các nước chịu ảnh hưởng Phật giáo không quên đem đề tài Phật giáo lên tem thư để cho mọi người, mọi nơi cùng chiêm ngưỡng hình ảnh của Đức Thế Tôn, những chùa chiền nổi tiếng của xứ mình. Những con tem xinh xắn đó là sứ giả nhà Phật nhắc nhở mọi người hãy nhớ và hướng về đạo Phật từ bi.

Nhân ngày Phật Đản, kính mời quý bạn hành hương một vòng các quốc gia Đông Nam Á bằng những con tem nhỏ bé mà có tác dụng vô cùng lớn lao đó.

Trước tiên là quê hương Việt Nam, chùa nhà ta phải biết rõ ràng.

Từ đời Nhà Lý, vua Lý Thái Tổ (1010-1028) đã lấy Phật giáo làm quốc giáo. Ngài là ông vua mộ đạo Phật nên trong khi làm vua, Ngài rất trọng đãi những người tu hành, xây dựng nhiều chùa, thỉnh kinh Tam tạng về phổ biến.

Sau khi Ngài mất, con là Lý Thái Tông cũng theo đức từ bi của vua cha, cho sửa đổi luật pháp, định lại các hình phạt nhân ái hơn, việc mua bán nô lệ bị cấm.

Năm 1049, Ngài cho xây cất chùa Diên Hựu, tức là chùa Một Cột, chùa này hiện nay vẫn còn ở Hà Nội.

Nguyên vua Lý Thái Tông chiêm bao thấy Bồ Tát Quán Thế Âm ngồi trên tòa sen giữa hồ và Ngài được Bồ Tát dắt lên tòa sen. Khi tỉnh dậy Ngài kể lại cho triều thần nghe, nhà sư Thiên Tuệ khuyên vua làm chùa dựng trên một cột đá ở giữa hồ trông như một tòa sen, trên có thờ Bồ Tát Quán Thế Âm giống như dream vua đã thấy.

Năm 1080, vua Lý Nhân Tông cho đúc một cái chuông lớn và làm gác chuông cao 8 trượng (33 thước) để treo chuông, nhưng khi đúc xong treo lên, chuông đánh không kêu phải đem để ngoài ruộng. Chuông này được gọi là chuông Qui điền.

Chùa xây cất trên một trụ đá hình bát giác lớn, mỗi cạnh có một khối gỗ chống từ cột lên xà ngang, từ xà ngang có tám cột chống lên sàn chùa. Chùa hình vuông mái lợp ngói. Từ bờ hồ đi lên chùa có xây bậc thang gạch lên xuống. Chùa sơn màu son, mái ngói đỏ, các xà cột cũng màu đỏ thắm nên đứng xa trông như đóa sen trên hồ.

Năm 1937, nước ta dù dưới ách thống trị của Pháp đã có phát hành tem Chùa Một cột, và mãi đến năm 1955, dân chúng mới thấy tem thư khác với hình ảnh Chùa Thiên Mụ.

Chùa Thiên Mụ thuộc làng An Ninh Hạ, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên là ngôi cổ tự danh tiếng và là 1 trong 20 thắng cảnh đất Thần kinh, đã được vua Thiệu Trị liệt hạng với 20 bài thơ được ghi chép trong "Ngự chế thi tập"

Theo sách "Việt Nam Khai quốc chí" chép: khi vào trấn đất Thuận Hoá, tức là hai châu Ô, Rí được Việt hóa là Ô Lý của nước Chiêm Thành mà vua Chế Mân đã dâng lên vua Trần Anh Tông năm 1306, làm sinh lễ để được cưới em gái nhà vua là công chúa Huyền Trân. Chúa Nguyễn Hoàng thường dạo chơi khắp nơi cốt tìm hiểu đất đai để dựng nghiệp. Một hôm nhân qua làng Hà Khê, quận Hương Trà, chúa thấy giữa cánh đồng rộng nổi lên ngọn đồi hình dáng tựa con rồng quay đầu nhìn về những dãy núi phía sau, và phía dưới chân ngọn đồi này bị đào một rãnh dài. Vốn am tường chút ít địa lý, chúa hỏi thăm dân cư ở đây và được biết như sau: Đời nhà Đường bên Tàu, nhân sang đánh nước ta, danh tướng Tàu là Cao Biền giỏi địa lý vì muốn duy trì nền đô hộ ở Việt Nam đã đi khắp nơi để quan sát chỗ nào có long mạch để vương thì yểm di. Khi Cao Biền đến ngọn đồi trên thấy có tụ nhiều linh khí và thường có một nữ thần lui tới bên cho đào khúc chân đồi phía sau để chặt đứt mạch linh, và từ đấy

không thấy nữ thần hiện lên nữa. Thời gian qua bỗng xuất hiện một bà lão tóc bạc phơ, mặc áo đỏ quần lục ngồi phán với dân chúng quanh đó rằng: "Chỗ này có long mạch tụ nhiều linh khí để vương, thế nào sau này cũng có bậc chân chủ qua đây xây dựng lại nơi này để duy trì nghiệp lớn". Nói xong, bà lão biến mất.

Nghe xong, chúa Nguyễn Hoàng cho là điềm hay, nghĩ thầm: "Chắc bà lão này sẽ đem lại sự nghiệp cho ta". Chúa cho xây dựng một ngôi chùa lấy tên Thiên Mục Tự, tức chùa Bà Già Trời.

Chùa khởi công vào mùa hạ năm Tân Sửu (1601) niên hiệu Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế thứ 14, tức Tiên Vương Nguyễn Hoàng. Năm Ất Tỵ (1665) dưới triều Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần, chùa được sửa chữa khang trang hơn, nhưng mãi đến đời Minh Vương Nguyễn Phúc Chu, chùa mới được chỉnh đốn toàn diện. Năm Canh Dần 1710, Ngài đúc cúng vào chùa một đại hồng chung nặng 3285 cân, Ngài thân làm bài văn cho khắc vào chuông. Chuông này hiện vẫn còn. Ngài cho người qua Tàu thỉnh bộ Đại tạng kinh Luận, Luật gồm một ngàn phổ. Tháng chạp năm 1715 Ngài cho dựng tám thạch bia lớn, cao 2m60, ngang 1m20 đặt trên lưng con rùa lớn bằng cẩm thạch. Ngày nay thiện nam tín nữ đến lễ Phật, không ai quên đến chiêm ngưỡng chuông và bia đá lớn ghi rõ công đức các Chúa Nguyễn đã có công chấn hưng Phật giáo và trùng tu chùa. Thạch bia và rùa đá có ngôi nhà gạch che mưa nắng để trợ gan cùng thời gian chỉ có ngôi nhà lâu lâu phải tu bổ.

Năm 1802, vua Gia Long lên ngôi, Ngài cho trùng tu chùa Thiên Mục và tổ chức một Đại Trai đàn để cầu siêu các chiến sĩ trận vong trong việc giúp Ngài khôi phục đất nước. Vua cho xây dựng điện Đại Hùng trong đó trưng bày một khánh bằng đồng lớn có khắc Nhị Thập Bát Tú ở hai mặt do người Bồ Đào Nha tên Jean de la Croix trông coi đúc tại Phường Đúc gần đời Long thọ. Đời Minh Mạng, Vua theo gương các chúa trước, coi chùa Thiên Mục như Quốc tự, nơi mở đầu cơ đồ họ Nguyễn và đến đời Thiệu Trị. Ngài cho dựng trước nghi môn của chùa một ngôi tháp bảy tầng vào năm 1884.

Từ phía kinh thành Huế đến chùa chỉ độ 5 cây số đường bộ hoặc đường thủy. Nếu đi đường bộ, ta được đi giữa những hàng cây cổ thụ, những cây đã từng chứng kiến nhiều cảnh hưng vong đất nước. Lấp ló dưới bóng mát là những cổng tường vôi gạch

rêu phong xưa cũ, những chứng tích thời vàng son của các ông Hoàng, bà Chúa hay của vị quan lớn của triều đại trước. Những tường vôi xanh rêu sứt mẻ vì thời gian và giầy leo chằng chịt làm giảm mất cái dài các ngạo nghễ một thời để rồi ta ngậm ngùi nhớ lời Thầy dạy:

*Cuộc đời giả tạm có chi đâu,
Mới thấy xuân sanh chốc bạc đầu.
Lừa gạt hại nhau vì tước lộc
Tranh dành giết lẫn bởi công hầu...*

Nhơn gian phú quý, hoa gian lộ,
Thế thượng công danh, thủy thượng âu.
Thức tỉnh những ai trong giấc mộng
Hãy mau giác ngộ sớm hồi đầu.

(Cổ Hoà Thượng THÍCH PHÁP LAN,
chùa Khánh Hưng - Sài Gòn)

Cùng với nỗi ngậm ngùi đó, tiếng ve sầu kêu áo nã làm người hành hương băng khuâng, nhưng cũng may cạnh hàng cổ thụ già mọc ven sông có xen lẫn những cây phượng vĩ nở hoa rực rỡ và gần đến chùa khoảng ngàn thước, ta gặp vườn nhãn tiến mát rượi.

Đến đây ngôi tháp của chùa đã thấy hiện sừng sừng trên đồi, vượt cả ngọn dương già cạnh đó. Tháp hình bát giác, cao 5 trượng, 3 thước, 2 tấc (21m28). Công việc xây tháp do quan Thống chế Võ Lâm Hoàng văn Hậu quản đốc sau hai năm mới hoàn tất, đặt tên là Từ Nhân tháp, đến năm 1845 tháp được đổi tên là tháp Phước Duyên.

Khác hơn bảo tháp các chùa, tháp này không để chôn vị tăng nào cả mà chỉ để thờ "Quá Khứ Thất Phật", mỗi tầng thờ một vị Phật thép vàng. Kể từ dưới chân tháp lên, tầng thứ nhất thờ Phật TÌ BÀ THÌ, tầng hai Phật THI KHÍ, tầng ba Phật TÌ XÁ PHÙ, tầng bốn Phật CÂU LUU TÔN, tầng năm Phật CÂUNA HÀN MÂUNI, tầng sáu Phật CA DIẾP.

Tầng thứ nhất lên tầng thứ sáu bằng những cấp xây gạch bằng khu ốc, dưới rộng, lên cao càng hẹp dần. Cấp xây gạch lên tầng thứ sáu thì chấm dứt. Tầng sáu lên tầng bảy bằng một chiếc thang gỗ. Trong tầng này trước kia có thờ mấy tượng bằng vàng thật: Đức DI ĐÀ (AMITHABA) và Đức THÍCH CA. Do đó lúc bấy giờ chìa khóa do Bộ Lễ chánh phủ Nam triều giữ, không ai lên được ngoại trừ có phép của Bộ cho. Chìa khóa tầng một giao cho Chánh tổng sở tại, ai muốn vào phải xin phép. Mặc

đầu cần thận, máy pho tượng vàng kia cũng không khỏi mất vào khoảng năm 1933. Hiện nay mỗi tầng chỉ thờ một tượng Phật bằng đồng, cách xếp đặt cũng khác xưa, theo thứ tự kể từ trên xuống dưới:

Tầng một : Đức Quá Khứ TÌ BÀ THÌ (Vispayi), Tầng hai : Phật THI KHÍ (Sikhi), Tầng Ba : Phật TÌ XÁ PHÙ (Visvabhau), Tầng bốn : Đức CẬU LƯU TÔN (Krakontchanda), Tầng năm : Đức CẬU NA HÀN MÂU NI (Kanacarnouni), Tầng sáu : Đức CA DIẾP (Kacypa), Tầng Bảy : Đức Phật THÍCH CA.

Trước tháp nhà vua cho xây một cái đình gọi là Hướng Nguyệt Đình, trên nóc có đặt một bánh xe Pháp Luân quay tròn theo chiều gió (Pháp Luân thường chuyển). Đình hiện nay không còn chỉ còn cái nền thôi.

Chúng ta hãy vào chánh điện lễ Phật để chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn từ bi đời đời nhìn xuống chúng sanh và Ngài đang hướng dẫn chúng sanh thoát khỏi vòng luân hồi. Khách hành hương nếu muốn rờ vào cái quá khứ của chùa thì có những cột sơn son, những vách mát lạnh mà bao nhiêu vua chúa, công hầu đến đây chiêm bái, rờ mó... bây giờ nay còn đâu chỉ còn lại chăng là câu ca dao bất hủ :

Gió đưa cành trúc la đà,

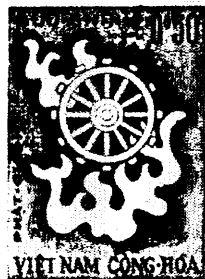
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương...



Chùa Thiên Mục ở Huế



Phật giáo Việt Nam trên thế giới



Cờ Phật giáo và bánh xe Pháp Luân



Vài loại tem Phật giáo Việt Nam



Thanh niên Phật tử VN



Chùa Một cột ở Hà Nội

Tiếng chuông còn mãi mãi với thời gian để nhắc nhở chúng sanh sớm quay về Chánh đạo.

Năm 1963, Phật giáo đồ miền Trung và miền Nam tranh đấu chống chế độ gia đình trị họ Ngô và một Hội đồng Cách mạng do các quân nhân đã lật đổ nền Đệ Nhứt Cộng hòa để lập Đệ nhị Cộng Hoà. Chánh quyền cho phát hành ba loại tem đề tài Phật Giáo:

Giá tiền 0đ50 : Hình vẽ Bánh xe Pháp Luân nằm trong lửa đỏ vẫn ổn định như tâm của Bồ Tát THÍCH QUẢNG ĐỨC.

Giá tiền 1đ50 : Hình vẽ Bánh xe Pháp Luân trên đóa sen trắng vươn trên địa cầu nhơn loại.

Giá tiền 3đ00 : Hình vẽ cờ Phật Giáo và Bánh xe Pháp Luân sáng rực trong vòng hào quang.

Đến năm 1971, nhân dịp Đại Hội Thanh niên Phật tử Thế giới lần thứ Nhất, Việt nam dự định phát hành hai tem với hình ảnh hai Thanh niên Phật tử nắm tay đưa cao ngọn đuốc, phía sau là Bánh xe Pháp Luân.

Rất tiếc đất nước Việt Nam có nhiều ngôi Tổ đình, nhiều cổ tự danh tiếng, nơi xuất thân những vị cao tăng kính mến, nơi phổ biến giáo lý Đức Phật cho bao nhiêu thế hệ mà chưa được đưa lên tem thư để cho người trong Nam được biết những ngôi chùa xưa ngoài Bắc, và người miền Bắc, Trung được hiểu rõ những cổ tự trong Nam.

Thời Đệ nhị Cộng hoà, chùa Thiên Mục được đưa lên tem thư vài lần nữa trong đề tài du lịch.

Chúng ta đã đi một vòng hành hương cổ tự Việt nam qua tem thư, giờ đây xin mời quý bạn đến nước láng giềng: Ai Lao, xưa kia gọi là nước Lan Xang có nghĩa là xứ triệu voi.

Ai Lao là nước nhỏ, dân chúng thật thà chất phác, vui vẻ lo công việc hàng ngày và trau dồi đạo Phật.

Từ phi cơ nhìn xuống đã thấy nhiều mái chùa và những ngôi tháp cao ẩn hiện dưới tàng cây xanh tươi. Đâu đâu cũng thấy chùa và tháp với nét kiến trúc độc đáo nằm giữa xóm làng.

Ngoài những nơi thị tứ, chùa là nơi tập trung dân chúng đông đảo nhất. Cũng như các nước Thái Lan, Miến Điện, Cam Bốt, dân Ai Lao tu theo Phật

giáo Tiểu thừa. Người con trai khi đến tuổi phải vào chùa tu một thời gian rồi về nhà. Vua chúa cũng như thường dân đều phải vào chùa tu, ai muốn tu luôn suốt đời cũng được. Nhà sư không ăn chay như người Việt tu theo ngành Đại thừa và sống bằng khát thực nghĩa là đi nhận thức ăn của tín đồ dâng cúng mỗi ngày.

Theo lời Phật dạy thì sống cách nào cũng xong, miễn là chuyên tâm tu hành đúng đắn thì kết quả vẫn được lên Niết Bàn, vì thế các sư ăn mặn như người ngoài đời chỉ có khác là không tự tay giết con vật để ăn. Một điều khác hơn nữa là các sư chỉ được phép ăn vật nặng và đặc như cơm, bánh ...bắt đầu từ tờ mờ sáng khi ánh mặt trời soi rõ các làn chỉ tay, đến đúng Ngọ (12 giờ trưa) thì không được ăn nữa. Từ 12 giờ trưa trở đi, các sư chỉ được dùng thức lỏng như nước ngọt, sữa lỏng, nước trà đường.. Bốn phần thứ nhứt của các sư tu theo Tiểu thừa là phải đi "trì bình khát thực" mỗi sáng. Danh từ trì bình có nghĩa là mang bình bát đi nhận thức ăn của tín đồ. Theo lời dạy của đức Phật, đi khát thực là để dẹp bỏ cái ngã mạn của ta và tạo cho dân chúng có dịp lập phước điền.

Người dân xem việc dâng cơm cho sư là điều phước đức lớn của mình, nên mỗi sáng tinh sương trên các nẻo đường làng hay trong thành phố, ngay cả trên các kinh rạch dẫn đến chùa, chúng ta thấy được cảnh phát tâm từ bi của người Lào.

Bên lề đường trước nhà, từng toán dân ngồi chờ các sư sắp đi qua để dâng quà bánh, thức ăn. Khi đoàn sư đến, dù có hai hay nhiều vị, các sư cũng đi hàng một kẻ trước người sau, hai tay ôm bình bát, đầu cúi xuống đất, miệng đọc kinh làm râm cầu phước cho mọi người. Từng vị bước đến trước mặt người dâng cơm dâng thành kính quỳ gối hai tay nâng thức ăn hoặc vật dụng cần thiết cho sư như khăn mặt, sà phòng, sữa hộp, kem đánh răng... Vị sư vẫn trầm tư đọc kinh không cần nhìn món gì được người cúng dâng để vào bình, và bước chầm chậm tới người quỳ kẻ. Khi đầy bát, sư lại bước từng bước quay về chùa, đầu cúi nhìn đất, miệng làm râm đọc kinh.

Có những vùng dân chúng giàu có, các sư ở chùa trong vùng ít phải đi xa, chỉ vừa đi được quãng đường ngắn dân chúng đã dâng cúng đầy bình các vị, thế là về chùa. Cũng có vùng nghèo hơn, có nhà chỉ dâng trái chuối hoặc nắm xôi nhỏ với lòng thành, các sư phải đi nhiều nhà, nhiều xóm mới

được đầy bình. Về đến chùa các sư đem thức ăn từ bình bát ra, các vật dụng để chung một mâm lớn. Lúc này người dân đến công quả tại chùa, thường là một phụ nữ lớn tuổi, sắp thức ăn ra từng mâm bốn người, chỉ riêng vị sư Cả ngồi riêng một mâm (khi lên tới chức sư Cả, vị này khỏi đi khát thực). Sau đó các sư ngồi vào mâm đọc kinh Vãng Sanh cho người quá cố và để cầu phước cho những gia đình thành tâm dâng cúng. Khi các sư thọ trai xong, thường thường trước giờ Ngọ thì các Phật tử, các người lỡ đường, các học sinh trú ngụ trong chùa để học, ngồi vào ăn những mâm cơm còn lại (các sư không bao giờ ăn hết) Mọi người cho rằng ăn cơm chùa như thế là hưởng lộc Phật.

Năm 1956, Ai Lao phát hành tem trình bày Đức Phật Thích Ca ngồi thiền bên cội bồ đề, dưới chân Phật là các tầng ni, và ngày Đại lễ bế mạc Kỷ niệm 2500 Phật lịch (1957) phát hành bốn loại tem sùng kính Phật Tổ:

1- Khát thực (*La quête*) 2- Tham thiền nhập định (*Méditation*) 3- Phật nhập Niết bàn (*Sénérite*) 4- Lễ thí phát của Phật (*Coupe des cheveux*)

Trước đó, giới sưu tập tem thư trên thế giới rất thích những loại tem Phật giáo của Ai Lao phát hành năm 1953 với 7 đề tài :

1- Đức Phật nhập Niết Bàn (*Entrée au Nirvana*) 2- Tham thiền nhập định (*La méditation*) 3- Phật chứng minh với đất (*Attestant la terre*) 4- Phật ngồi thuyết pháp. 5- Phật đứng "Không sợ hãi" (*Absence de crainte*) 6- Phật đứng (mặc hoàng bào) 7- Tượng Đức Phật.

Ai Lao có nhiều ngôi chùa danh tiếng, nếu đưa hết lên tem không biết bao nhiêu cho đủ, thế nên chúng ta chỉ hành hương các ngôi cổ tự nổi tiếng thôi.

Trước tiên là chùa Phật Ngọc Bích (Vat Phra Keo) tọa lạc tại Thủ đô Vạn Tượng. Chùa được xây năm 1566 do vua Setthathirat, một ông vua mộ đạo.

Cách đây trên hai thế kỷ, chùa thờ tượng Phật Thích Ca bằng ngọc bích tạc bằng nguyên khối ngọc bích xanh, cao 61cm rất quý giá. Tượng bị quân Xiêm (Thái Lan) cướp đi năm 1778 khi tiến đánh Vientiane. Hiện nay tượng được tôn thờ tại chùa lớn nhất tại Bangkok cũng mang tên Chùa Phật Ngọc Bích, Vat Phra Keo.

Chùa Phật Ngọc Bích tại Vientiane không còn pho tượng quý giá, nhưng chùa vẫn còn bảo quản nhiều tượng cổ xưa như một viện bảo tàng. Khách

du lịch đến đây đều phải trầm trồ thán phục nét điêu khắc của người Lào xưa.

Sau chùa Phật Ngọc Bích phải kể đến chùa Sisaket được vua Chao Anou xây năm 1819 là một ngôi chùa to và đẹp. Xưa kia chùa có 9.024 pho tượng Phật đủ các cỡ, qua thời kỳ Pháp thuộc đã bị mất mát rất nhiều. Thư viện của chùa còn lưu trữ các loại kinh sách bằng lá dứa Jakata rất quý. Trước đây Chánh quyền Ai Lao hằng năm làm lễ Tuyên thệ "Buôn Lạp Nám" (Uống nước thề) tại chùa, nhưng từ năm 1945 lễ này được cử hành tại Vát Phra Keo.

Rời chùa Sisaket, chúng ta hướng về phía bắc độ bảy cây số để viếng ngọn tháp lớn nhất của Ai Lao, đó là tháp Thất Luông.

Tháp do vua Setthathirat xây năm 928, kỷ nguyên Chula (1566) tại thủ đô Vientiane. Trong lòng tháp có chứa nhiều kinh Phật và vàng bạc châu báu quý giá. Trên ngọn tháp có Xá lợi Phật và bốn sợi tóc của Ngài. Tháp bị quân Xiêm nhiều lần đánh phá để cướp châu báu.

Hằng năm vào ngày trăng tròn tháng Mười hai, Chính phủ Ai Lao tổ chức cuộc lễ rất long trọng tại đây. Chùa có một sân rộng hơn hai mươi mẫu đất được các nước đến tham gia lập Hội chợ, mỗi quốc gia, một sắc thái, trình bày sản phẩm của mình. Việt Nam cũng tham dự mỗi năm tại đây.

Hội chợ tấp nập suốt tháng, ban ngày dân chúng từ các bản làng xa ằng xa xôi đến lạy Phật nơi Tháp, và sau đó hòa mình vào dòng thác người tham gia hội chợ náo nhiệt, nhưng vui như về đêm, khi trên cao ánh trăng vàng vạc tỏa ánh sáng dịu dàng và sân chùa ngập sáng trong ánh điện muôn màu của các gian hàng, dân chúng già trẻ, trai gái vui chơi các trò vui hoặc ngồi nghỉ mệt quanh sân chùa nhìn mọi người. Tương phản với phía trong vòng thành của Thất Luông lúc nào cũng mờ mịt khói hương, phía sau sân chùa dưới bóng cây thốt nốt, những quán cóc với bàn nhỏ và vài ghế đẩu do một hai thiếu nữ Lào (phù sảo) bán xôi nếp nấu trong ống tre lồ ô (khao lăm) ăn với gà nướng là nơi qui tụ các thanh niên nam nữ. Họ ăn, uống rượu nếp và lai rai tán tỉnh suốt đêm dưới ánh trăng với cả ý tình trong sạch, để rồi sau mùa hội, họ hẹn nhau đến mùa lễ sang năm.

Thủ đô Vạn Tượng còn nhiều chùa cổ nổi danh nữa như Vát Khảo (Chùa trắng) linh thiêng. Tại chùa có một tượng Phật đen không lớn lắm ở giữa chánh

diện để cho thiện nam tín nữ có lời cầu xin gì, sau khi lạy Phật xong, thử nhắc tượng Phật lên, nếu được dễ dàng là lời cầu xin sẽ được toại nguyện, nếu đỡ lên không nổi, chứng tỏ cầu xin không kết quả.

Rời thủ đô chúng ta đi về đế đô cũ là Luang Prabang để viếng chùa Vát Luông Kim là ngôi chùa có nhiều bức họa về Phật được các họa sĩ thời trước vẽ lên tường: Phật cỡi bạch mã, Phật thí phát, Phật mặc hoàng bào, Phật từ giả bạch mã Kiên trác và người đánh xe Chanxada, hung thần Mara tấn công Phật, Mara cho ba thiếu nữ xinh đẹp đến trêu ghẹo Phật khi Ngài ngồi tham thiền, với cái nhìn của Phật, ba thiếu nữ xinh tươi hóa ra ba bà già xấu xí, nàng Thorani (Thần sông) xòa tóc cho ra dòng sông để giết hung thần Mara v.v. Sau đó ta vào chiêm bái Đức Thế tôn tại chùa Vát Visoun. Chùa này được mang tên vua Visoun xây năm 1503 để tỏ lòng kính mến vua cha Chao Lusai băng hà. Tại Vát Visoun, năm 1935, vua Sisavang Vong cho xây cái tháp lớn tên là Tháp Mạc Mô (tháp trái dưa hấu) trong chứa nhiều báu vật của nền văn minh Ai Lao.

Giã từ miền bắc, chúng ta đi lần về nam để viếng chùa của vùng Savannakhet. Nơi đây có That Inhang là ngọn tháp cổ, kiến trúc gần giống như tháp Chăm ở miền Trung nước ta, hằng năm vào tháng chạp của Lào (tháng 3 dương lịch) có mở hội *buôn* rất lớn. Tiễn đường ta đến Paksé để lạy Phật ở chùa Vát Phou do người Chăm xây dựng trên ngọn núi cách huyện Chambassac 14 cây số. Theo tài liệu thì núi này là ngọn Lingapartara, vào thế kỷ thứ bảy nơi đây có điện thờ, gần điện có ao nước dành cho nhà chùa được dân chúng chiêm bái mãi đến thế kỷ thứ 11. Điện được trùng tu giống như lối kiến trúc Angkor. Thời gian qua, người Chăm thiếu tiền để tiếp tục xây dựng và cuối cùng người Lào tới chiếm. Mỗi năm vào trung tuần tháng ba Lào (tháng 6 dương lịch) chùa có mở hội linh đình, khách thập phương từ Thái, Miên và người Lào đến dự hội. Cuộc lễ kéo dài cả tháng, người hành hương dùng thuyền nhỏ vượt qua sông Cửu Long để đến ngôi chùa.



Tháp Thất Luông ở thủ đô Vạn Tượng.



Chùa Hophabang



Vài loại tem Phật giáo Lào

Chúng ta đi gần đến xứ Cao Miên, láng giềng của chúng ta lắm rồi. Từ trên cao nhìn xuống thấy những cây thốt nốt vươn chùm lá tròn rải rác khắp nơi. Ẩn hiện dưới những tầng lá đó là các ngôi chùa tháp mái cong đặc biệt muôn thưở.

Trước năm 1975, nước Cao Miên an hưởng thanh bình. Dân chúng chỉ cần làm mùa vài tháng trong năm cũng đủ sống, nên suốt năm từ chùa này đến chùa nọ, buôn làng, hội hè được mở quanh năm cho dân chúng lễ Phật, cúng dường chư Tăng và vui chơi.

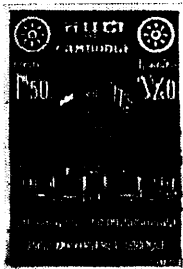
Cao Miên là quốc gia thấm nhuần giáo lý Đức Phật nhưng tem thư với đề tài Phật giáo không nhiều bằng Lào và Thái, mà đa số in hình đền đài Angkor, một công trình vĩ đại của triều đại Angkor cách đây trên 7 thế kỷ.

Ngày 13-3-1957, Cao Miên phát hành tem hình đài Kỷ niệm Đại lễ Đản Sinh Đức Phật 2500 năm. Đài xây như cái tháp gọi là Bosbok bằng xi măng ngay giữa công trường trước mặt nhà ga tại thủ đô Nam Vang để tôn thờ xá lợi Phật do nước Ấn Độ tặng hai năm trước. Chánh phủ làm lễ suốt tuần để dân chúng và du khách đến chiêm ngưỡng một kiến trúc tôn giáo khang trang. Ban ngày ngôi tháp nhọn thép vàng óng ánh nơi để xá lợi Phật rực rỡ với cờ Phật giáo ngũ sắc và cờ quốc gia Cao Miên, và đêm

đến, hàng ngàn ngọn đèn chiếu rọi lên tháp làm sáng rực cả vùng. Chung quanh tháp, những mái lều vải vàng của sư sãi, những cây dù vải vàng của nhà chùa che kín cả công trường. Các vị sư trầm tư nhìn lên tháp nơi có di tích quý báu của Đức Thế Tôn, miệng lầm rầm đọc kinh cầu phước cho bá tánh. Sau lưng các vị, dân chúng chen chúc quỳ lạy khẩn vái.

Đến năm 1950 vài ngôi chùa cổ được đưa lên tem như chùa Tep Thidaram, chùa Umalom, chùa Maniratanaram, chùa Patumavati... để dân chúng trên thế giới cũng như những người chưa bao giờ đến Cam Bốt phải sùng sốt nhìn những ngôi chùa kiến trúc độc đáo với mái lợp chông ba nóc, màu ngói vàng, đỏ, xanh vui tươi và ngọn tháp nhiều tầng cao vút nơi nóc chánh điện, không giống như tháp tròn, nhọn một khối bên Thái Lan. Đặc biệt là quanh chùa có rất nhiều tháp nhỏ cầu kỳ hay đơn sơ, có tháp tạc vị thần 4 mặt trên ngọn... đó là các tháp dựng tro cốt của quý sư và những người có công đức cúng dường cho chùa.

Năm 1971, Cao Miên phát hành tem kỷ niệm tang lễ Đức Tăng Thống của nước này vừa viên tịch. Ngài tên Samdech Preah Sangharaj Choun Nath, sanh năm 1883 tại Kompong Speu, viên tịch năm 1969, hưởng thọ 86 tuổi. Ngài là vị cao tăng đạo đức, dân chúng cũng như Triều đình gọi là Vua Sãi. Con tem in hình Ngài cạnh lá cờ Phật giáo ngũ sắc.



Đài kỷ niệm ngày Đản sanh đức Phật



Chùa Tep Thidaram



Chùa Bà Pênh tại thủ đô Nam Vang



Đức Tăng thống Cao Miên (1971)



Đại hội Phật giáo Thế giới - kỳ 6

Vài loại tem Phật giáo Cao Miên

Giã từ Cao Miên, chúng ta viếng Thái Lan, một xứ có tên là Mường Thoong có nghĩa là xứ Vàng.

Không kể mấy thế kỷ trước xứ này từng sang quấy phá nước ta và Miên, Lào, kể từ hơn thế kỷ nay họ không bị chiến tranh nên dân chúng sung túc. Các chùa chiền rất nhiều, không buôn làng nào không có một hai ngôi chùa đồ sộ, mái chõng lên nhau xanh vàng rực rỡ, nhứt là nhiều tháp được thếp vàng, loại vàng lá dát mỏng phản chiếu dưới ánh dương lấp lánh. Quanh chùa hoặc nơi nào cũng có bán loại vàng lá dát mỏng này, để trong hai lớp giấy, giá tiền rất rẻ. Các thiện nam tín nữ lên chùa được các hàng quán quanh chùa hoặc các em bé đến chào mời mua hương hoa và loại vàng lá này. Ai ai cũng mua để thành tâm đến bên tượng Phật lộ thiên trước cửa hoặc nằm trên chánh điện, tùy theo vị Phật mà mình muốn cầu xin điều gì: cầu tai qua nạn khỏi, cầu sang giàu hay cầu tự, người cầu xin đứng vái làm thềm xong, đốt hương, máng vòng hoa lên tay Phật hoặc trên các giá quanh tượng, rồi họ nhẹ nhàng dán từng lá vàng lên tượng Phật. Có người dán vàng lên trán, lên môi Ngài để cầu xin học hành thông minh, có người dán vàng lên cánh tay, bàn chân Ngài để cầu xin hết đau nhức v.v..

Mỗi ngày, năm này qua tháng khác, những tượng Phật được dán vàng lên mãi chỉ còn trông thấy là tượng Phật dát vàng, không còn trông rõ mặt mũi nữa. Chùa nào trước chánh điện cũng có để nhiều tượng vừa tầm tay để dân chúng bày tỏ lòng tin tưởng của mình.

Các ngọn tháp có đắp vàng thì khác hơn. Vàng này cũng là vàng lá dát mỏng nhưng với kỹ thuật khác để được lâu bền, do dân chúng cúng vào chùa. Mỗi khi có buổi lễ trọng đại thì nhà chùa mở hội để đắp vàng lên tháp.

So với các nước khác, Thái Lan phát hành tem đề tài Phật khá nhiều. Ngoài hình ảnh Bánh xe Pháp Luân với bàn tay Đức Phật, nhiều cổ tự danh tiếng được in lên tem, vì đối với khách phương xa, các chùa ở Thái Lan là nơi thờ phượng tôn nghiêm còn là di tích, thắng cảnh nổi tiếng nữa.

Không du khách nào đến Bangkok mà không đến viếng chùa Phật Ngọc Bích (Vat phra Keo) ngôi chùa với lối kiến trúc hùng vĩ, tọa lạc trong vòng thành của Hoàng Thành, cạnh bên viện Bảo Tàng và khu Sà Nạm Luống, khu đất rộng thênh thang, ngày thường là khu công viên dành cho dân chúng đá banh, thả diều, nhưng ngày thứ bảy, chúa nhứt là

nơi họp chợ trời nhộn nhịp đã được nổi tiếng với khách quốc tế.

Chùa không những nổi tiếng vì có nhiều chánh điện to lớn, những Sala, Chedi hùng vĩ thếp vàng mà vì đang thờ tượng Phật bằng ngọc bích màu xanh nguyên khối cao 61cm của Ai Lao, được giới mỹ thuật tôn cổ thế giới trầm trồ, Chùa còn được nổi danh với bốn bức tường của vòng thành dài hơn ngàn thước được vẽ với nét bút điêu luyện, màu sắc hài hòa những hình ảnh cổ tích Phật giáo. Hãy tưởng tượng hình vẽ đầy bức tượng cao 2m dài 1000m mà hình vẽ Phật, Thần, Chàng, người, thú v.v. chỉ to hơn bàn tay và cung điện nguy nga chỉ lớn cao hơn 1m, thì phải biết hàng hà sa số nhơn vật mới trình bày đặt kín diện tích rộng lớn này. Muốn xem tỉ mỉ từng cổ tích, từng nét vẽ linh động của bức tường phải đi xem giáp vòng một ngày cũng không hết.

Tượng Phật Ngọc Bích đến nay vẫn ngự trên tòa cao trong chánh điện, mặc cho Thái và Lào tranh tụng mấy thế kỷ nay. Nhưng nếu hỏi, người Thái nói rằng: Xuất xứ pho tượng không rõ, chỉ biết khoảng năm 1435 trong một cơn sấm sét làm nứt đôi một tượng bằng hồ voi được dân chúng thờ phượng lâu đời tại ngôi chùa nhỏ ở Chiang Rai. Khi hồ voi nứt ra, họ trông thấy tượng Phật bằng ngọc bích xanh biếc, pho tượng có bọc lớp vàng khối dưới chân và lớp vàng trên đỉnh chóp pho tượng.

Chùa Phật Ngọc Bích được coi như chùa chánh của Thái. Các vị vua cử hành những lễ quan trọng tại đây. Vua Bhumibol đến tuổi vào chùa cũng đến chùa này tu tập. Tem thư với hình ảnh chùa Phật ngọc được in nhiều lần.

Ở Bangkok có nhiều chùa được Phật tử cũng như khách phương xa biết đến như chùa Vat Phô với tượng Phật nằm khổng lồ dài 49m, chùa Vat Arun soi bóng trên dòng sông Chao Phai Da (Chao Phya), chùa Vat Trarnit nổi tiếng vì đang tôn thờ tượng Phật bằng vàng nguyên khối nặng 5 tấn rưỡi.

Đây là chuyện mà người ta truyền tụng: "Của cải nhà chùa không bao giờ bị lọt vào tay kẻ bất lương". Ngôi tượng được xác định là tạc vào thế kỷ thứ 15. Vì thời gian đó, quân Miến Điện thường sang Thái Lan quấy phá cướp bóc, nhà chùa (lúc bấy giờ cũng chưa biết là chùa nào) đã tạc tượng bằng vàng nguyên chất với khối lượng lớn này và vì sợ quân cướp giật mất nên trát voi hồ chung quanh tượng để trông giống như những tượng bằng voi hồ khác. Sau

nhều lần bị tàn phá, vật đổi sao dời, chùa chiền xiêu tán, dân chúng không còn biết là có pho tượng đó nữa.

Đến năm 1953, dân chúng thấy một chùa nhỏ nghèo nàn ở vùng Tây bắc xứ Thái sắp đổ nát nên quyết tâm xây dựng lại chùa. Trong thời gian xây dựng, ngôi tượng được dời sang một bên. Từ trước đến nay vì tượng quá nặng nên không bị xô dịch, bây giờ trong lúc xô dịch, pho tượng bị nứt một đường dài, mọi người kinh ngạc khi thấy phía trong lớp hồ có màu vàng chóc. Thế là tượng Phật vàng được đem ra ánh sáng sau hơn 400 năm nằm đấy. Chánh quyền bèn xin chùa để thỉnh tượng Phật quý giá đó về thủ đô cho để bảo quản. Chùa Vat Tramit nằm tại Thủ đô Bangkok, gần khu chợ Tàu. Tượng để trong chánh điện lúc nào cũng được canh gác nghiêm mật.

Chùa được viếng nhiều sau các chùa khác là chùa Ngọc Thạch, xây toàn bằng đá cẩm thạch Ý Đại Lợi do vua Chulalongkorn xây dựng. Chùa nổi tiếng vì có nhiều tượng Phật bằng đồng cao 2m mang nhiều sắc thái điệu khác của nhiều thời kỳ từ xưa đến nay.

Đi về nam, du khách rời thủ đô Bangkok khoảng 50 cây số đã thấy sừng sững phía trước một ngôi tháp khổng lồ Phra Pathom Chedi của tỉnh Nakorn Phathom. Ngôi tháp được trùng tu nhiều lần, nằm trên một đồi đá trông như ngọn núi nhỏ. Đi vòng quanh chân tháp phải mất hơn nửa giờ. Phật tử lễ Phật ở mặt chánh diện xong, đi vòng theo tháp để cầu nguyện và gõ vào 108 cái chuông lớn nhỏ khác nhau do các Phật tử cúng dường từ đời nào được treo dọc các giá dài. Ai muốn nguyện cầu cứ đến chọn một dùi gỗ cầm vừa tay rồi đi gõ từng chiếc chuông một, người đi sau kế tiếp người trước, đều đều đánh vào chuông. Có cái chuông lớn phải dùng bàn chải vờ... Tiếng chuông với âm thanh khác nhau âm vang trên đồi cao như một bản nhạc từ bi muôn thuở.

Du khách có một cứ nghỉ nơi nào đó của đồi, dưới chân tháp. Bóng mát của tàng me, hoa sứ thoang thoang trong gió, chúng ta ngồi nhai "khao lăm", loại nếp nấu trong ống tre lồ ò, tận hưởng hương vị ngọt bùi của nếp, mắt nhìn ngôi tháp khổng lồ in trên nền trời xanh để cảm thấy mình nhỏ bé, nhỏ bé quá...

Nhân dịp Hội nghị Tăng già thế giới và Kỷ niệm 20 năm Hữu nghị Phật tử thế giới, Thái Lan phát

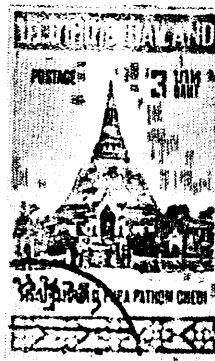
hành 4 tem với đề tài "Di tích Phật nơi Thánh địa":
1- Vườn Lâm Tì ni (*Lumpini*) nơi Đức Phật dần sanh. 2- Bồ Đề đạo tràng (*Bodhi Gaya*) nơi đức Phật tham thiền thành đạo. 3- Vườn Lộc Uyển (*Sarnath*) nơi đức Phật thuyết pháp đầu tiên. 4- Thành Câu Thi Na (*Kusina*) nơi đức Phật nhập Niết bàn.

Bodhi Gaya hay Bồ Đề đạo tràng cách thành phố Gaya 11 cây số và cách Nalanda 90 cây số, thuộc tiểu bang Bihar, một tiểu bang có nhiều Phật tích tại Ấn độ. Gần cội bồ đề, vua Naviska xây bảo tháp Maha Bodhi vào thế kỷ 11 để ghi dấu nơi Đức Phật tham thiền và thành đạo. Bảo tháp được kể là di tích độc nhất trong các Phật tích tồn tại. Bảo tháp cao 50m trong có tượng kim thân Đức Phật ngồi, tay chỉ xuống đất biểu hiệu sự tham thiền đắc đạo. Cảnh bảo tháp là cội bồ đề, chung quanh có vòng rào bằng đá do vua A Dục Vương (*Asoka*) dựng lên. Những lan can này có ghi các giai thoại về đời sống Đức Phật. Dưới cội bồ đề có một thềm cao, tiếng Phạn gọi là Vajrasana, ghi dấu nơi Đức Phật ngồi tham thiền.

Vài loại tem Phật - giáo Thái Lan.



Chùa Vát Phra Keo



Chùa Nakhorn Phathom



Bồ Đề đạo tràng



Vườn Lộc Uyển



Thành Câu Thi Na

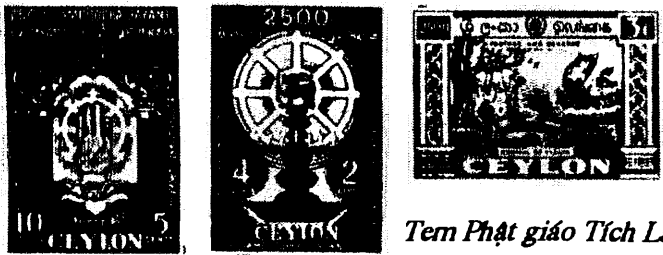


Chùa Vát Phra Keo và bánh xe Pháp Luân

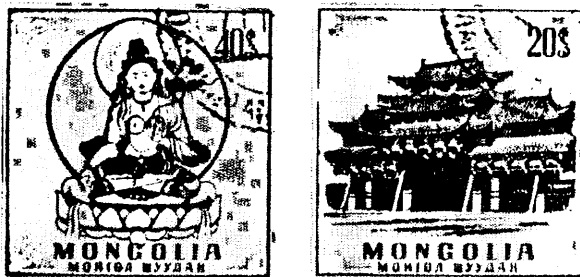
Các nước Miến Điện, Đại Hàn, Nhật Bản cũng như các quốc gia Á châu thờ Phật đều có phát hành tem để phát huy đạo cao cả của Đức Thế tôn, như là Ấn Độ, nơi cách đây trên 25 thế kỷ, Đức Phật ra đời, thuyết pháp và nhập Niết bàn đã phát hành rất

nhều tem về Ngài và những thánh tích, nơi mà Phật từ năm châu hướng về và hy vọng được viếng một lần trong đời.

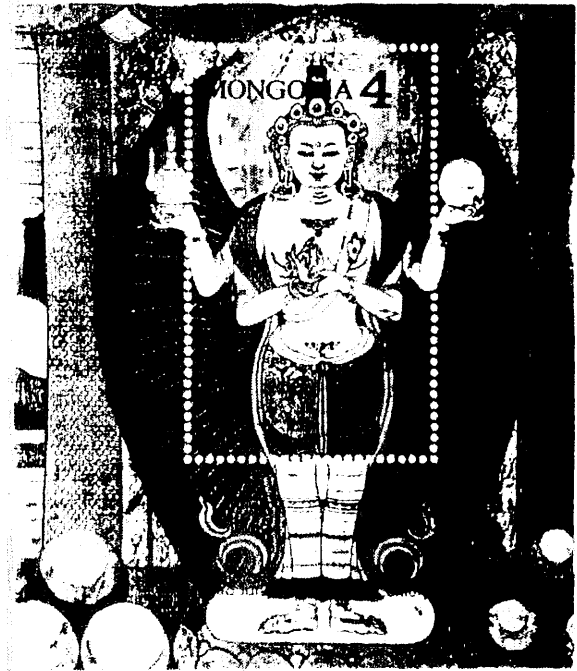
(Nhớ những năm ở Thái và Lào - Phạm Thăng)
(Trích trong cuốn TEM THU VNCH sẽ xuất bản)



Tem Phật giáo Tích Lan



Vài loại tem Phật giáo Mông Cổ



Vài loại tem Phật giáo Nhật

Tem Phật giáo Pháp

Tem Phật giáo Đại Hàn

*Hạnh phúc thay, Đức Phật giáng sinh
Hạnh phúc thay, Giáo Pháp cao minh
Hạnh phúc thay, Tăng Già hòa hợp
Hạnh phúc thay, Tứ Chúng đồng tu.*

Trường Hận Ngâm

Tình thương tất thắng
Hận thù phải thua

Nước nhà gặp buổi nhiễu nhương
Chính tà lẫn lộn, cương thường đảo điên
Nhân dân thống khổ triền miên
Bởi bọn giặc cộng cầm quyền gian ngoan.
Bản thân chúng: vốn bạo tàn
Gieo mầm đói rét lấm than trên đời
Chén cơm đổi bát mồ hôi
Cùng một kiếp người nào khác ngựa trâu
Nỗi buồn thế kỷ hằn sâu
Cỏ hoa sông núi... nhuộm màu tang thương!
Bốn mươi năm lẻ đoạn trường
Bốn mươi năm lẻ sầu vương lệ nhòa.

*

Cùng chung máu mủ ruột rà
Nhưng nhìn chúng khác người ta lạ kì!
Hình người tâm địa quỷ ma
Đầu thai hóa kiếp để mà hại dân
Đời sinh lấm chuyện phi nhân
Hận thù chất ngất... tham sân ngút ngàn
Quê hương khói lửa điêu tàn
Cửa nhà tan nát muôn vàn đắng cay
Ngẫm cơ báo ứng xưa nay
Càng gây oan trái càng đầy gian nan
Bốn mươi năm lẻ hoang tàn
Bốn mươi năm lẻ khóc than lệ nhòa!!!

*

Đời này những quỷ cùng ma
Chẳng còn ở thật người ta bao giờ!
Tình người lạc lõng bơ vơ
“Đấu tranh giai cấp” ... nghi ngờ lẫn nhau
Người người ngậm tủi nuốt sầu
Nào đâu “hạnh phúc”, thiên đường là đâu?
Thiên đường ấy chuyện mai sau
Hiện thực địa ngục thương đau nhả tiền?
Vì nước, ta cùng đứng lên
Mở đường sống, chặt xích xiềng cộng nô
Giận thay bè lũ giặc Hồ

“Rước voi giày mồ” làm khổ muôn dân
Ai người tài trí kinh luân
Hãy cùng ta dựng mùa Xuân huy hoàng.
Chờ ngày lịch sử sang trang
Mặt trời xuất hiện “sao vàng” phải lu...
Tình thương tất thắng hận thù
Tình thương dựng lại cơ đồ Việt Nam.

*

Kể từ mở nước Văn Lang
Từng phen phạt Bắc bình Nam lấy lừng
Đã lòng hẹn với non sông
Quyết đem Đại Nghĩa độ cùng quỷ ma
Một mai thay đổi sơn hà
Việt Nam độc lập quốc gia phú cường
Vẻ vang con cháu Hùng Vương
Cùng chung Quốc Tổ ta cùng
thương nhau.

KT

Ai Tỉnh? Ai Mê!

“... những điều trông thấy mà đau đớn lòng”
N.D.

Cuộc sống bây giờ thật thảm thê
Nhân dân cơ cực khổ trăm bề
Thiên đường cộng sản! nào đâu nhỉ?
Toàn những thương đau... những nảo nề!

Tự do, cơm áo... Ôi! ngao ngán
Kiếp sống nô vong—Kiếp sống thừa
“Muôn vạn tế bào đang hủy thể”
— Núi sông này vẫn núi sông xưa.

“Bốn Lăm” năm ấy bao cay đắng
Sự thể phơi bày... lẽ thực hư
Nhớ nước, đau lòng người quốc sĩ
Thương tình đồng chủng cảnh bơ vơ!

Giận thay cho bọn người vong bản
Bán rẻ lương tâm cả cuộc đời →

Đầu óc đen sì: tư tưởng ngoại
Toàn phường bán nước hại dân thôi.

Sáu mươi lăm triệu người chung sống
Vận hội hanh thông đã mở mùa
Có Chính Nghĩa bao giờ cũng thắng
Không nhân luân, pháp phủng... chờ thua.

Đất nước đổi thay... sóng gió qua
Khí thiêng hội tụ nước non nhà
Đường về Dân Tộc cao sang quá
Như mặt trời ban sáng nở hoa.

Chủ nghĩa Mác-Lê đã chết rồi
Không còn thích hợp với con người
Toàn dân vùng dậy trừ cường bạo
Sức sống vươn cao ở mọi thời.

Cương quyết ta làm cuộc đổi đời
Quét đi những rác rưởi tanh hôi
Tắm dư đồ rách tở bồi lại
Sức sống vươn cao ở mọi thời.

Sử Việt năm ngàn năm hiển hách
Từng phen dẹp giặc giữ non sông
Chưa đời nào thiếu người anh kiệt
Dòng máu uy linh giống Lạc Hồng.

Nhớ thờ tổ tiên ta dựng nước
Hương nhìn quá khứ... vọng tương lai...
Đừng như Việt cộng quên nguồn gốc
Thức những ai! mà ngủ những ai???

Viết trong ngục tù Cộng sản 1990

Lý Vạn Thắng

Sinh Nhật Cảm Tác

Cuộc thế hưng suy... trải mấy lần
Âu đành nghiệp dĩ... chẳng phân vân
Nửa đời sinh tử thương cho nước
Một kiếp luân hồi cứu lấy dân

Vận nước qua rồi cơn bĩ cực
Tình Người còn đó buổi canh tân
Mở con đường sống tình dân tộc
Dựng lại cơ đồ nước vạn xuân.

Lý Vạn Thắng, 1973

Tri Ngộ

Kính tặng cụ NVN

Đã lòng hẹn ước bấy lâu
Quyết đem Đại Nghĩa bắc cầu tử sinh
Mấy lời vàng đá đỉnh linh
Chờ ngày đất nước thanh bình gặp nhau.

Lý Vạn Thắng, 1988

Nỗi Lòng Kẻ Sĩ

Trải mấy mùa thu... lệ thấm mi
Xót tình nòi giống cảnh lưu ly
Bốn mươi năm lẻ hờn sông núi
Hãy mở cho mình một lối đi.

Lòng những bản khoăn...

chuyện nước nhà

Con đường Dân Tộc đã khai hoa
Quyết đem Chính Nghĩa trừ ma quỷ
Dựng lại cơ đồ nước Việt ta.

Lý Vạn Thắng



QUỐC NẠN, ĐỌC THƠ LÝ VẠN THẮNG VÀ KT

Nguyễn Tường

Không thể hình như mà phải chắc chắn rằng, đã là con người thì không ai không có mộng mơ. Và mơ mộng về bất cứ một cái gì đó chính là yếu tính của tất cả các thứ nghệ thuật nói chung và thơ văn nói riêng trong ý nghĩa trọn vẹn của nó.

Mơ mộng thì có nhiều thứ và nhiều cách. Có tục có thanh...

Nếu một tâm hồn trong sáng tác động vào nổi mộng mơ thì thơ văn tuôn tràn Chính Khí.

Nếu một tâm hồn xú uế tác động và nổi mộng mơ thì thơ văn nhuộm đầy Tà Khí.

Vì Tà Khí, tác phẩm lộ những hình ảnh xảo trá, ác độc và tội lỗi.

Vì Chính Khí, tác phẩm phơi bày tất cả những gì thật Chân, thật Thiện và thật Mỹ.

Để lột trần tính Chân-Thiện-Mỹ, thường thì tác phẩm mô tả tròn đầy hai mặt Thiện và Ác của cuộc đời. Có triết để nhận chân cái Ác mới phá hủy được nó và đưa con người trở về tính Thiện. Và chỉ có Thiện mới có thể xây dựng con người cùng xã hội của nó trong tầm mức quan trọng căn bản.

Bất cứ một đất nước nào mà nền tảng đạo lý băng hoại, người ta thấy xuất hiện hiện tượng vàng thau lẫn lộn, tà chính rối bời, thơ văn hỗn tạp... nếu không để ru ngủ thế hệ vì quyền lợi kinh tế thì cũng thác loạn cực kỳ hoặc kêu gọi đấu tranh chém giết bảo vệ cho cái lý tưởng Thiện riêng tư của một thể chế chính trị, một tổ chức tôn giáo... nào đó.

Người ta thường lợi dụng thơ văn để lừa

đảo một cách có hệ thống.

Người ta thường dựng đứng chuyện có thành không chuyện không thành có, tạo vô số dữ kiện man trá để mà mất những kẻ ngu ngơ dẫn họ vào mê thành nghi kỵ mong không còn bất cứ một sự tin tưởng nhỏ nào giữa con người với con người trong mọi lãnh vực hầu thực hiện chiến lược phân hóa "chia để trị", một chiến lược nòng cốt của tất cả thế lực tham lam, xuẩn động, tàn độc xưa và nay.

Người ta thường nói về Thiện và Ác, thường bàn về Chính và Tà, thường cho mình cùng phe phái mình là Chính còn kẻ đối nghịch là Tà và âm mưu phân hóa, lũng đoạn, dụ dỗ, tù đày, giết hại những kẻ đối nghịch gọi rằng vì Chính Nghĩa.

Người ta trở lại làm nô lệ cho "ma tính" của chính mình, nô lệ những chủ nghĩa chính trị, nô lệ những chủ thuyết tôn giáo, nô lệ những chủ trương kinh tế, nô lệ những chủ nhân vật chất... một cách mù quáng dẫn đến phi nhân nhưng vẫn cứ tự hào mình đúng, không có gì hổ thẹn với lương tri.

Lương tri là gì? Thiện là gì? Ác là gì?...

Nếu con người biết bình tâm, biết làm chủ tư tưởng mà không để tư tưởng làm chủ lấy mình thì sẽ rõ biết Thiện Ác là gì.

Không lệ thuộc bất cứ một học thuyết nào mới hiểu được Thiện Ác là gì. Nếu còn lệ thuộc, cố chấp bất cứ một cái gì đó thì hoàn toàn nô lệ vào đó mà phản bội xã hội con người, phản bội chính mình vì tất định tạo ra

những kết quả khổ đau, ô nhiễm, đọa lạc và tổn hại.

Vậy thì Thiện có nghĩa là những hành động của tư tưởng nào hợp lý, đưa con người hưởng thượng và hưởng thiện tức dẫn tới những kết quả an lạc và hạnh phúc trong tầm mức tương đối của Chân Thiện Mỹ, cũng tức là Lương Tri, là Chính Nghĩa và Chính Khí.

Tại sao chúng tôi lại dài dòng như thế trước khi đi vào thơ văn của Lý Vạn Thắng và KT? Câu hỏi này xin được làm một gợi ý cho tất cả chúng ta.

Lý Vạn Thắng là ai? KT là ai? là một hay nhiều người? hình như ít ai rõ biết nhưng thơ văn ấy như Chính Khí kết tinh của loài người, của dân tộc Việt Nam đã và đang lưu truyền một cách liên li trong một đất nước tù ngục, như một trong những chất liệu cần yếu nuôi dưỡng hồn thiêng sông núi, như bản tuyên ngôn chính trị đúng nghĩa an trị mới gọi dân chúng Việt Nam bừng tỉnh để không những vứt bỏ đi chủ nghĩa Cộng sản bạo tàn mà vứt luôn tất cả những chủ trương vọng ngoại nô lệ ngoại bang:

*“Bốn Lăm” năm ấy bao cay đắng
Sự thể phơi bày... lẽ thực hư*

...

*Đầu óc đen sì: tư tưởng ngoại
Toàn phường bán nước hại dân thôi.*

(Lý Vạn Thắng—Ai Tỉnh? Ai Mê!)

Năm 1945, quả thật đắng cay và tủi nhục. Đắng cay tủi nhục vì nước Việt có một người và bè đảng lợi dụng sự đòi hỏi chủ quyền độc lập của các nước chậm tiến trên thế giới sau Đại Chiến Thứ II, lợi dụng lòng yêu nước của toàn dân Việt, Họ đã sử dụng đầu óc thông minh đầy xảo quyệt kết hợp với tính tàn độc, tôn thờ chủ nghĩa Mác Lê “rước voi dầy mỡ làm khổ muôn dân...” (KT — Trường Hận Ngâm).

Lời thơ như bản tuyên ngôn được mở đầu bằng những hậu quả thảm khốc cho đất nước bởi tập đoàn Đảng Trị họ Hồ kể từ 1945.

Ngày 6-3-1946, Hồ Chí Minh ký Hiệp Ước Sơ Bộ cùng Sainteny chấp nhận Pháp đưa quân trở lại Việt Nam để sau đó tiến tới Hiệp Định Genève 21-7-1954 chia đôi đất nước, chia phân quyền lợi như tất cả chúng ta đều thấy, mặc cho chiến tranh tàn phá quê hương (nếu không có Hồ Chí Minh rước chủ nghĩa Cộng sản về thì các nước Tây phương không có lý do xua quân vào Việt Nam).

Sau tháng Tư 1975, tập đoàn Đảng trị tiếp tục tàn phá quê hương. Hình ảnh Tân Thủy Hoàng rõ nét, ma quỷ hiện hình, toàn thể dân chúng Việt Nam nhận lãnh nửa bản án phân thân. Ai nấy đều bị cắt lưỡi và móc mắt chỉ chừa lại đôi tai và đôi tay. Mắt không được phép thấy Đảng làm, miệng không được nói điều Đảng Ác, tai để nghe chửi rủa và mệnh lệnh, tay để nỗ lực sản xuất hiến dâng kẻ cầm quyền:

Bốn mươi năm lẽ hoang tàn

Bốn mươi năm lẽ khóc than lệ nhòa

(KT — Trường Hận Ngâm)

Nếu còn nhớ được mình là con người và nhất là con người Việt Nam tức còn nhớ được văn hóa Việt Nam, tức còn nhớ được bản sắc của dân tộc Việt Nam được xây dựng trên đạo lý Nhân Quả, tình thương và phước đức mà không bao giờ khuất phục trước bạo quyền. Bản sắc đó là Chính Khí, là Chính Nghĩa, là Chân Thiện Mỹ mà qua lịch sử dân tộc, “Có chính nghĩa bao giờ cũng thắng, Không nhân luân... pháp phỉng chờ thua” (Lý Vạn Thắng — Ai Tỉnh? Ai Mê!)

Bởi lẽ đó,

Sử Việt năm ngàn năm hiển hách

Từng phen dẹp giặc giữ non sông

Chưa đời nào thiếu người anh kiệt

Dòng máu uy linh giống Lạc Hồng.

*Nhớ thuở tổ tiên ta dựng nước
Hương nhìn quá khứ... vọng tương lai...
Đừng như Việt cộng quên nguồn gốc
(Lý Vạn Thắng — Ai Tinh? Ai Mê!)*

Sao lại nói “Đừng như Việt cộng quên nguồn gốc”?

Nếu là một con người thật sự thì cái lẽ quên gốc mất nguồn ấy có hai ý nghĩa mà nói chung là Gốc Người và nói riêng tức Nguồn Dân Tộc.

Chủ nghĩa Duy Vật, một thứ cặn bã của văn hóa Tây Phương gọi thỉ tổ con người là loài thú, một thứ chủ nghĩa đã và đang hủy diệt nền văn hóa Tây Phương, phá hủy tất cả đạo lý làm Người để bước những bước thật nhanh vào hố thẳm, một thứ chủ nghĩa không những ngoại lai (đối với người Việt) mà còn tàn độc hơn tất cả các chủ nghĩa nào tàn độc nhất trong lịch sử loài người, một thứ chủ nghĩa xảo quyệt sanh ra chủ nghĩa Cộng Sản chuyên dùng máu thịt dân lành để tô bồi quyền lợi và địa vị kẻ cầm quyền...

Nếu ý thức được mình là con người của Gốc Người thì tất cả các chủ nghĩa, các học thuyết, các hành động từ tôn giáo cho đến chính trị, kinh tế, xã hội vân vân nào đó không nhằm vào mục đích phục vụ con người, đưa con người hưởng thụ và hưởng thiện mà ngược lại, dùng con người để phục vụ cho nó, đày đọa con người, biến con người thành những kẻ nô lệ cho chủ nghĩa tức đã phản bội lại Gốc Người.

Thời Bắc Thuộc qua đi, thời Thực Dân lại đến, trải trên ngàn năm khốn khổ ông cha ta khó lắm mới gìn giữ và nêu rõ bản sắc dân tộc Việt cho đến hôm nay. Vì lấy Nhân Quả làm nền tảng, dùng phước đức tình thương tu kỹ hóa nhân, coi nhân bản như phương châm xử thế nên người Việt từ lâu vẫn thường hãnh diện rằng mình không bị đồng hóa mà mất gốc, đó cũng là điểm son của dân tộc Việt mà

trên thế giới hầu như chưa dân tộc nào từng như thế.

Chúng ta cần xác định đâu là tinh túy nền văn hóa của chúng ta, “đừng như Việt cộng quên nguồn gốc” học đòi những cặn bã của các thứ văn hóa ngoại lai, vứt bỏ đi những điều tốt đẹp của mình rồi cho đó là phù hợp thời thượng, là tiến bộ văn minh... để rồi cứ chạy theo Nga, Tàu, Mỹ... dâng hiến cả quê hương...

Trên đây là tóm lược vài điểm cần nói về Quốc Nạn và Phương Cách Giải Trừ Quốc Nạn trong một số ít thơ văn Lý Vạn Thắng và KT mà chúng tôi muốn trân trọng giới thiệu đến các bạn.

Cuộc tranh đấu Giải Trừ Quốc Nạn tức Đòi Hỏi Quyền Làm Người của chúng ta còn lắm cam go. Chúng ta không thể ỷ lại bất cứ thế lực ngoại bang nào. Các thế lực ấy cho dầu có giúp đỡ chúng ta một cách thật tình không vì quyền lợi của họ đi chăng nữa nhưng nếu chúng ta vô tâm không nhận thức được mình là Con Người và con người Việt Nam thì chính chúng ta tự đánh mất mình để suốt đời nô lệ đưa đến mất gốc rồi mất nước.

Xứ sở nào cũng cần đến nhân tài trí thức. Nhưng nhân tài đúng nghĩa của nó không phải là người máy, người máy thì không có tư tưởng mà chỉ biết hành động theo sự điều khiển của chủ nhân. Và Trí thức đúng nghĩa của nó không phải là sự thông minh quá độ mưu cầu tư dục và tư lợi.

Chúng ta càng không thể tự thị mình là kẻ tài ba học rộng biết nhiều, mượn cơ giúp Nước lợi Dân ích Đạo mà lao đầu vào các công tác phụng sự tổ chức trong khi quên mất đi mục đích phụng sự con người để rồi cấu xé giành giật lẫn nhau như họa này chưa xong mong thêm họa khác...

Hành trình cứu nước và giữ nước của chúng ta mau chậm đều tùy thuộc mỗi người trong tất cả chúng ta, tùy thuộc vào khởi điểm nhận

thức, Ý Thức Cội Nguồn của chúng ta, ý thức thế nào là Thiện và Ác để thể hiện bằng hành động tích cực với *Thông Điệp Thời Đại* mà ngài Đức Nhuận, một Đại Thiên Sư của dân tộc Việt Nam đương tại đã trao gởi chúng ta vào năm 1993:

“Mắt phải sáng như mặt trời, lòng phải rộng như biển cả, hành động phải cần trọng cân nhắc so đo: Mọi hoạt động của mình đều vì “Giải Nghiệp”. Đừng tạo nghiệp cho chính mình và mọi người.”

Việt Nam 13-4-96

Cho tôi một lời vàng
Một ý kinh cầu nguyện
Một nơi về thăm viếng
Vui sống theo thời gian

Cho tôi một cảnh hồng
Một tình người nho nhỏ
Một con chim bạt gió
Có nơi nghỉ dừng chân.

Tâm Văn



Thơ TÂM VĂN

Thường Chiếu

Có ai thường nhật lá Bồ Đề
Khúc khuỷu dòng đời sóng Hồ Khê
Ai tắm hai lần cùng một lúc
Hơi đầu mà lượm lá Bồ Đề.

Hơi đầu mà lượm lá Bồ Đề
Ảo ảnh trôi qua thấy mà ghê
Diệu nhập từng lưu không hiện thực
Hơi đầu mà nhật lá Bồ Đề.

Có ai thường nhật lá vàng rơi
Mới thấy thời gian phí cuộc đời
Ai ngắm hai lần cùng một lúc
Lá vàng trước gió khê đưa rơi.

Lá vàng trước gió khê đưa rơi
Lượm góp làm chi của nợ đời
Đồng nội cỏ thơm còn đánh mất
Hướng gì lại nhật lá vàng rơi?

(Kính tặng tác giả Nhật Lá Bồ Đề)

Quà Cho Tôi

Cho tôi một đoạn đường
Một lữ khách tang thương
Một linh hồn thuở nọ
Quá bước chuyển đờ ngang.

Cho tôi một dòng sông
Một tình thương dào dạt
Một nhánh rong phiêu bạt
Im lặng thuở hồng hoang.

←

QUAN NIỆM SỬ HỌC VÀ TRIẾT HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư Pháp Phảng**

Người dịch: **Thích Thắng Hoan**

(Tiếp theo)

TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI XEM DUY THỨC HỌC

I. Trào Lưu Tư Tưởng Thời Đại Và Phật Học

Duy Thức học đối với Trào Lưu Tư Tưởng Hiện Đại như thế nào?

Nguyên nhân, Phật Giáo tồn tại trong thế gian thì không thể ly khai các pháp của thế gian. Phật Giáo nhất định phải cùng thế gian phát sanh quan hệ. Cho thấy Phật Giáo rất thích hợp những nhu cầu thiết yếu của thế gian và có khả năng đứng vững trên thế gian.

Thí dụ: Trong thế gian, chùa miếu được thiết lập đều có người xuất gia, đều có người hoằng pháp. Chứng tỏ Phật Giáo cùng thế gian có sự quan hệ mật thiết với nhau.

Những biểu tượng còn cho thấy Phật Giáo rất thích hợp với nhu cầu nhân sinh trong thế gian, như là Phật Giáo có địa vị cũng như có tác dụng trong xã hội.

Quả như Phật Giáo đối với nhân loại không có chút lợi ích nào thì nhân loại trong thế gian không cần thiết đến Phật Giáo. Phật Giáo nếu là thế gian không cần thiết đến hoặc giả Phật Giáo không chút mảy may lợi ích nào cho nhân thế thì sớm đã bị tiêu diệt từ lâu.

Song sự thật lại chẳng như thế! Khác hẳn,

Phật Giáo sở dĩ được tồn tại trong những quốc gia không giống nhau là nhờ các chủng tộc những nơi đó lưu truyền trong nhân gian và bảo tồn cho đến ngày nay. Vả lại Phật Giáo có số tín đồ rộng lớn ủng hộ. Điều đó chứng tỏ Phật Giáo chắc chắn có giá trị để tồn tại. Đã là có giá trị, Phật Pháp có thể dùng để hoằng dương nơi thế gian.

Địa vị học thuyết Phật Giáo đối với Trào Lưu Tư Tưởng Hiện Đại trong xã hội như thế nào?

Lẽ tất nhiên, học thuyết Phật Giáo rất có giá trị và được Trào Lưu Tư Tưởng Hiện Đại chú ý đến. Duy Thức học là một đại học phái Đại Thừa Phật Giáo, gần ba mươi năm nay ảnh hưởng rất lớn đối với các giới trong Trào Lưu Tư Tưởng Hiện Đại, được họ chú ý cho là quan trọng cần phải nghiên cứu và quán sát.

Trong đó sở dĩ gọi Trào Lưu Tư Tưởng Hiện Đại là chỉ cho thế kỷ 19 trở về sau, nghĩa là thời đại Văn Nghệ Tây Phương Phục Hưng từ thế kỷ 19 đến thời đại Khoa Học Vận Động của thế kỷ 20. Tư tưởng của một thời đại có khả năng thành hình một thứ năng lực vận động nên gọi là Trào Lưu Tư Tưởng Thời Đại.

Ở Âu Châu, thời đại Văn Nghệ Phục Hưng trở về trước chính là thời đại Tôn Giáo Đắc Quyền và cũng gọi là thời đại hắc ám.

Nguyên do, lúc bấy giờ mọi người đều mê tín tôn giáo, cho Thần Quyền cao hơn thế gian và nhân loại trở thành một thứ cảnh ngộ tối tăm không có mặt trời. Văn Nghệ Phục Hưng chính là Khoa Học xương minh. Nhờ nghiên cứu Khoa Học, Văn Nghệ Phục Hưng đã phá toàn diện Thần Quyền và tẩy chay sự mê hoặc của Thượng Đế Vạn Năng. Từ đó ánh sáng rực rỡ của nền văn minh Khoa Học cận đại phát sanh. Ngày nay nhân vì Khoa Học phát minh được Nguyên Tử Năng, cho nên có người gọi ngày nay là thời đại Nguyên Tử Năng và cũng có thể cho là thời đại Khoa Học hoàn toàn phát đạt.

Tại Ấn Độ, trước kia có Trào Lưu Tư Tưởng của Bà La Môn Giáo, kế đến có Trào Lưu Tư Tưởng của sáu phái Triết Học, về sau lại có Trào Lưu Tư Tưởng của Phật Giáo.

Riêng Phật Giáo có Trào Lưu Tư Tưởng Tiểu Thừa, Đại Thừa, Hiền Giáo và Mật Giáo. Sau cùng Trào Lưu Tư Tưởng Ấn Độ Giáo lại phục hưng trở về nguyên thể.

Theo như Trung Quốc Văn Hóa Phát Đạt Sử ghi rằng: Chúng ta trước kia có cái Học Chư Tử của Tiên Tần, có Kinh Học của Hán Triều, có Phật Học của Tùy Đường, có Lý Học của Tống Minh, có Khảo Cứ Học của thời đại Nhà Thanh (Chú thích 1) và có Khoa Học ngày nay. Những dữ kiện nêu trên cũng có thể đại biểu cho Trào Lưu Tư Tưởng của mỗi thời đại.

Từ khi cuối Nhà Thanh và đầu năm Dân Quốc đến nay, Tư Tưởng nước ta (Trung Hoa) vận động tạo thành trào lưu, được gọi là Năm Mươi Tư Vận Động. Năm Mươi Tư Vận Động bao gồm nhiều phương diện:

1/ Phương Diện Chánh Trị là đấu tranh giành độc lập, bình đẳng và tự do.

2/ Phương Diện Xã Hội là chủ yếu thoát ly tất cả Chế Độ Phong Kiến bất hợp pháp và sự ràng buộc của Lễ Giáo.

3/ Phương Diện Văn Học Tư Tưởng là tranh

thủ ngôn ngữ Bạch Thoại Đại Chúng, tranh thủ Tri Thức Khoa Học, đá đảo lối văn theo kiểu Văn Ngôn của Khổng Gia Điểm và tẩy chay tất cả tư tưởng mê tín của Phong Kiến.

Nhờ sự cố gắng của cuộc vận động này, tinh thần Kháng Nhật được thể hiện và sự Bắc Phật được thành công hoàn toàn.

Hiện nay Trung Quốc lại có một thứ tư tưởng gọi là Hồng Lưu Đại Triều. Tư Tưởng này phát khởi từ vùng đất Bành Phái và ảnh hưởng rất rộng lớn, ảnh hưởng đến cả Trung Quốc và lan ra các vùng Á Châu. Tư Tưởng này thuộc loại Chủ Nghĩa Xã Hội Duy Vật. Đó là thứ Chủ Nghĩa vận động Dân Chủ kiểu mới.

Tư Tưởng này trước kia nhờ tiếp nhận bối cảnh Khoa Học và Triết Học Tây Phương mới có thể phát huy thành quả ngày nay.

Tóm lại, Trào Lưu Tư Tưởng Hiện Đại có thể phân làm hai điểm: Một thứ là Khoa Học và một thứ là Triết Học. Trước hết, vấn đề Khoa Học được trình bày như sau:

II. Khoa Học Và Phật Học:

A.- Tánh Chất Khoa Học Và Phật Học:

* Thế nào là Khoa Học? Hoặc nói cách khác, Tánh chất Khoa Học như thế nào?

Vấn đề trên thật khó trình bày cho rõ ràng. Nguyên nhân các nhà Khoa Học đối với vấn đề này, mỗi người đều có Luận Thuyết riêng và xét cho cùng họ đều không đồng nhất quan niệm. Nay xin đề cử tổng quát một số Luận Thuyết như sau:

a) Luận Thuyết Số và Lượng:

Có người nói: “Khoa học chính là nhờ hình thức đo lường rồi tưởng tượng ra đồ hình của thế giới... Lẽ đương nhiên chúng ta cho Khoa Học quan sát rất đúng tiêu chuẩn và chính xác. Thật ra chúng ta chẳng qua dựa theo tiêu chuẩn số và lượng (sự phân chia và đo lường) mà tiến hành tư tưởng.”

Người ta nói rằng: Khoa Học thực sự chỉ là một thứ phương pháp phân tích mà thôi, một thứ phương pháp dùng để nghiên cứu hoặc quan sát vạn hữu vũ trụ. Thứ phương pháp này phải dùng đến công cụ và thứ công cụ đó không ngoài số và lượng (sự phân chia và đo lường). Các nhà Khoa Học sử dụng phương pháp số và lượng đây đi phân loại bằng cách chia chẻ tổng thể mỗi cá thể của vạn hữu ra từng phần riêng biệt để quan sát. Do đó người ta nói: Khoa Học tựu trung không ngoài số và lượng qua sự trắc nghiệm bằng cách phân loại và đo đạc v.v... Khoa Học là một danh xưng đều chỉ cho những khái niệm này. Nếu như là hẳn những khái niệm trên, Khoa Học hoàn toàn không có mặt.

b) Luận Thuyết Quan Hệ:

Giáo sư Trương Đông Tôn trong một quyển sách nói về tư tưởng và xã hội có trình bày những khái niệm này (số và lượng v.v...). Ông cho rằng: Khoa Học chỉ giải thích nghĩa hẹp có tính cách vụn vặt. Các nhà Khoa Học nói: “Nhân đây chúng ta chủ trương rằng trên những cốt tủy này (lượng và số cùng phân loại và đo đạc v.v...), thực sự có một loại khái niệm căn bản nguyên thủy hiện hữu và tiềm ẩn mà người ta gọi là “Quan Hệ”, hoặc gọi là “Trật tự của Quan hệ.” Chúng ta đề xướng vấn đề Quan Hệ nói trên, khả dĩ Vật Lý Học, Thiên Văn Học v.v... chắc chắn có thể bao quát ở trong. Không phải chỉ có số học mới được xem như đại biểu cho Khoa Học. Lý do số học thì không hoàn toàn mười phần thỏa đáng hết mười...”

c) Luận Thuyết Toàn Thể và Bộ Phận:

Trương giáo sư quan niệm rằng: “Cho đến vấn đề Quan Hệ Khái Niệm đúng là một cá thể nằm trong hợp thể, cũng như sự việc gì có thể phân tích thì sự việc đó có thể đạt được kết quả và những kết quả đây không luận có điều kiện nhiều hay ít mà những điều kiện trên chính là Quan Hệ vậy. Chúng ta một khi

đề cập đến Quan Hệ thì lẽ tất nhiên khái niệm được sự liên quan giữa “Toàn Thể” và “Bộ Phận” v.v... Chúng ta có thể khẳng định rằng: phạm điều gì có thể phân tích thì tất nhiên trong đó có Quan Hệ mà người ta thường gọi là Nhân Quả Quan Hệ.”

“Tóm lại, vấn đề Quan Hệ giả sử không dự trừ thiết lập quan niệm trước thì tất cả mọi việc đều không biết tiến hành từ đâu.”

d) Quan Hệ vẫn Hiện Hữu:

“Vấn đề Quan Hệ Khái Niệm thì đã sẵn có từ trước và vấn đề này không phải do thành lập bởi quy định. Ngoài những khái niệm này ra như, Trật Tự, Kết Cấu, Tương Tục v.v... không có một điều nào là chẳng cùng với vấn đề Quan Hệ Khái Niệm kết hợp lẫn nhau để cùng sanh khởi. Cho đến không gian và thời gian nơi Khoa Học chỉ là bộ phận của trật tự mà thôi. Tất nhiên những sự việc trên phải nhờ đến trắc nghiệm và đo đạc để quy định. Nhưng sự trắc nghiệm và đo đạc nếu như tách rời vấn đề Quan Hệ Khái Niệm ra thì hoàn toàn không biết chút nào về sự chi phối ở bên trong bóng tối.” (Chú thích 2).

Những dữ kiện vừa trình bày ở trên đều là định nghĩa của Khoa Học.

* Giờ đây chúng ta hãy xét qua lãnh vực Phật Học:

1/ Những luận thuyết của các nhà Khoa Học được viện dẫn ở trên có thể xem như định nghĩa Khoa Học rất rõ ràng; hoặc nói cách khác, tánh chất của Khoa Học là Quan Hệ. Quan Hệ có thể bao gồm tất cả Khoa Học. Hai chữ Quan Hệ đây theo Duy Thức Học gọi là Nhân Duyên hoặc gọi là Duyên. Phật nói: Tất cả pháp đều do nhân duyên sanh, đều do duyên khởi, đồng thời cũng do duyên diệt. Tương tự như thế, Khoa Học nói: Tất cả pháp đều do quan hệ mà sanh, do quan hệ mà trụ và cũng do quan hệ mà diệt. Quan Hệ bao gồm tất cả Khoa Học cũng giống như Nhân Duyên bao gồm tất cả Pháp. Cụ thể hơn,

nguyên tắc Duy Thức giải thích: Nhân Thức mỗi khi khái niệm một điều gì cốt yếu phải nhờ đến chín thứ Duyên (Quan Hệ) mới phát sanh nhận thức; Nhĩ Thức phải nhờ đến tám thứ Duyên mới phát sanh nhận thức v.v... Phật Học trình bày đến “Duyên”, tóm lược thì có 4 thứ Duyên và giải thích rộng thì có 24 thứ Duyên (Tham khảo bộ *A Tỳ Đạt Ma Nhiếp Nghĩa Luận* của tôi dịch).

2/ Tiếp theo, đề cập đến Quan Hệ là chỉ cho một cá thể nằm trong hợp thể. Khái niệm một vấn đề nhân duyên nào thì nhân duyên đó tựu trung cũng là thể tổng hợp mà Phật Học thường gọi là “Nhân Duyên Tổng Tướng” (nằm trong hợp thể). Trong tương chung (Tổng tướng) có tướng riêng (Biệt tướng) đều là nói quan hệ nằm trong hợp thể bao gồm rất nhiều điều kiện. Học thuyết Nhân Duyên trong đó nhất định có tương chung (Tổng tướng) và tướng riêng (Biệt tướng). Chữ Nhân ở đây theo Phật Học trình bày: chọn lấy một pháp nào thì trong đó bao gồm tất cả pháp, nghĩa là trong một pháp đã có tất cả pháp và trong tất cả pháp đã có một pháp mà mình đã chọn lấy. Đó là ý nghĩa “Sự sự vô ngại” (Sự sự vô ngại nghĩa là muôn sự muôn vật tác dụng không bị ngăn ngại với nhau). Trong một pháp đã có tất cả pháp và trong tất cả pháp đã có một pháp cũng giống như quan hệ có toàn thể và bộ phận, hai lối giải thích tuy khác nhau, nhưng đều cùng một loại với nhau. Danh từ chẳng qua chỉ là phù hiệu nhằm đại biểu cho khái niệm vấn đề trên không *giống* nhau mà thôi. Thuyết Quan Hệ của Khoa Học và Thuyết Nhân Duyên của Duy Thức Học cả hai đều hoàn toàn không khác nhau. Cho nên Duy Thức Học (hoặc Phật Học) thì rất thích hợp với Khoa Học.

3/ Lại nữa một sự kiện đáng chú ý là “Vấn đề có thể phân tích thì tất nhiên trong đó bao hàm có quan hệ mà phổ thông thường gọi là Nhân Quả”. Như câu “Nhân duyên sở sanh

pháp” (Nhân duyên là nơi sanh ra các pháp) giải thích: Phạm một pháp sanh khởi thì nhất định có rất nhiều thứ nhân duyên. Những nhân duyên đây có thể phân tích. Trung gian của nhân duyên đều là tính chất của nhân quả. Đức Phật đầu tiên giác ngộ những thứ quan hệ này. Những thứ quan hệ này bao hàm có các pháp nhân duyên của tánh chất nhân quả. Đức Phật nói: “Cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc v.v...” Đây là quy tắc sanh khởi vạn pháp. Quy tắc nhân duyên này là thuyết minh Nhân Quả Quan Hệ và cũng là quy tắc cơ bản của Phật Học.

Hơn nữa, Giáo sư họ Trương nói: “Vấn đề Quan Hệ Khái Niệm nếu như chẳng có trước thì tất cả đều hoàn toàn không có pháp để tiến hành.” Còn Phật Học giải thích: Tất cả đều do nhân duyên sanh; lia nhân duyên ra, các pháp không thể sanh. Đức Phật nói: Nếu cho rằng, thật sự có một pháp vượt ra ngoài nhân duyên, đó là Ngoại Đạo nói.” Tất cả pháp không chỉ do nhân duyên sanh khởi mà lại còn do nhân duyên hoại diệt. Nhân duyên nếu như không có thì tất cả pháp không thể sanh khởi.

Giả sử có người hỏi: Nhân Duyên như thế nào? — Trả lời: Tất cả các pháp đều là nhân duyên. Đúng như thế, tất cả khái niệm đều phát sinh từ một thứ Quan Hệ Khái Niệm. Cuối cùng chúng ta có thể hỏi, Vấn Đề Quan Hệ Khái Niệm như thế nào? — Trả lời: Quan Hệ đều là tất cả Khái Niệm.

4/ Thứ đến, Khế Kinh nói: “Như Lai ra đời hoặc không ra đời đều là Pháp Tánh thường trụ duyên khởi.” Đoạn Kinh trên trình bày [Vấn đề Quan Hệ Khái Niệm đã có từ vô thỉ, không phải thiết lập bởi quy định. Điều đáng chú ý là Vấn Đề Quan Hệ không phải hiện hữu riêng biệt ngoài vạn vật]. Đây là nói về tánh duyên khởi và tánh duyên-khởi này vẫn

hiện hữu như thế từ xưa đến nay. Đức Phật tuy chứng được và thuyết minh tánh duyên khởi, nhưng đức Phật không phải quy định nên. Tánh duyên khởi cũng không thể có pháp thể riêng biệt, nên gọi là duyên khởi và tánh này cũng không phải thường trụ, thanh tịnh và sáng suốt.” (Chú thích 3). Cho nên *Tăng Nhứt A Hàm* (quyển 26) nói rằng: “Muốn khiến hư không trở thành đất cát và muốn khiến đất cát trở thành hư không nên trói buộc chúng vào duyên làm căn bản. Duyên ở đây không bị hư bại”.

Hôm nay chúng ta hãy đề cập đến chữ Duyên của tất cả duyên khởi: Chữ Duyên của tánh duyên khởi, nơi các kinh luận của Tiểu Thừa Hữu Bộ trình bày có 4 loại: Nhân Duyên, Sở Duyên Duyên, Đẳng Vô Giáns Duyên, Tăng Thượng Duyên. Riêng các kinh luận của Đại Thừa Duy Thức Tông thì giải thích 4 Duyên trên một cách rõ ràng, như Luận Thành Duy Thức căn cứ nơi 4 Duyên đây và cộng thêm 15 chỗ nương tựa (15 Y Xứ) thành lập 10 loại Nhân (Thành Duy Thức Luận quyển 7 và 8). Mười loại Nhân của luận Thành Duy Thức giải thích cũng đồng nghĩa với chữ Duyên. Còn các kinh luận Nam Truyền Thượng Tọa Bộ thì trình bày có 24 loại Duyên (*Nam Truyền A Tỳ Đạt Ma Nhiếp Nghĩa Luận*, phẩm thứ 9). 24 loại Duyên này cũng là tên riêng và tướng riêng của nhân duyên mà thôi. Những thứ Duyên và những thứ Nhân vừa phân loại đối với vấn đề Quan Hệ của Khoa Học chính là khái niệm không hai và không khác, như khái niệm trật tự, khái niệm kết cấu, khái niệm tương tục, v.v... Chữ Nhân ở đây, như chúng ta đã biết, thời đại cổ xưa gọi là Nhân Duyên và thời đại ngày nay gọi là Quan Hệ. Nhân Duyên và Quan Hệ chỉ khác nhau danh từ mà thôi.

Với những dữ kiện đã giải thích chúng ta có thể đặt vấn đề: Khoa Học thì như thế nào? — Trả lời, Khoa Học là Quan Hệ Học. Còn

Phật Học thì như thế nào? — Trả lời, Phật Học là Nhân Duyên Học hay Nhân Quả Học. Những người không nghiên cứu Phật Học, ai cũng đều biết Phật Giáo là đạo bàn về nhân quả. Từ đó chúng ta có thể ý niệm rằng, Khoa Học cũng giảng về nhân quả. Trong Phật Học, không luận Tiểu Thừa và Đại Thừa, tất cả học phái đều giảng đạo lý Nhân Duyên và Nhân Quả. Một trong tất cả học phái nói trên, Pháp Tướng Duy Thức Học là học phái giảng về đạo lý Nhân Duyên và Nhân Quả rất tinh tường và thông suốt.

CHÚ GIẢI:

Chú thích 1: Được thấy trong “*Lương Nhậm Công Thanh Đại Học Thuật Khái Luận*” (trang 2, Thương Vụ xuất bản).

Chú thích 2: *Tư Tưởng và Xã Hội* của Trương Công Tôn (Chương 2, trang 30 đến 218).

Chú thích 3: *Câu Xá Luận*, quyển 9, trang 17 nói rằng: “Có thuyết cho rằng: Duyên Khởi là pháp vô vi, do Khế Kinh nói: Như Lai ra đời hoặc chẳng ra đời đều là Pháp Tánh thường trụ duyên khởi. Nguyên lý này nếu là Như Thị Ý thì có thể đúng và nếu là Biệt Ý thì không thể đúng! Như Thị Ý thì như thế nào và Biệt Ý thì như thế nào mà nói là có thể đúng và không có thể đúng? Nếu ý nói, Như Lai ra đời hoặc chẳng ra đời, nghĩa là Như Lai thường duyên Vô Minh, v.v... để hiện khởi thì ngoài pháp Duyên Khởi ra hoặc không Duyên Khởi, nên gọi là thường trụ. Đây là nghĩa Như Thị Ý và nguyên lý này có thể đúng. Còn như ý nói, Duyên Khởi có Pháp Thể riêng biệt và Tánh Duyên Khởi thấy đều thường trụ, thanh tịnh, sáng suốt. Đây là nghĩa Biệt Ý và nguyên lý này thì hoàn toàn không đúng. Tại sao thế? Bởi vì một pháp mỗi khi thành hình phải hội đủ các tướng cùng duyên khởi và không một tướng riêng biệt nào tự nó có thể tồn tại, nên gọi là Tướng Vô Thường. Điều này có thể đúng với nguyên lý”.

(Còn tiếp)

Tương An Tây An
: ngày Quốc - hận

Biên quê biển đảo quê hương

Giáo dân thân
hận thân chớng chất

Đuyết dân thân

hỏi phục giảng Sơn

Viết 30.9.96 New York

Kính tặng Thượng tọa Thích Viên Từ

CUỘC DU HÀNH SANG LẠP TÁT (LHASA) CỦA TÂY TẠNG

Tác giả: *Giuseppe Tucci*

Phóng tác: *H.T. Thích Trí Chơn*

(Tiếp theo)

Cuốn sách nhan đề: “*Bên Kia Cửa Tử*” chỉ dẫn phương pháp giúp cho người đang hấp hối thoát khỏi sanh tử luân hồi. Khi thần thức người sắp chết mê loạn vì mang bệnh nặng hay tội lỗi gây ra quá nhiều lúc còn sống, thân nhân nên đọc lớn những lời giáo huấn trong sách để nhắc nhở, hướng dẫn cho người sắp mất biết rằng cuộc sống đời sau của họ hạnh phúc hay đau khổ đều tùy thuộc vào cái nghiệp sau cùng họ gây ra trong giờ phút lâm chung. Cho nên vị Tăng hay gia nhân cần đứng gần người sắp chết đọc lớn tiếng và rõ ràng các đoạn trong sách nhằm giúp họ biết rõ trước sự hiểm nguy và phiêu lưu đang đón chờ sau khi họ nhắm mắt xuôi tay.

Theo giáo lý luân hồi của nhà Phật thông thường người chết phải trải qua thời gian 49 ngày mới đi đầu thai kiếp khác. Trong giai đoạn chuyển tiếp đó, nghiệp thức người chết lang thang như kẻ không nhà hay phiêu bạt lạc vào những nơi xa lạ và họ cảm thấy lo lắng sợ hãi trước những quả báo không tốt do hành động xấu ác của họ gây ra trong đời trước. Chỉ trừ một số rất ít các vị Thánh Tăng, những người đã dày công tu luyện tạo nhiều thiện nghiệp lúc sanh tiền mới không trải qua giai đoạn trung gian này.

Vào giờ phút lâm chung, người đang hấp hối thấy hiện ra trước mắt mình một luồng

ánh sáng chói lòa mà ngôn từ thế gian không biết diễn tả ra làm sao, đại khái giống như dòng suối nước trắng mờ ảo chập chờn ẩn hiện chảy uốn lượn qua cánh đồng. Vào lúc này họ như người ngủ say, không biết ý thức mình đã ra khỏi thân xác. Giai đoạn đầu ấy của Thân Trung Ấm mà Phật Giáo Tây Tạng gọi là “Chikhai Bardo” hay là “tình trạng quá độ của lúc chết” với ánh sáng trong suốt trước tiên được loé ra. Nhưng đa số người thường như chúng ta không có nhiều thiện nghiệp đều rất khó nhận thấy liền ánh sáng đó. Trường hợp nếu người thấy mà không nhận ra nó thì ánh sáng ấy bị mờ đi theo nghiệp thức. Lúc ấy người hấp hối cần sự chú tâm nỗ lực của thân quyến để cầu nguyện chư Phật, đức Bồ Tát Quán Thế Âm và các vị thiện thần giúp đỡ trợ lực cho thần thức của họ được sáng suốt. Kế đến, họ biết mình đã chết và bắt đầu trải qua giai đoạn thứ hai gọi là “Chonyid Bardo” hay là “tình trạng quá độ của kinh nghiệm thực tại.”

Nhưng tiếp sau hai giai đoạn này, nghiệp thức của người mất lại rơi vào tình trạng hôn mê kéo dài đến ba ngày rưỡi hoặc bốn ngày. Khi thức tỉnh lại họ thấy thân thể mình căng phồng lên và sắp được mang đi chôn hay hỏa táng, bên cạnh là những đĩa đồ ăn đang bày để cúng. Họ cũng nhìn thấy cảnh thân nhân

khóc lóc khiến lòng họ sanh bực tức phiền muộn cho đến lúc họ ý thức được rằng họ thực sự đã chết và rồi họ lúng túng không biết phải làm thế nào. Các hành động xấu ác họ gây ra trong quá khứ giờ đây tạo thành những âm thanh và cảnh tượng khủng khiếp hiện ra trước mặt và tình trạng này kéo dài cho tới ngày thứ bảy. Gia quyến cần đọc các lời giáo huấn trong sách Thân Trung Ấm để nhắc nhở cho người chết nhận biết rằng những âm thanh rùng rợn và cảnh huống khủng khiếp đó chỉ là phản ảnh của tâm thức hiện bày, do năng lực thúc đẩy bởi chính nghiệp lực của họ.

Thân nhân nên tiếp tục đọc để giúp cho người mất hiểu rõ thế giới này là không thực có. Các cảnh tượng mà họ thấy chỉ là ảo giác biểu lộ những tưởng tượng do tâm thức của họ tạo ra. Nếu mê mờ nhận lầm đó là cảnh thật, họ khó tránh khỏi bị nhận chìm trong biển luân hồi sanh tử, đọa lạc vào tam đồ ác đạo.

Lúc ấy trước mắt họ hiện ra những luồng ánh sáng và nhiều màu sắc: một số luồng sáng tạo thành hình ảnh năm vị Phật tối thượng, mỗi ngài có một màu sắc riêng biệt, còn các luồng kia thì mờ đục tối tăm tượng trưng cho những thế giới khổ đau mà họ có thể tái sinh vào.

Rồi một cuộc tranh chấp xảy ra giữa những hình ảnh của thiện nghiệp dẫn đến sự giải thoát với các biểu tượng xấu ác hướng người chết đọa lạc vào cảnh luân hồi sanh tử. Cần hiểu rõ chúng là không thực, chỉ do sự thúc đẩy của nghiệp thức tạo ra, họ mới có thể khống chế, sáng suốt làm chủ Thân Trung Ấm của mình. Cuộc tranh chấp này ngày càng trở nên gay go và quyết liệt kể từ ngày thứ 8 đến thứ 14.

Các thế lực ma vương, quỷ sứ dẫn vào ngõ luân hồi sẽ siết chặt móng vuốt và đe dọa người chết với những hình ảnh hết sức dữ tợn

khủng khiếp. Nếu người chết không thức tỉnh làm chủ tình thế, thần thức của họ sẽ được dẫn dắt đi vào con đường trầm luân khổ hải hay bị mang đến trước Diêm Vương để nhận chịu các tội hình. Những việc thiện hay ác họ làm trong quá khứ sẽ hiện ra trước mắt qua hình ảnh một vị thiện thần sẽ đếm các hành động tốt của người đó với những viên sỏi màu trắng, và vị ác thần sẽ đếm các hành động xấu của họ với những viên sỏi màu đen. Diêm Vương nhìn vào cái gương chiếu nghiệp liền biết rõ mọi hành động lành hay dữ của họ gây ra lúc sanh tiền. Nếu làm ác, cảnh địa ngục khốn khổ sẽ chờ đón họ.

Vào lúc ấy, gia quyến có thể giải cứu người chết bằng cách đọc sách Thân Trung Ấm để giúp họ nhận thức rằng các quỷ vương, những hình phạt khủng khiếp đó và chính xác thân của họ đều do tâm thức biến hiện và nên đến gần khai thị cho họ như sau:

“Người cần biết rằng thân trung ấm là không thực, hoàn toàn giả dối cho nên dù nó có bị chặt đầu, phân thân tan nát xé ra từng mảnh chẳng nữa cũng không thể chết được, vậy người chớ nên sợ hãi. Ngay cả những quỷ vương, bọn ngục tối cũng chỉ là các ảo giác của chính người, và thân của người là thân của chân không. Chân không chẳng có thể làm cho chân không bị thương. Một vật không có tự tánh không thể làm hại bất cứ cái gì không có tự tánh. Ngoài nghiệp cảm của người không có gì hiện hữu tồn tại, cả đến vua Diêm Vương. Người nên biết rõ như vậy.

Nếu người chết nhận chân được sự thật này, họ có thể giải thoát. Bằng không, họ rất dễ bị đọa vào cảnh giới địa ngục, nếu trước kia làm nhiều điều ác, để lãnh thọ những cực hình; không phải bởi họ có một thân xác thực sự, nhưng vì do nghiệp thức của họ biến hiện. Hoặc lúc sinh tiền người chết biết tu hành ăn chay, tụng kinh niệm Phật, làm phước bố thí, cúng dường Tam Bảo, họ sẽ thác sinh lên cõi

Trời như là một phần thưởng mà họ được hưởng ở đời sau.

Họ có thể tái sinh vào loài súc sanh nếu lúc sống họ làm nhiều điều thất nhân ác đức, ăn hô nói thùa, lường gạt đảo điên, sát sanh hại vật. Nói tóm, họ sẽ nhận chịu mọi quả báo điều xấu cũng như tốt. Làm lành gặp lành, làm ác gặp ác. Gieo nhân thế nào, gặt quả thế ấy. Họ là chủ nhân ông, hạnh phúc hay khổ đau đều tùy thuộc hành động thiện hay ác mà họ đã gây ra trong đời trước.

Chính nghiệp lực dẫn dắt thần thức của người quá vãng đi đâu thai, và quyết định một cách chính xác cảnh giới mà họ sẽ thác sinh vào trong kiếp tương lai theo luật nhân quả và nghiệp cảm chứ không phải tự ý do người đó chọn lựa. Trường hợp nếu họ được sinh làm thân người, nghiệp lực sẽ hướng dẫn thần thức của người đó tìm đến nơi nhà nào trên thế gian có hai thân người nam nữ đang hòa hợp giao hội với nhau, liền khi đó tà niệm dấy động, sinh lòng yêu ghét nên tức thì thác sinh. Nếu người nào về nghiệp đàn ông nhiều thì thấy đàn bà liền sanh lòng yêu mến. Còn người nào về nghiệp đàn bà nhiều thì thấy đàn ông liền sanh lòng tham đắm. Khi đó vì cảm thọ sự dục lạc nên tối tăm và mất cả trí giác. Đây là thân trung ấm đã diệt mà sanh vào thai sinh vậy. Sau khi đã thác thai vào một loài nào thì phải trải qua đủ những thời gian tương đương với loài ấy rồi mới được sinh nở. Cũng do nghiệp cảm mà chúng ta thấy một đứa trẻ nam sinh ra khi lớn lên sẽ không thích cha và em bé nữ thì không ưa mẹ.

Theo Phật Giáo Tây Tạng, con người vì mê mờ tham sân si, không nhận biết chân lý cuộc đời vô thường cho nên đã hành động theo dục vọng gây ra nhiều tội lỗi để sau khi chết phải đọa vào tam đồ ác đạo, đời đời kiếp kiếp trôi lăn trong bể sinh tử luân hồi.

Sách “Thân Trung Ấm” giúp người chết có sự thức tỉnh biết tìm nương theo ánh sáng

của chư Phật, Bồ Tát hướng dẫn để vãng sinh về Tịnh Độ hay thế giới Tây Phương Cực Lạc, hiện đức Phật A Di Đà đang làm giáo chủ. Người sinh ở cõi này đã thoát vòng luân hồi sinh tử, không còn khổ đau phiền não, hằng ngày được nghe chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp. Muốn thành tựu công đức ấy phần lớn do nỗ lực tinh tấn tu hành chuyển hóa nghiệp lực của người chết, nhưng đôi lúc cũng phải cần đến sự thành tâm, tụng kinh niệm Phật, chú nguyện của chư Tăng có giới đức thanh tịnh.

(Còn tiếp)

Thơ KHÔNG QUANG

Trong Tôi

*Trong tôi luôn có hai hình tượng
Một Mẹ già - Một Phật Thích Ca
Mẹ sinh tôi ra
Người vì con rút ruột đến khi già.
Phật giúp tôi sám hối
Ngài vì chúng sanh giương tay xá tội.*

*Nhờ đức ấy trong tôi nên đứng vững
Giữa loài người ở thế kỷ hai mươi
Trước mưa thu nắng hạ tôi luôn cười
Nuôi ý chí để mong về cõi Phật.*



CÁI CHẾT CÓ THẬT ĐÁNG SỢ KHÔNG?

Nguyên tác: *Tiền sĩ K. Sri Dhammananda*

Dịch giả: *Thích Tâm Quang*

MẠNG SỐNG MONG MẠNH — CÁI CHẾT LÀ ĐIỀU CHẮC CHẮN

Đó là câu châm ngôn nổi tiếng trong Đạo Phật. Biết rõ cái chết là điều chắc chắn và là một hiện tượng tự nhiên mà mọi người phải đương đầu, chúng ta không nên sợ chết. Theo bản năng, tất cả chúng ta đều sợ chết vì chúng ta thích bám vào đời sống, vào thân xác chúng ta, và tạo quá nhiều tham dục và luyến ái.

Một đứa nhỏ ra đời đem niềm vui và hạnh phúc cho những người thân yêu. Dù người mẹ đau đớn cùng cực lúc sanh nhưng vẫn vui mừng và thích thú ngắm nhìn đứa con mới sanh. Người mẹ cảm thấy dù nhiều khó khăn, đau đớn phải chịu đựng nhưng được bù trừ xứng đáng. Tuy nhiên đứa trẻ lọt lòng ra đã khóc hình như nó muốn chia sẻ niềm đau với đời sống đau thương của trần thế. Đứa trẻ trở thành một tráng niên, sau thành người trưởng thành, tạo các loại hành vi tốt và xấu. Rồi nó trở nên già nua, và cuối cùng từ già cõi đời này, bỏ lại bạn bè và thân quyến đau buồn. Đó là bản chất cuộc sống của một con người. Con người cố gắng tránh khỏi nanh vuốt của tử thần nhưng không một ai có thể thoát khỏi. Đến lúc gần chết, đầu óc liên tưởng đến của cải tích lũy, và lo sợ quá đáng về những đứa con thân yêu của mình. Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, con người lo lắng quá sức về thân xác quý báu của mình; mặc dù với sự săn sóc ân cần và thận trọng

quá đáng nhưng nay đã suy nhược và kiệt sức và tan rã. Thật đau đớn khi phải xa lìa thân xác. Không thể chịu đựng được và không tránh nổi. Đó là tâm trạng của mọi người khi từ già cõi đời này với than van rên rĩ. Sự đau đớn về cái chết thật là khủng khiếp, đó là thái độ của kẻ ngu si.

SỢ CHẾT

Con người lo âu không phải vì ngoại cảnh mà vì hy vọng và tưởng tượng về đời sống tương lai của mình. Cái chết, chẳng hạn, tự nó không khủng khiếp và khiếp sợ hay kinh hãi, chỉ do tâm trí của chúng ta mà ra. Chúng ta thường không đủ can đảm để đối đầu với ý tưởng về cái chết của chúng ta. Với những kẻ không dám đối đầu với thực tế, khổ đau thật sự khủng khiếp và không thể chấp nhận được. Nhưng nếu chúng ta biết đương đầu với sự thật, nó sẽ làm dịu bớt hay loại trừ cái khủng khiếp của sự sợ hãi. Đời sống ví như một viên đạn bắn nhanh đến mục tiêu, tức là cái chết. Hiểu như vậy, chúng ta phải can đảm trực diện với hiện tượng tự nhiên này. Muốn được tự do trong đời sống, chúng ta phải không sợ chết. Sợ hãi chỉ đến với những kẻ không hiểu luật thiên nhiên. “Dù ở đâu đi nữa, nếu phát xuất, thì sợ hãi chỉ phát xuất nơi người mất trí điên khùng và không bao giờ phát xuất nơi người khôn ngoan.” Đó là lời Đức Phật dạy trong *Kinh Anguttara Nikaya*. Sợ hãi chỉ là trạng thái của tâm thần.

Khoa học dạy chúng ta quá trình của một cái chết ra sao? Cái chết chỉ là sự hao mòn sinh lý của cơ thể con người. Chúng ta đừng sợ hãi và tưởng tượng hay tiên đoán về những sự khủng khiếp không bao giờ đến để tìm cách chống lại. Một y sĩ nổi tiếng, Sir William Osler nói như sau: “Trong kinh nghiệm hành nghề của tôi, tôi thấy hầu hết những người chết không đau đớn và sợ hãi.”

Một nữ y tá lão thành nói: “Đối với tôi hình như thảm kịch lớn nhất mà mọi người phải trải qua trong đời là sự ám ảnh của cái chết. Khi chết đến, ta thấy rằng nó cũng tự nhiên như bản chất của nó. Rất ít người sợ chết khi đã sống trọn cuộc đời. Trong kinh nghiệm của tôi, chỉ có một người có vẻ sợ hãi—một phụ nữ đã làm một điều dữ cho người chị nay đã quá trễ để sửa đổi”.

“Một điều lạ lùng và đẹp đẽ sẽ đến với đàn ông hay đàn bà khi họ đã sống trọn đời: Tất cả sợ hãi, khiếp đảm đều biến mất. Tôi thường ngắm thấy tia sáng bình minh hạnh phúc trong ánh mắt của họ khi họ nhận thức điều đó đúng. Đó là tất cả ơn huệ của Tạo Hóa”.

Vì tham sống nên người ta rất sợ chết. Luyện ái tạo lo âu trong đời sống. Vì vậy, người hay lo âu không dám mạo hiểm làm những điều gì phải. Họ sống trong sợ hãi, lo lắng về bệnh tật và các tai nạn có thể xảy ra để cướp mạng sống đắt giá của họ. Nhận thức chết là điều không tranh nổi, kẻ yêu đời sống trần thế sẽ đi tìm trong nhiệt thành cầu nguyện với niềm hy vọng linh hồn sẽ được lên thiên đàng. Không ai có hạnh phúc trong cơn bão tố của sợ hãi và hy vọng như vậy. Đúng thật khó có thể coi thường hay không lưu ý đến những bộc phát tự nhiên của bản năng để tự bảo vệ. Tuy nhiên có một phương pháp để vượt qua sự sợ hãi. Hãy quên đi cái quan niệm của cái “ta”; hãy đem tình thương cho người ngoài có nghĩa là cung cấp việc lợi ích cho nhân loại và tỏ tình thương với người

khác. Bất cứ ai giữ trong đầu óc sự kiện một ngày nào đó mình sẽ chết và cái chết không thể tránh khỏi, sẽ hăng hái chu toàn nhiệm vụ với đồng loại trước khi chết, chắc chắn lưu ý nhiều đối với thế giới này và kiếp sau. Mãi mê phục vụ người khác, chẳng bao lâu chính bạn sẽ thoát khỏi cái tự kỷ luyện ái nặng nề, mơ ước, kiêu căng, tự phụ, và tự tôn.

BỆNH VÀ CHẾT

Bệnh và chết là việc xảy ra tự nhiên trong đời sống của chúng ta, và chúng ta phải chấp nhận điều đó với sự hiểu biết. Theo lý thuyết tâm lý hiện đại, nguyên nhân căng thẳng tinh thần là do việc không dám đương đầu và chấp nhận sự thực ở đời. Nếu không vượt qua hay khắc phục được sự căng thẳng đó sẽ gây nên bệnh tật. Trong khi bệnh hoạn mà quá lo lắng hay thất vọng chỉ làm cho bệnh tăng lên. Đối với cái chết, những người có tâm hồn và hành động trong sạch, chết chẳng có gì đáng sợ. Mạng sống của chúng ta gồm có tâm trí và thể xác và vì vậy tâm trí và thể xác không chết riêng. Nghiệp báo do những hành động xấu của chúng ta đã gây nên trong đời trước theo chúng ta vào lúc tái sinh khiến chúng ta phải chịu những khổ đau trong đời này. Những khổ đau đó có thể tránh khỏi nếu chúng ta cố gắng tạo công đức, sống một cuộc đời đạo hạnh, và có những hành động đáng khen bất cứ ở đâu hay bất cứ lúc nào. Làm như vậy, chúng ta có thể đương đầu với cái chết một cách can đảm và thực tế. Theo lời Phật dạy, chúng ta không nên tin tưởng vào một vị “cứu tinh” nào có thể lãnh gánh nặng, và cứu vớt chúng ta khỏi hậu quả do những hành động sai lầm của chúng ta. Chúng ta luôn luôn nhớ tới lời khuyên của Đức Phật: “Hãy tin vào mình để tự cứu, hãy gắng sức và chuyên cần”. Người Phật Tử không sầu thảm và bi thương trước cái chết của thân nhân và bạn

bè. Không có cái gì có thể ngăn cản được bánh xe nhân quả. Khi một người chết, nghiệp do họ tạo nên sẽ theo họ đến cuộc đời mới. Kẻ quen, người thân, bạn bè và thân quyến chỉ có thể tiễn đưa người chết đến huyệt mà thôi trong khi người chết mang theo những hành động tốt hay xấu của mình. Những người còn lại phải nên chịu đựng sự mất mát trong bình tĩnh và hiểu biết. Chết là một tiến trình không thể tránh khỏi ở thế gian này. Đó là một điều chắc chắn trong vũ trụ này. Cánh rừng có thể trở thành đô thị và đô thị có thể trở thành bãi cát. Nơi nào có núi thì chỗ đó có hồ. Ở đâu cũng có sự bấp bênh, nhưng chết là điều chắc chắn. Tất cả mọi thứ chỉ là tạm bợ. Chúng ta có cha ông, và cha ông của chúng ta cũng có cha ông, nhưng bây giờ họ ở đâu? Tất cả đều đã quá vãng.

Đừng nghe kẻ ngụy biện cho rằng cuộc đời thật đáng buồn được trình bày tại đây. Đó là quan điểm thực tế nhất của chủ nghĩa hiện thực. Tại sao chúng ta lại không thực tế mà mù quáng trước những sự kiện thực tế đó? Có phải cái chết tiêu hao mọi thứ? Đúng vậy! Nhưng đừng quên điều này: “Cái chết khiến mọi người hiểu rõ số phận của mình dù cao đến đâu, dù những kỹ thuật tiến bộ hay y khoa cấp cứu đến đâu, cái chết đều giống nhau: Hoặc ở trong quan tài hay trở thành một nắm tro tàn. Sống và chết là một quá trình liên tục cho đến khi chúng ta trở nên toàn hảo.

NGƯỜI CHẾT ĐỂ DANH

Đức Phật dạy: “Thân xác của con người tuy thành tro bụi nhưng danh tiếng của họ vẫn còn.” Ảnh hưởng của kiếp trước đôi khi rất sâu và mạnh hơn ảnh hưởng của thân xác đang sống với một số khả năng hẹp hòi. Đôi khi chúng ta cảm nghĩ theo tư tưởng của những người mà xác thân đã thành tro bụi. Tư tưởng đó rất quan trọng trong mỗi hành động

của chúng ta. Mỗi người sống là một phần thân xác của tổ tiên đã khuất. Trong ý nghĩ này, chúng ta có thể cho rằng những bậc anh hùng vĩ đại, những nhà triết học vĩ đại, những nhà hiền triết, những thi nhân và nhạc sĩ của mỗi dân tộc đang sống với chúng ta. Vì chúng ta liên hệ đến những liệt sĩ và những nhà tư tưởng trong quá khứ, chúng ta có thể chia sẻ những tư tưởng khôn ngoan, những lý tưởng cao quý, và cả đến âm nhạc bất diệt của thời đại. Dù rằng thân xác đã chết, nhưng ảnh hưởng của họ vẫn còn. Xác thân chẳng là gì cả, ngoài sự tổng hợp trừu tượng của một tổng thể luôn luôn thay đổi các thành phần yếu tố hóa học. Con người phải hiểu rằng đời sống của mình như một giọt nước trong một con sông đang chảy và nên vui vẻ đóng góp một phần của mình cho dòng sông gọi là đời sống.

Không hiểu rõ bản chất của đời sống, con người sẽ bị chìm đắm trong đống bùn ngu si của thế gian. Con người đó rên rỉ và khóc than. Nhưng khi hiểu được thực chất của mình, con người sẽ từ bỏ tất cả những cái tạm bợ và tìm trạng thái Vĩnh Cửu. Trước khi đến trạng thái Vĩnh Cửu, con người phải đương đầu với cái chết này đến cái chết khác. Vì cái chết không nghĩa lý gì, con người không nên ngăn chặn sự tiếp diễn không ngừng cái vòng sanh tử.

Theo Đạo Phật, không có kiếp sống đầu và kiếp sống cuối cùng của chúng ta trên thế gian này. Nếu bạn làm điều thiện với lòng tin tưởng, bạn sẽ có một kiếp sau tốt đẹp hơn. Trái lại nếu bạn cảm thấy bạn không muốn tái sanh dài dài, và muốn đi đến cứu cánh đó, bạn phải cố gắng phát triển tâm trí, loại bỏ mọi tham dục và ô trược tinh thần.

TRIẾT LÝ ĐẠO PHẬT

Một vị Thánh cao thượng đã đạt đến mức toàn hảo không khóc than khi những người

thân và những người gần gũi từ trần vì Ngài đã hoàn toàn quét sạch hết mọi cảm xúc. Ngài A Na Luật, một vị A La Hán, không khóc than khi Đức Phật qua đời. Tuy nhiên Ngài A Nan lúc đó chỉ là một Tu Đà Hoàn mới đạt được quả vị thứ nhất trong các bậc Thánh, đã không kìm giữ được khóc than. Các tỳ kheo than khóc phải nhớ quan điểm của Đức Phật về nhiều trạng huống của Ngài như sau:

“Ông A Nan! Có phải Đức Phật đã dạy chúng ta rằng những gì sanh, những gì có và những gì duyên hợp đều đi đến tan rã (Thành, Trụ, Hoại, Diệt)? Đó là tính chất của những duyên hợp. Khi những duyên hợp trở lại rồi lại mất đi—có thành thì phải có mất. Và khi những duyên hợp đó hết, Tịch Tĩnh hiện tiền.”

Những lời dạy trên đây mô tả nền móng cấu trúc triết lý Phật Giáo được xây dựng.

(còn tiếp)

Tìm đọc sách mới:

CHẠNH LÒNG TIẾNG THƠ RƠI
của Vinh Hảo

Thi tập gồm 66 bài thơ về thiên, thi ca, quê hương, tình yêu và cuộc sống
Đầy 90 trang, giá bán \$6US

Sách in giới hạn, chỉ bán qua bưu điện
Địa chỉ:

CHIỀU HÀ PUBLISHER
P.O. BOX 2303
North Hills, CA 91393 • USA

- Độc giả ở Hoa Kỳ miễn cước phí
- Độc giả ngoài Hoa Kỳ xin thêm \$1US



Thơ **VĨNH HẢO**

Giật mình

Rừng thu lỏa xỏa
tóc ươm mây
Lá úa lả lơi
hoa nắng đầy
Gót nhỏ em về khuya bãi quạnh
Con chim ngủ sớm
giật mình
bay

Đêm ở lại Kim Sơn

Sao xuống nửa trời
người nửa mộng
Đầu từng lặng lẽ bóng đêm loang
Sớm mai thức dậy
nghe chim
động
Nửa thêm sương trắng
mộng đời tan.

Hãy trôi qua

Mây phiêu bồng
hãy trôi qua
Đàn dây sáu sợi
phím nhòa thời gian
Tóc tiên gửi lại thiên đàng
Con đường bụi đỏ
trần gian
tôi vào.

VƯƠNG PHÁP CHÁNH LÝ LUẬN

Di Lạc Bồ Tát tạo

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang

Việt dịch: Vân Nguyên

(Tiếp theo và hết)

* Lại nữa, y cứ vào sự hành hoạt sai biệt của người mà kiến lập 3 loại Thượng, Trung và Hạ.

Hàng Hạ sĩ là loại người không làm lợi mình mà cũng không làm lợi kẻ khác. Hàng Trung sĩ là loại người chỉ làm lợi mình mà không làm điều gì lợi người hoặc chỉ làm lợi người mà không biết lợi mình. Hàng Thượng sĩ là loại người làm những điều vừa tự lợi mình vừa lợi cho kẻ khác.

* Lại nữa, có 4 loại Bồ Đặc Già La (chúng sinh):

1) Có loại tuy thân làm điều ác song tâm ý không vui thích.

2) Có loại tuy tâm ý vui thích điều ác nhưng không làm ác.

3) Có loại cả thân và tâm đều vui thích làm điều ác.

4) Có loại thân không những không hành ác mà tâm ý cũng không hề vui thích điều ác.

Nếu có kẻ đã thấu hiểu tạo tác ác nghiệp sẽ chiêu dẫn quả báo không tốt cho tương lai nhưng do bởi đánh rơi chánh niệm, hoặc buông lung phóng dật, hoặc thân cận bạn đảng xấu xa mà tạo tác hành vi ác hại thì gọi là thân tuy làm ác song tâm ý không vui thích.

Nếu có kẻ bởi tập quán ác nghiệp từ trước nên vui thích và đắm chìm trong các hành hoạt xấu xa. Nay, kẻ đó may mắn gặp gỡ, thân

cận thiện tri thức mà nghe được chánh pháp, nương theo sự tác ý trong chánh pháp mà hành hoạt, thấy rõ tạo ác tất chiêu cảm quả báo xấu cho tương lai nên tự kích lệ mình rời bỏ các điều xấu ác thì gọi là tâm ý vui thích điều ác nhưng thân không làm ác.

Nếu có kẻ ác nghiệp sâu dày chỉ biết vui thích và đắm chìm trong những điều xấu ác mà không hề khởi niệm rời xa thì gọi là cả thân và tâm đều vui thích làm điều ác.

Nếu có kẻ tập quán bạch nghiệp Hữu Vi, chán ghét và rời xa các điều xấu xa tội lỗi thì gọi là thân không những không hành ác mà tâm ý cũng không hề vui thích đắm chìm trong các ác.

Trong 4 loại người này, loại tạo ác cố ý tức thân tạo ác và tâm ý vui thích điều ác thì liệt vào hàng Hạ sĩ.

Loại tạo ác vô tình hoặc tạo ác mà biết hối lỗi tức thân hành ác mà tâm ý không vui thích điều ác hoặc tâm đã từng có vui thích điều ác nhưng nay không hành ác thì liệt vào hàng Trung sĩ.

Loại bạch nghiệp tròn đầy trong tính Hữu Vi, không làm ác cũng không vui thích điều ác thì liệt vào hàng Thượng sĩ.

* Lại nữa, có 3 loại người, một, coi việc quấy như việc cần làm; hai, coi việc chính đáng là việc phải làm và 3, coi việc của người

là việc cần làm.

Nếu hành ác hạnh để sinh sống, để được sinh tồn thì gọi là dĩ-phi-sự-vi-tự-sự tức coi việc quấy như việc cần làm, thuộc hàng Hạ sĩ.

Nếu chán ghét tà hạnh, tu tập thiện pháp thì gọi là dĩ-tự-sự-vi-tự-sự tức coi việc chính đáng là việc cần làm, thuộc hàng Trung sĩ.

Nếu các Bồ Tát, lúc nào cũng vì Đại Bi Tâm, xem người như chính mình, dĩ-tha-sự-vi-tự-sự tức coi việc của người là việc phải làm của mình, thuộc hàng Thượng sĩ.

* Lại nữa, riêng nói về các vị Vua thì có 3 điều viên mãn, đó là Quả báo viên mãn, Sĩ dụng viên mãn và Công đức viên mãn.

Nếu vị Vua nào được sinh ra từ dòng dõi giàu sang vọng tộc lại thân thể cường tráng, khỏe mạnh, sống lâu cùng tâm trí sáng suốt thì gọi là Quả báo viên mãn.

Nếu vị Vua nào thiện xảo quyền biến trong phương tiện để trị quốc an dân, lúc nào cũng thành tựu những điều Anh Dũng thì gọi là Sĩ dụng viên mãn.

Nếu vị Vua nào chấp trì và bảo tồn Chánh Pháp thì gọi là Pháp vương an trụ trong chánh pháp, gọi là Đại vương, cùng nội cung và gia đình của họ, cùng quần thần và các hào kiệt anh hùng trong nước cùng tu huệ thí, thọ trai, giữ gìn giới cấm thì vị Vua đó được Công đức viên mãn.

Quả báo viên mãn nghĩa là nhận và hưởng dụng quả báo Nghiệp thanh tịnh đời trước.

Sĩ dụng viên mãn nghĩa là nhận và hưởng dụng các quả báo Vương Khả Ái Pháp của đời này.

Công đức viên mãn nghĩa là không những nhận và hưởng dụng quả báo Bạch Nghiệp hiện tại mà còn vun trồng để thọ dụng quả báo viên mãn nghiệp thanh tịnh cho đời sau.

Nếu vị Vua nào không có được điều nào trong 3 điều viên mãn kể trên thì thuộc hàng Hạ sĩ; nếu chỉ riêng có hoặc Quả báo hoặc Sĩ

dụng hoặc vừa Quả báo vừa Sĩ dụng thì thuộc hàng Trung sĩ; nếu tròn đầy trọn vẹn cả 3 điều viên mãn thì thuộc hàng Thượng sĩ.

* Lại nữa, có 3 loại quần thần:

Một là chỉ có Trung và Tín mà không Tài năng cùng Trí tuệ thì thuộc hàng Hạ sĩ. Hai là có Trung, Tín và Tài năng mà không Trí tuệ thì thuộc hàng Trung sĩ. Ba là tròn đầy trọn vẹn Trung, Tín, Tài và Trí thì thuộc hàng Thượng sĩ. Trong đó, nếu kẻ nào không Trung, không Tín, không Tài, không Trí thì Đại vương nên biết rằng kẻ đó thuộc hàng thấp nhất trong Hạ sĩ.

* Lại nữa, có 4 loại ngôn từ:

Một là phi ái tợ ái, hai là ái tợ phi ái, ba là phi ái tợ phi ái và bốn là ái tợ ái.

Phi ái tợ ái tức các ngôn từ êm dịu văn vẻ hay ho nhưng phát ra không đúng lúc, không đúng thời gian và không gian.

Ái tợ phi ái tức các ngôn từ nghịch nhĩ phát ra đúng lúc, đúng thời gian và không gian.

Phi ái tợ phi ái tức các ngôn từ nghịch nhĩ phát ra không đúng lúc, không đúng thời gian và không gian.

Ái tợ ái tức các ngôn từ êm dịu hay ho chính đáng phát ra đúng lúc, đúng thời gian và không gian.

Nếu ai nói ra những ngôn từ phi-ái-tợ-phi-ái hoặc phi-ái-tợ-ái thuộc hàng Hạ sĩ. Nếu ai nói ra những ngôn từ ái-tợ-phi-ái thuộc hàng Trung sĩ. Nếu ai nói ra những ngôn từ ái-tợ-ái thuộc hàng Thượng sĩ.

* Lại nữa, có 3 loại người hưởng thọ nhu cầu:

Hàng Hạ sĩ hưởng thọ một cách phi pháp để cung phụng bản thân và gia đình quyến thuộc bằng cách cướp đoạt, chiếm đoạt, tìm cầu, tích tập tài bảo tạo sự khổ đau cho kẻ khác mà vẫn không an vui toại ý.

Hàng Trung sĩ hưởng thọ có khi vừa đúng pháp vừa phi pháp nhưng đạt được sự thỏa mãn song vẫn chỉ riêng lo cho sở hữu của bản

thân mà không hề ngó ngang đến kẻ khác.

Hàng Thượng sĩ hưởng thọ nhu cầu một cách đúng pháp, không cướp đoạt, chiếm đoạt, tìm cầu, tích tập tài bảo mà vẫn cho đó là an lạc để nuôi dưỡng tự thân, rộng hơn nữa, biết vun trồng ruộng phước với các bậc đạo hạnh thanh tịnh.

* Lại nữa, về ăn uống có 3 hạng người:

Một là ăn uống tham lam quá đáng như ác thú, nuốt sống nhai tươi, no rồi vẫn giết, cho đến nghiện ngập rượu chè mà không hề thấy biết hậu quả tai hại của nó thì thuộc hàng Hạ sĩ.

Hai là không tham lam quá đáng, không nuốt sống nhai tươi, không nghiện ngập rượu chè, thấy rõ những hậu quả tai hại nên biết cách chọn lựa thức ăn, nhưng đối với những thức ăn đã chọn vẫn còn tham cầu tích trữ thì thuộc hàng Trung sĩ.

Ba là đối với thức ăn biết cách chọn lựa, không tham lam, không sát hại, không nghiện ngập rượu chè, hơn nữa, vì hiểu rõ tính và dụng của thức ăn nên không hề tham cầu, tích trữ thì thuộc hàng Thượng sĩ.

* Lại nữa, về bố thí có 3 hạng người:

Hàng Hạ sĩ bố thí vật đầy mùi thơm nhưng vô vị vô cảm xúc.

Hàng Trung sĩ bố thí vật có mùi có vị nhưng vô cảm xúc.

Hàng Thượng sĩ bố thí vật đầy đủ mùi, vị và cảm xúc.

Căn cứ vào đối tượng bố thí có thể luận phân thành 3 hạng người:

Có người vì ân tình, vì thương yêu mà san xẻ tài vật thì thuộc hàng Hạ sĩ.

Có người vì lòng xót thương đối tượng bần hàn cô lộ mà san xẻ tài vật thì thuộc hàng Trung sĩ.

Có người không vì gì cả mà chỉ vì tròn đầy trọn vẹn Phước điền công đức tối thắng nên hành Bố Thí Ba La Mật thì thuộc hàng Thượng sĩ.

Trong các loại bố thí kể trên lại có thể luận phân lại như vậy:

Vì đối tượng mình yêu thích mà bố thí thuộc hàng Hạ sĩ.

Vì đối tượng có ân nghĩa với mình nên hành bố thí thuộc hàng Trung sĩ.

Vì đối tượng bần cùng nghèo khổ nên khởi phát Đại Bi Tâm và vun trồng Phước điền công đức tối thắng nên hành bố thí thuộc hàng Thượng sĩ.

* Lại nữa, căn cứ vào Tâm bố thí mà phân luận thành 3 loại người:

Hàng Hạ sĩ lúc dự định bố thí tâm rất hoan hỷ, nhưng khi bố thí thì tâm chuyển cho đến bố thí xong rồi lại thấy hối tiếc.

Hàng Trung sĩ từ lúc dự định đến khi bố thí thì tâm hoan hỷ nhưng bố thí xong rồi tính tới tính lui lại đem lòng hối tiếc.

Hàng Thượng sĩ thì tâm ý từ khi dự định cho đến bố thí xong rồi lúc nào cũng hoan hỷ và thanh tịnh.

* Lại nữa, căn cứ vào sự thọ trì giới phước mà phân biệt thành 3 loại người:

Có người thọ trì giới phước chỉ hạn hẹp trong một khoảng thời gian nào đó mà không thể thọ trì bất cứ lúc nào, hơn nữa, họ không những không khuyên bảo kẻ khác thọ trì giới phước mà còn có lòng đố kỵ khi thấy kẻ khác thọ trì giới phước thì thuộc hàng Hạ sĩ.

Hàng Trung sĩ tuy thọ trì nghiêm túc giới phước trong mọi lúc nhưng cũng không có khả năng khuyên bảo kẻ khác thọ trì giới phước mà còn không vui khi thấy kẻ khác thọ trì giới phước.

Hàng Thượng sĩ thì vừa tự lợi vừa lợi tha, tất cả đều không thiếu sót.

* Lại nữa, căn cứ vào phần (xứ) hành trì giới cấm mà phân biệt thành 3 hạng người:

Hàng Hạ sĩ thọ trì cấm giới hạn hẹp trong phần Chỉ Ác của Luật tạng.

Hàng Trung sĩ thọ trì chưa trọn vẹn phần Hành Thiện của Luật tạng.

Hàng Thượng sĩ thọ trì tròn đầy trọn vẹn cả 2 phần Chỉ Ác và Hành Thiện của Luật tạng không chút nào thiếu sót.

* Lại nữa, căn cứ vào tâm thọ trì Giới luật mà phân biệt thành 3 hạng người:

Hàng Hạ sĩ vì sự sinh sống nên phải vâng theo các điều luật lệ. Hàng Trung sĩ vì muốn sanh lên cõi Trời nên thọ trì giới điều. Hàng Thượng sĩ vì Niết Bàn Giải thoát nên thọ trì Giới luật.

* Lại căn cứ vào sự thọ trì Biệt Biệt Giải Thoát Giới mà phân biệt thành 3 hạng người:

Hàng Hạ sĩ chỉ có thể thọ trì Cận Trú Luật Nghi (Bát Quan Trai Giới).

Hàng Trung sĩ có thể thọ trì Cận Sự Luật Nghi (Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di Giới).

Hàng Thượng sĩ có thể thọ trì Bí Số Luật Nghi (Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giới).

Hàng thọ trì Bí Số Luật Nghi lại có thể chia làm 3:

Hàng Hạ chỉ có thể thọ trì Cụ Túc Giới mà không thể thọ trì Tùy Pháp Chư Học Xứ, Tùy Hộ Tha Nhơn Tâm và Tùy Hộ Như Tiên Sở Thọ Chư Học Xứ chi.

Hạng Trung chỉ thành tựu 3 chi trước mà không thể thọ trì Tùy Hộ Như Tiên Sở Thọ Chư Học Xứ chi.

Hàng Thượng thì thành tựu cả 4 chi trong Luật nghi kể trên.

* Lại có 3 hạng người: Hàng Hạ chỉ có thể thành tựu Biệt Giải Thoát Luật Nghi; hàng Trung có thể thành tựu Biệt Giải Thoát Tịnh Lự Luật Nghi; hàng Thượng thành tựu cả Biệt Giải Thoát, Tịnh Lự và Vô Lậu Luật Nghi.

* Lại có 3 hạng người: Hàng Hạ thành tựu Nhơn Thừa Luật nghi (Phi Luật Nghi Phi Bất Luật Nghi Nhiếp Sở Thọ Giới Luật Nghi); hàng Trung thành tựu Thanh Văn Thừa Luật nghi (Thanh Văn Đẳng Tương Ứng Sở Thọ Giới Luật Nghi); hàng Thượng thành tựu Bồ Tát Thừa Luật nghi (Bồ Đề Tát Đỏa Sở Thọ Giới Luật Nghi).

* Lại nữa, căn cứ vào phương tiện tu tập Tư Duy mà phân biệt thành 3 hạng người:

Hàng Hạ sĩ chỉ có thể đạt được Tư Duy bằng vào sự nỗ lực vận chuyển.

Hàng Trung sĩ đạt được Tư Duy bằng vào sự nghe chánh pháp; nếu không có được nghe thì phải dụng công (tu tập pháp môn) Tư Duy mới có thể có.

Hàng Thượng sĩ thì đã chứng đắc Tư Duy vô ngại (nhập vận Tư Duy).

* Lại nữa, căn cứ vào công phu Tu Chứng mà phân biệt thành 3 hạng:

Hàng Hạ sĩ đã chứng đắc Tra Ma Tha Định mà chưa thể chứng đắc Tỳ Bát Xá Da tức pháp Tăng Thượng Tuệ.

Hàng Trung sĩ đã chứng đắc pháp Tăng Thượng Tuệ nhưng chưa thể chứng đắc nội tâm Tra Ma Tha Định.

Hàng Thượng sĩ đã chứng đắc cả nội tâm Tra Ma Tha Định và pháp Tăng Thượng Tuệ Tỳ Bát Xá Da.

* Lại có 3 hạng người: Hàng Hạ sĩ chứng đắc Hữu Tâm Hữu Từ Tam Ma Địa; hàng Trung sĩ chứng đắc Vô Tâm Duy Từ Tam Ma Địa và hàng Thượng sĩ đã chứng đắc Vô Tâm Vô Từ Tam Ma Địa.

* Lại nữa, có thể căn cứ vào sự sai biệt của sự Tu Tập mà phân biệt thành 3 hạng:

Hàng Hạ sĩ trú trong Thiền Định (tịnh lự) nhiễm ô.

Hàng Trung sĩ trú trong Tịnh Lự thanh tịnh của thế gian.

Hàng Thượng sĩ trú trong Tịnh Lự Vô Lậu.



MỪNG NGÔI CHÙA THÀNH TỰU

Thế Chân

*Mừng ngày thành tựu mái chùa chung,
Sinh chúng từ nay sáu cõi đồng.
Bốn trí mơ màng duy thức-tướng,
Ba thân biện biệt chủ tâm tông.
Thần tiên sao mãi vui thiên mộng,
Vạn chúng còn chưa tỉnh giấc không.
Uế thổ, Phật bang nào dị tướng,
Sáu đường đạo bước một vùng đông.*

Chú giải:

* **Ngôi chùa** là biểu tượng cho Chân lý giải thoát theo đạo lý nhà Phật. Thông thường trước mỗi ngôi chùa có cổng Tam quan, gồm ba cửa vào, biểu thị cho ba giai đoạn tu chứng của một người tu hành theo chính đạo đức Phật.

Ba giai đoạn đó là:

a) **Giả nhập Không:** Từ bỏ cõi vũ trụ vô minh, nhập vào với cõi Chân lý giải thoát thường còn (Thánh giải thoát).

b) **Không nhập giả:** Từ cõi Chân lý trở vào lại ba cõi, sáu đường để độ chúng sinh (hành nguyện Bồ Tát).

c) **Nhất thiết chủng trí:** Sau khi đã hoàn thành nguyện độ sinh, hành giả thành tựu được trí toàn giác (Thành Phật).

* **Sinh chúng từ nay sáu cõi đồng:** Cái thấy có vạn pháp sai biệt, sáu giống chúng sinh thiện ác, cao thấp, vui sướng, đau khổ, giác ngộ, si mê v.v... là cái thấy của ý thức vô

minh. Sau khi phá trừ được ý thức vô minh, hành giả đã đắc được cái trí bình đẳng, thấy sáu giống chúng sinh có đồng bản tánh chân như đồng với Phật.

* **Bốn trí mơ màng duy thức-tướng:** do bởi ý thức mê sinh ra 8 loại thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, Mạt na thức (Thần thức chấp ngã), và A lại da thức (Tạng thức).

Sau khi giác ngộ, năm thức đầu trở thành Thành sở tác trí, Ý thức trở thành Diệu quan sát trí, Mạt na thức trở thành Bình đẳng tánh trí; và A lại da thức trở thành Đại viên cảnh trí.

Do bởi ý thức mê muội (thức chấp), nên không thấy được chân tướng của trí, vốn vô ngại, bình đẳng, tự tại và thường còn.

* **Ba thân biện biệt chủ tâm tông:** Ba thân Pháp thân, Báo thân và Hóa thân do chư Phật và chư Đại Bồ tát hiện ra để làm phương tiện cứu độ chúng sinh. Thật ra ba thân đều do từ một thể Tâm hiện ra. (Chân lý trọn vẹn).

* **Thần tiên sao mãi vui thiên mộng:** Thiện ác do bởi ý thức vô minh sinh ra. Chư vị Tiên thần ở các cõi trời Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới, nhờ ở phước báo mà chư vị đã tạo từ vô số, vô lượng kiếp trước, nên mới có được cái sống thanh tịnh, lâu bền. Nhưng vốn sinh ra bởi ý thức vô minh và điên đảo, nên cái sống đó cũng vẫn vô thường và hư dối. Hưởng hết phước báo, chư tiên có thể đọa vào ba cõi ác, hay cõi địa ngục.

* **Vạn chúng còn chưa tỉnh giấc Không:** Đức Phật ra đời thuyết pháp độ sinh, để lại vô số kinh điển, dạy về đủ mọi phương tiện cho tất cả mọi căn cơ, nhưng hầu như các đệ tử của Phật vẫn còn mãi đắm chìm trong cơn mộng "Có", không làm sao tự mình tỉnh mộng, để thấy được Chân lý, vốn là cõi "không mộng".

* **Uế thổ, Phật bang nào dị tướng:** Khi mê thấy có cõi Ta bà đau khổ, bèn tu học để

về được Phật quốc an lạc thường còn. Khi ngộ, bèn thấy rằng uế thổ và Phật quốc vốn không riêng (Chân lý bất nhị).

* Sáu đường dạo bước một vùng đông: Sau khi tỉnh mộng (giải thoát sinh tử luân hồi), người tỉnh mộng bèn phát tâm muốn cứu độ chúng sinh trong ba cõi sáu đường. Nhưng vì trong Chân lý vốn không có ngã tướng, nên chư vị hành nguyện độ sinh mà cũng như đi dạo chơi, không thấy có mình độ sinh mà cũng không thấy có chúng sinh nào được độ.

Vùng đông chỉ đến cõi Tịnh độ của đức Phật Dược Sư ở Đông phương (Đông phương Tịnh Độ), cõi sống thường còn, an lạc của những người chứng ngộ được chân lý giải thoát hoàn toàn khi còn sống, khác với Tây phương Cực lạc do đức Phật A Di Đà chủ trì là cõi sống của những người có duyên với đức Phật A Di Đà được đưa về sau khi chết. ■

Thơ PHÙ DU

Nảy nở

lăn hòn đá xuống vực đời
cội nguồn nảy nở nghe rơi tiếng tòm
tôi vào vi diệu nẻo ngang
chớm qua đường tắt vội vàng trôi lên
tần ngần cổ thụ hai bên
hỏi thăm nào biết chân kinh chỗ nào
lăn hòn đá xuống vực sâu
dậm trần nghi ngút một màu tử sinh.

Vong

ôi tôi ôi những vong tình
và em đời lạ nửa mình lộ ra
cóng tay
bút mãi cành hoa
ôi tôi ôi những hằng hà vong thân.

TÌM ĐỌC SÁCH MỚI:

Tác phẩm biên khảo của nhà văn Phạm Thăng

TIỀN TỆ VIỆT NAM THEO DÒNG LỊCH SỬ

Tập 1 : từ thời Đinh Tiên Hoàng đến thời
Đệ Nhị Cộng Hòa 1975

Cuốn sách dày 500 trang với đầy đủ hình ảnh:

- . Các đồng tiền cổ xưa của các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Tây Sơn, Chúa Nguyễn...
- . Các loại tiền giấy thời bị Pháp đô hộ 1875-1945, thời Nhật Bản 1941-1945, thời 3 Quốc Gia Việt Miên Lào liên kết, thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa 1954-1975.
- . Những đồng tiền vàng, thoi bạc, tiền Hoa xè, tiền đồng, tiền nhôm, tiền chì v.v.

Cuốn sách dành ra 32 trang phụ bản in màu vài loại giấy bạc ngày xưa mà ai ai cũng đều nghe tiếng: giấy Ngẫu, giấy Hoánh, giấy Xăng thời Thành Thái, giấy con Công, giấy Bộ lư... và những tờ giấy bạc chưa phát hành như giấy 1000 đồng hình đầu Ông già, giấy 5000 đầu con beo, giấy 10.000 đầu con bò, giấy 1000 đồng hình anh hùng Trương Công Định...

Mua cuốn sách Tiền tệ Việt Nam,

* Bạn đọc sẽ có một cuốn sách giá trị để trong Tủ sách gia đình.

* Bạn đọc sẽ thấy hình ảnh tài liệu quý báu và được đọc các giai thoại dí dỏm về tiền tệ mà ông cha ta ngày xưa đã xài qua.

* Các bạn đã đọc nhà văn Phạm Thăng với những chuyện viết về quê nhà, trong cuốn "Tiền tệ Việt Nam theo dòng lịch sử" các bạn sẽ được tác giả kể chuyện thăng trầm của tiền tệ bằng lời văn của nhà biên khảo tha thiết với quê hương...

* Cuốn sách là quà Văn nghệ để tặng bạn bè !!!

Các bạn muốn có chữ ký của tác giả lưu niệm, xin biên thư và gửi tiền về: PHẠM THẮNG

276 Applewood Drive. SE
Calgary, Alberta, Canada - T2A .7S1

(20 Mỹ kim và 3 Mỹ kim cước phí)

THÀ NHƯ LÀ MÂY

Diệu Nga

Đàng gái tổ chức đám hỏi thật linh đình. Họ mượn trọn tầng nhất của nhà hàng Royal, có sẵn sân khấu với hệ thống Karaoke tối tân. Cổ bàn chọn toàn món đắt tiền, 30 cỗ tính sơ cũng mấy ngàn bạc. Bà con, bạn bè ở xa đã tụ về từ hai hôm trước, phải chia ra ngủ đêm tại khách sạn. Căn nhà bốn phòng của ông bà Khải trở nên quá chật vì số khách đông vậy.

Mặt mày ai cũng hớn hở. Các bà lảng xãng vào bếp, mấy cậu thanh niên hăm hở trang hoàng cổng vào và phòng khách. Ông Khải cùng người bạn lối xóm bận bịu với cái bàn thờ cả tuần nay vì muốn trang trí theo lối xưa, lại chưng hai đĩa quả tử xếp thành hình con loan con phượng. Ông muốn biểu lộ nề nếp gia phong để ngầm nói lên giá trị của con gái mình: một thiếu nữ hoàn toàn Á Đông, chưa nhiễm văn minh Mỹ.

Bảng chữ “Lễ Đính Hôn” kết bằng hoa vạn thọ đã dựng ngay cổng vào từ hôm qua. Bà Khải phải chạy tới chạy lui hối thúc tiệm may lo ba bộ áo của cô dâu cho sớm để còn có thì giờ may thêm cho bà cái áo dài nhưng màu xanh dương sậm mặc đi nhà hàng. Nhìn vẻ rộn ràng và trang trọng của đám gái, ai cũng tưởng đây là một đám cưới.

Bà Khải phân trần với Hoa, người em bạn dì:

— Đàng trai tuy không giàu có gì nhưng thẳng rể tôi là tiến sĩ, làm việc cho chính phủ, địa vị cao. Mình phải tổ chức cho ra vẻ kẻo

bà con họ hàng đôi bên chê bai.

Hoa cũng phụ họa theo:

— Cháu Xinh nhà mình có phước. Mới qua Mỹ ba năm nay mà gặp duyên nợ tốt đẹp như vậy. Nó cũng hai mươi mấy tuổi rồi, lập gia đình là vừa.

Hoa lấy làm lạ, chẳng hiểu sao chàng tiến sĩ này lại chọn Xinh. Cô bé không có gì đặc biệt: sắc vóc trung bình, chẳng giàu có lắm, chữ nghĩa không bao nhiêu.

Bà Khải tự động khai ra điều mà bà muốn dấu:

— Chồng con Xinh lớn hơn nó một con giáp! lấy chồng lớn tuổi được cứng, phải không dì?

Hoa tính nhảm:

— Vậy chú rể cũng gần 40 rồi! Chị đã điều tra kỹ coi cậu ấy có vợ con gì chưa?

Vô tình, Hoa nói trúng nỗi hoài nghi của người chị họ. Bà Khải đưa tay vuốt mái tóc muối tiêu của mình, bà im lặng hồi lâu mới trả lời:

— Thì ông Tú làm mai, biết rõ gia đình đàng trai hồi còn ở Việt Nam, nói chỗ này đàng hoàng, cam đoan thẳng Tường chưa có vợ con gì cả.

— Cậu ấy qua Mỹ lâu rồi. Trong thời gian 20 năm dài dằng dẳng, làm sao ông Tú biết được mọi sự? Ba má cậu ấy cũng mới sang, nào rõ mô tê gì! Chị phải điều tra lại chắc chắn, đừng cho cưới vội.

Bà Khải gật đầu:

— Để tôi bàn lại với ông. Họ đòi 6 tháng sau cưới, như vậy gấp rút quá, phải không?

*

Đám hỏi tiến hành thật tốt đẹp. Bạn bè khen cỗ bàn linh đình. Hai ông sui tâm đắc ở chỗ nề nếp phong tục của người Việt họ đều đủ lễ. Hai bà sui vui vẻ chỉ nhau cách tằm trầu cánh phượng, cách bõ cau cho vừa miếng trầu cay...

Xinh thẹn thùng trong chiếc áo xường xám

màu đỏ thắm khi chú rể nắm tay dẫn nàng đi ra mắt bạn bè. Mỗi người đưa một câu làm cô nóng bừng đôi má. Họ khen cô dâu chú rể đẹp đôi làm Xinh hài lòng. Thỉnh thoảng nàng kín đáo nhìn người chồng tương lai của mình. Bữa nay chú rể trông sang trọng và trẻ trung trong bộ côm-lê màu xám nhạt với chiếc cà-vạt gấm đỏ mà Xinh đã cố công tìm cho hợp với màu áo của nàng.

Bạn của chàng toàn dân trí thức. Trông họ thanh lịch, tuy nói đùa vui vẻ mà không chút gì cợt nhả, lối lãng. Trước họ, Xinh cảm thấy tự ti vì vốn liếng học thức của mình quá thấp thỏi so với Tường.

Ở Việt Nam, Xinh xong Trung học thì nghĩ ở nhà lo việc buôn bán phụ mẹ. Hơn nữa, cái gốc sĩ quan cũ của ba nàng sẽ không cho phép nàng trúng tuyển vào Đại học; mà dù có tốt nghiệp Đại học đi chăng nữa, đồng lương nhà nước cũng chẳng thấm vào đâu.

Năm năm ngồi ngoài chợ đông gạo, bán thóc, Xinh quên dần chữ nghĩa, văn thơ. Đầu óc nàng đặc sệt những con số, những con nợ và chỉ biết lo tính lỗ tính lời. Khi sang Mỹ, cái vốn Anh văn chỉ có thể giúp nàng đọc đúng các mẫu tự ABC. Rồi một năm trời học ESL và 6 tháng học nghề làm móng tay. Cũng may, có cái nghề trong tay, Xinh kiếm ra tiền khá dễ dàng. Nàng mượn vốn người bà con, mở tiệm làm móng tay ở khu thương mại của vùng New Orleans, cách nhà không xa mấy. Tiệm mới mở đã đông khách nên mẹ và em gái nàng cũng vào nghề này. Gia đình càng ngày càng khá. Sau một năm cần cù làm việc, họ mua căn nhà bốn phòng rất khang trang. Cậu em út vào Đại học được tặng chiếc xe hơi. Ba nàng có thừa thì giờ để chăm sóc vườn rau, cây kiểng của ông. Kể ra gia đình nàng gặp nhiều may mắn, thuận lợi nên thành công nhanh chóng hơn bao nhiêu gia đình khác. Bởi vậy, đám hỏi này, ba mẹ nàng quyết định là lớn như vậy cho xứng với tầm vóc của chàng

traí: Tường là tiến sĩ, cậu em kế là kỹ sư và cô em út là nha sĩ. Bố mẹ chồng của nàng cũng thuộc vào hàng trí thức ở Việt Nam.

Gia đình Xinh vốn trọng nề nếp xưa nên vấn đề giao thiệp với bạn trai rất nghiêm; mà thật ra từ ngày sang Mỹ đến nay, nàng cũng không có người bạn trai nào. Trước đám hỏi, Xinh không được phép đi chơi riêng với Tường. Hai người chỉ gặp gỡ, chuyện trò tại nhà. Đôi khi, họ cũng có những đêm cùng ngắm trăng ở sân sau và Tường đã nắm lấy tay nàng, rất âu yếm. Tình cảm trong lòng Xinh ngày càng nẩy nở. Xinh vừa yêu tính điềm đạm và cách cư xử tế nhị của chàng lại vừa phục sự hiểu biết rộng rãi mà không hề khoe khoang.

Sau đám hỏi, Tường thường xin phép chở Xinh đi chơi vào ngày chủ nhật. Họ có dịp cùng nhau đi dạo trên bờ sông Mississippi, đi bộ trên vỉa hè của khu French Quarter mà kiến trúc và sự cổ kính của nó gợi lên hình ảnh của Saigon năm xưa và họ có chung hứng thú để nói về những kỷ niệm ấu thời của họ trên quê hương giờ đã cách xa với vợ...

Một buổi chiều, sau khi ra khỏi tiệm ăn nổi tiếng ở khu Harvey, Tường lái xe đưa Xinh đến “cái nhà xoay”. Đây là một quán rượu giải khát loại sang. Tầng trên của ngôi nhà vuông vức, nằm trên một cái trục to, xoay chậm theo chiều kim đồng hồ. Bốn bề đều là kiếng. Từ bên trong, du khách nhìn ra ngoài có thể thấy cả cảnh trí to rộng chung quanh: cảnh rục rờ về đêm với đèn muôn màu và trăng sao lấp lánh.

Lần đầu tiên Xinh đến đây. Nàng ngạc nhiên quá đôi khi thấy cảnh bên ngoài, mỗi lần nhìn ra thấy mỗi khác. Mới là nhà cửa đường phố đó mà giờ đây, cũng tại chỗ này, nhìn ra, lại là dòng sông lấp lánh ánh đèn...

Xinh ngậy thơ hỏi:

— Anh à, em mới nhấp một chút rượu ngọt mà chẳng lẽ em say? Hỏi mới vào, em đâu

thấy con sông, sao bây giờ cảnh đổi khác vậy?

Tường cười:

— Em nhắm mắt lại đi, chút nữa sẽ thấy con sông biến mất.

Xinh ngạc nhiên:

— Thật vậy sao? Để em thử xem!

Và khi nàng nhắm mắt lại, Tường vội vàng đặt lên môi nàng một nụ hôn. Xinh run rẩy trong cảm xúc, say ngộp với men tình. Nàng trầm nghĩ: “thật hạnh phúc thay khi người mình yêu cũng là người chồng tương lai của mình!”

Hai người về đến nhà quá nửa đêm. Xinh ngại ngần mở cửa thật êm và bước nhẹ vào phòng riêng, cố không cho ai hay. Nhưng khi nàng vừa bật đèn lên, đã thấy mẹ nàng ngồi ở đầu giường tự bao giờ. Xinh chưa nói gì thì mẹ nàng mở đầu ngay:

— Xinh, mẹ có chuyện quan trọng cần nói với con!

Xinh biết bà nóng lòng muốn nói, nàng lặng lẽ ngồi xuống cạnh bà.

— Mẹ nói trước là mẹ không rầy trách con điều gì. Con vốn là người nết na. Nhưng...

Bà ngập ngừng, Xinh lặng im, kiên nhẫn chờ, lòng hồi hộp lo âu.

Lúc sau, bà tiếp:

— Nhưng mẹ nhắc con nên khéo giữ gìn. Chưa đám cưới, cuộc hôn nhân chưa bảo đảm. Có rất nhiều trường hợp hôn nhân đã xảy ra sau đám hỏi. Dù lỗi về ai đi nữa, đàn gái cũng thiệt thòi.

Xinh e dè hỏi:

— Sao mẹ nói vậy? Cuộc hôn nhân này, con thấy có gì trở ngại đâu? Đôi bên cha mẹ đều đẹp lòng và chúng con, qua sự tìm hiểu, ngày càng mến nhau hơn.

— Con biết không, từ sau ngày đám hỏi tới nay mẹ nghe nhiều dư luận không tốt, nhiều điều đáng lưu tâm.

Xinh có cảm tưởng trái tim mình thót lại, se thắt:

— Mẹ nghe gì, ai nói?

Bà Khải hơi bối rối:

— Thì bà con cô bác gần xa. Họ thắc mắc sao thằng Tường gần 40 tuổi mới cưới vợ. Nó đâu phải xấu xí, ngu dốt gì mà bị ế! Chắc ít nhất nó cũng qua một đời vợ hoặc là có cặp xách với ai rồi. Coi chừng nó có con rơi! Mẹ không muốn con gái của mẹ làm kẻ đến sau, rồi lại phải nuôi con chồng, mang tiếng mẹ ghẻ, rắc rối lắm!

Xinh nghe mẹ nói, máu ghen nổi dậy bùng bùng: “Nếu mà ảnh có ai trước, chắc mình khổ lắm! Ở xứ này vẫn minh, trai gái giao thiệp tự do, sao tránh khỏi mấy vụ đó!”

— Bây giờ con phải làm gì?

Bà Khải đã nghĩ trước “kế hoạch điều tra”, bà trả lời ngay:

— Bình tĩnh! Phải bình tĩnh mới có thể để ý quan sát. Trong hai tháng nay, con với nó đi chơi, có khi nào nó dẫn con đến nhà bạn bè không?

— Dạ không! Con nghĩ cần có những ngày đi chơi riêng rẽ mới có dịp hiểu nhau hơn.

— Con phải đòi nó dẫn đến nhà bạn bè thường xuyên. Đó là nơi để mình nghe ngóng, dò hỏi. Có khi vui miệng, không hỏi họ cũng khai. Rồi con phải về nhà nó chơi, tìm cách xem các thư từ, hình ảnh cũ. Nếu có gì chắc cũng lưu lại dấu tích...

Xinh “dạ” rồi uể oải đứng lên. Bà Khải thấy nói bấy nhiêu cũng đủ, bà trở về phòng.

Đêm ấy, Xinh trần trọc mãi không ngủ được. Nàng ngẫm nghĩ: “Anh Tường có đủ điều kiện để các cô chạy theo. Anh ấy không nhát gái, bè bạn đông thì sao tránh khỏi những tình cảm vương vít?” Xinh quyết định phải tìm hiểu cho ra lẽ.

*

Bạn bè đã cho Tường một ngày đầy thú vị. Tuần lễ trước, vợ chồng Lâm điện thoại mời Tường và Xinh cùng đến dự buổi họp mặt trên biển. Họ có chiếc thuyền câu, tuy cũ nhưng

đầy đủ tiện nghi. Sống ven bờ biển vùng Gulfport, cạnh những ngư dân, vợ chồng Lâm cũng thích lái tàu ra biển vào ngày cuối tuần, vui hưởng cảnh trời nước bao la, tạm quên công việc ở sở làm. Vợ chồng con cái cùng thả lưới, buông câu để có tôm tươi, cá biển ăn trọn tuần và Lâm rất thích trở tài làm món nhậu khi có bạn bè tham gia.

Tường khó khăn lắm mới được phép ông bà Khải cho chở Xinh đi chơi trọn ngày trên biển. Tường đón Xinh từ sáng sớm. Phải mất gần hai giờ lái xe mới đến nơi hẹn, tại cầu tàu. Bạn bè đông vậy: gia đình Minh, Vĩnh lại thêm mấy người bạn trẻ độc thân vui tính: Liễu, Hòa, Tân.

Cuối hạ, cái nóng đã dịu bớt. Trời xanh trong vắt, biển êm. Cả nhóm được một ngày vui khó quên. Họ đùa giỡn thoải mái trong cảnh trời nước mênh mông. Bữa đó, không ai nhớ đến tuổi tác, địa vị, hoàn cảnh của mình. Tất cả đều là trẻ con, bình đẳng, vui vẻ, hồn nhiên.

Không ai nói lên một câu triết lý cao siêu nào nhưng họ đều cảm nhận được rằng những tháng ngày qua, tâm hồn họ đã chất chứa quá nhiều nên nó trở nên già nua, mệt mỏi. Bữa nay quên được mọi điều, cái tâm ấy nhẹ nhàng, thơ thới làm sao!

Ngày vui chẳng mấy chốc cũng tàn theo những tia nắng yếu ớt của hoàng hôn. Họ quay tàu về đến bến cũng đã hơn 8 giờ tối. Trước khi chia tay, vợ Lâm còn chu đáo chia cho mỗi người một phần hải sản.

Tường vừa đi ra bãi đậu xe vừa sẫm soi “chiến lợi phẩm” của mình, chàng vui vẻ nói với Xinh:

— Em à, tối nay em về nhà anh, chúng mình nấu cháo sò cho ba má ăn. Ông bà thích món này lắm!

Tự nhiên Xinh thấy bực. Nàng nghĩ: “Cả ngày nay coi như mình chịu đựng chứ có vui vẻ gì! Tường và các bạn cười nói bông đùa,

hầu như không ai để ý tới Xinh. Chắc họ chê mình dốt nát, quê mùa nên chẳng đùa với mình một câu ngoài những lời xã giao thông thường. Cô Liễu sao mà tự nhiên như Mỹ, cười nói bô bô; vậy mà Tường cũng vỗ vai, thân mật ra phết! Còn mấy đứa con gái chủ tàu, cô nào cũng mười mấy rồi, lớn xộn, vậy mà cứ bá cổ, ôm vai Tường, coi phát ghét!”

Xinh quan niệm người chồng là một sở hữu riêng tư, nay thấy Tường bung ra khỏi tháp ngà của hai người, Xinh chịu không nổi. Rồi bây giờ Tường còn bắt nàng về nhà phục vụ buổi cháo khuya cho gia đình chồng! Sao không về nấu ở nhà nàng mà lại về bên ấy? So sánh, nàng cảm thấy thiệt thòi.

Tường cho xe chạy từ từ. Thấy Xinh lặng thinh, chàng liếc nhìn nàng, ân cần hỏi:

— Em sao vậy?

— Em mệt.

Tường cảm thấy áy náy, tự trách mình vô tâm, không chú ý đến sức khỏe của Xinh, dù sao nàng cũng mới đi tàu lần đầu tiên.

Tường nắm tay Xinh bóp nhẹ:

— Vậy thôi, để anh chở em về. Đường xa, em rán ngủ cho khỏe, em nhé!

Xinh rút tay ra, không nói gì cả. Tánh Tường vốn không gút mắc, nghe Xinh than mệt thì đơn giản nghĩ rằng nàng mệt nên giữ im lặng cho Xinh nghỉ ngơi.

Xe chạy một quãng đường khá xa, không ai nói với ai lời nào. Sự lặng thinh của Tường làm Xinh giận sôi gan. Xinh chẳng hiểu tại sao Tường lại chọn mình làm vợ. Tường có bạn bè đông, sao không chọn trong đám bạn mà lại cưới mình, cô gái dốt nát, quê hèn! Rồi nhớ lời mẹ nàng nói đêm nào, sự nghi ngờ càng tăng dữ dội... “Có lẽ bạn bè ai cũng biết dĩ vãng của anh nên không ai thêm ưng, chỉ có mình chẳng biết gì mới chịu anh thôi!”

Sự tức giận và nghi ngờ càng lúc càng làm Xinh thêm khổ sở. Nàng không thể tiếp tục im lặng:

— Anh à!

Tường âu yếm:

— Gì đó em? Em thấy khoẻ chưa?

— Cũng đỡ! Em muốn hỏi anh cái này!

— Em cứ nói đi!

Xinh hỏi ngập ngừng:

— Trước em, anh đã yêu ai chưa?

Tường bật cười khanh khách, tiếng cười làm Xinh khó chịu.

— Nếu anh nói “đã” thì sao? Còn như nói “chưa”, em có tin anh không?

Xinh bối rối nhưng không chịu bỏ qua:

— Em chỉ tò mò muốn biết em là người thứ mấy của anh!

Bây giờ Tường mới lờ mờ nhận ra có cái gì bất ổn qua thái độ, lời nói của Xinh. Tường cất giọng hòa dịu:

— Em à, quá khứ là cái gì đã qua, mình không nên bận tâm. Còn trong hiện tại, anh đang yêu em và sắp cưới em làm vợ, đó mới là việc quan trọng.

— Sao anh lại chọn em?

Tường cười:

— Em có nhớ em hỏi câu ấy lần thứ mấy rồi không?

Xinh lặng thinh. Nàng vốn có mặc cảm thua sút nên lúc nào nàng cũng muốn Tường lặp lại câu trả lời: “Anh thấy ở em là người con gái hiền thực, dịu dàng, nét na, là hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam, của người vợ hiền.”

Xe chạy qua khúc đường xấu. Tường giảm tốc độ. Chàng liếc nhìn Xinh, thấy nàng có vẻ dăm chiêu. Tường hỏi dò:

— Bữa nay em đi chơi vui không?

— Cũng được!

Tường biết, khi nàng đáp “cũng được” là nàng không hài lòng mấy. Tường ngạc nhiên, chẳng hiểu tại sao Xinh không vui vì đối với Tường, hôm nay ai cũng có một ngày tuyệt vời.

Xinh tiếp:

— Em thích đi chơi riêng với mình anh thôi!

— À ra thế! Nhưng theo anh, cuộc sống chẳng phải chỉ gò bó trong một phạm vi nhỏ hẹp nào. Chúng ta cần có bạn bè, cần phải hòa mình với mọi người thì hạnh phúc mới đầy đủ hơn. Anh không quan niệm chúng ta tự thu mình trong tháp ngà, trong lồng son, lâu ngày sẽ sinh ra nhàm chán.

Xinh vốn không phải là người từng trải, cũng không có đời sống nội tâm sâu sắc nên hiểu sai lời nói của Tường, lại cho Tường là người ham vui chơi, bè bạn. Nàng về nhà kể lại cho mẹ nghe, bà còn nói châm vào:

— Như vậy chưa chắc nó là người chồng tốt! Nó sẽ bắt con hầu gia đình nó và hầu luôn bè bạn mỗi khi cần nhậu nhẹt, chén chú chén anh. Con cần phải tìm hiểu thêm. Họ định ăn hỏi xong, sáu tháng sau thì cưới, mẹ thấy phải hoãn lại. Chúng ta cần tìm hiểu thêm về đời tư của nó!

Xinh đồng ý. Chẳng phải nàng không yêu Tường nhưng nàng vốn giàu tự ái. Nếu Tường khẳng khăng giữ quan niệm rộng rãi của chàng thì nàng không vội kết hôn. Nàng còn trẻ, không sợ gì. Nếu Tường chịu thay đổi, nàng sẽ thắng thế.

*

Đàng trai ngạc nhiên lắm khi đàng gái yêu cầu hoãn ngày cưới, mà không nói rõ sẽ hoãn trong bao lâu.

Bà Lạc—má Tường—cần nhần:

— Con trai mình lớn tuổi, cần có vợ sớm, vậy mà họ đình hoãn ngày cưới là sao? Có gì trục trặc không?

Ông Lạc bình tĩnh hơn:

— Để tôi liên lạc với ông mai xem sao! Có gì bất bình không tiện nói với mình, họ sẽ nói với ông mai.

Tường thần nhiên. Chàng trấn an ba mẹ:

— Con thấy như vậy cũng tốt! Con cần thời gian để...

Biết mình lỡ lời, Tường làm thinh.

Bà Lạc sốt ruột, hỏi dò:

— Sao? Con nói sao?

Tường nói trớ:

— Con cũng cần thời gian lo tiền bạc cho đầy đủ.

Bà mẹ cảm thấy bức bối:

— Vấn đề đó, ba má đã nói với con rồi.

Sang đây, ba má không có tiền nhưng Minh, em gái con khá giả, vợ chồng nó sẵn sàng ứng trước cho con mượn, bao nhiêu cũng có mà!

Rồi bà nhỏ giọng:

— Ba má già rồi, chỉ mong con yên bề gia thất thì ba má được an tâm không còn gì phải lo nữa.

Tường im lặng. Chàng không muốn cãi lại sợ mẹ buồn. Ở nhà, ai cũng phản đối quan niệm sống độc thân của chàng, cứ đốc thúc, mai mối rồi dùng tình cảm làm áp lực, đẩy chàng vào cái thế “chẳng đặng đừng”. Cái khuôn mẫu xã hội đã định sẵn thế nào, cha mẹ chàng cũng y theo đó mà ép nài con. Họ cho rằng trai không vợ thì lông bông, gái không chồng là gái ế cho nên tìm cách gán ghép, cặp đôi... Cái lưới đó không chừa bỏ một ai, muốn thoát ra không phải dễ.

Nhiều khi suy nghĩ, Tường thấy chuyện đời mâu thuẫn làm sao! Ở trong vòng ràng buộc của vợ con, người ta than khổ, than đủ chuyện lo; vậy mà người đi trước cứ níu kéo kẻ đi sau chịu chung số phận của mình! Bởi vậy, Tường phục mấy ông thầy tu, những người ấy phải có ý chí mạnh mới thoát khỏi phàm tình, để sống với chí nguyện cao cả của mình.

Tường cũng có lý tưởng của anh. Anh say mê ngành Thiên Văn Học. Cái bằng tiến sĩ chỉ mới là bước đầu. Kiến thức của anh không đủ làm anh thỏa mãn. Anh muốn khám phá sự huyền nhiệm của vũ trụ, khám phá những hành tinh mới hoặc thái dương hệ nào khác ngoài không gian anh sống mà theo đức Phật nói, có vô số thế giới ở chung quanh ta. Tường

tin tưởng điều ấy và muốn dùng khoa học làm sáng tỏ lời đức Phật để mọi người có cơ hội tìm đến với đạo Phật, một tôn giáo không chủ trương thần bí mà trái lại, chủ trương thực nghiệm chân lý.

Ba anh em Tường sang Mỹ đã lâu. Cả ba đều học hành đến nơi đến chốn. Hai em chàng đã lập gia đình; em trai chàng, Nhã, có bốn đứa con trai.

Tường hay đùa với Nhã:

— Cám ơn chú đã cho ba má những đứa cháu nội. Như vậy ba má sẽ không bắt tôi lập gia đình. Tôi muốn được rảnh rang dành hết thì giờ cho việc nghiên cứu và sau đó, tôi sẽ vào chùa sống cuộc đời thanh tịnh.

Nhã lắc đầu:

— Em hiểu anh nhưng em không chắc ba má sẽ đồng ý. Thư nào gửi cho em, hoặc ba, hoặc má đều nhắc đến chuyện của anh, bảo em tìm người làm mai cho anh hoài.

Rồi Nhã tiếp:

— Trước đây, mình đòi bảo lãnh ba má qua, ổng bả không chịu. Bây giờ đòi đi gấp. Em nghi quá!

Tường công nhận Nhã có lý. Quả thật, khi ông bà sang đây, ông liên lạc ngay với những người bạn cũ và nhờ họ tìm cho ông một con dâu.

Tường gặp Xinh trong áp lực của gia đình. Thấy Xinh cũng thù mị đoan trang, Tường nghĩ: “Thôi thì gặp duyên, cứ tùy thuận cho vui lòng cha mẹ. Người con gái hiền lành, nét na này sẽ là vợ hiền, sẽ giúp mình thực hiện hoài bão của một nhà Khoa học. Xưa nay, sau lưng một người đàn ông thành công đều có bóng dáng của một phụ nữ...” Thấy Tường ngòiti thừ ra đó, bà Lạc bắt sang chuyện khác:

— Trưa nay má nấu canh *chua* cá kho tộ, con điện thoại kêu vợ chồng con cái thằng Nhã sang ăn cho vui.

Rồi bà chép miệng:

— Tội nghiệp con Minh, nó ở xa quá!

Bà nói lững lơ như vậy nhưng Tường hiểu mẹ đang nhớ cô con gái út đang ở tận Cali. Cô ta có đầy đủ cả mà lúc nào bà cũng tội nghiệp cho cô vì cô không được ăn những bữa cơm do chính tay bà nấu nướng.

Vợ chồng Nhã kéo một bầy tang tình con nít đến làm không khí trong nhà bỗng nhộn nhịp hẳn lên. Tuổi già vui nhờ cháu, ông bà Lạc tạt quên chuyện của Tường, lảng xảng với đám cháu nội toàn là trai, đang tuổi phá phách.

Cơm nước xong, hai anh em thả bộ một vòng. Trưa chủ nhật, đường vắng hoe. Họ đi dọc theo bờ biển.

Nắng trưa phản chiếu bờ cát trắng tinh làm chói cả mắt. Hai người, không ai bảo ai, cùng ngồi xuống gốc cây đại thụ. Gió thổi hiu hiu. Miền Nam có những ngày thật ấm trong mùa đông, nhiệt độ cao đến 80 độ F. Người Mỹ gọi đó là "Indian Summer" mà kinh nghiệm cho biết, sau đấy, là những ngày lạnh cóng.

Nhã mời anh một điếu thuốc. Chàng biết anh muốn tâm sự. Sáng nay ba chàng đã điện thoại báo tin không vui.

Tường im lặng rít mấy hơi thuốc liên tiếp. Nhìn làn khói mỏng, chàng bỗng nhận ra sự trùng hợp giữa tâm trạng con người với làn khói ảo lá kia. Không có gì chắc chắn cả! Mới ngày nào, chàng có cảm tưởng như đã yêu Xinh mà hôm nay nghe tin đàn gái đình hoãn cuộc hôn nhân, Tường lại thấy nhẹ người, không chút gì buồn bã.

— Chú ngạc nhiên lắm phải không?

Tường hay có lối vào chuyện trực tiếp như vậy.

Nhã "dạ" nho nhỏ, chờ anh tiếp.

— Đối với chuyện này, ba má có vẻ khổ sở lắm, riêng tôi, thú thật với chú, tôi...

Tường lựa lời cho chính xác:

— Tôi lại thấy hay!

Nhã thừa thông minh để hiểu rằng có điều gì không ổn giữa hai nhân vật chánh. Chàng

im lặng chờ Tường bày tỏ.

Tường rít thêm một hơi thuốc dài, chằm rãi tiếp:

— Thời gian hay lắm, nó giúp mình hiểu rõ sự thật. Tôi tưởng mình gặp được người bạn trăm năm ý hợp tâm đồng nhưng dần dần tôi thấy mình lầm, chú à!

Nhã vốn có kinh nghiệm, tưởng anh chị mới giận hờn cãi vã nhau nên anh mình nói vậy. Chàng dò dẫm để bắt nhịp cầu hòa giải:

— Em thấy chị ấy cũng hiền!

— Trước kia, anh cũng tưởng vậy nhưng giao thiệp lâu ngày anh thấy rõ, phía sau cái hiền thực dịu dàng ấy là một con người vừa hẹp hòi, vừa ngoan cố. Cô ta muốn biến anh thành một vật sở hữu, nói rõ hơn là một con người thứ hai của cô: mọi ý kiến, tâm tình của cô, anh phải rập khuôn như cô thì cô ta mới vui, anh nói khác đi, cô ta giận.

Ở bên cạnh cô ấy, anh cảm thấy mất tự do, mất luôn bè bạn. Anh như một người tù trong vòng phong tỏa của cô. Anh không muốn sống như vậy suốt đời. Em cũng biết, anh có những cái riêng tư của anh, những hoài bão, ước vọng của anh.

Nhã tinh tế và nhạy bén. Chàng hiểu vấn đề giữa hai người là không tìm thấy sự hòa hợp. Những cặp vợ chồng mới cưới—như kinh nghiệm bản thân của Nhã và vợ chàng chẳng hạn—thương hay lục đục, cãi vã nhau cũng vì không ai chịu nhường ai. Họ nghĩ rằng nếu người bạn trăm năm thương mình thì phải chịu mình, còn ngược lại là không thương. Thật ra, hòa hợp không có nghĩa là đồng hóa, không thể bắt người kia phải từng phục mình tối đa để hai trở thành một, để không có mâu thuẫn, không có vấn đề.

Nhã và vợ chàng đã ngồi lại với nhau sau những bất hòa. Họ bình tĩnh, họ cố gắng khách quan tìm ra lẽ phải và khi thấy mình sai, một người dẹp tự ái để sửa đổi, còn người kia sẵn sàng tha thứ, bao dung. Đó là chìa

khóa hạnh phúc của gia đình chàng. Liệu chàng có thể giúp gì cho người anh khả kính chẳng?

Nhã dò hỏi:

— Giữa anh và chị Xinh có sự bất đồng ý kiến nào quan trọng không?

Tường chép miệng, thở dài:

— Không phải ý kiến mà là điều kiện, em biết không? Cô ta nói gia đình yêu cầu anh hai điều: một, không ở chung với bố mẹ chồng; hai, phải giảm bớt chuyện bè bạn tụ họp vui chơi. Anh không thể quan niệm hôn nhân là một sự thương lượng!

— Rồi anh trả lời ra sao?

— Anh chỉ làm thinh. Sự im lặng nhiều khi cũng là một cách trả lời.

— Đó là lý do khiến nhà gái đình hôn?

Tường nhẹ gật đầu. Chàng dụi tắt tàn thuốc lá rồi uể oải đứng lên. Nhã cũng đứng lên theo. Chàng theo anh trở vào nhà, tâm tư nặng nề khiến bước chân như đeo đá. Nhã thương anh quá!

Năm ấy, cái Tết đầu tiên trên đất người là cái Tết vô vị nhất trong đời ông bà Lạc. Tưởng đâu ngày này nhà cửa ấm cúng thêm với con dâu cả, với hạnh phúc của con trai nhưng sự việc đã xảy ra ngoài ý muốn.

Minh từ Cali gửi về đủ cả: nào bánh chưng, bánh tét, chả lụa, nem bì, nem chua, mít sen, mít gừng, mít măng cầu, là những món ông bà vẫn thích xưa nay và không thể không có trong ngày Tết. Nhưng hai ông bà đều hờ hững, thẫn thờ. Minh biết cha mẹ đang buồn nên cô còn gửi thêm chục tờ báo Xuân của các nhóm văn bút chuyên nghiệp, của các hội đoàn, của Phật giáo.

Ông Lạc không biết làm gì, cứ nằm dài đọc báo giết thì giờ. Mồng một Tết rơi nhằm ngày thứ ba nên bọn trẻ phải đi làm, đi học như mọi bữa. Trong các bài viết của những người sống tha hương, ông tìm thấy tâm sự của ông: sự trống rỗng, sự cô đơn của tuổi già và lòng

thương nhớ quê hương.

Ông nhớ mỗi ngày đầu năm vợ chồng ông đều đi chùa lễ Phật và chúc Tết bốn sư trong không khí thiêng liêng truyền thống, trong khói hương thơm ngát mùi trầm và vui vẻ nhìn ngắm nét tươi cười rạng rỡ của các em bé thơ ngây, tung tăng trong những bộ đồ mới còn đang đưa những sợi chỉ may chưa kịp cắt.

Ông Lạc cầm lấy một tạp chí Phật giáo. Hình bìa là cảnh chùa đầu năm. Họa sĩ diễn tả được sắc thái đặc biệt của sân chùa trong ngày Tết. Thấy hay hay, ông lật vào trang trong. Ông chú ý “Lá thư đầu năm” của một vị Thượng Tọa. Lá thư nói về ý nghĩa mùa Xuân: Xuân của đất trời và Xuân trong tâm hồn. Xuân của đất trời vận chuyển theo tháng ngày, theo sự xoay vần của trái đất, theo luật “thành, trụ, hoại, không”, còn Xuân trong tâm hồn vốn không có hình tướng nên không bao giờ tàn phai. Tuy nhiên, vườn Xuân bất tận ấy chỉ mở cửa cho những người biết thương yêu. Nhưng trong chúng ta, ai là người đã biết yêu thương?

Rồi Thượng Tọa kể một câu chuyện thương tâm, có thật ở Việt Nam thời trước 1975. “Có người cha rất thương con, muốn nó trở thành bác sĩ Y khoa vì theo ông, đó là nghề mà mọi người đều trọng vọng, địa vị cao lại kiếm được nhiều tiền. Từ lúc con còn nhỏ, ông đã chuẩn bị cho đứa trẻ ham thích ngành Y khoa nhưng nó không thiết tha lắm. Khi con học xong Trung học, ông chạy chọt thế nào mà nó được trúng tuyển vào lớp Dự bị Y khoa.

Cậu thanh niên, bấy giờ, trước mắt, chỉ có một con đường duy nhất để bước tới. Cậu ta không phải là người có cá tánh mạnh để có thể trình bày, tranh luận cùng cha về khả năng và sở thích của mình đối với việc học hành, nghề nghiệp tương lai.

Cậu im lặng đi theo sự sắp đặt của cha. Nhưng trí nhớ cậu không đủ tốt để chữa những cuốn sách vi sinh đầy cộm, những danh từ

thuốc gốc La Tinh, những tên bệnh và vi trùng... nên cậu học kém. Ba cậu thất vọng. Ông phản ứng rất mạnh: la rầy, mắng nhiếc cậu như một đứa trẻ con lêu lổng, trốn học đi chơi hoang. Lên năm thứ nhất, cậu cố gắng gấp đôi, cố gắng trong sự chán chường và sợ hãi. Cậu học không nghỉ ngơi. Những tên khó nhớ, những bài khó thuộc, cậu viết, dán đầy phòng, đầy nhà rồi cậu đọc đi đọc lại, lẩm nhẩm không thôi. Cậu lẩm nhẩm mãi cho đến một ngày kia, người cha khám phá rằng con mình điên chữ! Bấy giờ ông mới ân hận vì đã hại cuộc đời của đứa con trai duy nhất!”

Thượng Tọa viết tiếp: “Cha mẹ nào cũng thương con nhưng lắm khi mình không biết cách thương, cứ bắt buộc nó phải suy nghĩ, phải sống theo quan niệm của mình. Cưỡng ép như vậy, mình khổ mà nó cũng khổ: chẳng những mình khóa cửa vườn Xuân trong tâm mình mà còn khóa luôn cái vườn hạnh phúc của con mình nữa...”

Bài viết không dài lắm, ông Lạc đọc đi đọc lại mấy lần. Càng đọc, suy nghĩ, ông càng thấm thía. Ông có cảm tưởng mình cũng giống như người cha trong câu chuyện trên, cứ ép uống Tường mãi về việc lập gia đình. Quan niệm của ông về hạnh phúc đời người là hạnh phúc của một tiểu gia đình trong đó vợ chồng con cái đê huê, còn Tường có lối suy nghĩ khác, quan niệm khác. Sống theo lý tưởng của mình là một hạnh phúc, đó là điều mà ông không nghĩ ra.

Buông bỏ được định kiến của mình, tự nhiên ông thấy nhẹ nhàng, thư thả. Từ bấy lâu nay, có ai làm khổ ông đâu, chỉ vì cố chấp vào tư tưởng, quan niệm hẹp hòi mà ông tự cảm thấy buồn bã, tự thấy bất an và làm khổ lây cho Tường, người con chí hiếu. Bấy giờ, ông trở nên rảnh rang, nhẹ nhõm vì không có việc chi phải lo nữa.

Ông đặt tờ tạp chí xuống, đi đi lại lại trong phòng, suy nghĩ thật kỹ càng trước khi nói

chuyện với vợ.

Chiều hôm đó, cơm nước xong, vợ chồng ông nói chuyện với Tường. Ông Lạc thành thật kể lại câu chuyện trong báo và lời khuyên của Thượng Tọa. Ông nắm lấy tay đứa con đầu lòng, run giọng:

— Ba xin lỗi con! Ba đã sai lầm khi bắt con phải sống theo quan niệm của riêng ba. Từ nay, con được tự do. Con đã lớn rồi mà ba cứ xem con còn nhỏ lắm, cứ phải hướng dẫn, cứ phải dắt diu như xưa.

Tường xúc động, ngồi im. Hồi sau, chàng cất lời:

— Con cảm ơn ba đã hiểu con!

Mẹ chàng bước tới, vịn vai đứa con yêu:

— Ba má cũng báo cho con hay ba má muốn trở về Việt Nam. Già rồi, sống xa xứ buồn quá!

Tường đáp:

— Ba má sống ở đâu thấy vui thì cứ chọn, con không dám cản ngăn hay có ý kiến chi.

Ông Lạc bật cười ha hả:

— Kinh nghiệm nóng hổi của ba mới truyền cho con đó, phải không?

Tường vui vẻ đáp: “Dạ phải!”

Trong đầu óc chàng bỗng hiện ra bầu trời xanh trong ngần, trên đó có mấy cụm mây trắng, xốp và nhẹ, đang thong thả ngao du...

2/96

Tìm đọc:

CỬA THIÊN VĂN MỞ
tuyển tập gồm 20 truyện ngắn
của *Diệu Nga*

sách dày 450 trang, Phật Học Viện
Quốc Tế xuất bản 1995.

Truyện của Diệu Nga đầy áp tình đời
nghĩa đạo, phản ánh một cái nhìn, một lối
sống đạo vững chãi của người cư sĩ tại gia
giữa bao biến thiên đời đời của đất trời.

Luân hồi lục đạo

Thiện Bửu

Xưa nay mỗi người trong chúng ta đã từng nghe giảng pháp nhiều, đã đọc nhiều kinh điển sự tích, nhưng phải thành thật mà nói rằng, phần đông trong chúng ta chỉ thực hành rất ít, hoặc không thực hành gì cả. Do đó, chúng ta đã tự mình gây khổ đau phiền não cho mình và cho cả người khác. Cũng do đó mà chúng ta đã phải trả cái giá quá đắt để đổi lấy tự do, nương thân xứ người. Ngày nay chúng ta gặp Phật pháp, nhờ ơn Phật mà biết được con đường cứu khổ, và con đường về cội nhớ nguồn tiên tổ.

Nhân dịp ngày kỷ niệm Đản-Sanh của đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, chúng tôi xin được lược trình về Lục-đạo Luân-hồi qua bức tranh vẽ mà chúng ta thường thấy ở trước mỗi cửa chùa nhất là những chùa Tây-Tạng để cảnh tỉnh khách trần vãng lai.

Trong thời gian đức Thế-Tôn ngự tại thành Vương-Xá trong vườn Trúc-Lâm, nhân cơ hội ấy, tôn-giả Mục-Kiền-Liên thường hay đi đến các cảnh khổ như Địa-ngục, Ngạ-quỷ, Bàn-sanh để tìm phương giáo hóa. Ngài đã mục kích những sự đau khổ vô biên của chúng sanh. Ngài còn thấy chư Thiên hết phước sa đọa vào trần gian hay tam đồ ác đạo. Tôn-giả đã mang nơi

lòng biết bao nỗi niềm ưu tư lo lắng cho thân phận kiếp chúng sanh vô minh tạo nhiều nghiệp ác. Ngài đánh lễ quỳ xin đức Thế-Tôn chỉ dạy phương pháp độ sanh. Ngoài ra, Ngài còn kể lại cho tứ chúng nghe những cảnh khổ đau nơi ba đường ác. Về sau các vị Đại-Đức có bạn đồng tu hoặc môn đệ không bằng lòng với đời sống đạo hạnh chân tu, đều tìm đến Ngài với niềm tin rằng sẽ được tôn-giả khuyên nhủ dạy dỗ để hoàn thiện. Quả thật như vậy, tôn-giả Mục-Kiền-Liên tâm hạnh hoan hỷ khuyên nhủ dạy dỗ cứu vớt những người ấy, trong số đó có những người theo lời tôn-giả tinh tấn tu hành đã đạt thành đạo quả giải thoát.

Đức Thế-Tôn dạy rằng : Cao tăng Mục-Kiền-Liên không thể ở khắp mọi nơi cùng một lúc để khuyên dạy mọi người. Do đó, điều tốt nhất là trước cửa chùa hay bất cứ nơi nào thuận tiện nên vẽ bánh xe luân hồi chia làm 5 phần. Năm phần đó diễn đạt 5 cảnh Địa-ngục, Ngạ-quỷ, Bàn-sanh, Người và Trời. Nội dung đại để như sau :

Trung tâm của bánh xe nên vẽ một con Bồ Câu tượng trưng cho lòng tham ái ; một con Rắn tượng trưng

cho lòng sân hận và một con Heo tượng trưng cho tâm ngu si. Vẽ hình Phật có hào quang chỉ đường giác ngộ giải thoát. Bởi chúng sanh hạ giới với bao nghiệp thức vô minh chìm đắm trầm luân phải được mô tả rõ ràng đầy đủ. Quanh vành bánh xe là 12 khoen Thập-nhị-nhân-duyên theo chiều xuôi và chiều ngược. Lại còn vẽ cho thấy rõ mọi vật, mọi người đều bị vô thường. Cuối cùng thêm vào đấy mấy dòng chữ như sau:

“Hãy đem hết tâm trí thực hành theo giáo huấn của Như-Lai. Hãy tập sống đời sống như Như-Lai. Như-Lai là đấng Giác-Ngộ viên mãn, là vị Đại Đạo-Sư của trời người. Những ai đi đúng con đường Giáo Pháp của Như-Lai thì sẽ được sống mãi trong tỉnh thức an lạc. Người ấy có thể chấm dứt mọi sự đau khổ, thoát ngoài sự nghiền nát của bánh xe Luân-hồi Sanh-tử”.

Theo truyền thống thiền môn, chùa thường cử một vị Tỳ-kheo đủ tư cách để thường trực lãnh trách nhiệm giải thích bức tranh vẽ cho khách vãng lai. Xưa kia ở Ấn-Độ rồi tiếp đến các xứ Tây-Tạng cũng như các xứ Phật giáo khác, lời dạy của đức Phật được các chùa y giáo phụng hành. Ở trước cửa chùa thường vẽ một bức họa. Ngay ở giữa bức họa là con Bồ Câu cắn đuôi con Rắn, con Rắn cắn đuôi con Heo, con Heo cắn đuôi con Bồ Câu, tiếp nối nhau tạo thành vòng tròn.

Con Bồ Câu tượng trưng lòng tham dục. Con Rắn tượng trưng sân hận. Con Heo tượng trưng cho si mê. Vòng phiến não này được vẽ ngay trung tâm bánh xe luân hồi, vì nó là cội gốc của tất cả trầm luân trong 3 đường 6 nẻo. Ba con thú này được vẽ trên nền xanh dương, mang ý nghĩa ba loại dục tình tệ hại có hấp dẫn lực rất mạnh, nhưng thể chất của chúng cũng chỉ là giả huyền. Ý nghĩa về cái mở đở của Bồ Câu biểu hiện sự thiêu đốt ghê gớm của dục vọng. Dục vọng rất nóng, luôn luôn chao động như ngọn lửa, không bao giờ người ôm ấp nó mà được an vui thanh tịnh. Mỏ con Bồ Câu ngậm đuôi con Rắn là hàm ý lòng tham không đáy, thúc dục không ngừng, mỗi khi bị chướng ngại không thỏa thì liền sân hận.

Màu xanh lá cây của con Rắn diễn tả tính cách lạnh lùng, không chút thiện cảm. Rắn sát hại chúng sanh bằng chất độc và bằng cách siết chặt, tiêu biểu đúng trạng thái sân hận cho những ai ấp ủ nuôi dưỡng nó trong lòng. Heo tượng trưng cho si mê, tham dục, thích ăn ngủ bẩn thỉu. Tượng heo nặng nề hôn trầm dẫn độn.

Ba con thú này cắn đuôi nhau, hàm ý nghĩa tham sân si, chúng quả thật mật thiết dính liền nhau, không thể tách rời. Mỗi khi con Bồ Câu phát sanh tham dục thì nhất định sau đuôi của nó phải có con Rắn sân hận và

con Heo si mê. Ba con thú này hoạt động liên tục không giây phút ngừng nghỉ trong tâm của kẻ phàm phu.

Ngoài vòng trung tâm bánh xe luân hồi là vòng nghiệp. Vòng nghiệp chia làm hai phần :

1- Phần nền trắng : Có 4 người đang tiến bước không ngừng nghỉ, gồm có vị Tỳ-kheo cầm đèn soi sáng đường đi cho 1 nữ tu sĩ, 1 Ưu-bà-tắc và 1 Ưu-bà-di. Bốn nhân vật này là hình ảnh của thiện nghiệp, của những người đã từng trầm luân đi từ tối đến sáng, hoặc từ sáng vào cảnh giới sáng rực miên viễn.

2- Phần nền đen : Có 3 người với thân thể ngã nghiêng trần truồng, tượng trưng tánh không biết hổ thẹn xấu xa nhục nhã. Ngã nghiêng tượng trưng cho các nghiệp ác chất chồng nên phải bị té ngã. Đây là những người từ tối đến tối mù mịt bất tận, đồng thời cũng có những kẻ từ sáng lại vào tối.

Do nghiệp ác đưa vào cảnh thú là hành động sâu nặng về những gì mà con người lại sống y hệt như thú, như ăn uống, tình dục, ganh ghét tranh giành, giết hại nhau. Những ai cứ tăng trưởng tính chất thú, gọi là “người thú”, thì dĩ nhiên quyết định sẽ sanh vào cảnh thú. Muốn khỏi rơi vào cảnh ngộ này, con người phải biết phát triển “tính chất người” bằng cách thọ trì Ngũ-giới. Đức Phật dạy : “Từ cảnh giới thú vào cảnh giới người rất khó, khó hơn con rùa mù tìm bông

cây trong biển cả”.

Tri giác hay cảm thọ đều thay đổi theo nghiệp mình đang mang thân hình. Chẳng hạn như nước ở sông ngòi thì chư Thiên thấy đó là Lưu-ly ; người thấy đó là nước ; quỷ thấy đó là máu mủ ; cá thấy đó là nhà cửa lâu đài ; Phạm-Thiên thấy đó là hư không. Cho nên đức Phật dạy : “Tâm dẫn đầu các pháp. Tâm là chủ. Tất cả đều do tâm tạo. Thân hệ lụy theo nghiệp”.

Ngoài cái vòng Nghiệp nêu trên, kế tiếp là vòng tội báo. Vòng tội báo chia làm 5 cảnh. Người Tây-Tạng thêm một cảnh nữa là A-tu-la, nên thường gọi chung là Lục đạo luân hồi. Trên cõi Dục-giới là cõi Sắc-giới và cõi Vô-sắc-giới. Hai cõi này chỉ thọ hưởng thiên lạc.

Loài người sống trong trạng thái được mô tả bằng Sanh, Già, Bệnh, Chết. Bức tranh luân hồi vẽ trên có đức Phật từ kim khẩu phát ra giáo pháp. Trong ánh sáng của giáo pháp, là hình thấy Tỳ-kheo dẫn dắt loài người ra khỏi vòng Luân-hồi bằng 7 hoa sen. Bảy hoa sen tượng trưng cho Thất-giác-chi, gồm có Trạch-pháp, Tinh-tấn, Hỷ, Khinh-an, Xả, Định, Niệm, đều đưa về Bát-chánh-đạo là Chánh-kiến, Chánh-tư-duy, Chánh-ngữ, Chánh-nghiệp, Chánh-mạng, Chánh-tinh-tấn, Chánh-niệm và Chánh-định.

Cảnh ngựa quỵ vì thiếu phước cho nên mặt trăng lại nóng bức vào mùa

hè, còn mặt trời thì lạnh buốt vào mùa đông. Hễ ngạ quỷ nhìn vào cây cối thì chỉ thấy cây cối lơ lửng vàng úa, nhìn dòng sông nước chảy thì hoặc thấy khô hạn, hoặc thấy dòng máu trong đó có 2 ngạ quỷ đói khát hụp chìm mà không sao hớp được một ngụm nước để đỡ khát, mặc dầu nước sông sát bên môi.

Có loại ngạ quỷ bụng trướng to, cổ nhỏ bằng cây kim, đói khát cùng cực. Nếu chúng ăn được thì thức ăn lại hóa thành lửa hay hóa thành gươm dao ở trong bụng. Đây là nghiệp quả của người không chịu bố thí hoặc có bố thí thì với cái tâm rất nham hiểm ác độc.

Những cảnh khổ của địa ngục và súc sanh cũng được trình bày rõ ràng. Bản trình thuật về 5 cảnh khổ có câu kết luận : Đầu tóc áo quần bị lửa tham sân bốc cháy, ắt phải gấp rút dập tắt lửa. Hãy mau dập tắt lửa ái dục đang quay tròn bánh xe Luân hồi.

Ái dục là nguồn gốc khổ đau, phải dập tắt ngay, không còn cách nào hơn, nếu muốn giải thoát sanh tử luân hồi.

Vòng ngoài cùng bánh xe luân hồi là 12 khoen Nhân Duyên.

Khoen đầu tượng trưng cho Vô-minh, được vẽ hình một thiếu phụ mù lòa, tay cầm gậy quờ quạng tìm đường đi. Thiếu phụ đang đi qua một khu rừng cần cối xác xơ đầy những lóng xương. Có chùa thì vẽ con Lạc Đà già

lại bị mù, đang lầm lũi đi theo người dẫn đường tên là Ái-dục.

Khoen thứ 2 là tượng trưng cho Hành, được vẽ hình một anh thợ làm đồ gốm. Vì chúng sanh tạo nghiệp, do chính mình đang uốn nắn, cấu hợp, chế tạo đời sống tương lai của mình.

Khoen thứ 3 : Thức. Vẽ hình con khỉ tượng trưng cho tâm thức lăng xăng như khỉ suốt ngày nhảy từ cành cây này sang cành cây khác không ngừng nghỉ. Nếu có trái thì có thể là trái lành hay trái dữ trên những cây khô cằn.

Khoen thứ 4 : Danh Sắc. Được trình bày bằng hình ảnh khách trần đang chèo chống con thuyền trên dòng sông ái dục. Khách trần mệt mỏi để thuyền thụ động theo dòng sông ái dục cuốn trôi nổi chìm lặn hụp.

Khoen thứ 5 : Lục Nhập. Vẽ một căn nhà có 6 cửa tiếp nhận lục trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Khoen thứ 6 : Xúc. Vẽ hình 1 nam 1 nữ nắm chặt tay nhau tượng trưng cho sự tham đắm trong các xúc chạm ái dục nam nữ.

Khoen thứ 7 : Thọ. Mặc dầu cảm giác có khi gọi là vui thích. Thực sự bản chất của nó là vô thường, hư vọng giả hợp. Vậy thì Thọ là phải khổ, nên được vẽ một người bị mũi tên cắm sâu vào mắt.

Khoen thứ 8 : Ái. Nghĩa là khát khao thọ cảm, nên được tượng trưng bằng một người say rượu. Ái dục có

vẻ ngọt ngào nhưng thực chất chiều sâu chua sót đắng cay, khiến cho con người ngay khi thọ ái phải buồn phiền tuyệt vọng trong ngục tù sanh tử tử sanh...

Khoen thứ 9 : Thủ. Vẽ một người đang cố sức vươn mình lên để hái trái cất giữ chặt, nhưng trái đều hư thúi, tượng trưng chấp thủ.

Khoen thứ 10 : Hữu. Được vẽ hình người thiếu phụ có mang dáng điệu nặng nề, da thịt nứt nẻ, mặt mày xám đen sắp đến thời sanh sản.

Khoen thứ 11 : Sanh. Vẽ một phụ nữ đang lâm bồn. Đây là trạng huống đau đớn, bấn nhơ để nhắc nhở rằng, đau khổ của luân hồi sanh tử tử sanh là điều mà không kiếp sống nào thoát khỏi với kẻ phàm phu nặng tình tham chấp ái dục.

Kheo thứ 12 : Lão tử. Nơi nào đã có sanh, ắt có sợ hãi, có già nua, có khốn khổ, có bệnh hoạn, có chết. Đó là trạng huống phiền não khổ đau của chúng sanh.

Quý Vô-thường ôm bánh xe Luân hồi, tay chân đầy móng vuốt lăn đi khắp cả thiên-đường địa-ngục. Trên mũ của nó có 5 cái sọ, tượng trưng cho Ngũ-uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ở giữa hai con mắt lửa đỏ có con mắt thứ ba, ngụ ý chính là luật vô thường đã đánh động tâm thức chúng sanh tinh tấn tu hành đồng mãnh khắc phục chướng duyên để trở thành các bậc thánh nhân xuất thế.

Toàn thể bánh xe luân hồi quay trong lửa đỏ. Góc bên phải có hình đức Thế-Tôn tượng trưng trí huệ siêu thoát. Góc bên trái là Pháp-Luân thường chuyển. Ở giữa Pháp-Luân để trống, tượng trưng Niết-Bàn thanh tịnh. Chung quanh có 10 cánh Sen. Mười cánh Sen tượng trưng 10 Ba-La-Mật là : Bố-thí, Trì-giới, Xuất-gia, Trí-huệ, Tinh-tấn, Nhẫn-nhục, Chân-thật, Cương-quyết, Tâm-từ, Tâm-xả. Bên trong vòng bánh xe có 37 viên ngọc, tượng trưng cho 37 phẩm bồ-đề tức là 37 phẩm Trợ-đạo mà Tứ-niệm-xứ đứng đầu. Ngoài vành có 3 nhóm, mỗi nhóm có 4 viên ngọc, tượng trưng Tứ-diệu-đế. Suy cho cùng thì chính mỗi chúng ta đã tạo nên bánh xe Luân-Hồi. Chính mỗi chúng ta đã vận chuyển nó từ muôn triệu kiếp đến nay quanh quẩn ngược xuôi trong ba cõi. Vậy thì giờ đây cũng chính mỗi chúng ta chứ không ai khác là người có trách nhiệm phát triển trí đức để chặn đứng bánh xe luân hồi ấy. Khó hay dễ, thành hay bại, đều do cái Tâm của mỗi người chúng ta. Đức Thế-Tôn dạy :

- Hai pháp phải hiểu biết, phải thông suốt, đó là Danh và Sắc.

- Hai pháp phải hiểu biết, phải tận trừ, đó là Vô-minh và Ái-dục.

- Hai pháp phải phát triển, đó là Yên-lặng và Minh-sát.

- Hai pháp phải được chứng ngộ, đó là Trí-huệ và Siêu-thoát.

TIN TỨC SINH HOẠT CỦA GIÁO HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN GHPGVNTHH-HK LẦN III TẠI SAN JOSE, BẮC CALIFORNIA

Đại hội thường niên lần thứ III của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, đã được tổ chức ngày 26-11-1995, tại hội trường William C. Overfelt High School thuộc thành phố San Jose, miền Bắc California, Hoa Kỳ, để kiểm điểm Phật sự và hoạch định chương trình hoạt động cho thời gian tới.

Với sự tham dự đông đảo của 70 Tăng Ni và 800 Phật tử từ các tiểu bang tựu về, đại hội đã diễn tiến tốt đẹp trong tinh thần đồng tâm hòa hợp đúng chánh pháp, và sau bốn ngày hội nghị, đại hội bế mạc bằng Lễ Hiệp Kỳ chư Tăng Ni, Thánh tử đạo và đồng bào các giới đã hy sinh cho lý tưởng tự do tôn giáo, hòa bình dân tộc và nhân quyền Việt Nam. Buổi lễ còn đặc biệt truy niệm Cố Hòa thượng Thích Thiện Minh, một trong những vị lãnh đạo tối cao của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), vị Cha đẻ của phong trào Gia Đình Phật Tử, đã bị nhà cầm quyền cộng sản tra tấn đến chết tại Sài Gòn ngày 17-10-1978. Bằng lễ truy niệm này, Đại hội muốn nhắc nhở cho giới Phật tử hải ngoại ý thức tới hiện trạng bị đàn áp của Giáo hội trong nước để dần thân cùng lo cho tiền đồ Phật giáo và dân tộc. Như lời văn truy niệm xác nhận: "*Truy niệm Người Xưa là để phục vụ Người Nay*". Hòa thượng Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Thích Chánh Lạc

nhấn mạnh trong bài văn truy niệm: "*Ngày nay những kẻ gán cho Phật giáo "làm chính trị" lại chính là những kẻ hoạt đầu chính trị (...) Lợi dụng Phật giáo làm bàn đạp, làm chiêu bài. Lợi dụng không được tất bôi nhọ, vu khống, chụp mũ. Đó đã là sinh hoạt của chính trường vô-chính-trị tại Việt Nam suốt năm mươi năm qua. Nơi xã hội mầu mỡ cho sự làm quan, nhưng lại đùm dè, hãm hại những người có tài kinh bang tế thế (...) Đạo Phật là Con Đường Cứu Khổ. Ở đâu có khổ đau bất công, ở đó người Phật tử xuất hiện đấu tranh diệt khổ (...) Không xông xáo xuống đường tranh đấu, tuyệt thực biểu tình, để bảo vệ đặc quyền đặc lợi tư kỷ hay bè đảng của những kẻ không hiểu đại nghĩa mà chỉ sinh cường theo cái dưng của kẻ thất phu (...) mà nhắm vào mục tiêu thoát ly khỏi biển khổ cho quần chúng đang bị làm con cờ thí cho những ý thức hệ ngoại lai*".

Sau phần Hiệp Kỳ, Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành, đã tuyên đọc "**Tuyên ngôn và Quyết nghị của Đại hội**":

"Đại hội minh xác lập trường cố hữu của Phật giáo Việt Nam như sau:

- Từ thuở bình minh của dân tộc, đạo Phật đã du nhập vào nước ta làm nền cho một sinh phong văn hiến Việt, lập thành quốc gia tự chủ tự cường trên địa bàn Đông Nam Á;

- Trải qua các triều đại, đạo Phật góp phần dựng nước để cứu người ra khỏi nô lệ, vô minh, đem lại an lạc, hạnh phúc cho dân tộc.

"Tiếp tục truyền thống ấy và trước hiện tình

nguy hiểm bị đàn áp, bạo hành ở trong nước, cùng lúc những điều kiện khách quan ở nước ngoài tuy phần vinh nhưng cũng dễ làm tha hóa tâm thức các thế hệ trẻ. Đại hội

"Xác định mối liên hệ đấu tranh bảo vệ chánh pháp của cộng đồng Phật tử hải ngoại cùng mối quan tâm trong vấn đề giáo dục của Giáo hội để giữ gìn giới hạnh Phật giáo và phát triển kiến thức đặc thù của thời đại cho hai giới xuất gia và tại gia.

"Bảo vệ Chánh Pháp là nuôi dưỡng tâm linh Con Người.

"Giáo dục bằng Chánh Pháp là khai sinh Con Người bao dung và trí tuệ, đồng thời nuôi dưỡng giới trẻ bảo tồn văn hóa dân tộc;

"Tranh đấu bảo vệ nhân quyền, mở rộng dân chủ và chống bất công xã hội là bảo vệ nhân phẩm Con Người".

Sau phần nhận định trên, Đại hội đưa ra Quyết nghị bốn điểm:

"1. GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đặt trọng tâm vào nỗ lực đào tạo Tăng tài thích nghi với tiến bộ của thế giới và giáo dục thế hệ trẻ chuẩn bị cho phẩm chất Phật giáo Việt Nam vào thế kỷ XXI. Sinh hoạt tu học của quần chúng Phật tử phải được kết hợp giữa kiến văn và giới hạnh. Liên hệ giữa các tông phái, chùa viện, tổ chức, dựa trên sự tương kính, tương thuận và điều hợp.

"2. GHPGVNTN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo "không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại đó trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc." Lấy sự tồn vong của con người là chính, Giáo hội đứng ngoài mọi phe phái, chính kiến, để khai mở thời đại bao dung, cộng tác làm thiện duyên cho công cuộc kiến thiết đất nước và an lạc, ấm no cho mọi cá nhân trong cộng đồng dân tộc;

"3. Kêu gọi chư Tôn đức Tăng, Ni vì những lý do riêng mà phải liên hệ xa gần với cơ quan tôn giáo công cụ của đảng và nhà nước, hãy

lên tiếng đòi hỏi quyền tự do sinh hoạt tôn giáo của GHPGVNTN là Giáo hội dân lập có truyền thống xuất hiện từ thế kỷ thứ II và rục rờ qua các triều Đinh, Lê, Lý, Trần;

"4. Đẩy mạnh cuộc vận động quốc tế giải trừ Pháp nạn trong nước. Cụ thể là:

- đòi hỏi trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho HT Thích Huyền Quang, vị lãnh đạo tối cao của GHPGVNTN bị câu lưu không lý do tại Quảng Ngãi từ năm 1982;

- xóa bản án bất công ngày 15-8-1995 cũng như phiên xử phúc thẩm ngày 28-10-1995 bằng cách trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho HT Thích Quảng Độ, TT Thích Không Tánh, TT Thích Nhật Ban, ĐĐ Thích Trí Lực, Cư sĩ Nhật Thường và nữ Cư sĩ Đồng Ngọc;

- trả tự do cho tất cả các nhà lãnh đạo các tôn giáo, cá tù nhân chính trị, các tù nhân lương tâm và chư Tăng, Ni, Phật tử bị bắt giam, bị kết án vì lý do hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng hay nhân quyền từ năm 1955 tại miền Bắc và từ 1975 tại miền Nam, điển hình là trường hợp của các Thượng tọa, Đại đức: Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Hải Tạng, Trí Tụ, Hải Thịnh, Hạnh Đức, Giác Nguyên, Phước Viên, Tâm Căn, Huệ Đăng Nguyễn Ngọc Đạt, v.v...; và

- phục hồi quyền tự do sinh hoạt tôn giáo của GHPGVNTN".

Ngoài ra Đại hội cũng đã gửi bốn văn thư nói lên lập trường của Đại hội đến nhị vị Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ; chư vị Lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (của Nhà nước); Đảng và Nhà nước qua các ông Tổng Bí thư Đỗ Mười, Chủ tịch Lê Đức Anh và Thủ tướng Võ Văn Kiệt, cùng các Chính phủ Âu Mỹ.

Bức thư gửi hai Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ nhấn mạnh:

"Toàn thể quần chúng Phật tử ở nước ngoài nguyện sát cánh Nhị vị Hòa thượng trong cuộc ngăn chặn những chủ trương làm suy vong nền đạo lý dân tộc và đưa đất nước vào chốn lầy

than.

"Hàng triệu người Phật tử ở hải ngoại không mong gì hơn được đóng vai trò ca tụng quê hương từ ái Việt Nam cho thế giới hướng về làm bạn và viện trợ giúp đỡ. Nhưng làm sao thực hiện được việc đó khi người dân trong nước đói nghèo, ta thán, Thầy tổ và đồng đạo bị tù đầy áp bức, chính thể vùi dập tiếng dân than, những âm thanh đau khổ, cho nhân dân trong thế giới biết tới mà cùng chung tay áp lực thay đổi."

Đại hội nhận định rằng: "Bằng chính pháp thân trong cơn lâm lụy, nhị vị Hòa thượng tự tại mà hiên ngang tiếp nối nói lên bài thuyết pháp uy hùng mà Lịch đại Tổ sư từ thuở Luy Lâu, từ thời đại Lý Trần đến những ngày đương đại sáng ngời Lửa Từ Bi Quảng Đức không ngừng đóng dấu".

Thư gửi cho các vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (Nhà nước) thì nêu câu hỏi và đề nghị:

"Ai xử ai trong phiên tòa ngày 15-8-1995 rồi phiên phúc thẩm ngày 28-10-95? Ai xử ai trong phiên tòa tại Huế hôm 15-11-1993? Ai xử ai tại Bà Rịa ngày 30-7-1994?"

"Lịch sử sẽ trả lời. Nhưng trước mắt là người nhà của chúng ta bị xử đó!"

"Ta Bà bao la khổ ách, Tăng chúng có bao lăm để độ thế. Mà sao ta lấy ma ngoại đạo làm bạn, quay lưng với Pháp hữu trong nhà. Nên nói hết ra chăng? Nói hết càng thêm phiền lụy chăng? Chủ đích hôm nay không là vấn đề tranh cãi hay phân biện. Mà gọi kêu mối từ tâm của chư Tôn Đức lãnh đạo GHPGVN, để thể hiện cái điều chúng ta tâm nguyện dưới mái chùa Từ Đàm một ngày năm 1951 khi sáu tập đoàn Phật giáo Bắc Nam Trung kết liên như đóa sen vừa nở.

"Chúng tôi tin rằng trong cương vị và khả thể mà chư Vị Tôn đức đủ tư cách làm đẹp cho Phật giáo Việt Nam hôm nay đồng lúc bảo tồn mạng mạch Phật Pháp và chủng tính Tăng là

lên tiếng yêu cầu nhà cầm quyền CHXHCNVN trả tự do cho nhị vị Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, cũng như cho các Thượng tọa, Đại đức: Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Không Tánh, Nhật Ban, Trí Lực, Hải Tạng, Trí Tụ, Hải Thịnh, Hạnh Đức, Giác Nguyên, Phước Viên, Tâm Căn, Huệ Đăng Nguyễn Ngọc Đạt, v.v..."

Thư gửi cho Đảng và Nhà nước cộng sản, Đại hội yêu sách trả tự do cho tất cả các nhà lãnh đạo các tôn giáo, các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm cũng như chư Tăng Ni thuộc GHPGVNTN. Vì:

"Những hành động đàn áp GHPGVNTN và những người đấu tranh ôn hòa cho nhân quyền, dân chủ thuộc các khuynh hướng khác nhau, chỉ làm cho dư luận thế giới và chính giới quốc tế ngày càng ác cảm với nhà nước CHXHCNVN. Điều này chẳng lợi gì cho chính sách gọi là Đổi mới của Đảng và Nhà nước, lại càng nguy hại cho dân đang đòi hỏi cơm áo, tự do".

Rồi Đại hội đề xuất:

"Xin quý vị hãy bẻ mạc thời đại chiến tranh lạnh mà thế giới đã ruồng rẫy từ lâu. Tranh chấp ắt một mất một còn. Mà việc kiến thiết quốc gia thì lại cần đến hai. Không những hai mà phải đến toàn dân bảy mươi ba triệu. Nghĩa là mọi thành phần dân tộc không phân biệt chính kiến, đảng phái, tôn giáo."

(Thông Cáo Báo Chí ngày 28-11-1995 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

HÒA THƯỢNG QUẢNG ĐỘ ĐAU YẾU TRẦM TRỌNG TẠI TRẠI BA SAO

Tin từ trong nước cho biết Hòa thượng Thích Quảng Độ, năm nay 68 tuổi, Tổng Thư Ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) sức khỏe rất yếu và hiện đang bị giam cầm trong tình trạng hết sức khắc nghiệt tại trại Ba Sao ở Phú Lý, tỉnh Nam Hà

miền Bắc. Trước cái lạnh rét đột ngột đến từ tháng 11, Hòa thượng không được cung cấp đầy đủ chăn (mền), áo quần cũng như thuốc men để chống cự.

Đây là lần đầu tiên tin tức nơi giam giữ được tiết lộ kể từ khi có tin Hòa Thượng bị đày bí mật từ Sài Gòn ra miền Bắc hôm 14-10-95. HT Thích Quảng Độ, vị lãnh đạo thứ hai trong hệ thống GHPGVNTN, đã bị kết án 5 năm tù giam trong cuộc xử kín tại Sài Gòn ngày 15-8-1995 với tội danh "phá hoại chính sách đoàn kết và lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước." Đặc biệt bản "Cáo trạng" của Viện Kiểm sát Nhân dân TP Hồ Chí Minh mang số tham chiếu 18/KSĐT-AN còn kết tội Hòa thượng "soạn thảo và cho in ấn, tán phát nhiều tài liệu mang nội dung xấu như *"Bản Nhận định về những sai lầm tai hại của đảng Cộng sản Việt Nam đối với Dân tộc và Phật Giáo Việt Nam"*; cũng như tội tổ chức Phái đoàn cứu trợ nạn nhân lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long, "chỉ đạo các hoạt động của tổ chức bất hợp pháp mạo danh "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất"; trực tiếp chỉ đạo Phan Ngọc Ấn (Thích Không Tánh), Hồ Bửu Hoa (Thích Nhật Ban) và những người trong "Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp", "Ban Văn Hóa Từ Thiện" lợi dụng cứu trợ trợ trợ các biểu ngữ lớn có dòng chữ "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất" nhằm công khai hóa tổ chức bất hợp pháp này".

THƯỢNG TỌA KHÔNG TÁNH VÀ CƯ SĨ NHẬT THƯỜNG BỊ BIẾT GIAM

Cũng theo tin của giới Phật Giáo trong nước cho biết thì Thượng tọa Thích Không Tánh và Cư sĩ Nhật Thường hiện đang ở trong tình trạng sức khỏe suy giảm trầm trọng sau hai tuần lễ bị cách ly và biệt giam trong tháng 11 vừa qua. Gia đình, thân nhân không được

thăm nuôi, không được gửi quà hay thuốc men. Tuy không cho biết rõ lý do nhưng theo tin của nhà tù Chí Hòa thì hai vị này hiện bị kỷ luật và chỉ được cho phép thăm nuôi vào tháng 3 tới (1996). Trong cuộc xử kín ngày 15-8-95, TT Không Tánh bị xử 5 năm tù giam, Cư sĩ Nhật Thường 3 năm tù giam. Họ đã kháng án và được xử phúc thẩm ngày 28-10-95. Nhưng cũng như lần xử sơ thẩm, ba luật sư Pháp thuộc Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền mà họ chọn đã không được cấp chiếu khán về Sài Gòn biện hộ, và án xử vẫn giữ nguyên.

(*Thông Cáo Báo Chí* ngày 21-12-1995 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

ĐỨC DALAI LAMA LÊN TIẾNG KÊU GỌI NHÀ CẦM QUYỀN CỘNG SẢN VIỆT NAM TRẢ TỰ DO CHO HT HUYỀN QUANG, QUẢNG ĐỘ VÀ HÀNG GIÁO PHẨM, PHẬT TỬ THUỘC GHPGVNTN

Hỗ trợ cuộc vận động của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế trong việc đòi trả tự do cho chư Hòa thượng, Thượng tọa thuộc hàng giáo phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), đức Giáo chủ Tây Tạng Dalai Lama, giải Nobel Hòa Bình, đã gửi một Thông điệp ký ngày 24-1-1996 từ thủ đô tị nạn Dharmasala, Ấn Độ, kêu gọi nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam *"trả tự do tức khắc và vô điều kiện"* cho tất cả hàng giáo phẩm thuộc GHPGVNTN đã bị bắt giam vì đã *"biểu lộ một cách chính đáng quyền tự do tôn giáo"*.

Nhắc nhở sứ mệnh tại thế của người Phật tử, đức Dalai Lama viết:

"Đức Phật dạy rằng phải tránh làm hại kẻ khác, và nếu có thể thì tìm phương cứu giúp mọi người. Mọi loài chúng sinh cũng như chúng ta thôi, tất cả đều mang cùng nguyện

vọng mong cầu hạnh phúc và lánh xa đau khổ. Phát triển lòng tôn trọng kẻ khác và quan tâm tới sự an toàn của họ, là cách tiêu trừ nguồn gốc mọi vấn đề phát sinh từ tính vị kỷ trong tâm chúng ta. Tăng cường đức tử tế là bản tính tự nhiên của lòng tốt.

"Vì thế mà tôi rất đau lòng khi được tin chư vị lãnh đạo tối cao của GHPGVNTN bị hành phạt và bỏ tù, bởi chư vị không làm gì khác ngoài sứ mệnh Phật giáo của họ. Chư vị đã bị đàn áp vì tổ chức Đoàn Cứu trợ cho 500.000 nạn nhân lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long và đòi hỏi phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN. Những hành động như thế biểu lộ quyền chính đáng và căn bản của tự do tôn giáo.

"Nhân danh nền hòa bình của thế giới, mà nhân loại ngưỡng vọng, và nhân danh lòng từ bi, mà mọi Phật tử tôn thờ, tôi xin kêu gọi Chính phủ Việt Nam hãy trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho tất cả hàng giáo phẩm lãnh đạo GHPGVNTN."

Bức Thông điệp của Đức Dalai Lama mang ý nghĩa quốc tế và huynh đệ lớn lao vào thời điểm Phật giáo Việt Nam lâm cảnh Pháp nạn nguy vong. Sau cuộc đàn áp và bắt bớ Phái đoàn Cứu trợ nạn lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long đầu tháng 11-1994, tiếp đến việc bắt bớ HT Thích Huyền quang (29-12-94) và HT Thích Quảng Độ (4-1-95), nhà cầm quyền Cộng sản đã tổng giam gần như toàn bộ hàng giáo phẩm lãnh đạo GHPGVNTN. Âm mưu này nhằm bịt miệng tiếng nói lương tri của đại khối quần chúng đang dũng mãnh đấu tranh cho nhân quyền, dân chủ và tự do tôn giáo tại Việt Nam mà GHPGVNTN là một trong vài đại biểu có thế lực.

Không chỉ giam cầm chư vị nói trên, các cuộc lùng ráp, bắt bớ, khủng bố đã liên tục xảy ra trong mấy tháng cuối năm vừa qua tại các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Kontum, Pleiku, Đồng Tháp, Đồng Nai, Sài

Gòn. Các tăng sĩ bị giam cũng đã bị rức khỏi khối thân nhân, đệ tử thăm nuôi hàng tháng, đầy ra miền Bắc chịu cảnh thiếu thốn thuốc men, áo quần trong mùa lạnh khắc nghiệt.

HT Huyền Quang vẫn bị giam ở quận Nghĩa Hành, Quảng Ngãi trong một căn nhà biệt giam dựng lên giữa đồng trống, ngăn cản mọi cuộc tiếp xúc. Ngày 29-11-95, lệnh của Bộ Nội vụ đưa vào cấm HT không được phát biểu bất cứ việc gì liên quan đến GHPGVNTN "trong vòng 2 năm" (sic) nếu không "sẽ có biện pháp mạnh".

HT Quảng Độ bị đưa từ nhà giam Bộ Nội vụ đường Nguyễn Văn Cừ ở Sài Gòn về trại Ba Sao, tỉnh Nam Hà miền Bắc ngày 16-10-95 (chiếu theo Thông báo số 189/TB của Cục quản lý trại giam Nam Hà gửi Tòa Án Nhân Dân TP HCM, Cục V26, ngày 17-10-95). TT Tuệ Sỹ trước bị giam ở A20 Phú Yên, nhưng sau cuộc nổi loạn của toàn trại đòi gặp Phái đoàn LHQ đi điều tra Nhân quyền tại Việt Nam cuối tháng 10-1994, nên đã bị đưa ra Bắc đến trại Ba Sao; ĐĐ Trí Tụ và Hải Thịnh vẫn tiếp tục ở trại Ba Sao, riêng ĐĐ Hải Tạng bị chuyển về biệt giam ở trại P4 cách Hà Nội chừng 40 cây số. ĐĐ Hạnh Đức bị chuyển từ nhà giam Bà Rịa lên Cao nguyên ở đội 14, Gia Trung, Pleiku. Hai TT Không Tánh, Nhật Ban và Cư sĩ Nhật Thường vẫn bị giam ở Chí Hòa; riêng TT Không Tánh và Cư sĩ Nhật Thường, không biết vì lý do gì, đã bị biệt giam kỷ luật 3 tháng không cho thăm nuôi.

(Thông Cáo Báo Chí ngày 2-2-1996 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

ĐẠI LÃO HT THÍCH KẾ CHÂU VIÊN TỊCH TẠI BÌNH ĐỊNH

Tin từ Bình Định cho biết Cố Đại lão Hòa Thượng Thích Kế Châu vừa viên tịch một cách mờ ám vào lúc 6 giờ 30 ngày 24-1-1996, sáu tháng sau khi viết Kiến nghị gửi Nhà nước

cộng sản đòi trả tự do cho HT Thích Huyền Quang.

Hòa Thượng Kế Châu là thành viên Hội Đồng Viện Tăng Thống, Chánh Đại Diện GHPGVNTN tỉnh Bình Định, Giám viện Phật Học Viện Phước Huệ kiêm Viện chủ Tổ Đình Thập Tháp. Nhưng dưới áp lực của Ban Tôn Giáo Chính Phủ, tất cả hàng giáo phẩm Phật giáo, chùa viện trong toàn quốc đều "phải" trực thuộc vào Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (GHPGVN) do Nhà nước dựng lên làm công cụ từ năm 1981, nên Hòa thượng Thích Kế Châu "phải bó buộc" giữ chức Trưởng Ban Đại Diện Ban Trị Sự GHPGVN tỉnh Bình Định.

Trong chức vị này, ngày 4-7-95, HT Kế Châu đã đại diện Ban Trị Sự GHPGVN (nhà nước) tỉnh Bình Định và 8 Ban Đại Diện Thành phố, Huyện, ký chung với 48 vị Giáo phẩm Giáo hội gửi một Kiến nghị đến các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt và Vũ Quang (Ban Tôn Giáo) đòi trả tự do cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang. Kiến nghị này đã gây chấn động và xôn xao dư luận trong nước và quốc tế. Nhà cầm quyền cộng sản sai công an tỉnh Bình Định dùng biện pháp mạnh khủng bố tinh thần và quản chế 49 vị ký tên.

Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Kế Châu năm nay 76 tuổi, xuất gia từ năm 14 tuổi, thọ giới Tỳ kheo với Ngài Thập Tháp năm 21 tuổi. Trước khi mất vẫn còn mạnh khỏe không bệnh tật gì. Phật giáo tỉnh Bình Định nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung vừa mất một vị lãnh đạo ưu tú. Sự xúc động cực kỳ cao trong lòng giới Phật tử quốc nội và hải ngoại. Đặc biệt ai cũng biết từ sáu tháng qua Hòa thượng bị chính quyền thường trực áp chế, và hiện nay do tình trạng bao vây ở Bình Định, chưa ai biết rõ nguyên nhân cái chết rất nhiều bí ẩn và mờ ám này. Như trước đây đã xảy ra với Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ, cũng là vị lãnh đạo cao cấp của GHPGVNTN

và cũng bị ép buộc giữ chức vị tối cao trong tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Nhà nước.

ĐẠI LỄ TƯỞNG NIỆM VÀ THỌ TANG CỐ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH KẾ CHÂU TỔ CHỨC TẠI CHÙA ĐIỀU PHÁP, CALIFORNIA, HOA KỲ

Vào lúc 3 giờ chiều ngày Chủ Nhật, 28 tháng 01 năm 1996 nhằm ngày mùng 9 tháng Chạp năm Ất Hợi, một buổi lễ tưởng niệm và thọ tang cho Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Kế Châu đã được tổ chức trọng thể tại chùa Điều Pháp thành phố Monterey Park, California, Hoa Kỳ.

Buổi lễ được đặt dưới sự chứng minh của chư Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ; Hòa Thượng Thích Thuyền Ấn, Nguyên Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoàng Pháp GHPGVNTN; Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Thành viên Hội Đồng Đại Diện GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ, Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Thế Giới; Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Đại Diện GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ; Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ; Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành kiêm Vụ Trưởng Vụ Văn Hóa GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ.

Quang lâm chứng minh và hộ niệm trong buổi lễ còn có khoảng tám mươi (80) chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni Việt Nam và các cộng đồng sắc tộc khác cùng hơn bốn trăm đồng hương Phật tử tham dự. Đây có thể nói là sự thành tựu ngoài dự đoán của Ban Tổ Chức, vì thời gian để tổ chức Đại lễ quá ngắn ngủi, chỉ vốn vẹn có bốn ngày để hoàn tất mọi công tác cho buổi lễ kể từ khi nhận được ai tin Cố Đại Lão Hòa Thượng viên

tịch tại Tổ Đình Thập Tháp, Bình Định, và sự thành tựu này là một phước báo lớn lao cho Môn đồ Đệ tử của Cố Đại Lão Hòa Thượng Tân Viên Tịch.

Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ, đã long trọng tuyên đọc tiểu sử của Cố Đại Lão Hòa Thượng. Tiểu sử viết rằng, Cố Đại Lão Hòa Thượng sanh năm 1921 tại thôn Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định trong một gia đình Nho phong và thấm nhuần Đạo Phật. Năm 14 tuổi, Ngài xuất gia với Quốc Sư Phước Huệ tại Tổ Đình Thập Tháp, Bình Định và năm 21 tuổi Ngài thọ Đại giới tại Đại Giới Đàn chùa Hưng Khánh do Đại lão Hòa Thượng Thích Chí Bảo làm Đường Đầu Hòa Thượng. Trong suốt cuộc đời hành đạo, Ngài đã từng gánh vác các trách vụ nặng nề trong Giáo Hội như Thành viên Hội Đồng Viện Tăng Thống, Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN, Chánh Đại Diện GHPGVNTN Tỉnh Bình Định, Giám Viện Phật Học Viện Phước Huệ kiêm Viện Chủ Tổ Đình Thập Tháp. Ngài cũng đã khai sơn nhiều ngôi chùa như Bảo Lâm, Bảo Giác, Bảo Quang, Thừa Ân v.v... Ngài viên tịch lúc 6 giờ 30 phút sáng ngày 24 tháng 01 năm 1996, nhằm ngày mùng 5 tháng Chạp năm Ất Hợi. Hạ lạp 55 và thế thọ 76.

Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Đại Diện, đã cung kính tuyên đọc Điều Văn của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, gửi ra từ trong nước trước đó mấy tiếng đồng hồ. Điều Văn này được đọc trong buổi lễ Nhập Bảo Tháp tại Tổ Đình Thập Tháp, Bình Định cũng được tổ chức vào ngày Chủ nhật, 28 tháng 01 năm 1996. Điều văn lời lẽ chân tình tha thiết khiến cho người nghe không khỏi xúc động bàng hoàng!

Hòa Thượng Quyền Viện Trưởng đã tán

dương công đức lớn lao của Cố Đại Lão Hòa Thượng trong công cuộc hoàng dương Chánh Pháp, tiếp dẫn hậu lai và Ngài đã bày tỏ sự tiếc thương quý mến của Ngài đối với sự ra đi của Cố Đại Lão Hòa Thượng.

Thượng Tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ, là vị một trong những vị đệ tử của Cố Đại Lão Hòa Thượng, đã kính cẩn quỳ trước Linh Đài của Cố Đại Lão Hòa Thượng Bốn Sư dâng lên Ngài lời *Ai Văn* bộc bạch tác dạ chí thành của một người môn đệ. Với giọng trầm buồn và đôi lúc xúc động nghẹn ngào, Thượng Tọa đã xưng tụng ân đức huấn dục cao dày của Hòa Thượng Bốn Sư, công đức lớn lao của Ngài đối với Đạo Pháp và dân tộc, cũng như đối với nền văn học nghệ thuật của nước nhà. *Ai văn* kết thúc với mấy lời nguyện quyết tâm đi theo con đường mà Cố Đại Lão Hòa Thượng Bốn Sư đã ân cần dạy bảo lúc Ngài còn sinh tiền.

Buổi lễ hoàn mãn lúc 5:30 chiều cùng ngày.

(Lược trích bản tường thuật của Ban Biên Tập Tạp Chí Chân Nguyên)

**CHỦ TỊCH PHÂN BAN ĐÔNG Á VÀ
THÁI BÌNH DƯƠNG SỰ VỤ THƯỢNG
VIỆN HOA KỲ VIẾT THƯ CHO CÁC
ÔNG ĐỒ MƯỜI, LÊ ĐỨC ANH VÀ VÕ
VĂN KIỆT, YÊU CẦU TRẢ TỰ DO
CHO CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO
GHPGVNTN VÀ CÁC TÙ NHÂN
CHÍNH TRỊ TẠI VIỆT NAM**

Ngày mùng 3 Tết Bính Tý (21-2-96), Văn phòng Paris của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam nhận được một bản sao bức thư của Thượng nghị sĩ Craig Thomas, thuộc đảng Cộng hòa, Chủ tịch Phân ban Đông Á và Thái Bình Dương sự vụ, Thượng viện Hoa Kỳ, gửi cho Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt

Nam Đỗ Mười, Chủ tịch nhà nước Lê Đức Anh và Thủ tướng Võ Văn Kiệt, đòi trả tự do cho các nhà lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), các tù nhân vì lương tâm và các nhà ly khai cộng sản, nhân dịp Tết Bính Tý.

Chúng tôi xin dịch toàn văn bức thư ấy như sau:

"Thưa quý Ngài,

"Nhân danh Chủ tịch Phân ban Đông Á và Thái Bình Dương sự vụ, Thượng viện Hoa Kỳ, tôi viết thư này tỏ mối quan tâm nghiêm trọng về sự tôn trọng nhân quyền căn bản tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

"Tôi muốn nhân cơ hội này trình bày với quý Ngài những thông tin mà tôi nhận được đối với một số trường hợp tôn giáo và ly khai chính trị xảy ra trên đất nước quý Ngài. Tôi được biết rằng Đại lão Hòa Thượng và Hòa Thượng Tổng Thư Ký GHPGVNTN Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ đã bị quản chế suốt 13 năm vì phản đối bất bạo động sự giải thể của GHPGVNTN năm 1982. HT Thích Quảng Độ bị bắt tháng giêng năm 1995 và bị kết án 5 năm tù ngày 15-8-95 vì đã tham gia tổ chức phái đoàn cứu trợ nạn lũ lụt, và cũng vì đã viết bản tham luận gửi Tổng Bí Thư Đỗ Mười phản đối việc đàn áp GHPGVNTN. Hiện nay HT bị giam giữ trong tình trạng khắc nghiệt tại trại cải tạo Ba Sao ở miền Bắc. HT Thích Huyền Quang, 77 tuổi, bị giam kín không ai được tiếp xúc tại xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, và tôi biết HT không được chăm sóc thuốc men cho bệnh áp huyết cao, HT thường xuyên bị công an quấy nhiễu.

"Các Thượng Tọa Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Lực và Cư sĩ Nhật Thường bị bắt tháng 11-95 liên hệ vụ Phái đoàn Cứu trợ nạn nhân lũ lụt, và bị kết án đến năm năm tù bằng tội danh "lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước". Tôi được biết họ bị nhốt trong các

phòng biệt giam khắc nghiệt tại nhà tù Chí Hòa, TP Hồ Chí Minh (1), và do điều kiện giam giữ sức khỏe sa sút yếu kém.

Tôi cũng được tin các Đại đức Thích Trí Tụ, Thích Hải Tạng và Thích Hải Thịnh bị bắt tháng 6-1993, bị cải tạo khổ sai vì tội tham gia cuộc biểu tình bất bạo động với 40.000 Phật tử ở Huế. Các ĐĐ Thích Trí Tụ và Thích Hải Thịnh bị giam ở trại B tại trại Ba Sao, nơi giam giữ tù hình sự nguy hiểm. ĐĐ Thích Hải Tạng bị giam giữ ở nhà giam P4 gần Hà Nội. Chưa vị không được tiếp xúc thăm nuôi. Hai nhà học giả nổi danh Phật giáo: Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ và Thích Trí Siêu (2) bị bắt năm 1984, bị kết án 20 năm tù khổ sai với tội phá hoại an ninh quốc gia.

"Ông Nguyễn Đình Huy và 8 người khác bị kết án từ 4 đến 15 năm tù vào tháng 8-95 vì có tổ chức hội nghị phát triển (kinh tế) và dân chủ ở Việt Nam tháng 11-94. Chỉ hai người trong nhóm có quốc tịch Mỹ mới được trả tự do.

"Một số những nhà ly khai nổi danh trong đảng Cộng sản Việt Nam cũng bị bắt năm ngoài vì đã lên tiếng đòi hỏi cải tổ dân chủ. Tôi muốn nhắc trường hợp ông Hoàng Minh Chính, nguyên Viện trưởng Viện Triết Học Mác-Lênin và ông Đỗ Trung Hiếu, cả hai bị bắt hồi tháng 6-95. Ông Hiếu, cựu cán bộ cộng sản phụ trách tôn giáo vận, đã cho lưu hành tài liệu phê bình Đảng giải GHPGVNTN. Tôi cũng biết trường hợp đảng viên kỳ cựu Nguyễn Hộ, nguyên Chủ tịch "Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến cũ" đã bị hăm dọa bắt giam hồi tháng 6-95 và hiện bị quản thúc, cũng như trường hợp hai ông Hà Sĩ Phu và Lê Hồng Hà bị bắt hồi tháng 12-95.

"Tôi được thông báo việc ông Phạm Văn Thành, bị bắt tháng 3-1993, bị kết án 12 năm tù khổ sai vì đã muốn tổ chức một cuộc biểu tình bất bạo động tại Việt Nam. Lúc đầu bị giam tại trại A20 tỉnh Phú Yên. Nay ông

Thành đã bị chuyển về trại tù khắc nghiệt ở Thiệu Yên, Thanh Hóa, sau khi (phát hiện ông) cho chuyển ra nước ngoài danh sách 127 tù nhân chính trị và "Bạch Thư" tố cáo sự ngược đãi cùng điều kiện giam giữ tù chính trị tại Việt Nam. Tôi cũng quan tâm tới hai tù nhân vì lương tâm nổi danh: bác sĩ Nguyễn Đan Quế và giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Bác sĩ Quế bị bắt tháng 6-1990, bị kết án 20 năm tù và 5 năm tù khổ sai vì đã bí mật phát hành tờ "Diễn Đàn Tự Do". Ông Hoạt thường bị công giam, sức khỏe rất yếu do thiếu ăn và thiếu thuốc men cho tình trạng đau thận của ông. Ông hiện bị giam tại trại Thanh Cẩm tỉnh Thanh Hóa.

"Trong các trường hợp kể trên, không ai có hành động bạo động. Các vị này chỉ sử dụng các quyền tự do ngôn luận, tín ngưỡng và hội họp, vốn được Hiến pháp năm 1992 nước quý ngài bảo đảm, và được quy định trong Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị của LHQ mà nước Việt Nam đã ký kết. Vào lúc Việt Nam mong muốn hòa nhập vào cộng đồng thế giới, thật không thể nào chấp nhận sự kiện đem ra tòa kết án những nhà hoạt động cho nhân quyền, và ngược đãi quần chúng có ý kiến hay tín ngưỡng khác biệt. Những hành xử như thế làm xấu đi những quan hệ giữa hai nước chúng ta.

"Tôi biết rằng Tết Nguyên Đán rơi vào ngày 19 tháng 2 năm 1996, và theo truyền thống (Việt Nam) là thời điểm của hòa giải, hòa thuận và tương nhượng. Do đó, tôi kêu gọi quý ngài nắm lấy cơ hội đặc biệt này mà hòa giải với nhân dân nước quý ngài và cộng đồng thế giới bằng việc tuyên bố Đại xá Đầu Năm và trả tự do vô điều kiện cho những tù nhân có tên trên đây cũng như mọi tù nhân vì lương tâm còn bị giam giữ tại Việt Nam.

"Cám ơn sự lưu tâm của quý Ngài. Tôi trông chờ quý Ngài hồi âm."

(1) Theo tin từ GHPGVNTN ở Việt Nam cho biết thì

"đường như" liền sau khi bức thư của Thượng nghị sĩ Craig Thomas đến Hà Nội thì 3 vị Không Tánh, Nhật Ban, Nhật Thường đã được chuyển về trại K3 Long Khánh. Đại đức Trí Lực đã được chuyển từ cuối năm ngoái.

(2) Thượng tọa Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát) đã bị biệt giam vào rừng sâu ở trại Long Khánh từ hai tháng qua vì hai tội. Cuối năm 1995, bà Nguyễn Thị Bình đi cùng một phái đoàn quốc tế tới thăm trại, mời Thượng tọa ra tiếp xúc nhưng Thượng tọa từ khước. Mặt khác, nhà nước nhờ dịch một số tài liệu, Thượng tọa cũng từ chối không làm.

(Thông Cáo Báo Chí ngày 22-2-96 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

BỊ BỆNH NẶNG, HT HUYỀN QUANG YÊU CẦU ĐƯỢC ĐƯA VỀ CHÙA HỘI PHƯỚC QUẢNG NGÃI

Hòa thượng Huyền Quang, vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, bị đưa về quản hức tại nguyên quán ở chùa Hội Phước, tỉnh Quảng Ngãi, từ năm 1982. Vì tiếp tục đòi hỏi tự do tôn giáo và phục hồi quyền sinh hoạt cho GHPGVNTN; ngày 29-12-1994 công an lại đến bắt đem đi biệt giam trong một căn nhà nhỏ giữa đồng không mông quạnh ở xã Nghĩa Bình, cũng trong tỉnh Quảng Ngãi. Một nhà tù, một người tù, bao quanh nhiều công an vây gác. Chế độ nhà tù kiểu XHCNVN này không là chuyện hiếm. Trước đây ở miền Bắc, bị truy bức trong "Vụ án Xét lại chống Đảng", ông Vũ Đình Huỳnh, cựu bí thư cho ông Hồ Chí Minh, hay ông Hoàng Minh Chính, nguyên Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin, cũng đã bị giam giữ hàng chục năm trường như thế: biệt giam trong căn nhà riêng giữa rừng núi, một tù nhân với 22 công an canh gác!

Ngoài khí hậu khắc nghiệt, đêm ẩm thấp, ngày nắng gắt, gió bạo. Bao quanh nhà tù ở xã Nghĩa Bình là những cánh đồng trồng ngũ

cốc. Không hiểu vô tình hay cố ý, người ta xịt liên miên đủ loại hóa chất gọi là trừ sâu rầy hay phân hóa học. Những trận gió khô khốc suốt ngày thổi vào căn phòng giam HT Huyền Quang, tháng này qua tháng khác hơn một năm trời. Vì vậy, sức khỏe HT ngày càng suy giảm. Chứng bệnh áp huyết và yếu tim sẵn có, cộng thêm những luồng hóa chất kích độc ngấm vào phổi và cơ thể, khiến cho bệnh tình HT Huyền Quang có phần nguy kịch hai tháng vừa qua.

Hòa Thượng đã yêu cầu với nhà cầm quyền được trở về chùa Hội Phước, nơi bị quản thúc trước kia, để tránh những luồng hóa chất kích độc HT phải hứng chịu hàng ngày làm suy kiệt thân thể. Nhưng lời yêu cầu chính đáng của một bệnh nhân, được luật pháp bảo hộ qua điều 281, chương 32 về "thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh" trong Bộ luật Tố tụng hình sự của CHXHCNVN, cho đến nay vẫn không được trả lời hay hứa hẹn gì.

*(Thông Cáo Báo Chí ngày 12-4-96 của
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)*

ĐẠI ĐỨC THÍCH HẢI TẠNG TUYỆT THỰC TRONG TÙ PHẢN ĐỐI SỰ NGƯỢC ĐÁI - ĐƠN KÊU CỨU CỦA THÂN SINH ĐẠI ĐỨC HẢI TẠNG

Trong bản tin ngày 31-3-96 về trường hợp Đại đức Thích Hải Tạng bị ngược đãi, truy bức trong tù và có nguy cơ bị công an ám hại, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế đã loan theo nguồn cung cấp của một nhân viên có cảm tình với Phật giáo thuộc Bộ Nội vụ ở Hà Nội. Nay chúng tôi vừa nhận được bản "Đơn Kêu Cứu" viết tay 4 trang của thân phụ Đại đức gửi nhà cầm quyền Hà Nội và giới lãnh đạo GHPGVNTN. Có hai chi tiết sai lạc nhỏ trong nguồn tin của nhân viên Bộ Nội vụ chiếu theo bức thư hôm nay: tên thân phụ Đại

đức Hải Tạng là Nguyễn Đình Ký, chứ không phải Nguyễn Văn Ký, và ngày ông viết đơn là 7-3-96 thay vì 20-3-96.

Các chi tiết khác đều trung thực với nội dung bức thư chúng tôi cho đăng nguyên văn dưới đây. Đơn Kêu Cứu của ông Nguyễn Đình Ký cho biết thêm ba sự kiện quan trọng. Một là, Đại đức Thích Hải Tạng đã tuyệt thực trong tù để phản đối sự ngược đãi, truy bức của công an. Hai là, ông Ký nghe rõ tiếng la hét của Đại đức sau khi rời cuộc thăm nuôi vào phòng trong. Chắc là bị công an đánh đập vì đã dám nói chuyện xảy ra trong tù với thân phụ mình? Ba là, ông Ký "phát nguyện hy sinh thân mạng chết đi để được theo gia hộ con tôi, nếu các yêu cầu không được giải quyết trong vòng hai tháng".

Chiếu theo luật pháp, mọi tù nhân được quyền gia đình thăm nuôi. Bình thường, ngày 28 mỗi cuối tháng thân nhân đệ đơn, và ngày 30 được phép đi thăm. Nhưng sau khi viết Đơn Kêu Cứu ngày 7-3-96 yêu sách ba điều, ông Ký đã bị bác đơn đi thăm nuôi hôm 30-3-96 vừa qua. Dưới đây là nguyên văn Đơn Kêu Cứu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐƠN KÊU CỨU

Duy Sơn, ngày 7-3-96

Kính thưa quý cấp Lãnh đạo Đảng, Chính quyền Nhà nước các Cấp,

Kính thưa quý Thầy, quý Giáo Hội, quý Chùa, quý Đạo hữu và Phật tử mười phương,

Tôi tên là Nguyễn Đình Ký, sinh năm 1912. Hiện cư trú tại thôn I, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Tôi nay tuổi đã già, sức đã yếu, biết tỏ cùng ai nỗi niềm chua xót khôn cùng! Hơn một năm qua, vừa rồi tôi mới cố gắng để đi ra tận Hà Nội

thăm Thầy Thích Hải Tạng đang bị tù gần ba năm nay. Ngày Thầy bị bắt rồi bị xử án của chính quyền, gia đình tôi không hề hay biết, khi Thầy bị giam ở Quảng Trị rồi đưa ra Nam hà, tôi cũng đã cố gắng đi thăm được mấy lần. Nhưng chưa lần nào tôi thấy xót xa như lần này!

Gặp mặt thầy được khoảng 30 phút, sức khỏe của thầy đã quá yếu, thân gầy ốm, và gặp được thầy mới biết thầy đã bị biệt giam gần chín tháng nay. Suốt ngày chỉ biết bốn bức tường chung quanh mình! Thầy đã bị loét dạ dày nặng được báo động mổ nhiều lần không biết còn chịu đựng được bao lâu! Ba mươi phút trôi qua nhanh quá tôi ghen ngào chia tay thầy với bao niềm chua xót! Ra về mà hình bóng gầy gò của thầy cứ chấp chờn trước mắt, bên tai tôi cứ còn mãi nghe những lời thầy nói mà tôi có cảm giác như những lời tuyệt mệnh: *"Thôi xin Cha mẹ hãy coi như đã có một người con hy sinh vì Đạo Pháp, nếu con có chết trong tù cũng vinh dự hơn chết ở chùa, mà chắc gì con được chết ở chùa đâu? Cha mẹ đừng đi thăm con nữa, mười lăm tháng nữa là con sẽ về"* (mười lăm tháng nữa là đủ 4 năm theo án tù mà thầy Hải Tạng bị xử ở tù).

Kính lạy Phật, kính thưa quý Cấp,

Mười lăm tháng nữa, mười lăm tháng nữa thầy còn chịu đựng được cảnh sống trong 4 bức tường với những cơn đau dạ dày bị loét không? Tôi xót xa quá, nóng lòng quá, bao nhiêu suy nghĩ cứ dày vò trong đầu óc tôi hằng đêm, và còn nữa, những ngày mà mọi người dân Việt Nam đón xuân vui Tết Bính Tý là những ngày thầy tuyệt thực! Ôi xót xa quá, đau xót quá!

Kính thưa quý Cấp Lãnh đạo Đảng, Chính quyền Nhà nước các Cấp,

Kính thưa quý Thầy, quý Giáo hội, quý Đạo hữu và Đồng bào Phật tử mười phương,
Nhiều đêm nằm xót xa suy nghĩ đau lòng

nhưng biết tỏ cùng ai, tôi trộm nghĩ mình là một công dân của Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa, là đạo hữu của Giáo hội, tôi viết đơn này kêu cứu.

Là thân sinh của thầy, từ trước đến giờ, kể từ ngày thầy bị bắt và thi hành án, tôi chưa hề có ý kiến nào cả, chỉ trông mong sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Nhà nước và sự đứng đắn nghiêm minh của Pháp Luật.

Cho đến hôm nay, khi nhìn thấy thầy với tấm thân bịnh hoạn, yếu đuối trong tình trạng biệt giam, chúng tôi có đôi điều chưa được rõ, kính mong được giải thích:

- Là thân sinh của Thầy, nhưng từ khi Thầy bị bắt, đưa ra xét xử trước tòa, chúng tôi đều không được sự báo tin của chính quyền, của cơ quan chức năng. Tôi cũng chưa rõ tội trạng của Thầy như thế nào (mà) phải đưa đến biệt giam theo quy định của Pháp Luật?

- Trong khi chúng tôi đang thăm Thầy trong phòng tại Hà Nội, rồi lại bị đưa Thầy vào trong, tôi nghe tiếng kêu la than khóc của Thầy thét lên. Thầy đang bị làm gì trong lúc ấy?

Là thân sinh của Thầy, chúng tôi kính đề nghị quý nhà lãnh đạo 3 vấn đề sau:

1) Đề nghị thôi ngay tình trạng biệt giam đối với Thầy;

2) Đề nghị trong lúc Thầy bị bịnh nặng và nguy kịch như thế để cho Thầy được tại ngoại trong thời gian được chữa bệnh;

3) Nếu trường hợp phải mổ, giải phẫu đối với Thầy, phải có sự chấp thuận của thân nhân, vì trong lúc đau nặng Thầy sẽ thiếu chính xác trong việc quyết định giải phẫu của mình, (thân nhân ở đây ít nhất, phải có chúng tôi là cha mẹ hoặc anh em ruột, và quý Thầy tại Chùa Linh Mục, Chùa Long An, nơi Thầy đã tu học trước đây).

Với ba yêu cầu trên hết sức bình thường và thỏa đáng trong lúc Thầy còn đang trọng bịnh. Ngoài ra nếu án còn, Nhà nước tiếp tục

áp dụng, Thầy sẽ thi hành đúng theo qui định của Pháp luật một cách công khai rõ ràng và nếu đúng đắn, chúng tôi hoàn toàn không có ý kiến.

Những yêu cầu trên đây rất mong được quý Cấp quan tâm giải quyết và thông báo cho chúng tôi rõ.

Với tuổi già sức yếu đã ngoài tám mươi, tôi tha thiết đề đạt 3 yêu cầu trên và xin phát nguyện rằng trong vòng hai tháng nếu các yêu cầu không được giải quyết, chúng tôi sẽ đồng hy sinh thân mạng này chết đi để được theo gia họ con tôi.

Kính mong quý Cấp Lãnh đạo Đảng Chính quyền hãy rộng lượng, thực hành luật pháp đúng trên tinh thần công bằng và bình đẳng.

Kính mong quý Thầy, quý Giáo hội, cùng đồng bào Phật tử mười phương hãy lấy lòng từ bi hộ niệm và cầu nguyện cho Thầy.

Trân trọng kính chào,

Nam mô A Di Đà Phật

Thân sinh của Thầy Thích Hải Tạng

(ký tên)

Nguyễn Đình Ký

(Thông Cáo Báo Chí ngày 12-4-96 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

**THƯỢNG TỌA TỔNG THƯ KÝ HỘI
ĐỒNG ĐIỀU HÀNH GHPGVNTNHN-
HK TRAO THỈNH NGUYỆN THƯ ĐẾN
TỔNG THƯ KÝ LIÊN HIỆP QUỐC**

Trước hiện tình pháp nạn ngày một bức thiết mà cụ thể là Chư tôn đức giáo phẩm lãnh đạo GHPGVNTN như HT Thích Huyền Quang, HT Thích Quảng Độ, TT Thích Tuệ Sỹ, TT Thích Trí Siêu, TT Thích Không Tánh, TT Thích Nhật Ban, ĐĐ Thích Trí Tụ, ĐĐ Thích Trí Lực, ĐĐ Thích Hải Tạng v.v... đang bị nhà nước CSVN chủ mưu ám hại sau nhiều năm tù đày, khảo tra, quản thúc, vào ngày 30

tháng 4 năm 1996 vừa qua, TT Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-HK Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã đến tại Trụ sở của Liên Hiệp Quốc để trao Thỉnh nguyện thư của Giáo Hội cho ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc tại New York. Cùng đi với Thượng tọa Thích Viên Lý còn có T.T. Thích Minh Tuyên, Vụ Trưởng Vụ Cư Sĩ và quý vị đại diện các cộng đồng người Việt tại New York, New Jersey, Massachusetts, Mariland, Virginia, Washington D.C. v.v...

Người tiếp kiến phái đoàn là Dr. Purification Quisumbing, phụ tá Tổng Thư Ký LHQ đặc trách nhân quyền, Giám đốc Trung Tâm Nhân Quyền của cơ quan Liên Hiệp Quốc tại New York và bà Elsa Stamapopulou nguyên Giám đốc Trung Tâm Nhân Quyền của LHQ vừa được chuyển qua nhiệm sở mới.

Suốt trên một giờ đồng hồ gặp gỡ trao đổi, ngoài việc trao thỉnh nguyện thư cho ông Tổng Thư Ký LHQ, Thượng Tọa Thích Viên Lý còn trình bày một cách chi tiết về tình trạng Phật giáo đã và đang bị CSVN bức hại và yêu cầu Liên hiệp Quốc lên tiếng can thiệp để tình trạng nhân quyền tại Việt Nam mà nhất là quyền tự do tôn giáo được tôn trọng đúng mức; ngoài ra Thượng tọa còn trao cho hai vị đại diện tổ chức LHQ một tập hồ sơ trong đó bao gồm nhiều dữ kiện mới nhất về chánh sách đàn áp Phật giáo nói riêng, các tôn giáo nói chung một cách thâm độc, có hệ thống của chế độ Cộng Sản hiện hành.

Tiếp theo Thượng Tọa Viên Lý, T.T. Minh Tuyên, L.S Mặc Trường, ông Trần Minh Trí, Trần Văn Đăng, Họa sĩ Vũ Hối và bà Hồng Liên đều lên tiếng tố cáo chính sách đàn áp tôn giáo, chà đạp nhân quyền của chế độ CSVN và nhất là yêu cầu Liên Hiệp Quốc quan tâm giúp đỡ cho số phận khó khăn của những đồng bào tỵ nạn tại các trại Đông Nam Á.

Dr. Quisumbing và bà Elsa đã cho biết là họ đã vô cùng xúc động khi được con biết người Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản đã và đang bị đối xử còn tệ hơn các loài thú vật. Họ đã đề nghị là người Việt tỵ nạn nên tiếp tục tranh đấu để chấm dứt tệ trạng mà theo họ, không thể chấp nhận được ở hậu bán thế kỷ hai mươi này. Họ cũng đã hứa là sẽ làm đủ mọi cách để áp lực nhà nước Cộng Sản Hà Nội phải tôn trọng những điều khoản mà chính họ đã tôn trọng ký kết khi xin gia nhập tổ chức Liên Hiệp Quốc.

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2540 TỔ CHỨC CHUNG TẠI LITTLE SAIGON, CALIFORNIA, HOA KỲ

Chủ nhật 5/5/96, cộng đồng Phật giáo Việt Nam Nam Calif. đã long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản PL 2540 tại trường Đại học Cộng đồng Rancho Santiago, thành phố Santa Ana, California, Hoa Kỳ.

Buổi lễ đã quy tụ hơn 10 ngàn đồng bào Phật tử, có hơn 100 chư Tôn Đức Tăng Ni từ nhiều nơi về tham dự như HT Thích Tâm Châu từ Canada, HT Thích Mãn Giác từ Los Angeles, HT Thích Hộ Giác và HT Thích Chơn Điền từ Houston Texas, HT Thích Chánh Lạc từ Colorado, HT Thích Đức Niệm và HT Thích Trí Chơn từ North Hills và nhiều chư Tôn giáo phẩm khác đến từ các tiểu bang khác nhau của Hoa Kỳ và tại miền Nam Calif. Hiện diện còn có Linh Mục Vũ Đình Trác, đại diện Đức Ông Nguyễn Đức Tiến, Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam tại Orange, GS Nguyễn Thành Long, đại diện Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo, Hiền Tài Nguyễn Văn Chính, XLTV. Khâm Châu Đạo California, Ông Chế Thuần Nghiệp, Hội Trưởng Hội Tín Hữu Cao Đài Miền Nam California, GS Lê Tinh Tông, Chủ tịch Phong Trào Giáo Dân Việt Nam; về phía Hoa Kỳ có Dân biểu Jim Morrissey, Tiến sĩ Enriqueta L. Ramos, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Đại Học Rancho Santiago, đại diện Dân biểu Robert Dorman và đại diện Dân biểu Mickey Conroy; phía Việt Nam có ông Bùi Bình Bân, Chủ tịch Cộng Đồng Việt Nam Nam California, nhiều đại diện đoàn thể và hội đoàn cùng rất đông đại diện các cơ quan truyền thông.

Trong diễn văn khai mạc, TT Thích Hành Đạo, Trưởng Ban Tổ Chức, đã phát biểu là buổi lễ được tổ chức long trọng để đền đáp công ơn hóa độ của Đức Thích Ca Mâu Ni, cầu nguyện cho quê mẹ Việt Nam và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà sớm thoát khỏi cơn quốc nạn và pháp nạn.

Sau đó là Thông điệp Phật Đản PL 2540 của Hội Đồng Đại Diện GHPGVNTNHN-HK Văn Phòng II Viện Hóa Đạo do HT Thích Đức Niệm tuyên đọc. Thông điệp ca ngợi sự ra đời của Đấng Từ Phụ và nhấn mạnh đến sự chuyển hóa người CS thoát khỏi vô minh để dân tộc Việt Nam được sinh tồn tiến bộ cùng với bước tiến thời đại của nhân loại.

Tiếp theo là đạo từ của HT Thích Tâm Châu, Thượng Thủ GHPGVN Trên Thế Giới. HT nhấn mạnh đến sự tu học của người Phật tử, làm sao để rèn luyện cho mình chân tâm bền vững, trí tuệ sáng suốt.

Sau đó là phần phát biểu của nhị vị Hòa Thượng Thích Mãn Giác, Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. HT đã nhắc lại lời dạy trong kinh Pháp Hoa: *nhà Phật là nhà đại từ bi, áo Phật là áo nhãn nhục, chỗ ngồi của Phật là tất cả pháp không.*

HT Thích Hộ Giác, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại - Hoa Kỳ, trong phần đạo từ cho rằng chúng ta có mặt hôm nay là biểu hiện sự liên kết của tất cả những người Việt Nam đã bỏ nước ra đi, là sự đoàn kết keo sơn gắn bó trong mẫu số chung của những người đã mất mát tất cả.

Chương trình thật dài nhưng đồng bào Phật tử vẫn ở lại đến giờ chót mà theo TT Thích Hành Đạo, Trưởng Ban Tổ Chức, là đồng bào Phật tử Miền Nam Calif. đã hưởng trọn một ngày vui Khánh Đản. Họ ngồi dưới nắng say sưa đọc kinh cầu nguyện rồi thưởng thức văn nghệ. Ông Huỳnh Tấn Lê, Thư Ký Ban Tổ Chức cũng đã phát biểu là đồng bào Phật tử rất vui mừng khi nhìn thấy tất cả Chư Tôn giáo phẩm Tăng Ni đã đến chứng minh buổi lễ và nhất là chư vị Hòa Thượng lãnh đạo các Giáo Hội và Tông Phái Phật Giáo đã nhất tâm ngồi lại trong tinh thần hòa hợp.

(Quảng Phước ghi lại)

HÌNH ẢNH SINH HOẠT



Chư Tôn giáo phẩm thành tâm trước lễ đài cử hành Đại lễ Phật-Đản.



Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm trang trọng tuyên đọc thông điệp Phật-Đản 2540.



Chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Toạ dự Đại lễ Phật-Đản 2540 được trọng thể tổ chức tại khuôn viên Đại-Học Rancho Santiago ở Santa Ana, Nam California ngày 05-05-1996.



Chư Tôn đức Tăng già và gần 10 ngàn Phật tử trang nghiêm tưng bừng kính mừng Đại-Lễ Phật-Đản.



Chư Phật tử thành kính rước kiệu Phật-Đản sanh và Xá-Lợi Phật hương về lễ đài.



Đoàn thanh thiếu niên sinh viên học sinh Phật tử hân hoan đồng ca mừng Khánh-Đản.



Lễ tưởng niệm Cố Đại Lão Hòa-Thượng Thích-Kế-Châu được long trọng cử hành tại chùa Diệu Pháp, thành phố Monterey Park, Nam California, ngày 28-01-1996 với sự tham dự trên 80 vị Tôn đức Tăng Ni.



Gần 600 Phật tử tham dự lễ tưởng niệm Cố Đại Lão Hòa-Thượng Thích-Kế-Châu.



Các Phật tử gần xa vùng Dallas - Texas đã hoan hỷ tham dự bữa cơm thân mật để gây quỹ xây cất chánh điện chùa Từ-Đàm Hải-Ngoại, ngày 23-03-1996.



Chánh điện Từ-Đàm Hải-Ngoại do Thượng-Tọa Thích-Tín-Nghĩa Viện Chủ vận động xây cất, dù đã trải biết bao cực nhọc, nhưng chỉ mới được 2/3 (xem hình), rất mong quý Phật tử gần xa phát tâm Bồ-đề tiếp tay hùn phước để cho ngôi Tam-Bảo Từ-Đàm sớm được hoàn thành, sẽ là một trong những nơi hoằng truyền chánh pháp, phát triển văn hóa truyền thống dân tộc Việt-Nam.

Địa chỉ: Chùa **TỪ-ĐÀM HẢI-NGOẠI**, 615 Gilbert Road., Irving, TX 75061 ; **TEL. (214) 986-1019**

TRI - ÂN

Phương danh Chư Tôn Đức và Phật tử ủng hộ Tạp Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại.

H.T. Thích-Thắng-Hoan	\$100.00	Ni-Sư Thích-Nữ Nguyên-Thanh	\$50.00
H.T. Thích-Trí-Chơn	\$300.00	Ni-Sư Thích-Nữ Diệu-Từ	\$100.00
T.T. Thích-Thiện-Trì	\$100.00	Chùa Phật-Ân	\$100.00
T.T. Thích-Giác-Lượng	\$100.00	Chùa Diệu-Đế	\$100.00
T.T. Thích-Tín-Nghĩa	\$100.00	Chùa P.G.V.N. Denver Colorado	\$100.00
T.T. Thích-Nguyên-An	\$100.00	Hội P.G. Hải-Nhuận Bắc California.....	\$100.00
T.T. Thích-Nguyên-Trí	\$100.00	Chùa Quang-Minh	\$200.00
Đ.Đ. Thích-Tâm-Quang	\$50.00	Phật-Học-Viện Quốc-Tế	\$500.00



Phật-tử Bốn Nhon & Bốn Thiện	\$50.00	Pt. Hoàng-Văn-Bường	\$50.00
Pt. Huỳnh-Tấn-Lê	\$200.00	Pt. Trương Châu.....	\$20.00
Pt. Thanh Chánh	\$50.00	Pt. Nguyễn Ái.....	\$30.00
Pt. Diệu Hoa Thọ	\$50.00	Pt. Chuck Lê	\$40.00
Pt. Nguyễn-Kim-Hoa Pd. Quảng Liên ...	\$50.00	Pt. Nguyễn-Đức-Chất	\$30.00
Pt. Nguyễn-Xuân-Quan Pd. Quảng Trọng .	\$25.00	Pt. Trần-Đình-Hữu Pd. Minh Hạnh	\$40.00
Pt. Nguyễn-Xuân-Phúc Pd. Quảng Lộc...	\$25.00	Pt. Nguyễn-Văn-Hai	\$20.00
Pt. Phúc Hải & Diệu Hòa	\$100.00	Pt. Quách-Hoa-Anh Pd. Diệu Minh	\$20.00
Pt. Diệu Hỷ & Diệu Hiếu & Diệu Hiền ..	\$30.00	Pt. Toàn P. Lợi	\$19.00
Pt. Trần-Thị-Hạp Pd. Diệu Hòa	\$50.00	Pt. Thanh Hiến	\$100.00
Pt. Thiện Bữu & Diệu Thanh	\$20.00	Pt. Nguyễn-Thị-Duyên	\$20.00
Pt. Diệu Ý	\$20.00	Pt. Đặng-Trinh-Kỳ	\$20.00
Pt. Diệu Thanh	\$20.00	Pt. Nguyễn-Phương-Hoàng-Thu-Thảo ...	\$20.00
Pt. Diệu Chơn	\$20.00	Pt. Hoa-Van-Nguyen	\$100.00
Pt. Hoa Thiện	\$20.00	Pt. Chơn Quán	\$20.00
Pt. Trần-Kim-Hương	\$50.00	Pt. Diệu Hòa & Diệu Lý & Minh Đức ...	\$10.00
Pt. Thu-T-Chúc	\$20.00	Pt. Bé Phước Bình	\$5.00
Pt. Nguyễn-M-Hùng & Thảo T.N. Nguyễn...	\$50.00		



NHỮNG KINH SÁCH DO PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN
(The Publication of P.H.V.Q.T. available for distribution and voluntary donation)

BẢN THƯ MỤC THÁNG 05-1996

Kinh Hoa Nghiêm (Trọn bộ 8 quyển - bìa dày)	Thích Trí Tịnh ... mỗi quyển	\$12.00
Kinh Nhứt Tụng	(Tụng Niệm hàng ngày)	\$11.00
Kinh Nghi Thức Tụng Niệm(đủ loại nghi thức).....	(Thống Nhất cỡ nhỏ)	\$7.50
Kinh Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$2.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh A Di Đà Và Quán Vô Lượng Thọ	Thích Thiện Tâm	\$6.00
Kinh A Di Đà Sơ Sao	Thích Hành Trụ	\$10.00
Kinh A Nan Vấn Phật Sự Phật Cát Hung	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bát Đại Nhân Giác	Thích Thanh Từ	\$5.00
Kinh Bảo Tích	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bách Dụ	Thích-Nữ Như-Huyền	\$4.00
Kinh Bách Dụ (Anh-Hán)	\$5.00
Kinh Dược Sư	Thích Huyền Dung	\$4.00
Kinh Duy Ma Cật	Thích Huệ Hưng	\$5.00
Kinh Đại Bát Nhã (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$36.00
Kinh Đại Bát Niết Bàn (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày).....	Thích Trí Tịnh	\$42.00
Kinh Địa Tạng Nghĩa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Địa Tạng Mật Nghĩa	Chánh Trí	\$6.00
Kinh Đại Bi Tâm Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (hình màu tuyệt đẹp).....	Thích Thiện Tâm	\$13.00
Kinh Hiền Ngu	Thích Trung Quán	\$9.00
Kinh Kim Cang	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Kinh Kim Cang Giảng Lục	Thái Hư Đại Sư	\$5.00
Kinh Lăng Già Tâm Ấn	Thích Thanh Từ	\$9.00
Kinh Lương Hoàng Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$12.00
Kinh Mục Liên Sám Pháp	Thích Quảng Độ	\$7.00
Kinh Pháp Cú	Thích Trí Đức	\$4.00
Kinh Pháp Hoa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$12.00
Kinh Pháp Bảo Đàn (Bìa dày mạ vàng)	Thích Minh Trực	\$7.00
Kinh Phổ Môn Giảng Lục	Thích Trí Nghiêm	\$8.50
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện (Việt-Anh - bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$7.00
Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới	Thích Trí Tịnh	\$4.00
Kinh Tam Thiên Phật Danh	Ấn Tích Thiện Sư	\$9.00
Kinh Tam Bảo (Âm Nghĩa - Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Trọn bộ 2 quyển - bìa dày)	Cư Sĩ Tâm Minh	\$30.00
Kinh Thủy Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$9.00
Kinh Thắng Man Nhứt Thừa Đại Phương Tiện	Thích Đức Niệm dịch	\$8.00
Kinh Trường A Hàm	Thích Thiện Siêu	\$8.00
Kinh Vị Tàng Hữu Thuyết Nhân Duyên	Thích Hành Trụ	\$5.00
Kinh Viên Giác	\$3.00
Ánh Đạo Vàng	Võ Đình Cường	\$5.00
Ba Ngàn Năm Một Kiếp Luân Hồi	Thích Tâm Quang	\$8.00
Bồ Đề Đạt Ma Quán Tâm Pháp	Bồ Đề Đạt Ma	\$8.00
Biện Minh Tu Chứng	Thích Trung Quán	\$5.00
Bước Đầu Học Phật	Thích Thanh Từ	\$7.00
Câu Xá Luận Cương Yếu	Thích Đức Niệm	\$6.00
Câu Chuyện Dòng Sông	Phùng Khánh	\$5.00
Các Tông Phái Của Đạo Phật	Tuệ Sĩ	\$9.00
Con Người Siêu Việt (Milarepa).....	Đỗ Đình Đồng dịch	\$6.00
Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo	Thích Tín Nghĩa phụng soạn	\$10.00
Cốt Tủy Đạo Phật	Trúc Thiên	\$5.00
Cửa Thiền Dính Bụi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Cửa Thiền Vắn Mở	Diệu Nga	\$9.00
Chìa Khóa Học Phật	Thích Thanh Từ	\$5.00
Chư Thiên Đức Hành Trang (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ	\$16.00

Chú Lăng Nghiêm & Thập Chú (Bìa dày loại bỏ túi)		\$3.00
Chứng Đạo Ca	Huyền Giác Thiền Sư	\$5.00
Duy Thức Nhập Môn	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Đại Cương Triết Học Phật Giáo	Thích Đạo Quang	\$6.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận	Thích Quảng Độ	\$8.00
Đại Thừa Khởi Tín Luận	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Đại Ma Huyền Trang	Thích Tín Nghĩa	\$7.00
Đạo Phật Với Tuổi Trẻ	Thích Thanh Từ	\$5.00
Đạo Phật Và Đời Sống Hiện Đại (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Để Hiểu Đạo Phật	Phương Bối	\$5.00
Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn	Thiền Sư Huệ Hải	\$4.00
Đức Phật Và Phật Pháp (Bìa dày)	Phạm Kim Khánh	\$12.00
The Buddha And His Teachings	Đại Đức Narada	\$8.00
Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật	Tịnh Mặc	\$4.00
Hạnh Phúc Lửa Đồi (Việt-Anh)	Thích Tam Quang	\$5.00
Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo	Lý Khôi Việt	\$7.00
25 Bài Thuyết Pháp Của Thái Hư Đại Sư	Thích Khánh Anh dịch	\$8.00
Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận	Thích Khánh Anh dịch	\$6.50
Hiển Mật Viên Thông	Thích Viên Đức dịch	\$5.00
Huyền Học Đạo Phật Và Thiền Chứa	D.T. Suzuki	\$6.00
Huyền Trang (Việt-Anh)	Thích Minh Châu	\$9.00
Huyền Luận Về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	Thái Hư Đại Sư	\$4.00
Làm Sao Thực Hành Lời Phật Dạy (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hãi & Lo Lắng (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Lăng Nghiêm Đại Định	Thích Huệ Hưng	\$2.00
Liễu Sanh Thoát Tử	Thích Quang Phú	\$4.00
Luật Sa Di Và Sa Di Ni	Thích Trí Quang	\$10.00
Luật Sa Di Giải	Thích Hành Trụ dịch	\$7.00
Luận Đại Trí Độ (Trọn bộ 9 quyển)	Thích Trung Quán ... mỗi quyển	\$8.00
50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo	Thích Thiện Hoa	\$8.00
Niệm Phật Thập Yếu	Thích Thiền Tâm	\$7.00
Buddhism Of Wisdom And Faith		\$7.00
Niệm Phật Viên Đốn	Minh Lễ	\$6.00
Nét Đẹp Đông Phương (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Nữ Thế Quán ... mỗi quyển	\$4.00
Nẻo Vào Thiền Học	Nhất Hạnh	\$7.00
Ngài Huệ Năng	Thích Trí Quang	\$6.00
Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Người Muôn Thuở	Thích Đức Niệm	\$8.00
Người Đẹp Và Bóng Hạnh Phúc	Cát Tường và Thế Quán	\$3.00
Ngu Ngôn		\$5.00
Nhân Quả Nghiệp Và Luân Hồi	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Nhị Khóa Hiệp Giải	Thích Khánh Anh	\$10.00
Như Thế Mà Trôi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 10 quyển - 12 khóa)	Thích Thiện Hoa ... mỗi quyển	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 2 tập - Bìa dày)	Thích Thiện Hoa	\$80.00
Phật Học Từ Điển (Trọn bộ 3 quyển)	Đoàn Trung Còn	\$63.00
Phật Học Tinh Yếu (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Thiền Tâm	\$20.00
Phật Pháp Yếu Nghĩa	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phật Pháp (Chương trình gia đình Phật-tử)	Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí, Đức Tâm	\$7.00
Phật Pháp Con Đường Giải Thoát	Jagdish Kasyapa	\$5.00
Phật Pháp Khái Luận	Ấn Thuận Đạo Sư	\$7.00
Phật Và Thánh Chứng	Cao Hữu Đỉnh	\$6.00
Phật Giáo Chánh Tín	Thích Thánh Nghiêm	\$6.00
Phật Giáo Vấn Đáp (Việt-Anh)	Thích Trí Chơn dịch	\$6.00
Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức (Việt-Anh).....	Thích Tâm Quang	\$5.00
Phật Giáo Việt Nam 1963	Quốc Tuệ	\$15.00
Phật Giáo Việt Nam Và Hướng Đi Nhân Bản	Trần Thạc Đức	\$5.00
Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây	Bác Sĩ Migot	\$4.00

Pháp Hoa Huyền Nghĩa	Chánh Trí	\$8.00
Pháp Ngữ Lục	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phương Pháp Cải Đối Vận Mạng	Thích Đức Niệm	\$5.00
Quê Hương Cực Lạc	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Qui Sơn Cảnh Sách	Tổ Qui Sơn	\$4.00
Sáu Cửa Thiền Thất	Trúc Thiên	\$6.00
Sống Thiền	Trí Hải dịch	\$5.50
Sự Tích Phật A Di Đà, Chư Bồ Tát Và Tổ Sư	\$9.00
Tại Gia Bồ Tát Giới	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$3.00
Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Tâm Kinh	Thích Thanh Từ	\$5.00
Tín Tâm Minh	Tam Tổ Tăng Xán	\$3.00
Tình Người	Tâm Quán	\$5.00
Tịnh Độ Thập Nghi Luận	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Pure Land Buddhism	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$6.00
Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$14.00
Tổ Thiền Tông	Thích Thanh Từ	\$6.00
Tọa Thiền Tam Muội	Thích Thanh Từ	\$4.00
Tư Tưởng Phật Học	Trí Hải dịch	\$5.00
What The Buddha Taught	Đại Đức Rahula	\$4.00
Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Văn Tiểu Thừa	Thích Chơn Trí	\$8.00
Thầy Tăng Mở Nước	Nguyễn Quỳnh	\$6.00
Thế Giới Quan Phật Giáo	Thích Mật Thể	\$4.00
Thử Hòa Diệu Sống	Võ Đình Cường	\$5.00
Thiền Căn Bản	Thích Thanh Từ	\$5.00
Thiền Đạo Tu Tập (Bìa dày)	Như Hạnh dịch	\$12.00
Thiền Học Việt Nam	Nguyễn Đăng Thục	\$7.00
Thiền Học Trần Thái Tông (Bìa dày)	Nguyễn Đăng Thục	\$12.00
Thiền Và Phân Tâm Học (Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$12.00
Thiền Luận (Trọn bộ 3 quyển - Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$40.00
Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Triết Học Phật Giáo	Phan Văn Hùm	\$5.00
The Teaching Of Buddha	\$8.00
THE STORY OF BUDDHA (Có phụ hình ảnh đẹp)	\$5.00
Truyện Cổ Phật Giáo (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Minh Chiếu ... mỗi quyển	\$4.50
Trực Chỉ Chơn Tâm	D.T. Suzuki	\$6.00
Trao Cho Thời Đại Một Nội Dung Phật Chất (Việt-Anh)	Thích Đức Nhuận	\$4.00
Vãng Sanh Luận	Nhất Chơn dịch	\$9.00
Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học	Nhất Hạnh	\$5.00
Vài Nét Chính Luận Lý Phật Giáo	Thích Thanh Từ	\$5.00
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược	Thích Mật Thể	\$6.50
Vết Nhạn Lưng Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Xuân Trong Cửa Thiền (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ ... mỗi tập	\$5.00
Em Mơ Người Hoang Đảo	Thích Nữ Thể Quán	\$4.00
* Cờ Phật Giáo bằng giấy (10 x 17 inches)	(mỗi lá cờ)	\$0.95

NHỮNG PHẬT CỤ CẦN THIẾT CHO HÀNH GIẢ

Áo tràng lễ màu lam (đủ cỡ lớn nhỏ, gọn đẹp, trang nghiêm)	\$36.00
Chuỗi Bồ-Đề Minh-Nguyệt, Chuỗi Trầm 108 hạt, mỗi xâu \$9.00 ☉☉☉ Chuỗi đeo tay	\$4.50
Chuông Mỏ gia trì 16 inches và 23 inches cho các Chùa Viện hành trì
Chuông-Mỏ cỡ lớn 5 inches \$86.00 ☉☉☉ Chuông-Mỏ cỡ nhỏ 3 inches	\$70.00
Băng Thuyết Pháp	\$1.50
Tượng Phật & Tượng các vị Bồ-Tát mạ vàng (đứng 7 inches - ngồi 6 inches)	\$86.00
Tấm Đà-La-Ni đắp người làm chung (loại thường)	\$46.00
Tấm Đà-La-Ni đắp người làm chung (loại hoa sen)	\$95.00
Khánh Dẫn Lễ	\$40.00

VÀI NÉT VỀ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

Phật-Học-Viện Quốc-Tế thành lập trong tâm nguyện đào tạo nhân tài chân tu thật học để phụng sự chánh pháp, duy trì và phát triển văn hóa đạo đức truyền thống của tổ tiên dân tộc. Với mục đích trên, trong suốt hơn mười lăm năm qua cũng như hiện nay, dù gặp phải bao khó khăn, Phật-Học-Viện vẫn không ngừng thực hiện tâm nguyện của mình. Song song với việc đào tạo nhân tài, hoàng pháp lợi sanh, Phật-Học-Viện còn cố gắng in hàng trăm ngàn kinh sách giá trị để cung cấp khắp nơi, nhất là các trại ty nạn và gửi về tặng các chùa ở Việt-Nam.

Ngoài ra, giảng sư Phật-Học-Viện cũng đã liên tục đi hoàng pháp khắp đó đây, trong cũng như ngoài Hoa-Kỳ, nơi nào có chùa, có Hội Phật-giáo hay Cộng-đồng Phật-tử thỉnh mời thuyết pháp, thì giảng sư Phật-Học-Viện đến tận nơi, chân tình hướng dẫn tu tập đúng như chánh pháp. Nơi nào cần, chúng tôi đến ; hết cần, chúng tôi đi. Đến đi như gió thoảng cành trúc, nhận qua mặt hồ, không ý đồ thanh thế lợi danh, không vương bận ân tình thân sơ.

Cánh cửa Phật-Học-Viện luôn luôn rộng mở tiếp đón những người tâm thành chánh tín thuận chơn cầu tu học đạo giác ngộ. Kinh sách Phật-Học-Viện phổ cập khắp bốn phương. Con người Phật-Học-Viện lúc nào cũng trải rộng tình thương, kiên tâm vững chí với lý tưởng phục vụ văn hóa đạo pháp và dân tộc xứ sở.

Chương trình tu học của Phật-Học-Viện đúng như truyền thống quy củ thiền môn. Tăng ni sinh sáng chiếu chuyên tâm kinh kệ, bái sám, tham thiền, phát nguyện sống đời thanh tịnh Lục-hòa, chan chứa tình huynh đệ, tạo nguồn an lạc để phục vụ nhân sinh.

Mỗi đầu tháng có tổ chức khóa tu Tịnh-Nghiệp cho những người nhiếp tâm chánh niệm cầu sanh Cực-Lạc. Hằng tháng Bố-Tát hai lần. Đặc biệt mỗi sáng chủ nhật, lúc 6 giờ trời còn mờ sương, Phật-tử từ các phương vân tập về Phật-Học-Viện thành tâm lễ Sám-Hồng-Danh với sự hướng dẫn của chư Tăng, tiếp theo nghe thầy giảng kinh, sau đó ra vườn công quả. Đến 11 giờ cùng nhau quá đường thọ trai, kinh hành niệm Phật. Mỗi chiều chủ nhật vào lúc 2 giờ rưỡi, Phật-Học-Viện cử hành lễ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, sau đó thuyết pháp và giải đáp tường tận những chỗ nghi ngờ của những Phật-tử có tâm thành cầu thấu hiểu đạo lý và pháp môn tu tập.

Từ năm 1991 đến nay, Phật-Học-Viện đã liên tục in kinh sách gửi cúng dường các chùa khắp ba miền Nam Trung Bắc Việt-Nam, gồm có : Mười ngàn bộ kinh Pháp-Hoa và hàng ngàn các kinh Địa-Tạng, Thủy-Sám, Lương-Hoàng-Sám, kinh Dược-Sư, kinh Nhật-Tụng, Nghi-Thức Tụng-Niệm và ngàn bộ kinh Đại-Bảo-Tích bìa dày mạ vàng, mỗi bộ gồm 9 quyển, mỗi quyển khổ lớn như kinh Pháp-Hoa. Ngoài ra còn in bảy trăm bộ Phật-Học-Phổ-Thông bìa dày hiến tặng cho các Phật-Học-Viện để làm tư liệu tu học cho Tăng Ni sinh.

Thưa quý vị ! Khi tâm thần bất an, đọc kinh sách sẽ thấy lòng thanh thản an vui, cũng là dịp để gắn gũi với tư tưởng thánh hiền. Đọc kinh sách là phương cách tốt nhất để an định tâm thần, khai thông trí tuệ, thánh thiện hóa thân tâm, sống gần đạo giác ngộ giải thoát. Thiết tưởng mỗi chùa viện, mỗi gia đình nên có tủ kinh sách để làm phương tiện khai triển trí huệ xây dựng hạnh phúc, thánh thiện đời mình và con cháu. Tiền bạc sẽ không còn mãi. Kinh sách chan chứa lời thánh hiền đạo đức còn đời đời.

Có dịp, xin mời quý vị hoan hỷ một lần quá bước đến Phật-Học-Viện, trước lễ Phật sau viếng cảnh thanh sơ, kết thiện duyên Bồ-Đề tình con Phật từ bi trong tình đồng hương viễn xứ, để lòng được thêm thanh thản trong những ngày còn sống tha hương.

- 1/. Quý vị hoan hỷ chuyển bản thư mục này đến thân quyến bạn hữu với lời khuyến khích, tức là quý vị góp phần công đức trong việc hoàng pháp lợi sanh.
- 2/. Ngoài bản thư mục này, Phật-Học-Viện không có ấn hành kinh sách nào khác.
- 3/. Phật-Học-Viện in kinh sách đều có sự chọn lọc kỹ và chỉ có khả năng in một lần mà thôi.

Thư từ ngân phiếu xin đề : **PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ**
9250 Columbus Ave.
North Hills, CA 91343 - U.S.A.
Tel. (818) 893-5317

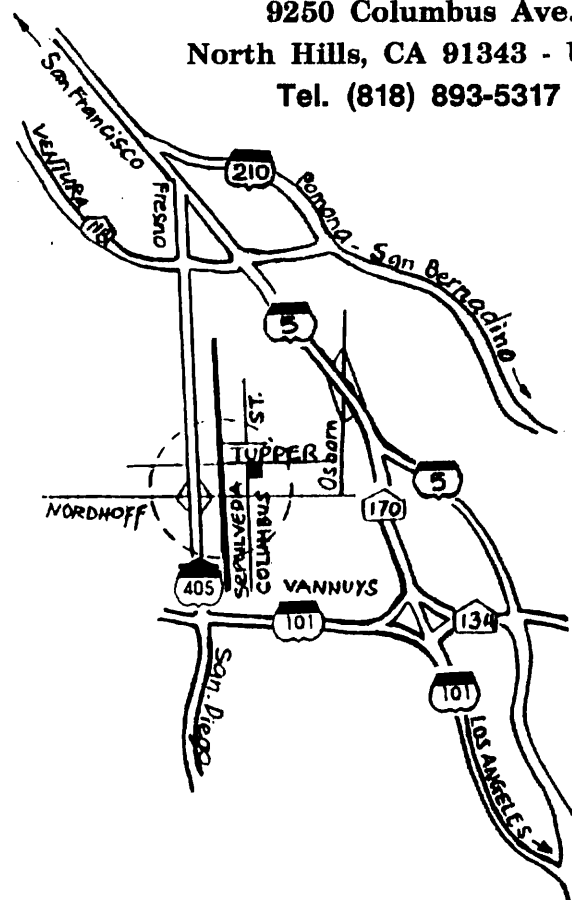
HƯỚNG VỀ

PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317



LỘ TRÌNH HƯỚNG DẪN ĐI FREEWAY

TỪ SAN FRANCISCO hay FRESNO:

Lấy Free-way 5 South, - EXIT OS-BORN queo mặt - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - P.H.V. nằm ngay góc đường Tupper và Columbus. • (hoặc) lấy Fwy 405 S. - EXIT NORDHOFF queo trái - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ SAN DIEGO:

Lấy Free-way 405 N. Bakersfield - EXIT NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ DOWNTOWN LOS ANGELES:

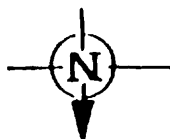
Lấy Free-way 101 West - đổi 5 North Sacramento - EXIT OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - P.H.V. nằm ngay góc đường Tupper và Columbus. • (hoặc) Fwy 101 W. đổi 101 N. đổi 405 N. Bakersfield - EXIT NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ SANTA ANA:

Lấy Free-way 5 North Sacramento - EXIT OSBORN (theo lộ trình chỉ dẫn từ Downtown Los Angeles) • (hoặc) Lấy Fwy 405 N. Sacramento - EXIT NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ SIMI VALLEY:

Lấy Fwy 118 East đổi 405 South EXIT NORDHOFF queo trái - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - P.H.V.Q.T. ngay góc đường Tupper và Columbus.





TỦ SÁCH GIA ĐÌNH KHÔNG THỂ THIẾU

**CÁC TÁC PHẨM CÓ GIÁ TRỊ, CÔNG PHU,
TRUNG THỰC VÀ KHOA HỌC
DO THÍCH TÂM QUANG SOẠN DỊCH :**

1. HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI
\$5.00 + \$1.50 C. P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
2. LÀM SAO THỰC HÀNH LỜI PHẬT DẠY
\$5.00 + \$1.50 C. P. (SONG NGŨ-ANH VIỆT)
3. LÀM SAO TRÁNH KHỎI SỢ HÃI VÀ LO LẮNG
\$5.00 + \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
4. PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI
\$5.00 + 1.50 C.P. (SONG NGŨ-ANH VIỆT)
5. PHẬT GIÁO DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC
\$5.00 + 1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
6. 3000 NĂM MỘT KIẾP LUÂN HỒI
\$8.00 + 1\$.50 C.P.
7. NHỮNG CHUYỆN LUÂN HỒI HIỆN ĐẠI
\$9.00 + 1.50 C.P.

Sách mới:

8. NỀN TẢNG PHẬT GIÁO (Tập 1)
\$5.00 + \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)

NOI PHÁT HÀNH :

P.O. BOX 1903
FRESNO, CA 93718-USA
Đ.T. 209-264-2728

*PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ
9250 COLUMBUS AVENUE
NORTH HILL, CA 91343-USA
Đ. T. 818-893-5317

ĐỊA LÝ & TỬ VI THIÊN CƠ - Ông PHẠM-ĐÌNH-MAI

8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683

Tel: (714) 891-3429 * Fax: (714) 891-4584

• Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.

• Yểm trấn ác xạ trong trường hợp cần thiết.

• Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.

Người xưa nói : "Sống cái nhà, già cái mồ", phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần ? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mả đẹp. Phải "tiên tích đức, hậu táng long", sao cho "mồ" nhằm huyết kết để con cháu phát đạt, phú quý. Huyết kết ở đâu, ở đó phải có tá thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiền án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tụ mới phú. Nhiều táng long hổ mới thành đại huyết quý. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hũ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đô gần liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý-Thái-Tổ mới dời đô ra Thăng-Long. Trang-Trình Nguyễn Bình-Khiêm mới chỉ cho Nguyễn-Hoàng : "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân".

- Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mại và nhà ở tọa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù đổi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gặp **THIÊN CƠ** trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

GIÁ BIẾU

* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, từ \$100 đến \$200

* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp.

* Cố vấn địa lý ở xa bằng má FAX \$30

* Tại Việt-Nam: Đến tận chỗ để xem xét nên cải táng hay xây mộ. Cố vấn cách thức xây mà cho hợp với thế đất...\$430

CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BẰNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

* Chấm giảng Tử Vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

* Xem tình duyên gia đạo. Số tuổi vợ chồng tốt xấu. Cầm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

* Nói rõ số thọ yếu và năm lâm chung (nếu muốn).

1/. Đã đoán trước cho Chuẩn-tướng LƯU-KIM-CƯỜNG (không quân) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu Thân 1968 có :

"Tướng quân ngộ Triệt trước miền

Ra đi gặp giặc mình liền tan thay!"

Sau Chuẩn-tướng đã tử trận ở vòng đai phi trường Tân-Sơn-Nhất, trong biến cố Tết Mậu-Thân.

2/. Đã đoán cho ông NGUYỄN-VĂN-BÔNG (Viện-Trưởng QGHC) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ Tỵ của ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan-Thạch-Giản Sài Gòn.

3/. Đã lưu ý Đại-tá BÀU về chức vụ phụ-tá quốc-phòng cho Trung-tướng Trần-Văn-Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không Kiếp đặc địa ở Ty của ông (qua ông L.V.L.)

4/. Đã tiên đoán cho Đại-tướng DƯƠNG-VĂN-MINH với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5/. Đã được ông Tổng Giám-Đốc Ngân-Hàng VNCT khen là giảng Tử Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây-phương.

6/. Đã được Đạo-trưởng Cao-Đài ĐỖ-VẠN-LÝ khen là "Có năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng (qua Tử Vi của Giáo-Sư Lê-Như-Lễ, Đại-Học UCLA).

7/. Tại Sài Gòn năm 1982, Luật-sư NGUYỄN-HỮU-DOÀN nhờ tôi đoán Tử Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyến đi đầy gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm ! Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm ! Thế rồi họ xuống Cà-Mau. Có bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyến đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, có bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT : (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi dừng cảm năm xưa, nay là NGUYỄN-THỊ-CÁT-TƯỜNG một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại-Học Y-Khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8/. Năm 1986, Thiếu-tá QUÁCH-NGỌC-LÂM (thủy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không ? Tôi cam kết : "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công !" Thật vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lọt qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT : (714) 897-8223.

9/. Vừa đầy tháng Phương-Uyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán : "Tuổi Đinh-Tỵ này rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt sinh cháu ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt". Gia đình Phương-Uyên vượt biên

năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHAI-HUYNH, một văn phòng địa ốc uy tín nhất OAKLAND, ĐT: (415) 763-9055. Còn bé Phương-Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecref, S.F.

10 - Ở Việt-Nam tôi đã cam kết với QUỲNH-DAO 2 điều: "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Dao cười: "Chồng ở mô mà sẵn rứa?" (Vì lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lênh đênh trên bể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gửi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 580-9401.

11/. ĐH KHANH - DT KHOA được một thầy Tử Vi nổi tiếng ở Sài Gòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù đầy..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chỉ số) với sự nghiệp rực rỡ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Nhờ đó, hai chị em đã can đảm vượt biển đến Mã-Lai năm 1978. Nay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại Đại-Học Cal State LA năm 1988 và cô Khoa, tốt nghiệp BS cùng Đại-Học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12/. Năm 1977, đoán cho ĐỖ-T.H.-THANH "số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở Đại-Học Cal State Fullerton, đúng với "năng khiếu" tôi đã đoán 14 năm trước.

* Và hàng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đương sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mỹ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

GIÁ BIỂU

- * Chấm giáng Tử Vi trọn đời (lấy hẹn đến xem) \$30
(Kèm lá số Tử Vi chấm bằng Computer và 1 cuốn băng Cassette thu lời giải đoán trọn đời).
- * Truy tầm năm tháng sanh trai gái theo ý muốn \$5
- * Coi ngày cưới hỏi, khai trương \$5
- * Giải Tử Vi gấp cho người ở xa \$42

Thân chủ ở xa gửi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mỹ kim để tên Phạm-Đình-Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.

Sẽ được gửi đến tận nhà một lá số Tử Vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.

Nếu gửi \$32 phải đăng ký vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Ba - Thứ Sáu: Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối.

Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ: Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối. (Xin lấy hẹn trước, và tuyệt đối không dặt theo trẻ em).

DỰ LUẬN TẠI HOA-KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Tử Vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp

thụ nhanh chừng ấy và độ lượng suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử-Vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI có đủ yếu tố đó: Tốt nghiệp Đại-Học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng-Nam. PDM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử Vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng".

Ký giả TRẦN-TỬ-CƠ - Báo NANG CALI số 151

(714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử-Vi dấu-số và thầy địa-lý; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI. Tôi tìm đến ông sau nhiều rũi ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hằng ngày. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cơ của những suy sụp ngoài trí tưởng tượng bình thường; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý dương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn; cùng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử Vi dấu số".

Ký giả NGUYỄN-HÀ - Westminster, CA

(714) 539-0319

"Ở Việt-Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông".

Cụ LÊ THÚY, 83 TUỔI - (Sinh năm Mậu-Thân 1908)

11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

- * QUA: = Cưới = Sinh Nhật
- = Thôi nôi = Đầy tháng

dem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

Đó là băng cassette giải đoán Tử-Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI, được gửi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

Ông THIÊN CƠ

PHẠM ĐÌNH MAI mới đến Mỹ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là:

- * Cựu học sinh đệ nhất C, Phan-Chu-Trinh Đà-Nẵng 1966.
- * Cố vấn thương mại (bằng Tử-Vi) cho thương gia Chợ-Lớn từ 1968.
- * Cử-Nhân Luật-Khoa Sài Gòn 1970.
- * Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.
- * Tốt-nghiệp Thủ-khoa Trung-Tâm Huấn-Luyện Chuyên Môn Ngân-Hàng Sài Gòn, 1973.
- * Học viên khóa Chuyên-Viên Thị-Trường Chứng-Khoán Việt-Nam 1974.
- * Phó Hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái-Lan 1987.
- * Assistant Teacher / International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênh đênh trên biển Đông. Tử-Vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quý vị đến gặp Thiên Cơ để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.



NHÀ HÀNG

SAIGON EXPRESS



ORIENTAL CUISINE

18515 Roscoe Ave., Northridge, CA 91324

Tel. (818) 882-3028

Fax. (818) 882-3875

Các bạn sẽ được thưởng thức những món ăn thuần túy Việt-Nam như:
Cơm Hến Đông Ba, Phở Bắc, Bún Bò Huế, Bún Măng Việt,
Bánh Xèo, Bánh Úot, v.v...

*Nhà hàng sẽ nhận đặt tiệc,
nhóm bạn, tổ chức sinh nhật,
và Karaoke Party.*



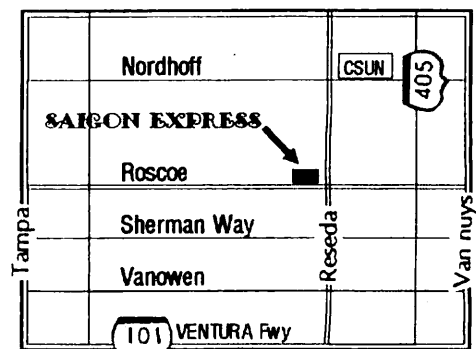
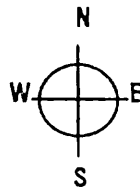
SAIGON EXPRESS

Kính Mời

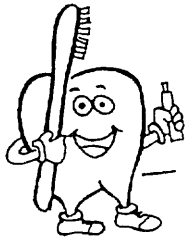


MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai đến Chủ Nhật:
9 giờ sáng đến 9 giờ đêm

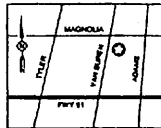
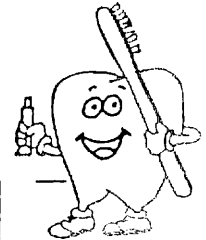


TRUNG TÂM NHA KHOA
PACIFIC DENTAL GROUP, INC.



NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.



* Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA.
 * Hội Viên Của A.D.A., C.D.A., O.C.D.S.



ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.
 RIVERSIDE, CA 92503
 (909) 785-5858

HÃY GỌI:

1-800 RĂNG TỐT
 1-800-726-4868

ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.
 FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
 (714) 775-5858 - (góc Edinger)

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- * Lấy gân máu.
- * Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- * Làm răng giả các loại: Dính liền hay tháo ráp.

Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY
 10 am -- 6 pm

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.

Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA
 MASTER CARD - CASH

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.
- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.
- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.
- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

CHỈNH RĂNG

- * Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

ĐẶC BIỆT: Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RỌI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.



ROSE HILLS Memorial Park

NGHĨA TRANG ĐỒI HỒNG

8888 S. Workman Mill Road

Whittier, CA 90608

*Đại diện người Việt tại Rose Hills sẽ giúp quý vị
an tâm và khỏi bối rối khi hữu sự.*

- Mua đất trước, chọn hướng theo ý mình và được giá rẻ.
- Mua **"Bảo Hiểm Hậu Sự"** trước để khỏi lo gánh nặng ma chay. Đang lãnh tiền SSI hay trợ cấp xã hội đều mua được hợp pháp, không cần khám sức khỏe, dành cho mọi lứa tuổi, chỉ cần đóng trong thời gian ngắn hạn và điều kiện rất dễ dàng.

Để tiết kiệm được ngân quỹ trước khi hữu sự,
xin liên lạc cô DANA LÂM cố vấn hậu sự
sẽ giúp quý vị hiểu rõ thêm chi tiết.

Tel: (818) 338-1466 (home, sau 6pm)

Beeper: (818) 835-1403 (24/24)

*Ngày Xuân đầu có tới Rose Hills thăm mộ thân quyến,
vui lòng nhớ mang hương để tỏ tình làng nước,
và đừng quên hương của chúng ta
chọn Rose Hills làm nơi nghỉ cuối cùng...*

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY



Bác Sĩ PHAN TUYẾT MAI, M.D.

18625 SHERMAN WAY, Suite 104 - RESEDA, CA 91335

Tel. (818) 342-8171 ☺ (24/24 Hrs)



(Nằm trong khu nhà hàng TUYẾT-ANH và bánh mì BA-LE)

- * TỐT NGHIỆP NỘI THƯƠNG HOA-KỲ.
- * HẬU ĐẠI HỌC VỀ CÁC BỆNH NHIỄM TRÙNG VÀ BỆNH AIDS.
- * HỘI VIÊN HỘI Y SĨ ĐOÀN HOA-KỲ.
- * HỘI VIÊN HỘI Y SĨ CALIFORNIA.
- * BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN VALLEY PRESBYTERIAN, VÀ NORTHRIDGE HOSPITAL.

**Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ BỆNH NỘI THƯƠNG CHO
NGƯỜI GIÀ, NGƯỜI LỚN, ĐÀN BÀ VÀ TRẺ EM**

CHỮA TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH:

- **THẦN KINH:** Nhức Đầu, Chóng Mặt, Động Kinh, Phòng Ngừa Tai Biến Mạch Máu Não.
- **TIM MẠCH:** Cao Máu, Suy Tim, Hối Hấp, Tức Ngực, Khó Thở.
- **HÔ HẤP:** Suyễn, Viêm Phổi, Ho Lao.
- **TIÊU HÓA:** Viêm Loét Bao Tử, Ăn Không Tiêu, Đi Cầu Ra Máu.
- **BỆNH VỀ MÁU:** Thiếu Máu, Ung Thư Máu.
- **TUYẾN NỘI TIẾT:** Tiểu Đường, Bướu Cổ.
- **THẬN:** Nhiễm Trùng Đường Tiểu, Viêm Thận, Tiểu Ra Máu.
- **DỊ ỨNG:** Viêm Mũi, Ngứa.
- **BỆNH HOA LIỄU:** Giang Mai, Lậu, AIDS.
- **CÁC BỆNH PHỤ NỮ:** Huyết Trắng, Đau Bụng Khi Hành Kinh, Rối Loạn Kinh Nguyệt và Thử PAP'S SMEAR.
- **BỆNH PHONG THẤP:** Đau Khớp, Sưng Khớp.
- **BỆNH NGOÀI DA:** Các Loại Mụn, Ghẻ Ngứa.
- **TRUY TÂM UNG THƯ:** Ruột Già, Vú, Tử Cung, Nhiếp Hệ Tuyến.
- **THỬ MÁU TIỂU HỒN NHÂN - CHÍCH NGỪA TRƯỚC KHI ĐI DU LỊCH NƯỚC NGOÀI.**
- **ĐẶC BIỆT HƯỚNG DẪN NGĂN NGỪA, CHỮA TRỊ, THEO DÕI BỆNH HOA LIỄU, AIDS, HO LAO.**
- **NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH.**

**PHÒNG MẠCH KHANG TRANG VÀ TRANG BỊ ĐẦY ĐỦ DỤNG CỤ MÁY MÓC:
MÁY ĐO TIM, MÁY THỬ THÍNH THỊ, MÁY ĐO PHỔI VÀ NHIỀU MÁY CHỮA TRỊ ĐAU NHỨC**

DỊCH VỤ Y TẾ MIỄN PHÍ ☎ XIN GỌI LẤY HẸN TRƯỚC

Chích ngừa và khám sức khỏe tổng quát cho trẻ em dưới 19 tuổi
thuộc gia đình có lợi tức thấp. (CHDP)

Truy tầm UNG THƯ NGỰC cho quý bà trên 50 tuổi có lợi tức thấp (BCEDP)

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI - THỨ SÁU: 9am - 7pm

THỨ BẢY: 9am - 3pm

CHỦ NHỰT: 9am - 2pm

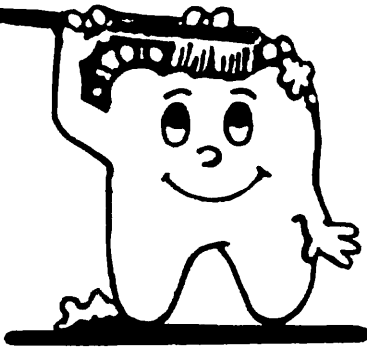
NHẬN:

MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM - HMO

Giá đặc biệt cho những người trả tiền mặt.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa Gia Đình Và Thẩm Mỹ

BUI VÂN ANH, D.D.S.



LA PICO PLAZA - RESEDA

17709 Satcoy St., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 757-0017

Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA 1988,
Hội Viên American Dental Association,
California Dental Association,
Los Angeles Dental Societ.

ĐẶC BIỆT:

- => Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc nhất để theo dõi sự tiến triển của bệnh nhân.
- => Phòng mạch áp dụng kỹ thuật tân kỳ nhất để chống nhiễm trùng cho bệnh nhân.

*Fan Tâm vì Thành Tín như một Bác Sĩ Gia Đình,
Nhe nhàn với những trẻ em khó tính.*

CHUYÊN VỀ:

Nha Khoa Thẩm Mỹ, chữa răng bằng Porcelain đẹp như răng thật.
Tẩy răng trắng.
Làm răng giả các loại.
Phòng ngừa sâu răng cho trẻ em bằng Sealants và Fluoride.
Trám, nhổ, lấy gân máu, chữa bệnh nướu răng.
Khám răng tổng quát và định kỳ.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ BA - TƯ - NĂM:

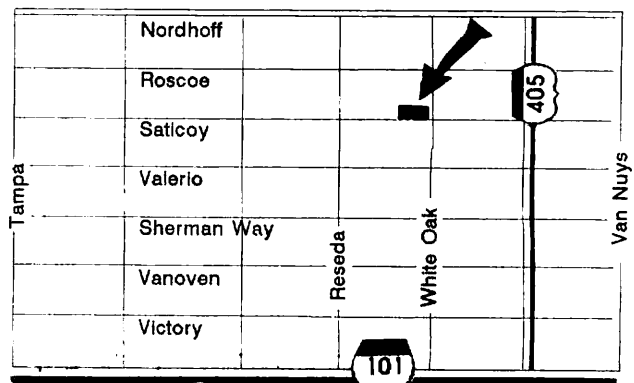
9:00am = 7:00pm

Thứ SÁU: 9:00am = 5:00pm

Thứ BẢY: 9:00am = 4:00pm

NGHỈ : CHỦ NHẬT - THỨ HAI

NHÂN MEDICAL BẢO HIỂM

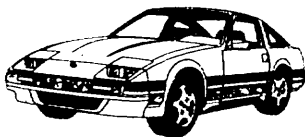


USA GENERAL AUTO REPAIR

Honda - Toyota - Mazda - Datsun

7444 Reseda Blvd. Suite D, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 996-4 . .



Mở cửa 6 ngày trong tuần từ **THỨ HAI** đến **THỨ BẢY** : 8:30 AM - 6:00 PM

Chúng tôi có kinh nghiệm 18 năm
Chung Tôi Nhận

--> REBUILT:

- TRANSMISSION
- PISTON ENGINE
- ROTARY ENGINE
- DIFFERENTIAL



- > ENGINE TUNE-UP
- > FUEL INJECTION SERVICE
- > CARBURATOR SERVICE
- > AIR CONDITIONING SERVICE
- > STARTER SERVICE
- > ALTERNATOR SERVICE
- > RADIATOR SERVICE
- > BRAKE SYSTEM SERVICE
- > CLUTCH TRANS. SERVICE

Như sau đây

	Nordhoff			
	Roscoe			
	Saticoy			
	Valerio		UNIT D	
Tampa	Sherman Way	Reseda	Fwy 405	Van Nuys
	Vanoven			
	Victory			

REPLACE TIMING BELT

- => 4 cylinder s/cam shaft **\$110.00**
- => 6 cylinder s/cam shaft **\$150.00**

REPLACE FRONT BRAKE : \$49.00

- => Check front wheel bearing
- => Check front rotor for most car

REPLACE REAR BRAKE : \$49.00

- => Check rear wheel bearing
- => Check rear rotor for most car

OIL FILTER CHANGE : \$15.00

- => Include : 5Qt Oil + Oil Filter +
Check Tire Pressure + All Fluid Levels

- Quý vị muốn biết thêm về **XE HƠI**, xin liên lạc **HUỶNH TRẦN & TOM**
- Chúng tôi sẵn sàng check xe cho quý bạn để quyết định trước khi mua, sau này khỏi gặp trở ngại.

Y ĐƯỢC VIỆN - U.S.A

18523 SHERMAN WAY., RESEDA, CA 91335

(Kế bên chợ BANGLUCK Market)

Tel. (818) 705-6927 ; Fax : (818) 705-3150

ĐÔNG-Y-SĨ: VÕ-ĐỨC-TÍN,

trên bốn mươi năm kinh nghiệm gia truyền ở Việt-Nam và trên chín năm ở Cali.

BÁC SĨ KENNEDY VÕ & NGUYỄN-NGỌC-NHÃ-THI,

OMD, NCCA, L.Ac, HERBOLOGY

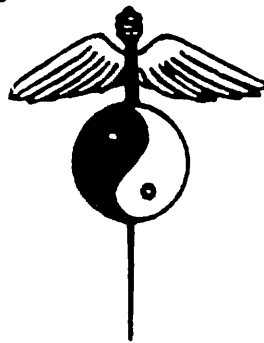
Tốt nghiệp Đại-Học Đông Y, Châm-Cứu tại Hoa-Kỳ.

Chuyên trị các bệnh **NỘI NGOẠI KHOA** cho **NAM-PHỤ-LÃO-ẤU** bằng phương pháp Y-Khoa Đông-Phương hiện đại khoa học.

PHÒNG MẠCH CÓ TRANG BỊ ĐẦY ĐỦ DỤNG CỤ Y KHOA ĐIỆN TỬ TỐI TÂN

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH VỀ:

- SẠN THẬN, TIỂU ĐƯỜNG, ÁP HUYẾT CAO
- MẤT NGỦ, ĂN KHÔNG NGON
- PHỤ NỮ SA TỬ CUNG, HUYẾT BẠCH
- CHỮA BỆNH HIẾM MUỘN
- CHỮA TÊ BẠI BÁN THÂN BẤT TOẠI.
- TRỊ Ợ CHUA, ĂN KHÔNG TIÊU, ĐÁY HƠI
- TRỊ LOÉT BAO TỬ, ĐƯỜNG RUỘT
- VIÊM GAN, VÀNG DA, SẠN TỬ MẬT
- TRỊ MỤN, NÁM, GHỀ LỖ
- THIẾU DINH DƯỠNG, THIẾU CÂN
- CÁC LOẠI RƯỢU BỔ DƯỠNG, TĂNG CƯỜNG SINH LỰC,
- MẠNH GÂN CỐT, TUỔI TRẺ, YÊU ĐỜI



ĐẶC ĐIỂM:

- * Cung ứng đầy đủ thuốc Bắc thật tốt, phối hợp châm cứu để trị bệnh có hiệu quả.
- * Nhận làm thuốc tể, thuốc tán viên, chế biến theo toa.
- * Giới thiệu toa thuốc bổ dưỡng sâm nhung.
- * Có thuốc xông giải cảm, thuốc mát các toa chung tiêm gà, hầm bò, dê.
- * Nhận gửi thuốc đi xa.

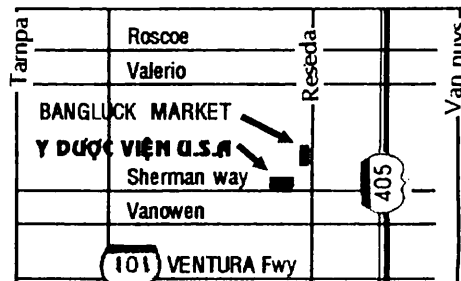
GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Bảy

10:00 AM - 7:00 PM

CHỦ NHẬT: NGHỈ

**NHẬN
MEDICAL
&
BẢO HIỂM**





NHÀ THUỐC TÂY

HADO PHARMACY

7241 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335

(Cạnh chợ Bangluck Market, khu Phố Số 1)

NHÀ THUỐC GIA ĐÌNH TÍN NHIỆM NHẤT CỦA QUÝ ĐỒNG HƯƠNG

- ⇒ Bán thuốc theo toa Bác-sĩ.
- ⇒ Bán các loại thuốc bổ đặc biệt.
- ⇒ Bán các loại thiệp, quà tặng.
- ⇒ Bán các loại sách truyện Việt-Nam chọn lọc.
- ⇒ Nhận MEDICAL và Bảo-Hiểm.
(Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo-Hiểm)

- ⇒ Ngoài ra chúng tôi hân hạnh phục vụ Quý Đồng-Hương qua các dịch vụ:
 - Điện thư (FAX)
 - Gửi thuốc về Việt-Nam.

Với Phương Châm:

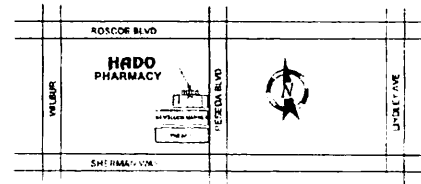
Thành Thật * Ân Cần * Tín cẩn

(818) 342-9333

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:30 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:30 PM



Bác Sĩ Nha Khoa

LÊ-THÀNH-HÒA



- Khám răng tổng quát định kỳ.
- Trị các bệnh về răng miệng.
- Làm răng giả các loại.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

PHAN-THỊ-MỸ-HẠNH



ALHAMBRA

407 W. MAIN Street
ALHAMBRA, CA 91801
Tel. (818) 281-6642

Giờ làm việc:

Thứ Hai đến Thứ Bảy: 9am - 6pm

Nhận Medical & Bảo Hiểm

VAN NUYS

6900 VAN NUYS., Suite # 14
VAN NUYS, CA 91405
Tel. (818) 904-0224

(cùng Building với Phan Pharmacy)

Giờ làm việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9am - 6pm
Thứ Bảy: 9am - 5pm



NỮ BÁC SĨ STEPHANIE THU LE, D.C.

- Nguyên sinh viên Y-khoa Sài Gòn
- Tốt nghiệp Bác-Sĩ chuyên khoa Chỉnh xương tại Đại-Học Chiropractic of Los Angeles
- Diplomat National and States Boards of Chiropractic Examiners
- California State Radiography X Rays supervisor and Operator

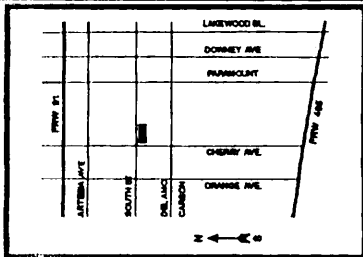


CHUYÊN TRỊ:

- Đau lưng, cụp xương sống, đau thần kinh tọa, vẹo xương sống
- Đau cứng cổ, đau nhức bả vai, đau và tê tay chân
- Nhức đầu cấp tính và kinh niên, mũi mẹt, mất ngủ
- Đau nhức và sai trật khớp xương, phong thấp, bong gân, vẹo bẻ
- Các chứng bệnh đau nhức liên quan đến cột xương sống, hệ thống thần kinh và bắp thịt

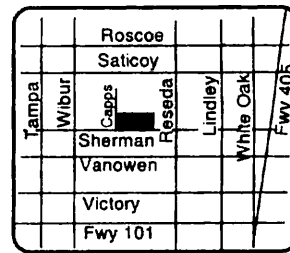
NHÂN:

- ✓ Auto Accident
- ✓ Insurance
- ✓ Worker's Comp
- ✓ Medicare
- ✓ Có chương trình đặc biệt cho bệnh nhân có tài chánh khó khăn.



TRỊ LIỆU:

Xử dụng X-Ray và đầy đủ các dụng cụ. Y-Khoa vật lý trị liệu tối tân nhất hiện nay. Điều chỉnh cột xương sống, bắp thịt, hệ thống thần kinh làm hết đau và phục hồi lại chức năng của cơ thể. Hướng dẫn về dinh dưỡng và thể dục.



LONG BEACH CHIROPRACTIC CLINIC

2150 S. South St., Suite 104

Long Beach, CA 90805

Tel. (310) 790-8209

(góc đường Cherry + South, đối diện Food 4 Less)

Y-Khoa chỉnh xương.

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10AM - 6PM

RESEDA CHIROPRACTIC CLINIC

18625 Sherman Way., Suite 109.. Reseda, CA 91335

(Trong khu Plaza Calco cạnh bãi xe Bà-Lai)

Tel. (818) 345-0999

LƯU Ý: Từ nay quý đồng hương không phải đi xa để khám bệnh vì đã có Nữ Bác Sĩ Stephanie Thu Lê ở vùng San Fernando Valley

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM - 7PM

THẦN DƯỢC TRỊ TIỂU ĐƯỜNG (DIABETES)

- Hiện nay, ngoài cách uống thuốc tây và chích Insulin để kềm chế tạm thời đường dư trong máu, chưa có thuốc nào đặc hiệu đối với bệnh TIỂU ĐƯỜNG (Diabetes Mellitus). Nhưng, xin báo tin mừng: Chúng tôi có THIÊN Y HỒI LỤC và Trà TAM THANH, đủ khả năng chặn đứng và đẩy lui bệnh Tiểu Đường một cách an toàn.
- THIÊN Y HỒI LỤC và Trà TAM THANH gồm toàn dược thảo thiên nhiên, rất bổ dưỡng, được Bác Sĩ ĐẶNG TRẦN HẢO nghiên cứu và thực nghiệm thành công nhiều năm qua. Nó vừa có công năng hạ đường huyết (như thuốc tây), vừa kích thích tế bào tụy tạng sản xuất đủ Insulin theo nhu cầu cần dùng (ưu điểm đặc biệt).
- THIÊN Y HỒI LỤC và Trà TAM THANH còn có tác dụng: - Giải độc cơ thể, làm hết tê, ngứa ngoài da. 2.- Giúp ổn định thần kinh, ngừa suy giảm trí nhớ, biến mất đau nhức. 3.- Làm giảm hiện tượng khát nước, giảm đói, giảm đi tiểu nhiều lần. Nếu bệnh đã biến chứng, tạng phủ bị nhiễm độc, thuốc có năng lực làm hồi phục dần dần cơ quan đã hư hoại.
- Nếu quý vị mắc bệnh lâu năm, đường huyết cao, nên dùng THIÊN Y HỒI LỤC. Nếu mới bị bệnh, chỉ cần uống Trà TAM THANH là đủ. Nếu đang xử dụng thuốc tây hoặc chích Insulin, nên uống kèm Trà TAM THANH một thời gian rồi bỏ dần thuốc tây. Hiện nay, đa số bệnh nhân ở Cali điều trị theo phương pháp này, đều đạt hiệu quả đến 80-85%.
- Hãy nhớ rằng, TIỂU ĐƯỜNG là một bệnh cực kỳ nguy hiểm, luôn luôn đe dọa sức khỏe và tính mạng của quý vị. Hãy mau mau điều trị trước khi quá muộn. Ở xa, xin phone cho chúng tôi để được chỉ dẫn tận tình. Ở gần, tạo sao còn chần chờ không tới xem mạch, chẩn bệnh (Miễn phí) ?

BÁC SĨ ĐẶNG TRẦN HẢO, OMD, CA. - TIẾN SĨ ĐÔNG Y LÝ

9561 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683 (trong khu Bolsa Mini Mall)

Tel: (714) 531-8229

DAVICO INC. - ĐẠI VIỆT CÔNG TY

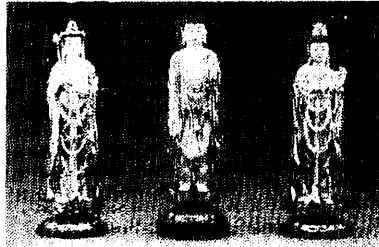
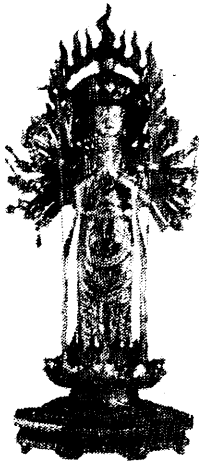
ORIENTAL ROSEWOOD FURNITURE ART AND GALLERIES

The Shop (in China Town)

861 N. Spring St. # 204 - 205 - 206

Los Angeles, CA 90012

Tel. (213) 626-1868



- * *Bồn hiệu chúng tôi có bán đủ tất cả các loại đồ sứ, đồ cổ từ Trung-Hoa, đẹp và quý.*
- * *Có đủ tất cả đồ thờ phượng: tượng Phật, bình hoa, chậu kiếng, lư hương, nhang đèn ...*

Xin Mời Quý Khách Chiêu Cổ Giá Rẻ - Ân Cần Tiếp Đãi.

PHÒNG MẠCH - CHÂM CỨU - THUỐC BẮC - ROSE MEDICAL CENTER



NHÂN PHƯỚC ĐƯỜNG

838 N. Broadway #A • Los Angeles, CA 90012

(Kế Bank of America - Chinatown, trước Lido Center)

Tel.: (213) 625-2922

Bác Sĩ NGUYỄN THIÊN Y, O.M.D., L.Ac., Ph.D.

Đông Y gia truyền đã chữa bệnh tại Việt-Nam và các bệnh viện Mullikin, La Palma Hospital, Hoa-Kỳ.
CHUYÊN TRỊ NAM PHỤ LÃO ẤU, CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG, NAN Y BẰNG THUỐC BẮC, TRẬT ĐÀ CHÂM CỨU.

Nhận MEDICAL và
BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai & Chủ Nhật:
10:00AM - 7:00PM
Nghỉ Thứ Tư

Parking tiện lợi an toàn.
Quý khách vui lòng đậu xe
kế bên phải phòng mạch
và đưa thư ký đóng dấu
vào thẻ để được FREE
PARKING.

- Da mặt nám, mụn bọc, tàn nhang, nốt ruồi, lang ben, rụng tóc, tay chân tê bại, diết tai, tai có mũ, các trường hợp méo miệng, căng da mặt làm đẹp.
- Đau lưng, đau cổ, nhức đầu kinh niên, nhức mỏi, phong thấp, cảm cúm, đau khớp xương, mỡ trong máu, thiếu máu, sốt rét, dễ bị cảm, ớn lạnh quanh năm. Có thuốc hữu hiệu.
- Đàn ông di tinh, yếu sinh lý, các bệnh về thận. Đàn bà kinh nguyệt không đều, hành kinh đau bụng. Cai thuốc lá (stop smoking), lên cân và xuống cân (weight control). Có thuốc rất hay.
- Đau dây chằng và tử cung, bấu tử cung, bạch đới, thần kinh suy nhược, buồn phiền (stress), mất ngủ, đau tim hồi hộp, yếu tim, nghẹt van tim, đau gan, vàng da. Có thuốc gia truyền thân phương.
- Khó thở, áp huyết cao, hen suyễn, ho ra máu, đau bao tử, loét bao tử, bong gân, trật khớp xương.
- Phong ngứa, giang mai, tiểu đường, tiểu chầy, táo bón, trĩ nội ngoại, sa con trẻ, sa tử cung.
- Thuốc tế cho sinh viên học sinh tăng cường trí nhớ để học thi.

ĐẶC BIỆT: Trị các chứng nan y rất thần hiệu, thuốc rượu gia truyền, cường dương, bổ thân, kết hợp trên 1000 toa đáp ứng theo ý muốn của bệnh nhân, phòng ngừa và trị các bệnh ung thư, dùng kim mới (Disposable) cho mỗi lần châm, trang bị các máy tối tân không dùng kim. Dù các loại thuốc tế, thuốc viên v.v... Nhận gửi thuốc đi các tiểu bang, chấn mạch chính xác, chữa trị 1 hay 2 lần sẽ thấy hiệu nghiệm.



VINA PHARMACY

18541 Sherman Way # 103., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 345-6534

(Trong khu Donags Plaza, cạnh Cà-Phê Lục-Huyền-Cẩm, sau lưng chợ BANGLUCK)

- * Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ,
- * Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường,
- * Dược-Sĩ đích thân chỉ dẫn cách dùng thuốc tường tận.

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Mon = Friday: 9:30AM - 7:00PM

Saturday: 9:30AM - 3:00PM

COPIES \$.05

Nhận MEDICAL và CÁC LOẠI BẢO HIỂM

TÍN NHIỆM ★ AN CẢN ★ TẬN TÂM
NHANH CHÓNG ★ GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG

Dược Sĩ THÁI-QUANG-ĐOÀN

Express Bakery

Cafe and Bistro - French & Vietnamese Food

9035 Reseda Blvd, Northridge, CA 91324

Tel. (818) 349-9135

Giờ Mở Cửa:
6 ngày trong tuần
Chủ Nhật nghỉ

Đặc biệt các món ăn:

Mì - Bún riêu - Hủ tiếu - Cơm và nhiều món ăn khác nhau.

Ngoài ra lò còn có sản xuất:

Pâté chaud, Croissant, Choux crème v.v...

Đặc Biệt: - Bánh Sinh Nhật - Bánh Cưới - Bánh Ngọt.

VAN'S TIỆM BÁNH BAKERY

121 E. Valley Blvd.
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 571-5845
(Cạnh siêu thị Hawaii)

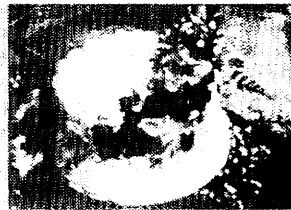
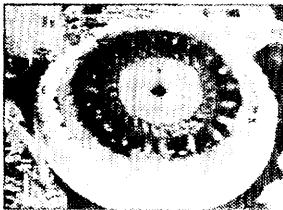
140 W. Valley Blvd. #120
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 288-7272
(Trong khu chợ 99)

9211 Bolsa Ave. #125
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 898-7065
(Cạnh siêu thị 99 Market)

14346 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 839-1666

1824 E. Tully Rd.
San Jose, CA 95122
Tel. (408) 270-2222

Tiệm Bánh Được Sự Ủng Hộ Của Quý Vị Đồng Hương Nhất Tại California
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH PHÁP - VIỆT NAM - TRUNG HOA



- Pâté CHAUD
- Croissant đủ loại
- Các loại bánh ngọt
- Bánh Trung Hoa
- Bánh bao
- Bánh gan
- Bánh khoai môn
- Quầy Food To Go hấp dẫn và tất cả các loại chè



*Bánh đặt tại
Van's Bakery
trình bày thật long lâu
hương vị thơm ngon
sẽ làm tăng thêm
phần sang trọng trong
Tiệc Cưới
Sinh Nhật.*

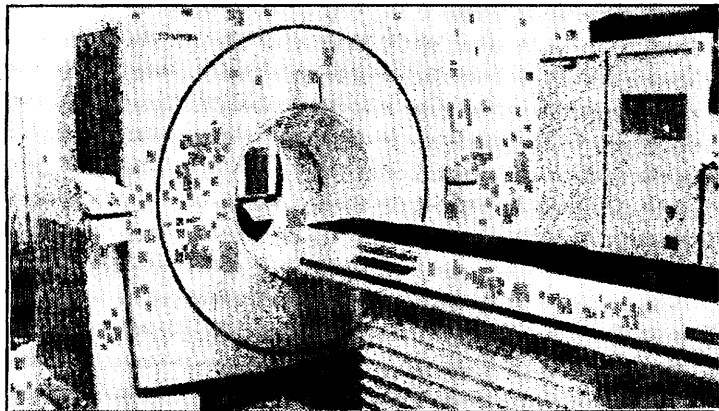
MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA St., Suite #101 ✪ WESTMINSTER, CA 92683

TEL. (714) 893-1915

Bác Sĩ **PHÙNG GIA THANH**



- X - RAY
- MRI
- CAT SCAN
- ULTRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

**CÓ MÁY
CAT SCAN TẠI CHỖ**

GIỜ MỞ CỬA:

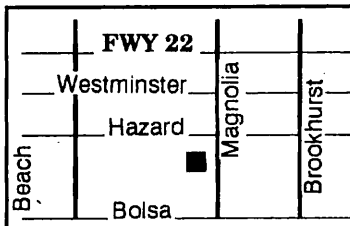
THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00 AM - 6:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 3:00 PM

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ DO NỮ

CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM



DISCOUNT

*Exotic
Fresh & Silk*

Kamala Flower And Music (Tiệm Bông Liên-Hoa)

Complete Floral Services • Original Quality Design
Live Classical Piano Music For Weddings & Parties

**Private & Group Piano Lessons
All Ages & Levels**

* *Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa*

- *Cho mướn thùng hơi thổi bong bóng*

* *Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ*

- *Giao hoa khắp mọi nơi*

* *Bán bong bóng có in hình Phật Đản-Sanh cho lễ*

Phật Đản và hình Mục-Kiền-Liên cho lễ Vu-Lan

- *Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu-Lan.*



Professional
Instruction

14044 Magnolia * Suite 128

Westminster, CA 92683

(corner Westminster Blvd.)

Tel: (714) 891-8130 ** Pager: (714) 571-6483

Free: 1-800-700-4443

VISA
MASTER CARD

LONG BEACH

Bác Sĩ

MAI THANH HỒNG, M.D



CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. ANAHEIM ST., LONG BEACH, CA 90804

Tel. (310) 439-7227 • 24hrs.

→ American Board of Neonatology Diplomate American Board of Pediatrics

→ Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn. Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông.

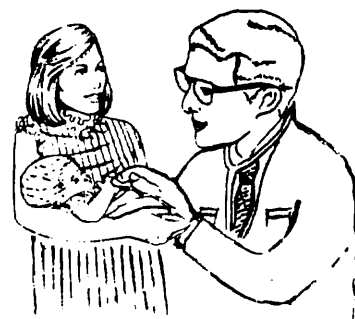
CHUYÊN MÔN BỆNH TRÉ SƠ SINH CẤP CỨU NEONATOLOGY & BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics)

Bệnh Thanh Thiếu Niên

→ Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasadena.

→ Cộng tác chương trình băng sữa WIC

→ Dịch thân sản sóc trẻ sơ sinh tại bệnh viện.



Giờ Làm Việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:00 PM

Thứ Tư đến Thứ Bảy: 10:00 AM - 1:00 PM

Bác Sĩ NHA KHOA

HUỲNH THỊ HẠNH, D.D.S.

LƯU HẠNH KHUÊ, D.D.S.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Saigon
✧ Nguyên Giảng Viên Đại-Học Nha-Khoa Minnesota Bộ môn Trám-Răng và làm Răng-Glả.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Minnesota từ năm 1989.

Giờ Làm Việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn Trước

14571 MAGNOLIA St., SUITE 202

WESTMINSTER, CA 92683

Tel. (714) 897-9985

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- ✧ Khám răng định kỳ
- ✧ Trám, Nhổ răng, lấy Gân máu
- ✧ Chuyên làm răng giả đủ các loại
- ✧ Chữa trị các loại bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

NHA KHOA THẨM MỸ

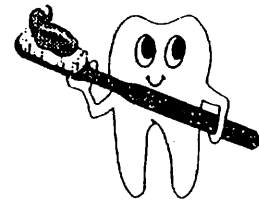
- ✧ Tẩy răng trắng
- ✧ Làm khít răng thưa
- ✧ Vá răng sút mẻ ...

*Tận Tâm, Chu Đáo, Kỹ Lượng,
Chữa Răng Nhe Nhàng Theo Tiêu Chuẩn Hoa-Kỳ,
Trang Bị Hoàn Toàn Máy Móc Tối Tân.*



BÁC SĨ NHA KHOA

胡文富牙醫博士



HỒ VĂN PHÚ, D.D.S. HỒ NHỮ MAI, D.D.S.

☺ Nha Khoa Gia Đình.
Khám Răng Định Kỳ.
Làm Răng Giả Đủ Loại.

☺ Trám, Nhổ, Chữa Tủy Răng.
✧ Nha Khoa Phòng Ngừa.
✧ Sửa Răng Thẩm Mỹ.

SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.
Hawthorne, CA 90250

☎ Tel. (310) 978-8993

Giờ làm việc:

Thứ ba, năm: 9:00am = 6:00pm

Thứ bảy: 9:00am = 4:00pm

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC

Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

CHINATOWN CENTER

625 W. College St., # 104
Los Angeles, CA 90012

☎ Tel. (213) 617-0096

Giờ làm việc:

Thứ hai - Thứ tư, Thứ sáu

9:00am = 6:00pm



DENTAL CLINIC

NGUYỄN BÁ KHUÊ, D.D.S

14188 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92643
(Trong khu mái ngói xanh, lầu 2)

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

(714) 530-7033

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai - Thứ Bảy: từ 10AM - 7PM

- * Nguyên Chánh Chủ Khảo Nha Khoa / Trường Quân Y (73-75)
- * Nguyên Nha Sĩ Trưởng / Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam Đà Lạt (62-72)
- * Hội viên thực thụ / Hiệp Hội Bác Sĩ Nha Khoa Hoa Kỳ (A.D.A.)
- * Ủy Viên Hội Đồng Chỉ Đạo / Hội Đoàn Nha Sĩ Quốc Tế tại California
- * Hơn 30 năm hành nghề tại Việt Nam và Hoa Kỳ.

- * Nha Khoa Tổng Quát Người Lớn và Trẻ Em.
- * Điều trị và giải phẫu bệnh Nướu Răng.
- * Làm răng giả đủ loại.
- * Niềng răng do Bác Sĩ chuyên môn phụ trách.
- * Nha Khoa Thẩm Mỹ: Tái tạo men răng, làm khít răng thưa, đen nám, đổi màu.

Bác Sĩ **TRẦN TIẾN SUM**

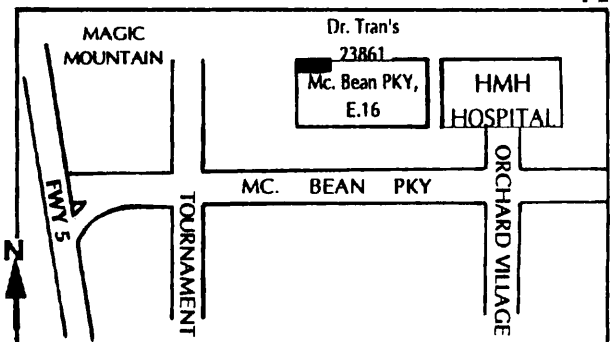
GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt. Sinai Hospital New York, Hoa-Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á-Đông tại Viện Đại-Học Showa, Tokyo - Nhật-Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C. và Fresno V.M.C. (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu

- ⇒ *Mắt hai mí Đông-phương và độn mũi*
- ⇒ *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da, làm mờ sẹo rỗ*
- ⇒ *Sửa mí mắt, mũi, sửa và độn cằm, sửa tai vĩnh*
- ⇒ *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- ⇒ *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser:*
Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v...
- ⇒ *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- ⇒ *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ vì ung thư*
- ⇒ *Cắt bỏ các bướu ung thư của da*
- ⇒ *Tái tạo và sửa chữa các tật bẩm sinh ở mặt*
- ⇒ *Tẩy các vết sẹo*
- ⇒ *Tái tạo các chức phận của bàn tay, gãy thần kinh, gân và xương.*

Nhận
Visa, Master Card,
American Express



THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN Ở ĐỊA CHỈ MỚI:

23861 MC. BEAN PKY, SUITE # E.16
VALENCIA, CA 91355
Tel. (805) 253-2211 (24 hours)

Toll Free: 1-800-540-2340 1-805-253-3755

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**



CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

Vá răng sút mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

Tài liệu Nha-Khoa do Bác-Sĩ Phương-Lan biên soạn, miễn tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

WESTMINSTER và các khu lân cận
(714) 893-6768

14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683

(góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529

906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813

(đối diện Phố 79)

Á CHÂU TANG NGHI QUÁN

Á CHÂU FUNERAL HOME

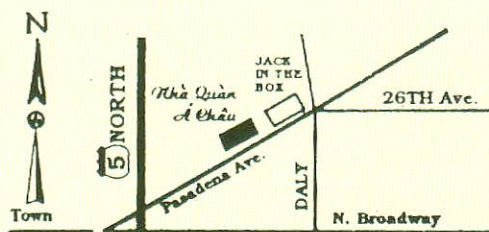
**Nhà Quàn Đầu Tiên
Do Người Việt Thành Lập
Và Đảm Trách**

CHÚNG TÔI CÓ DỊCH VỤ CHUYÊN CHỞ THI HẢI VỀ VIỆT NAM

- Nhằm mục đích giúp đỡ đồng hương, không may có chuyện đau buồn xảy ra.
- - Chỉ cần gọi điện thoại cho chúng tôi, quý vị sẽ được tận tình giúp đỡ.
- Sắp xếp mọi nghi thức an táng, hỏa táng và lo mọi thủ tục giấy tờ.
- - Quan tài, mồ mả, bia mộ, tang phục đầy đủ.
- Lễ đường khang trang, parkinh rộng rãi, giao thông tiện lợi.
- - Nhân viên tận tình phục vụ.
- Thông thạo các nghi lễ cổ truyền và mọi hình thức tôn giáo.

*Chuyên Gia Kinh Nghiệm Dồi Dào,
Tận Tình Chăm Sóc Cho Người Quê Có.
Gặp Những Trường Hợp Khó Khăn,
Xin Đừng Ngần Ngại, Gọi Ngay Cho Chúng Tôi.*

**DIỆN THOẠI 24/24:
(213) 222-4868**



—> Từ Freeway 5, exit Broadway quẹo phải trên đường Broadway tới Daly quẹo trái sẽ gặp ngã 5 quẹo trái trên Pasadena. Á-Châu-Tang-Nghi-Quán ở bên phải, kế nhà hàng Jack In The Box (gần ngã 5 Pasadena & Daly).

—> Từ Monterey Park đi sang 10 West, sang 5 North, theo chỉ dẫn ở trên.

—> Từ Chinatown đi N. Broadway, vừa qua cầu xe lửa gặp Pasadena, cặp theo Pasadena chừng 1/2 mile, gặp Á-Châu-Tang-Nghi-Quán cạnh nhà hàng Jack In The Box.

**2517 Pasadena Ave, Los Angeles, CA 90031
(Trung Tâm Chinatown)**

(213) 222-4868 & (213) 222-4778



TRUNG TÂM NHA KHOA

PHƯƠNG TRINH

2150 E. South St. # 116., Long Beach, CA 90805

(Đối diện chợ Ralph, góc Cherry & South)

(310) 531-9778 *** (310) 531-9779

DTT Dental Group

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN-PHƯƠNG-TRINH, D.D.S

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, bọc răng, làm các loại răng giả.
- * Chữa trị các bệnh về nướu răng, hơi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.
- * Lấy gân máu, nhổ răng.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng mẻ, tái tạo men răng.
- * Làm khít răng thưa, sửa răng mọc lệch.
- * tẩy răng (răng bị vàng ố, nám đen).

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch lạc, nhổ răng, trám răng.

- * Nhận làm Bác-Sĩ gia đình.
- * Nhận Medical - Medicare và bảo hiểm các loại.

**NHẬN TRẢ GÓP
KHÔNG TIỀN LỜI
Đặc Biệt Cho Quý Vị
H.O. và O.D.P**

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai tới Thứ Bảy:
10:00am đến 7:00pm
đau nhức khẩn cấp
không cần lấy hẹn trước.

PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN

CHU ĐÁO - TẬN TÂM - KỸ LƯỢNG



Wu's Import & Export Corporation

BỒ-ĐỀ Bookstore

BUDDHA STATUES - SUPPLIES - GIFTS
1629 S. Del Ma Ave., San Gabriel, CA 91776

Tel. (818) 280-2598

(Trong tiệm Wu's Rosewood Furniture),

Mở cửa 10am - 7pm * Làm việc 7 ngày trong tuần**

**TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO CHUYÊN PHÁT HÀNH PHẬT TƯỢNG,
KINH SÁCH, VÀ CÁC LOẠI TẶNG PHẨM, LỄ PHẨM PHẬT GIÁO.**

- Tượng Phật, Bồ-Tát khắc bằng đồng mạ vàng, ngọc thạch, đá quý, gỗ quý đàn hương, trầm hương do điêu khắc gia nổi tiếng ở Đài-Loai tạc.
- Chuối Bồ-Đề, Kim-Cang, Mã-Nã, Ngọc-Thạch, Huyền, Kim-Sa, Trần-Châu, Hồ-Phách, Bạch-Ngọc-Trai, Bồ-Đề Minh-Nguyệt, Dạ-Quang, Trầm-Hương v.v...
- Chuông mõ lớn đủ size, các loại Khánh dẫn lễ, Chuông đồng Nhật-Bốn.
- Tràng-Phang đủ size, nhang đèn cúng Phật, áo-tràng, áo Vạt-Khách màu lam, mền Đà-la-ni v.v...
- Có nhận làm đèn Dược-Sư, chuông Đại-Hồng-Chung, tượng Phật thờ theo yêu cầu của quý vị.
- Có hoa-hồng cài áo cho lễ Vu-Lan, Hoa Mai cho Tết và các loại hoa chung Tết.

Ngoài ra chúng tôi sẽ giữ đặc biệt cho quý Thầy, Sư Ông và quý Chùa.

*Tiệm sách Phật-Giáo Bồ-Đề rất hoan hỷ phục vụ cho tất cả những nhu cầu của quý
Đồng-hương và Phật-tử trên khắp thế giới.*

XIN LIÊN LẠC:

(Tiếng Việt) **CÔ A-PHÓN (818) 280-2598 ;**

(Tiếng Anh) **MR. WU (818) 280-7813 ; FAX. (818) 280-4752**



MUA BÁN VÀ TÀI TRỢ ĐỊA ỐC SONNY NGUYỄN

(714) 217-2470 PGR/VM
(714) 531-7777 EXT 212



SONNY NGUYEN, MS
REALTOR ®
Registered Representative
(Member NASD/SIPC)

FAST SALE - EASY BUY - FRIENDLY SERVICES

ERA® WORLD REAL ESTATE CENTER

15577 BROOKHURST STREET., WESTMINSTER, CA 92683

- Phục vụ quý vị khắp vùng Orange County và Phụ cận:
- Fountain Valley, Westminster, Garden Grove, Cypress, Huntington Beach, Cerritos, Irvine và Long Beach.
- Có list **NHÀ TỊCH THU (REO-PROPERTIES)** khắp vùng **SOUTHERN CALIFORNIA** với giá rẻ.
- Đặc biệt đại diện thân chủ (**gặp tình cảnh khó khăn**). Điều đình với nhà Bank cho những căn nhà giá trị thấp hơn nợ mình đang trả để bán nhà mà chủ nhà không trả lệ phí.
- (*Sonny is Certified by Consumer Protection Group in working with Lender in short Pay-off.*)

Hướng dẫn quý vị trong việc đầu tư.

- Địa ốc (Residential & Investment Property).
- Thị trường chứng khoán (Mutual Fund).
- Đặc biệt cho quý vị có cơ sở thương mại (Self Employed).
- Gây quỹ để: - Con em vào Đại-Học.
- Về hưu trí. (Retirement Fund).
- Trường hợp khẩn cấp (Emergency Fund).

VĂN PHÒNG CHUYÊN MÔN VỀ DỊCH VỤ DI TRÚ VÀ BẢO HIỂM



MAI BÙI
(714) 445-8855

Brookhurst St., Suite 112
Westminster, CA 92683
(Margo Ave)
418-0573
839-8384

DI TRÚ

Hơn 10 năm kinh nghiệm với các chương trình tỵ nạn Đồng Dương từng cứu xét các hồ sơ Immigrant tại JVA / Hồng Kông.

■ BUSINESS & STUDENT VISAS.

- Hoàn tất giấy tờ và thủ tục cho sinh viên sang du học tại Mỹ.
- Tổ chức các phái đoàn Thương-Mại Việt-Nam tham quan và nghiên cứu thị trường Hoa-Kỳ.
- Bảo lãnh cho vợ chồng không hôn thú bằng Fiance Visa.
- Chứng nhận độc thân công hàm ngoại giao.
- Có sự cộng tác của luật sư Việt-Nam để thủ tục được nhanh chóng.

Đại Diện Nhiều Hãng Bảo Hiểm Lớn

■ BẢO HIỂM SỨC KHỎE

Blue Cross, Blue Shields, Foundation Health

■ BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Với công-ty lớn và uy tín nhất nước Mỹ
Đầu tư **MUTUAL FUNDS** với phần lời cao

■ BẢO HIỂM TÀN TẬT

Được bồi thường khi không thể đi làm vì sức khỏe hay tai nạn.

■ BẢO HIỂM MỌI NGÀNH WORKER'S COMP.

■ BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI = BẢO HIỂM NHÀ CỬA.

Imperial Realty



Mr. Tony Toàn Bùi
Broker / Owner
PAGER (818) 420-4848

Công Ty Địa Ốc và Tài Trợ
tại

San Fernando Valley và Orange County

20201 Sherman Way, Ste. 106B
Canoga Park, CA 91306

Tel. (818) 700-1111

Fax. (818) 700-1517

15751 Brookhurst St., Ste. 112
Westminster, CA 92683

Tel. (714) 531-2921

Fax. (714) 839-8381

Đặc Biệt

- ❑ **Cần tiền gấp - mượn \$25,000 từ Home Equity trong vòng 2 tuần.**
- **Chuyên lo giải quyết với nhà Bank những căn nhà giá trị thấp hơn mình đang vay.**
- ❑ **Bán nhà đang bị tịch thu, nhà Bank đang làm chủ, giá dưới thị trường.**
- **Đã từng được sự tín nhiệm của quý thân chủ từ hơn 13 năm qua trong khắp vùng SAN FERNANDO VALLEY, SIMI VALLEY, THOUSAND OAKS, và phụ cận.**
- ❑ **Chỉ cần khoảng \$5,000 quý vị có thể làm chủ căn nhà. Tiền hàng tháng vẫn rẻ hơn mượn nhà.**
- **Đặc biệt chuyên giải quyết với LENDER những căn nhà giá trị thấp hơn so với nợ mình đang trả, hoặc bán nhà không trả lệ phí.**
- ❑ **Kinh nghiệm từ hơn 4 năm qua, thương lượng với LENDER trong các vấn đề mà hầu hết chúng ta đều gặp phải.**
- **Có list NHÀ TỊCH THU KHẮP SOUTHERN CALIFORNIA, không những chỉ hưởng giá hạ mà còn hưởng phân lời đang xuống.**

GẶP TONY TOÀN BÙI LÀ GIẢI QUYẾT ĐƯỢC HẾT MỌI SỰ KHÓ KHĂN CỦA QUÝ VỊ.

NEWPORT INSTITUTE OF COSMETIC SURGERY &

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 20 năm, từng giải phẫu trên 25,000 trường hợp.



Mrs. Phương Lan Nguyễn Gia Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ
P. GIAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S. ©

*Bà Phương Lan
Nguyễn Gia Quỳnh*

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ,
nhiều năm kinh nghiệm.

Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp
với khuôn mặt Á Đông.

**CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ
CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ
TRƯỚC KHI SỬA.**

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh
để bạn chọn lựa theo ý muốn.

**BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ
KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT
TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÈ.**

**MAU LẺ,
RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.**

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn
trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên
100% tự nhiên và sẽ không sợ
phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(Tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92600

TEL: (714) 759-0995 - Res. 898-6514

1-800-367-9671